



Người đi trong đêm tối, trong đêm thâu  
Trong đêm vắng, trong đêm sâu  
Trong đêm dài Việt Nam...  
**Dạ Hành**

## Chương Một

Không còn nghi ngờ gì nữa, vào đêm 28 tháng 4, 1975, cuộc ra đi của gia đình tôi cùng với những gia đình khác trong chuyến bay về hướng mặt trời mọc là một cuộc **dạ hành** dài. Bất cứ ai trong chuyến ra đi này cũng có thể nói rằng đây là đêm đen nhất, dài nhất của đời mình. Những phi vụ chở người tị nạn từ Saigon qua căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân rồi lại bay ngay đi đảo Guam hay đảo Wake, đó là những chuyến bay đêm. Đúng ra, vì sự khác nhau của thời khắc ở những vùng cách nhau vài kinh tuyến, đêm phải ngắn chứ? Vậy mà phi cơ bay hoài cũng chỉ gặp toàn đêm và đêm thôi. Mặt Trời đâu rồi? Đêm hôm nay không phải là đêm 12 tiếng đồng hồ, thời gian thực tại của đêm ngắn đi vài ba tiếng nhưng thời gian tâm lý thì dường như kéo dài dằng dặc...

Về sau, trong lúc trà dư tửu hậu, tôi có bạn bè đưa ra giả thuyết: các chuyến bay đêm của chúng tôi đều được dự tính từ trước. Những phi vụ chở người tị nạn Đông Dương vào Hoa Kỳ đều được tính toán để khi mặt trời lặn mới cất cánh hay hạ cánh. Đó là những chuyến bay kín đáo, không bay ngày mà chỉ bay đêm vì nhà chức trách sợ gây náo loạn trong dân chúng Mỹ, lúc đó vẫn còn bị ám ảnh nặng nề bởi hai chữ Việt Nam. Hơn nữa, để có thể chở được nhiều người hơn, có chuyến bay 300 ghế ngồi trong phi cơ được gỡ đi, "hành khách" -- trong đó có gia đình tôi -- phải dựa vào nhau, ngồi bệt trên sàn phi cơ (1). Người Mỹ sợ cảnh khổ tâm này có thể bị báo chí phanh phui rồi sẽ bị phê bình là đối xử tệ với người tị nạn chăng?

Trong đêm dạ hành đầu tiên của cuộc đời mới này, ngũ giác quan trong tôi như bị tê liệt cho nên hôm nay tôi không có nhiều kỷ niệm của đêm đó để cho vào Hồi Ký. Trái với sự xao xuyến trong lòng của những chuyến xuất ngoại trước kia, tôi không có một cảm giác nào khi máy bay đáp xuống căn cứ Clark ở Phi Luật Tân. Trong đêm tối được chiếu sáng bởi những đèn mù của trại không quân, không một tiếng động nào lọt vào tai tôi, dù dân tị nạn đổ bộ ào ào từ những con khủng long bằng sắt đen

ngòm và được tập trung thành đám đông, người nằm kẻ ngồi la liệt ngay trên sân bay, bên cạnh đồng hành lý cao ngang đầu người.

Sau khi các chuyến bay đáp xuống đầy đủ, chúng tôi được đưa tới nơi làm thủ tục nhập cảnh ở ngay trong căn cứ này. Cùng vợ con loạng quạng bước đi trong một phi cảng đã từng là nơi xuất hành của những phi vụ B52, tôi sợ nhất là phải nhìn thấy những máy bay đã làm cho nhiều vùng Việt Nam trở thành hoang địa, gây cái chết thảm khốc cho dân chúng. Nhưng tôi chỉ thấy những nhà kho rộng lớn, tối mù và rỗng tuếch : các máy bay chiến lược đó đã được đem ra khỏi những nhà chứa phi cơ (hangar) rồi.

Những người Mỹ phụ trách cuộc di dân khổng lồ này dẫn chúng tôi tới nơi được dùng làm Sở Quan Thuế lưu động của Hoa Kỳ. Các nhân viên xét hành lý (hình như là quân nhân được xung công) ở nơi này rất vui vẻ, không như những nhân viên hách dịch (phần nhiều là người Mỹ gốc Phi) của Sở Di Trú chúng tôi gặp khi vào đất liền để làm thủ tục chuyển từ qui chế **parole** (tạm dung) qua **resident** (thường trú) hay lập hồ sơ thi vào Mỹ tịch.

Ai cũng biết nhập cảnh vào Hoa Kỳ là một điều rất khó, vậy mà trong đêm nay, người tị nạn chúng tôi đi vào đất Mỹ thật là dễ dàng. Xếp hàng dọc, vác hành lý đi vào một dãy nhà tiền chế bằng tôn rất hẹp, vùn vụt đi qua một dãy bàn, rồi vừa ra khỏi khu nhà tôn này là coi như đã làm xong một nửa thủ tục nhập cảnh rồi. Lúc đó, tôi chưa coi việc sẽ trở thành công dân nước Mỹ là một niềm vui vì tôi đang gặm nhấm một bất hạnh lớn là phải bỏ nước ra đi trong niềm tủi nhục.

Đã gặp bất hạnh lớn, tôi lại gặp luôn bất hạnh nhỏ : sau khi ra khỏi nơi làm quan thuế, kiểm soát lại hành lý, gia đình tôi mất một va li đựng quần áo ấm, rất cần thiết khi tới sinh sống ở xứ lạnh. Tuy vậy tôi vẫn cho rằng trong cái rủi cũng có cái may, chiếc va li thứ hai đựng nhiều kỷ vật vô giá như ảnh cũ, băng nhạc cũ v.v... nếu bị thất lạc chắc sẽ làm tôi đau khổ vô cùng.

Xong thủ tục quan thuế, gia đình tôi cùng mọi người ngồi chờ cho đủ số "hành khách" để leo lên những chiếc phi cơ lớn, bay tới đảo Guam, nơi địa đầu của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Sau vài giờ bay đêm, chúng tôi tới đảo và được xe bus chở vào một trại lính mang tên Trại Anderson. Trại rất rộng, chứa được năm, sáu ngàn người là ít. Người tới trước được ở trong những chung cư bằng gỗ, người tới sau phải ở trong những lều lính. Ở trong nhà hay ở trong lều thì cũng chỉ vài ngày sau là được bốc vào lục địa Mỹ ngay, nhường chỗ cho những đợt người tị nạn sắp tới bằng những chiến hạm đang trôi trên biển cả. Ngoài trại Anderson ở Guam, Hoa Kỳ còn một trại lính nữa trên đảo Wake để đón người tị nạn. Trong đợt tị nạn vào tháng 4 năm 75 này, tổng số hơn 100.000 người đã đi qua các trại không quân tạm trú ở Guam và ở Wake.

Tới Guam ngày 29, ngày 30 là ngày đầu tiên tôi được nghỉ ngơi sau hơn 20 giờ đồng hồ không ngủ. Tại trại Anderson này, người tị nạn sống chung với nhau trên sàn gỗ của những chung cư hai tầng đã từng là phòng ngủ của lính không quân Mỹ. Giường ngủ được gỡ đi để có rộng chỗ cho chúng tôi ở tạm. Giang sơn của gia đình tôi là vài ba thước vuông trong một góc phòng. Cũng như nơi tôi nằm chơi trong bót Catinat

ngày xưa ngày xưa, nơi tôi tạm trú bây giờ ở ngay cạnh phòng vệ sinh. Thế là tôi vẫn còn bị bắt hạnh đuổi theo đấy nhé ! May mà cầu tiêu của lính Mỹ không hôi thối như cầu tiêu của tù trong bốt Catinat. Trong phòng có vài chục gia đình đông con và vài chục người độc thân, chia nhau chỗ nằm trên sàn gỗ. Lạ lùng thật ! Cùng chung sống với nhau trong dăm bảy ngày mà không xảy ra một vụ cãi lộn nào cả ! Dù cũng có một anh thanh niên tóc ngắn được cử làm trưởng ban quét rác ra về lộng quyền khiến cho Thái Hiền ghét ra mặt, con gái tôi xưa nay không quen bị ai sai bảo cả...

Trước mặt gia đình tôi là gia đình người vợ góa của một người bạn thời 1944-45, Đỗ Bá Phúc, thất lộc từ lâu. Phúc là cựu sinh viên trường Mỹ Thuật, khi lấy vợ thì không làm điều khắc gia mà trở thành chủ nhân của một tiệm mua bán kim cương ở đường Tự Do, nơi đây tôi và Tôn Thất Niệm (lúc còn là sinh viên) thường gặp nhau để ca hát. Chị Phúc và tôi chỉ gật đầu chào nhau bởi vì từ ngày bạn Phúc qua đời, tôi không còn gặp chị nữa. Tôi còn gặp trong phòng này vài ba người quen khác nhưng chúng tôi đều tránh không nhìn thẳng mặt nhau.

Ngày hôm nay cũng là ngày Saigon vừa được Bắc quân gọi là giải phóng. Giờ lịch sử đã điếm. Một ông nằm cạnh tôi đang dò đài Saigon với cái máy radio nhỏ tí. Mọi người trong phòng lặng lẽ kéo tới, khi nghe thấy có chương trình phát thanh về cuộc thắng của Bắc quân và cái thua của Cộng Hoà Việt Nam. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng ! Chẳng nhẽ nằm đó và bịt tai lại, tôi vùng dậy, xuống thang ra khỏi chung cư.

Bây giờ tôi mới ý thức rằng Guam là một hòn đảo. Tôi lưỡng thững bước ra bãi biển. Đứng trước cảnh trùng dương bát ngát, lòng tôi rất im lặng, đứng đưng. Tôi thấy tôi không còn một chút rung động nào nữa trước cảnh biển cả mông mênh như những ngày trước đây. Tôi không còn là tôi nữa rồi ! Quay lưng lại biển, tôi lặng lẽ bước về chung cư.

Đi qua phòng thông tin của trại, bỗng nghe từ các loa lớn phóng ra tiếng nói của một nữ xướng ngôn viên:

*--Tổng Thống Dương Văn Minh kêu gọi binh sĩ Cộng Hoà buông súng đầu hàng...*

Một rừng người tị nạn đang ồn ào trên sân cỏ, bỗng đứng không ai bảo ai, tất cả ngưng hoạt động, đứng im để nghe tiếng nói của nữ xướng ngôn viên Kim Vui. Cô này là ca sĩ, bỏ nghề hát từ lâu để theo chồng qua Mỹ, nay làm việc cho ban phát thanh của trại tị nạn khi trại được thành lập từ đầu tháng Tư. Nhiều người quen biết như Lê Quỳnh, Lâm Quang... cũng xung phong làm việc trong văn phòng.

Trong suốt tháng Tư này, kẻ trước người sau bỏ nước ra đi nhưng Saigon và vùng Hậu Giang hãy còn, nay nghe tin Việt Nam đã hoàn toàn rơi vào tay Cộng Sản, mặt ai cũng xa xăm, mắt ai cũng rớm lệ, đầu ai cũng cúi gằm. Khi cô Kim Vui đọc xong bản tin và bản thông cáo, mọi người lùi thối bước đi trong sự lặng lẽ tột độ. Người mình xưa nay vốn rất ồn ào vì thích nói nhiều, nói to. Chưa bao giờ tôi thấy hình ảnh lạ lùng là một đám rất đông người Việt đi đi lại lại mà không có một tiếng động nào cả. Trông chẳng khác chi những bóng ma trong một khúc dạ hành...

Tôi lại càng buồn rầu hơn nữa, rảo bước về chung cư, ngồi bệt xuống sàn gỗ. Mọi người vẫn vây quanh cái radio để nghe những tin tức liên quan tới ngày Bắc Quân tiến vào Saigon. Trong radio bỗng có tiếng Trịnh Công Sơn hát bài **Nổi Vòng Tay Lớn** với giọng hát thật thanh và với tiếng đệm đàn guitare (rất là sai dây). Tôi chạnh lòng nghĩ tới thân phận mình, nếu bị kẹt lại... Liệu mình có phải hành động như thế

không ? Chưa kịp nghe hết bài hát, chủ nhân cái radio chửi thề rồi tắt máy, mọi người giải tán trong ngao ngán.

Nghe tin Saigon đã mất, nhưng tôi vẫn hi vọng bốn con trai Quang, Minh, Hùng, Cường có thể đi thoát vào giờ phút cuối cùng. Chúng xưa nay là những thanh niên khá nhanh nhẹn. Chúng cũng đã có anh chàng CIA Ed Jones đảm trách việc ra đi rồi mà ! Hơn nữa, vào ngày 28 vừa qua, khi nửa gia đình tôi và vợ Minh Phúc là ca sĩ Minh Xuân (2) tới địa điểm bốc người đi Mỹ ở đường Kỳ Đồng, vợ con của Lê Quý Biên (người mua lại căn nhà của tôi rồi trở thành quen biết) cũng được tôi cho đi theo và cũng được Mỹ bốc đi dù không có tên trong giấy giới thiệu của Sứ Quán Mỹ. Trước khi đi, vì đã -- coi như -- giúp đường đi trốn cho người thân của Biên và Minh Phúc, tôi dặn dò họ phải gánh vác việc ra đi của các con tôi. Cho chúng biết là đừng nên quá trông cậy vào Ed Jones. Bây giờ trong số gần một chục vạn người đang lục tục kéo vào đảo Guam hay đảo Wake trên những chuyến bay cuối cùng và trên những chiến hạm, tôi hi vọng các con tôi cũng có mặt trong đám đông đó cùng với Lê Quý Biên và Minh Phúc.

Người tị nạn tới Guam càng ngày càng đông. Mỗi khi có xe bus chở người từ phi cảng tới trại, ai cũng đổ xô ra cổng tìm người thân thích. — trong trại, đi tìm thân nhân trong số năm, sáu ngàn người thật là khó. Chúng tôi gặp Mai Hương, nữ ca sĩ và là cháu ruột vợ tôi, cùng chồng con xếp hàng đi ăn cơm. Chúng tôi cũng chỉ ngán ngẫm nhìn nhau và nói với nhau vài ba câu thăm hỏi. Khi được biết văn phòng ban giám đốc trại cho phép người tị nạn gọi nhau qua hệ thống loa, tôi tìm đến cô Kim Vui, nhờ cô ta phóng thanh lời vợ chồng tôi gọi các con. Trong những lời nhắn gọi thân nhân của hàng ngàn người khác, tôi nghe tiếng Lê Quỳnh gọi tên Thái Thanh và tên các con. Như vậy là Thái Thanh chưa đi thoát. Tuy đang sốt ruột vì các con, vợ chồng tôi cũng thấy lo lắng cho số phận cô em.

Tới ngày mùng 2 tháng 5, tôi xuống văn phòng để lục coi bằng danh sách người tị nạn luôn luôn được cập nhật hoá thì thấy tên Minh Phúc.

*--Trời ơi, nó đã tới được đảo Wake rồi...*

Tôi vội vàng xin phép nhân viên văn phòng cho tôi gọi phone cho Minh Phúc. Khi có Phúc ở đầu giây, tôi rụng rời tay chân ! Vào giờ phút cuối cùng của Saigon, sau khi bị Ed Jones bỏ rơi, bốn con tôi cùng Minh Phúc chạy tới Toà Đại Sứ Mỹ nhưng chỉ có một mình Minh Phúc lọt qua hàng rào lính Mỹ và được bốc đi.

Tôi ôm mặt chạy về chung cư. Chữ nghĩa trên thế gian này không đủ để diễn tả một phần nghìn nỗi đau của những người lâm vào hoàn cảnh như tôi, hôm nay. Tôi lao mình vào giường ngủ, gục mặt vào đồng chăn, khóc rống như chưa bao giờ khóc như vậy. Không cần đối thoại, vợ tôi biết các con bị kẹt lại rồi. Dù cũng buồn khổ như tôi, nhưng vợ tôi vốn là người kín đáo, ít khi biểu lộ tình cảm một cách mạnh mẽ như tôi. Tôi vẫn cho rằng trong những năm tháng buồn rầu vì xa bốn đứa con, tôi không ngã quỵ xuống vì không bao giờ vợ tôi làm tăng thống khổ của tôi lên. Đúng thế, trong những năm xa con, nếu người mẹ này suốt ngày ngồi khóc thảm, oán trời, oán đất, oán chồng thì tôi phải chết từ lâu.

Như kẻ đang sắp chết đuối cố níu vào mảnh gỗ mục, khi tới phiên gia đình tôi phải vào lục địa, tôi xin với ban giám đốc trại Anderson cho tôi ở Guam thêm ít ngày nữa. Tôi vẫn nuôi hi vọng các con tôi tìm ra lối đi, khi nghe tin đồng bào vẫn tiếp tục ra khơi sau ngày mất Saigon vì Cộng Sản chưa nắm hết được các cửa khẩu. Trại

Anderson cần chỗ cho những đợt người đang tới, gia đình tôi được cho ra ở Hotel Tokyo nằm trong thành phố. Hơn một chục gia đình đã ở trong hotel này, trong đó có gia đình bà thông gia và vài người quen. Dù trong hotel có nhiều tiện nghi như hồ tắm, tivi, phòng bida... nhưng chỉ có các con nhỏ của tôi vô tư tung tăng chạy lui chạy tới cùng lũ trẻ khác. Hơn một tuần lễ, tôi ngồi ủ rũ hay nằm vật vã ở trong phòng, vợ con lĩnh thực phẩm về, nhưng tôi ăn không thấy ngon, rồi tôi ngủ không thấy yên. Tôi nằm im một chỗ như một kẻ đã gục ngã và không còn sức để ngóc đầu lên nữa. Thấy tôi buồn rầu, vài người quen lân la tới nói chuyện. Họ cũng đang ở trong tình trạng đi tìm hay chờ đợi người thân thích như tôi. Ai cũng đem chuyện số phận ra để an ủi nhau. Kể cho nhau nghe những chuyện may rủi:

-- Một gia đình kia vào được Tân Sơn Nhất, đã ngồi trên hàng ghế đợi chuyến bay rồi nhưng vào lúc cuối cùng hai con nhỏ ngồi hàng ghế trên được bốc đi, cha mẹ ngồi hàng ghế sau bị kẹt lại...

-- Một gia đình nọ biết tin có chuyến tàu đang sửa soạn nhổ neo. Các con đi chơi vắng, cha mẹ đành ôm hai bị quần áo chạy ra bến tàu. Bỗng dưng các con cũng từ đâu chạy tới, cùng xuống tàu với cha mẹ...

-- Một bà đang bán bánh giò trong chiếc tàu đóng neo ở Khánh Hội, chưa kịp lên bến trở về nhà thì tàu ra sông và ra biển luôn, bà ta trở thành người di tản bất đắc dĩ...

Nhưng than ôi, những chuyện vừa kể, đi kèm với lời bàn về thuyết định mạng :

--*Con người ta, giàu hay nghèo, thành công hay thất bại là có số cả đấy, ông à !*  
... không đủ vực tôi lên từ một chán nản vô biên, kéo tôi ra từ một thất vọng cùng cực. Kể cả vợ tôi cũng an ủi chồng (và tự an ủi mình) :

-- *Năm nay là năm xung của em, 49 chưa qua 53 đã tới, phải có các con gánh hộ đại nạn cho mình.*

Kể từ lúc bỏ nhà ra đi và biết đủ mùi đời, tới bây giờ tôi mới biết rõ mùi đắng cay, xót xa, chua chát, nẫu nề. Quá nửa đời mình, cũng như mọi người mà thôi, tôi đã gặp ít nhiều đen đui, mất mát. Trong chuyến ra đi bất hạnh này (mất nước là một bất hạnh có thể chia sẻ với mọi người), tôi gặp thêm hai cái sui sẻo như mất va ly và nằm cạnh cái chõ. Tôi thừa sức để chịu đựng những chuyện đó vì vào lúc Bắc Quân tấn công Saigon, tôi tưởng bị kẹt lại rồi, một là bị sát hại, hai là đi tù một gông, ba là trở thành kẻ hàng thần lơ láo thì, a ha, tôi đã tới đảo Guam, tôi đã chạy thoát...

Nhưng với sự kẹt lại của bốn đứa con, tôi không chống cự nổi một đại nạn đang giáng xuống đầu tôi. Bất hạnh này, tôi không thể chia sẻ với ai, ngoài vợ. Tôi chôn ngay tôi vào ý nghĩ đau đớn là sẽ không bao giờ gặp lại các con. Tôi chìm tôi vào ân hận day dứt là tại sao không dắt các con cùng đi với mình vào ngày 28 ? Tôi đẩy tôi vào cảm giận buồn phiền Minh Phúc và Lê Quý Biên tôi cậy nhờ giúp các con tôi ra khỏi Saigon. Tôi sẽ phải mất một thời gian khá lâu rồi những thống khổ này mới nguôi ngoai dần. Sự thống khổ vào lúc này còn giầy vò tôi đến độ tôi muốn trở về Việt Nam ngay lập tức. Hay là nhảy ngay xuống biển tự tử cho rồi...

... Cho tới lúc tôi chợt tỉnh ngộ, nhìn ra người vợ hiền lành và biết chịu đựng, suốt đời trông cậy vào tôi, nhìn ra mấy đứa con thơ dại với tương lai có thể sáng sủa của chúng, tôi nghiêng rặng lại, quyết định xua bỏ những ý nghĩ tiêu cực đi. Tôi sẽ vào đất liền ngay. Bàn với vợ con, rồi tôi lên văn phòng xin đi tạm cư ở trại Eglin nằm trong tiểu bang Florida.

Để có nơi tạm trú cho hơn 100,000 người tị nạn Đông Dương, Hoa Kỳ thiết lập bốn trại, tất cả đều là trại lính : Trại Pendleton ở miền cực Tây (California), trại Fort Chaffee ở miền trung bộ (Arkansas) hai trại Indiantown Gap và Eglin ở miền cực Đông (Pennsylvania, Florida).

Tôi chọn đi trại Eglin vì tôi muốn ở một nơi nào càng xa quê hương bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Gia đình bà thông gia, vợ chồng Minh Phúc, Minh Xuân, vì chưa biết mặt ngang mũi dọc của nước Hoa Kỳ này ra sao, thấy tôi chọn đi trại Eglin thì cũng đi theo tôi luôn.

Ngày 15 tháng 5, cùng với một số đồng đồng bào tị nạn, gia đình tôi rời trại Anderson ở đảo Guam, leo lên phi cơ bay về hướng Đông. Chúng tôi lại như là bay đi tìm kiếm mặt trời.

---

(1) Đó không phải là tình trạng chung. Có nhiều người tị nạn tốt số hơn chúng tôi, khi bay vào đất Mỹ, được ngồi bành chèo trong những phi cơ thương mại lộng lẫy.

(2) Đêm 28-4, khi người bạn ở Sứ Quán Mỹ gọi phone để cứu nguy cho tôi thì vợ chồng Minh Phúc đang ở nhà tôi. Tôi chỉ được phép ghi tên đàn bà, con nít, người già và ghi luôn tên Minh Xuân vào danh sách.

*Như bông bay qua miền Louisiana*

*Như cam đông đưa miền Florida...*

**Hát Trên Đường Tạm Dưng**

## Chương Hai

Tôi chọn đi Florida thì dù tàu bay hạ cánh xuống phi cảng quân sự ở gần trại tị nạn Eglin vào giữa đêm khuya, tôi cũng gặp ngay mặt trời rồi. Ngẫu nhiên, hôm nay chúng tôi tới tạm cư ở một nơi đã được người Mỹ gọi là **tiểu bang nắng** (Sunshine State), dù về sau, khi "mu" (move) về miền California, tôi thấy nắng ở **tiểu bang vàng** (Golden State) (1) này mới đáng gọi là nắng.

Trại Eglin, với hàng trăm lều vải nằm giữa một khu rừng thấp, là nơi tạm trú của dăm bảy ngàn người tị nạn Đông Dương. Đây đó có dựng thêm những căn nhà gỗ nhỏ dùng làm phòng hành chánh, phòng khám sức khoẻ, bếp và phòng ăn, lớp học và phòng chơi của con nít v.v... Giải quyết vấn đề tiêu hoá của vài ngàn cái dạ dày là những cầu tiêu cá nhân đặt ở nhiều nơi.

Gia đình tôi ở chung lều với gia đình bà thông gia, vợ chồng Minh Phúc và mấy gia đình khác. Mỗi người có một cái giường vải nhà binh để ngồi chơi hay nằm ngủ. Lều dựng giữa khu rừng đất cát, mái vải không ngăn được mặt trời hay sương đêm nên ban ngày chúng tôi bị nóng đỏ mồ hôi, ban đêm lạnh buốt xương sống.

Trong những ngày đầu tiên ở trại, cũng như mọi người, gia đình tôi phải suốt ngày xếp hàng đi khám sức khỏe (khám phá ra vi trùng bệnh lao đã tái sinh trong tôi), xếp hàng đi làm giấy tờ căn cước (giấy **ai nai ti fo = I-94**), xếp hàng đi lĩnh quần áo, xếp hàng đi ăn sáng, ăn chiều... Người Việt Nam xưa nay là vua giành chỗ, bây giờ ở nhà hay chạy ra ngoại quốc cũng đều khởi sự đi vào lối sống xếp hàng cả ngày rồi. Tôi bận lùa lũ con nhỏ vào đội ngũ xếp hàng nên tạm quên được nỗi buồn.

Đêm về là lúc tôi chịu cực hình. Một nỗi buồn khổng lồ xâm chiếm tôi, buồn này không có tên vì là nhiều nỗi buồn chồng chất lên nhau. Buồn nhất là bốn con bị kẹt lại. Thêm sự buồn tủi của kẻ bị xua đuổi, phải chạy trốn. Buồn vì bỗng thấy cuộc đời chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Còn có thêm một buồn lo cho tương lai. Làm gì để sống? Đi hát để nuôi thân à? Hát cái gì? Hát cho ai nghe đây? Còn đâu hứng khởi để hát nữa? Và nếu không đi hát, 55 tuổi rồi, tôi đâu còn thời gian và sức khỏe để học hay làm nghề khác ???

Không ngủ được, vén lều nhìn ra ngoài, tôi thấy đêm rừng tị nạn Florida 1975 không giống đêm rừng kháng chiến Đất Đỏ 1945. Khi xưa, ánh trăng đỏ như máu làm rạo rức lòng tôi. Bây giờ, ánh trăng xanh nhạt nhợt làm cho nỗi buồn của tôi càng thêm tê tái... Sự buồn tủi còn tăng thêm khi tôi chứng kiến, vào cuối tuần, cảnh người Mỹ rầm rập vào trại ra trại để bảo lãnh người tị nạn vì lòng nhân đạo hay tới trại để nhìn người Á Đông vì tính tò mò. Vấn đề tị nạn Đông Dương đang nóng bỏng, phóng viên báo chí, truyền hình tới tấp vào trại làm phóng sự. Tôi được phỏng vấn và thốt ra một câu buồn bã :

-- *Tôi sinh ra để hát về nước tôi ! Nước tôi đâu rồi ?*

Một số lớn báo trong toàn quốc đăng ảnh tôi ngồi trước lều tị nạn với bộ mặt thảm thiết, hai tay ôm đàn guitar (của Minh Phúc cho mượn) với bài báo rất lâm ly mang những tit lớn : **I Sing About My Country, Where's My Country Now ?, Folksinger Has No Country, Vietnamese Singer Laments Loss...**

Cũng nhờ những bài báo này, khi xuất trại và tới ở nhà sponsor (người bảo lãnh), vợ chồng tôi và Thái Hiền được mời lên New York để ra mắt trong chương trình truyền hình TOMORROW của Tom Snyder (2).

Sau vài ngày hoàn tất các vấn đề khám sức khỏe, chụp ảnh, lăn dấu tay để làm hồ sơ nhập cảnh, một ngày dài như thiên thu của tôi là buổi sáng xếp hàng đi tắm rồi đi ăn. Buổi trưa xếp hàng đi lĩnh chăn hay lĩnh quần áo **nhà thờ** (3). Buổi chiều lại xếp hàng đi ăn, rồi có khi ra ngồi trên bãi cỏ coi ciné ngoài trời hay nghe ban nhạc của học sinh High School trong thành phố Fort Walton Beach (cách xa trại 17 cây số) tới biểu diễn. Ông giáo sư âm nhạc của trường này đọc báo nên biết tôi là nhạc sĩ bèn tới lều xin tôi chép cho bài **The Rain On The Leaves** để ban nhạc học sinh trình bày. Đưa bài hát cho ông ta, tôi cũng chẳng thấy thích thú gì...

Tại nơi giải trí chung này, nhìn những đôi uyên ương ôm nhau coi phim tình hay thấy những gia đình có đầy đủ vợ chồng con cái ngồi quần quýt bên nhau nghe nhạc Mỹ... tôi tủi thân vô cùng.

Đối với nhiều người, quả rằng đời sống trong trại Eglin rất là vui. Ít khi hàng ngàn người Việt sống chung với nhau một cách vô tư như thế này. Họ không phải làm gì, được nuôi ăn, được khám và chữa bệnh, được giải trí. Nhưng đối với tôi, những ngày này thật là vô vị. Với những người cũng trong hoàn cảnh ly tán như gia đình tôi, chắc cũng vậy thôi !

Gặp nhạc sĩ Vũ Thành, mặt mày ủ rũ vì con gái và chàng rể bị kẹt lại ở Việt Nam, chúng tôi không còn nói những chuyện vui đùa thấp lè tè hay những chuyện nghệ thuật cao siêu như những ngày gặp nhau trên Đài Phát Thanh Saigon nữa. Chúng tôi nở ra những nụ cười méo máo mỗi khi gặp nhau trong hàng ngũ đi ăn. Một buổi chiều, cùng Vũ Thành âm thầm đứng trong đám đông nghe ban nhạc học sinh tới trở tài và an ủi dân tị nạn, chỉ một lát sau, nhạc sĩ hàng đầu của Việt Nam bỏ về lều, thốt ra lời cay đắng :

*-- Suốt đời mình, không bao giờ có trong tay một ban nhạc với đầy đủ nhạc cụ như lũ nhỏ nhất con học sinh tỉnh nhỏ kia !*

Gặp ông chủ đất của căn nhà Phú Nhuận tôi mua lại năm xưa, thất thểu đi một mình trong trại vì chỉ có đủ số vàng để mua một chỗ trên chiếc thuyền đánh cá ở Phước Hải... Tôi cũng gặp những người quen khác như cựu chuẩn tướng Phan Hoà Hiệp (anh của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam) thường chơi bàn bi điện với tôi ở nhà hàng La Pagode ngày nào. Gặp một người có dính líu tới chính biến 1963 mà tôi cũng không tò mò hỏi chuyện đi bắt Tổng Thống và về cái chết của ông Diệm, ông Nhu... Gặp anh bạn cũ Đỗ Xuân Hợp, chúng tôi chỉ ngượng ngùng nhìn nhau chứ không còn chuyện nỏ như pháo ran nữa...

Có một số người không lâm vào hoàn cảnh gia đình ly tán như tôi hay Vũ Thành mà vẫn phải nhìn người đồng trại với cặp mắt không được tự nhiên. Đó là những quan to hay xếp lớn, khi còn tại chức, thét ra lửa mưa ra khói, nay qua tới trại, gặp người cấp dưới thì họ rụt rè, e ngại. Đời sống trong trại quá nhàn rỗi, mọi người hay tụ tập ở phòng ăn để bàn bạc về thời thế, lính trơn nay ngồi chung với Tưướng Tá, không khỏi có ít nhiều mặc cảm ở đôi bên. Tôi không được chứng kiến nhiều cảnh ân oán giang hồ ngoài chuyện một ông Cảnh Sát Trưởng vừa ngu vừa hách xì xằng nên bị ăn đòn tôi sẽ kể trong đoạn sau.

Những ngày ở trong trại Eglin này, tôi còn bị cắt đứt hẳn với thế giới bên ngoài. Tôi không có người thân thích hay người quen biết ở Hợp Chúng Quốc để ra phòng điện thoại gọi **collect** (người nghe trả tiền) cho ai cả. Lại càng không thể nào gửi thư hay nhận thư của các con... Tuy nhiên, sống trong cơn đau khổ mù loà, tôi vẫn còn minh mẫn để thấy vài điều mới lạ đối với những ai vừa đi ra từ một quốc gia bị điên đảo, băng hoại trong chiến tranh và hận thù, qua vài ba chuyện ở đây...

Trại tị nạn vẫn còn chuyện tìm thân nhân qua hệ thống loa. Một hôm, với giọng nói hách dịch, một cựu Cảnh Sát trưởng nhắn tin qua hệ thống loa:

*-- A lô a lô, tôi là Trung Tá Cảnh Sát ở Quận X trước đây, hiện đang ở lều số Z, nhắn tin cùng thân nhân là Y.*



Chắc ông này lúc còn tại chức đã gây nhiều tội ác nên trong đám dân tị nạn có một số người cựu dân đen ở quận cũ vác gậy tới hỏi thăm sức khỏe. Vừa mới được ăn tí đòn thù thì MP (Military Police) Mỹ xông tới bảo vệ, không phải vì nhà nước Hoa Kỳ chủ trương che chở tội ác mà vì ở một xã hội văn minh không ai có thể làm gì mà không qua luật pháp.

Tiền nông cũng được bảo vệ như sinh mạng. Những người mang theo vàng bạc, kim cương hay tiền dollar dù đó là tiền tham nhũng, nếu khai với nhà chức trách thì được xe hộ tống đưa ra thành phố để gửi vào nhà băng. Một chủ gia đình ngư phủ mang theo khoảng gần trăm ngàn đôn (tiền chớ người ra khơi), vốn là gốc bình dân ngay thẳng (hay nhất gan) nên khai báo ngay. Các vua tham nhũng của chúng ta kín đáo hơn, đóng kịch rất giỏi. Vậy mà ông Trời có mắt (dù nhiều khi ông bắt công vì ông mắc bệnh cận thị) nên có chuyện của thiên trả địa là bà vợ của một ông Đại Tá (nổi tiếng tham nhũng) ở cạnh lều tôi, sau khi xếp hàng đi ăn cơm trở về thì mấy chục lạng vàng giấu rất kỹ đã không cánh mà bay đi rồi !

Nói thêm về chuyện tiền bạc thì có một số người mang theo được khá nhiều tiền Việt, nghĩ rằng tiền này hết giá trị nên đốt đi. Ai dè vài ngày sau, xe hơi bọc sắt (nhà băng lưu động) lù lù tiến vào trại. Thì ra người tị nạn được phép đổi tiền Việt Nam ra dollar Mỹ. Đó, thấy không, ở nước Cờ Hoa này, đồng tiền, con người rất được tôn trọng. Kể cả súc vật nữa... Điều này rồi sẽ gây nên nhiều rắc rối cho những người Đông Dương được gọi là **di tản buồn** nhưng chưa bỏ được tính ghiền thịt chó.

Không phải tới bây giờ Hoa Kỳ mới có vấn đề di dân khẩn cấp như thế này. Trong dĩ vãng đã có những trường hợp người Đông Âu, người Cuba đi tị nạn Cộng Sản ở Hoa Kỳ. Nhưng trước kia, những hội đoàn (tôn giáo) hay tư nhân đứng ra tổ chức việc đón nhận, nuôi dưỡng, hướng dẫn người tị nạn. Bây giờ, để giải quyết vấn đề di dân của hơn 100,000 người, chính phủ thành lập hẳn một Lực Lượng Đặc Nhiệm (Task Force) với Bà Giám Đốc là Julia Taft, con gái một Thượng Nghị Sĩ nổi danh, tổ chức này nằm trong Bộ Y Tế-Giáo Dục-Xã Hội (Health-Education-Welfare, viết tắt là HEW). Do đó, việc đón nhận người tị nạn Đông Dương vào đất Mỹ rất có quy củ. Việc nuôi dưỡng, nhất là việc hướng dẫn người tị nạn hội nhập vào xã hội Mỹ được khởi sự từ khi chúng tôi còn ở trong trại. Một đồng xu không dính túi mà chúng tôi được khuyến khích đi dự lớp học dạy lái xe ! Tưởng là vô ích, nên có người không thèm đi học. Ra khỏi trại mới thấy ở nước Mỹ không có xe hơi coi như què cẳng. Họ phải lập tức học lái xe ngay.

Hướng dẫn người Đông Dương hội nhập nhanh chóng vào đời sống Mỹ quốc không gì hơn là cho ở chung với người Mỹ. Do đó có giải pháp bảo lãnh (sponsor). Sống trong nhà của người Mỹ là học hỏi từng giờ từng phút công việc hằng ngày, như cách xử dụng bếp gas hay bếp điện, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh. Rồi tới việc đi chợ rồi dùng giấy gói thực phẩm làm gói đựng rác, đi ra Bưu Điện, đi vào ngân hàng, đi xin học cho con cái. Đó là chưa kể học về lưu thông trong thành phố hay ngoài xa lộ. Lẽ dĩ nhiên đó là cách hướng dẫn người Đông Dương thuộc giới bình dân, đối với những người sống suốt đời ở Saigon, thành thật mà nói, chúng tôi tới ở với sponsor thì dạy cho người Mỹ nhiều điều, chuyện này sẽ nói trong chương sau.

Sau hơn mười ngày ở trong trại, khi có vợ chồng cựu Trung Tá Không Quân là Jon và Joyce Carle (đã từng ở Việt Nam vài ba năm và quen biết tôi qua mấy người bạn chung) tới thăm và ngỏ ý mời về ở gia đình họ trong thành phố Fort Walton Beach thì

tôi nhận lời ngay. Chúng tôi đã quá ngán cuộc sống nửa vời ở trong lều vải của trại Eglin này rồi...

Một buổi sáng tháng năm, chia tay với Minh Xuân, Minh Phúc, Vũ Thành và vài người quen, gia đình họ Phạm gồm hai vợ chồng và một nửa trong số con cái lên xe camion đi vào thực tế Hoa Kỳ. Gia đình bà thông gia cũng theo chân chúng tôi vào sống trong thành phố bờ biển nhỏ bé này.

---

(1) Tiểu bang này là nơi người Mỹ trong thế kỷ trước đổ xô về để tìm vàng.

(2) Buổi phát hình này khiến cho một thiếu phụ Mỹ ở Wisconsin cảm động và gửi tặng gia đình tôi 200\$.

(3) Nhà thờ quyên quần áo, chăn nệm của người Mỹ để phát cho dân tị nạn.

*Thân tôi đây Bắc Việt là đầu  
Nơi sinh trí óc của Rồng Tiên...*  
**NGUYỄN VỆ HINH HẢI**

## Chương Ba

Từ Guam vào đất liền, tôi chọn đi Florida vì tôi muốn sống ẩn dật tại một nơi thật xa quê hương. Bây giờ nhìn vào bản đồ tôi đột nhiên thấy tiểu bang này có hình hài hơi giống nước Việt Nam. Cũng là dải đất hao hao hình chữ S nằm ven biển rộng. Thế là muốn đi thật xa để có thể quên được quê hương thì quê hương lại lù lù hiện ra. Quê hương thiêng liêng thật !

Người Mỹ đặt thêm cho Florida danh hiệu tiểu bang của mặt trời là đúng vì miền Đông Nam Hoa Kỳ này có nhiều nắng ấm. Vào mùa Đông, ở các tiểu bang phía Bắc, ai cũng bị cái lạnh hành hạ thì ở đây thời tiết vẫn nóng như trong mùa hè. Người già chọn về ở vùng này vì ngoài cái nóng ra, giá sinh hoạt nơi đây rẻ hơn nơi khác. Căn nhà 100,000 US\$ ở Cali, ở đây chỉ đáng giá 30,000. Tiểu bang này ấm áp, êm ả, dễ sống đấy nhưng Florida cũng là nơi có những cơn bão lớn từ biển tràn vào, phá nát nhà cửa, đường xá, mùa màng... sự thiệt hại có khi lên tới hàng trăm triệu đô la.

Fort Walton Beach ở phía Tây Bắc của tiểu bang là một thành phố của người già. Dù Florida có Disneyworld quanh năm nhộn nhịp, hàng tháng thu hút hàng triệu du khách, nhưng nơi thần tiên này ở rất xa Fort Walton Beach (1).

Tôi đang sống với một nỗi buồn lớn, muốn trốn tránh cuộc đời nên từ trại Eglin ra tạm cư ở nơi buồn hiu này là rất hợp cảnh. Thị trấn là vài dãy phố nằm dài ven biển, có hàng dừa lùn, có bãi cát trắng, có cồn cát cao, có biển xanh nhạt... kể ra cũng đẹp đấy nhưng làm sao đẹp bằng Nha Trang của tôi được ? Trong những ngày tháng ở đây, tôi ít khi ra biển và ra phố nên chỉ có một hình ảnh duy nhất của thị trấn in sâu vào óc tôi, đó là nhà Bưu Điện, nơi tôi đi gửi thư về Việt Nam cho các con. Và

cũng chỉ có một người tình mà ngày ngày tôi mong đợi, đó là người đưa thư vào mỗi buổi sáng.

Gia đình họ Carle ở con đường mang tên một tiểu bang khác : Nebraska Avenue. Nhà Mỹ thường chỉ có ba phòng ngủ, cụu trung tá Jon và vợ là Joyce với con gái Kelly đã chiếm hai phòng rồi. Bốn con trai của gia đình Carle (được đặt tên theo vần K, cũng như tên con gái út) là Kit, Kriss, Kurt, Klay đã thoát ly gia đình từ lâu. Hiền, Thảo ở một phòng, Đức, Hạnh ở chung phòng Kelly, còn vợ chồng tôi, a lê, xuống **garage**.

Jon và Joyce Carle thuộc giới trung lưu Mỹ, rất yêu nước nên ghét Cộng Sản, rất bảo thủ nên chỉ bỏ phiếu cho Đảng Cộng Hoà.

Chồng từng là phi công riêng của Tướng Westmoreland nhưng uống nhiều rượu quá nên đau tim và được cho về hưu non. Vợ là cụu giáo viên, lấy chồng rồi thôi việc, thành bà nội trợ.

Cũng như mọi người Mỹ khác, họ rất ngây thơ, rất lạc quan, khá tốt bụng và nóng tính. Những ngày sống chung với Jon, Joyce, Kelly và thỉnh thoảng gặp các con trai từ đâu đó trở về thăm cha mẹ (Kriss dễ thương nhất, để tóc dài trông như Chúa Giê Su, ăn chay, mặc quần áo kiểu hippy, về sau làm giáo sư văn học), tôi thấy gia đình này rất đáng yêu, chỉ tiếc rằng tôi không thể vồn vã với bất cứ ai trong lúc tôi đang đau khổ vì nhớ con và lo lắng cho đời mình.

Nhảy xổ vào gia đình họ Carle vào ngày 24 tháng 5, hôm sau, tôi đánh một điện tín về cho các con. Khi nhận được điện tín trả lời, tôi vui ngay được một lo lắng. Rồi sau lá thư tôi gửi về (tháng 6) và lá thư đầu tiên của Duy Quang tôi nhận được (tháng 11), là một chuỗi thư đi thư lại, thư nào cũng mất hai tháng mới tới tay người nhận.

Trầm mình trong đau khổ khi ngồi im trong sáu tháng (từ tháng 5 tới tháng 11-75), từ đầu 1976 trở đi, hạnh phúc của tôi là ngồi viết thư cho con hay nằm đọc thư của các con. Và từ đó, sự thống khổ chống gậy ra đi dần dần, niềm tin yêu từ từ khắp khiêng trở về lòng tôi... cho tới ngày tôi *thét to như vỡ tung lồng ngực* (chữ của Hoàng Cầm) khi ôm các con vào lòng, đầu tháng ba năm 1979.

Trước khi tìm lại được sự bình tĩnh vào đầu năm 1976, tôi khởi sự làm hai công việc : một là tìm mọi cách để đoàn tụ với các con, hai là gửi tiền về cho chúng.

Tôi viết thư cho thượng nghị sĩ Edward Kennedy, cho vài chức sắc của Hội Đồng Tôn Giáo Hoa Kỳ (mà tôi quen) để nhờ họ đích thân can thiệp. Họ đều viết thư trả lời phải đợi có bang giao giữa hai nước. Lúc đó, không ai tiên đoán được sự ra đời của việc đoàn tụ gia đình qua một chương trình (gọi là) ra đi có trật tự (ODP = Orderly Departure Program). Muốn ra khỏi Việt Nam, chỉ có cách vượt biển.

Lúc đó cũng chưa có sự dễ dãi trong việc gửi quà hay gửi tiền về Việt Nam, tôi phải gửi tiền qua Pháp, nhờ mẹ Julie (quốc tịch Pháp) đem về Saigon. Nhưng muốn có tiền để giúp các con, tôi không thể nằm dài trong nhà sponsor được nữa. Bỏ nước ra

đi, tôi chỉ có 20 US\$ ở trong túi. Khi ra trại, cũng như mọi người, gia đình tôi được một số tiền trợ cấp thì Jon Carle lĩnh hộ rồi. Tôi không hề nhận được một xu nào trong số tiền đó, nhưng không bao giờ tôi có ý nghĩ mình bị lợi dụng. Trong mỗi liên hệ *người tị nạn/người bảo lãnh* có khá nhiều chuyện vui buồn tôi muốn kể ra đây : ... Một cô gái được một ca sĩ trong loại nhạc country ở Tennessee bảo lãnh rồi đương nhiên trở thành con nuôi của triệu phú đó.

... Một cô gái khác vừa về ở với si-pông-so đầu tháng thì cuối tháng chủ nhà nhận được cái bill điện thoại 1,000 \$ vì ở nhà một mình, buồn quá, cô gọi long distance cho bạn bè suốt ngày. Si-pông-so điên lên, mời cô ra khỏi nhà ngay !

... Một số đồng bào may mắn gặp được "si-pông-so" trong dòng đạo Mormon. Trước kia, dòng đạo này bị kỳ thị và bị bao vây kinh tế nên sống chật chội trong cộng đồng riêng, thực phẩm bao giờ cũng chứa đầy kho. Nay người tị nạn được tiếp tế hàng tấn lương thực, khỏi phải đi chợ hàng tuần hay hàng ngày, thật là khoẻ quá!

... Một gia đình nọ được đôi vợ chồng hippie tới bảo lãnh. Ít ngày sau họ nhận nhớ trở về trại : nhà của si-pông-so bẩn hơn chuồng lợn, tối tối vợ chồng hippie mời tị nạn hít cần sa. Có danh từ *pông sô lũng* (nghĩa là có lỗ) để nói tới những người tị nạn không may như vậy. Si-pông-so (sponsor) nghe gần giống *pông-sô* (poncho = cái bạt che mưa).

Ở chung với "si-pông-so" John và Joyce Carle, chúng tôi làm cho họ thay đổi ít nhiều trong cách sống. Khi trước, họ có cái lối ăn không hết thực phẩm là đổ ngay vào thùng rác. Vợ tôi phụ bếp với Joyce, với số tiền đi chợ hàng tuần của họ, bây giờ có thể nuôi ăn cho cả hai gia đình Carle-Phạm. Tiền điện nước không tăng dù có thêm người ở, vì tôi không chịu nổi sự phung phí của gia đình này, cứ tối đến là cả nhà bật đèn sáng trưng. No way ! Không có ai ở trong phòng là tôi tắt đèn ngay.

Có bạn Mỹ để sớm tối trò chuyện, tôi cũng vui được nỗi buồn riêng nhưng tôi gặp luôn một tai nạn ! Cũng như đa số người Mỹ, vợ chồng nhà này uống rượu kinh khủng. Ban ngày còn khá, vào buổi tối, khó lòng ngồi nói chuyện với họ được. Họ lè nhè làm tôi bực bội. Muốn bỏ đi ngủ nhưng lại sợ mình vô lễ. Nghiện rượu là quốc bệnh của Hoa Kỳ vì người Mỹ cô đơn khủng khiếp. Jon và Joyce rất ít bạn. Trong 9 tháng sống ở đây, tôi chỉ thấy họ tiếp khách vài lần. Một người bạn chung là Tướng Samuel Wilson (khi trước làm cố vấn ở Long An, bây giờ điều khiển cơ quan DIA tại Washington D.C.), một hôm về chơi Fort Walton Beach, thấy tôi buồn thì an ủi :  
-- *Buồn làm gì, Fam Zwee ? Sao "zu" không coi như đi du học rồi ít lâu nữa sẽ trở về Việt Nam...*

Sĩ quan tình báo cấp cao này nói khá đúng : 15 năm sau, cửa Việt Nam hé mở và tôi ung dung trở về...

Có chúng tôi tới ở chung, Jon và Joyce vui ra mặt. Thấy tôi sống điều độ, không rượu, không thuốc lá, họ muốn chừa rượu hay uống ít đi. Họ cứng chiều lũ con tôi -- chúng gọi Joyce là Mommy Two -- nhưng có lần họ quá say và to tiếng với Thái Hiền. Khi tỉnh rượu, nhớ ra chuyện vợ chồng tôi ngăn không cho con phản ứng mạnh, họ khâm phục người Việt điềm tĩnh và lễ độ, dù đang sống trong cảnh nước mất, nhà tan, xa con... May cho họ đấy, họ không biết có trường hợp người tị nạn quá đau khổ nên mắc bệnh tâm thần, hay vì bất đồng ngôn ngữ, bất đồng văn hoá sinh ra bất bình rồi đánh si pông so sút đầu bẻ trán.

Trước khi thấy cần phải làm ra tiền để cứu các con, tôi rất nhàn rỗi. Các con nhỏ Thảo, Đức, Hạnh vừa ra trại là đi học ngay. Đức mới 10 tuổi vào lớp học là khóc hu hu vì không hiểu gì hết. Nhưng chỉ ít lâu sau là các con tôi trở thành Mỹ con ngay...

Để có tiền tiêu vặt, Hiền phải đi làm trong một tiệm chuyên bán các loại trứng chiên từ 11 giờ đêm tới 4 giờ sáng. Tôi đưa đón các con đi học và đi làm nên cũng bớt phải ngồi (hay nằm) một mình để nhớ nhung, buồn bã, đau khổ...

Sau khi liên lạc được với các con và quyết định làm ăn sinh sống, tôi nghĩ thấy mùi thèm nghe nhạc của người tị nạn. Mang theo dăm bảy cuộn băng cassette với những chương trình như Trường ca Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Đạo Ca, Tình Ca Tuổi Trẻ... tôi quyết định "mở" nhà phát hành băng nhạc, bán theo kiểu mail order. Với 200 đơn của một thiếu phụ Mỹ ở Wisconsin gửi tặng, tôi mua hai cái máy cassette nhỏ rồi chỉ cần một sợi dây cable là tôi hoàn thành một món hàng đáng giá 5 đơn trong 60 hay 90 phút. Bìa băng là giấy trắng với tên bài bản được viết tay hay đánh máy. Trừ đi tiền băng trình và tiền gửi, bán được một băng là lãi được ba đơn. Băng cassette bán chạy đến độ tôi phải mua ngay một máy sang băng với tốc độ nhanh hiệu Wollensak, chỉ cần hai phút là sang xong hai cuộn băng.

Rồi tôi soạn ba cuốn sách Tự Học Guitar và cho in với giá in rẻ nên cả bìa lẫn ruột đều xấu xí. Tuy vậy, bộ sách này bán rất chạy vì dễ hiểu, dễ học. Ngoài những bài dạy nhạc lý, trong sách có nhiều bài hát quen thuộc. Sách có băng cassette đi kèm để giúp người học thực tập. Tôi nhận được thư khen của vài người học đàn tuổi đã ngoài năm mươi.

Có tiền, tôi mua một xe Volkswagen nhỏ để, trước hết, đi tới làng chài của người tị nạn mua tôm đem về luộc ăn. Fort Walton Beach và những thị trấn phụ cận là vùng đánh cá nên dân chài Việt Nam tới sinh sống khá đông. Trong số hơn 100,000 người Việt di dân qua Mỹ, người đánh cá là lớp người thành công nhanh nhất. Chẳng cần phải học nghề hay học chữ, tới định cư ở thành phố biển nào là mua tàu ra khơi hành nghề ngay. Một là quá thành công (2) vì siêng năng, hai là ít tôn trọng luật lệ về chài lưới nên họ tạo nên sự ghen ghét của dân đánh cá người Mỹ vốn có sẵn chất kỳ thị trong máu. Xảy ra những cuộc ẩu đả, đấu dao, đấu súng làm cho nhà chức trách địa phương cùng với đại diện người Việt phải mất nhiều thời gian mới giải quyết xong những mâu thuẫn to nhỏ (3).

Có xe hơi là có thể đi thăm người thông gia là bà Tường. Bà này là chị của ca sĩ Tâm Ván và là mẹ vợ của một con trai tôi (cũng vì con tôi kẹt lại trong bốn năm mà hai đứa sẽ mỗi người một ngả). Bà Tường hiện đang ở với sponsor cách Fort Walton Beach khoảng 20 miles. Tới nơi, thấy bà Tường gặp phải poncho lủng rồi! Người bảo lãnh thuộc lớp trưởng giả, đối đãi với gia đình này rất tệ. Bà Tường sẽ nhanh chóng bái bai (bye bye) cái poncho thùng lỗ này. Vợ chồng tôi có ý định cộng tác với bà thông gia để mở tiệm cơm vì bà ta có tài nấu bếp thật là tuyệt diệu. Tôi đã xin tài liệu về nghề mở restaurant, nếu tôi không tiếp tục nghề nhạc thì chúng tôi và bà Tường đã mở hàng ăn và đã giàu to. Hay đã vỡ nợ rồi!

(1) Có duyên với Walt Disney nên khi "mu" về California, tôi được ở ngay cạnh "thiên đường làm bằng máy điện tử" mang tên Disneyland.

(2) Về sau người ta thường bỏ dấu để gọi người "đánh cá" là "danh ca". Có lẽ vì danh ca cũng chẳng cần học hành mà vẫn dễ dàng thành công.

(3) Cuộc chiến giữa da trắng, da vàng trong nghề biển này khiến cho đạo diễn nổi danh người Pháp Louis Malle kéo cả đoàn quay phim tới vùng Texas để thực hiện cuốn phim thương mại PORT ALAMO. Phim này không thành công vì truyện phim cũng như diễn viên quá dở.

*Trèo lên quán giốc, ngồi gốc cây đa  
Ai sui ói a cho ta đi hát...?  
Dân Ca Cổ Việt Nam*

## Chương Bốn

Tới lúc này, có thể nói rằng vợ chồng Jon và Joyce Carle giúp tôi đứng dậy. Dù đã khởi sự hồi sinh sau khi liên lạc được với các con, rồi làm nghề bán băng và sách dạy nhạc để có tiền gửi về Saigon (tính cho tới tháng 4-76, tôi gửi cho các con được khá nhiều tiền, quà và thuốc men) nhưng tôi chưa đích thực sung mãn.

Tôi vẫn còn phải uống thuốc trừ lao và bị thuốc làm mệt. Vết thương trong phổi luôn luôn khiến tôi khạc ra máu. Tỉnh thoảng (nhất là khi thư Saigon tới chậm) tôi mất tinh thần (depressed). Tôi mất ngủ thường xuyên. Những khi mót tiểu vào quá nửa đêm, ngại không muốn từ phòng ngủ/garage ở sau nhà đi vòng qua bếp vào phòng tắm, bèn (xin lỗi) vạch quần đứng đái ở sân cỏ. Nhìn xa nhìn gần thấy đèn đường, đèn chợ sáng trưng, gió biển thổi tới, có tiếng nhạc đâu đây, có tiếng phi cơ bay ngang... thấy đời đẹp quá, tôi muốn gào lên :  
-- Trời ơi ! Sao tôi khổ đến thế này ?

Sự xuống giốc trong tôi còn được thể hiện ra bằng sự bất lực trong tình dục. Đã mất gần hết, tưởng rằng còn cái này, ai ngờ mất nốt! Sẽ còn lâu lắm dục tính mới trở lại trong tôi để tôi lại mê gái và thèm gái như xưa.

Vợ chồng Carle giúp tôi đứng dậy nghĩa là trước tiên họ giới thiệu tôi và Thái Hiền đi hát tại vài ba nơi ở chung quanh Fort Walton Beach.

Rồi họ vận động ráo riết Lực Lượng Đặc Nhiệm Tị Nạn trả tiền cho vợ chồng tôi và Thái Hiền đi hát giải trí cho dân tị nạn ở các trại chưa đóng cửa, như Fort Chaffee, Indiantown Gap. Đề nghị này được Bộ HEW chấp thuận ngay. Tôi được lĩnh một ngân khoản lớn là tiền lương và tiền mua sắm một hệ thống phát thanh rất to, rất nặng. Đã quá 50 tuổi rồi mà vợ chồng tôi vẫn phải khiêng đồ đi hát như ban nhạc trẻ.

Mùa hè 1976, chúng tôi đi lên đường lưu diễn, kéo Khánh Ly đi theo cho chương trình thêm xôm tụ. Chưa bao giờ tôi có một đêm ca diễn với thính giả đông đảo như tại Fort Chaffee này. Mấy ngàn người hãy còn ở trong trại, chưa phải lo tới đời sống hằng ngày, chỉ ngồi nhớ nhà, nhớ nước, nay được nghe bài hát quê hương thì họ vỗ tay vang trời. Tôi khoái trá, bèn phun ra một bài tục ca khiến cả hội trường cười vang như sấm sét. Người Mỹ nhón nháo nhờ người Việt cắt nghĩa tùm lum.

Gặp các bạn cũ như T.T. Thích Giác Đức, Trần Văn Ân... ở trại tị nạn, ai cũng có vẻ cảm thương cho cảnh ngộ bị kẹt con và sự đi hát miễn cưỡng của tôi. Họ không biết rằng khi tôi được đi hát lại, được tiếp tục ra mắt quần chúng, được khán giả vỗ tay hoan nghênh... thì tôi sẽ vượt thắng số mệnh khắt khe cho mà coi.

Thế là sau khi đi hát ở trại tị nạn, tôi đã có đủ tự tin (nhất là có đầy đủ dụng cụ âm thanh) để tiếp tục hành nghề hát rong. Tôi liên lạc với Steve Addiss, Bill Crofut, James Durst... để cùng họ đi hát tại nhiều đô thị. Chúng tôi hát ở những coffee house, ở các trường Đại Học, tại các hội quán Rotary Club, Kiwani Club v.v... dù tiền thù lao chẳng là bao nhiêu nhưng tôi rất vui vì đó là những lợi tức (income) đầu tiên của tôi trong cuộc đời mới này.

Tôi cũng học thêm được cách tổ chức đi hát (booking show) tại Hoa Kỳ để bù đắp thêm vào những kinh nghiệm mà tôi đã có khi làm việc này với gánh Đức Huy ngày xưa ngày xưa.

Rồi tới khi không còn cơ hội hát thường xuyên với các bạn Mỹ kể trên nữa thì tôi liên lạc với các cơ quan đang lo cho người tị nạn như Lutheran Service, USCC, YMCA để booking show cho ban tam ca gia đình Phạm Duy. Tôi vẽ bằng hiệu cho ban **The Pham Duy Family Singers**, in chương trình, soạn thêm bài bản cho vào nhạc mục.

Chương trình ca diễn song ngữ mang tên **A Gift We Share/Món Quà Chung Hưởng** hay là **Songs For A New Land/Hát Trên Đất Mới** gồm một số bài ca Việt-Mỹ (tôi gọi là vietnamerican songs) như **Full Moon Fair Song (Hát Hội Trăng Rằm)**, **The Wind On The Bridge (Qua Cầu Gió Bay)**, **The Rosey Years (Tuổi Hồng)**, **Little Boy ! Catch A Cricket ! (Bé Bắt Dế)**, **Young Girl With Skin Like Gold (Người Con Gái Việt Nam Da Vàng)**, **One Day, One Life (Một Ngày Một Đời)**, **God Bless America (Chúa Ban Phước Lành)**, **Việt Nam Việt Nam v.v...**

Chương trình này được ngay sự bảo trợ của Ron Luce trong tổ chức YMCA (anh này không có họ hàng với Don Luce của phong trào phản chiến) và chúng tôi đã tới hát ở nhiều nơi trên đất Mỹ... như tại các trường Đại Học ở Illinois, South Dakota, New Jersey, New York, Virginia, North Carolina và Georgia v.v...

Đã đến lúc chúng tôi phải làm một tờ brochure với ảnh đẹp để quảng cáo...Ảnh do Ron Luce thuê nhiếp ảnh gia Mỹ chụp.

Vấn đề Việt Nam vẫn còn nóng bỏng, tuổi già, tuổi trẻ Hoa Kỳ đều cảm động khi được nghe những bài hát mang nhiều tâm sự người tị nạn.

Vinh dự nhất là buổi trình diễn tại Oliver College (Michigan) trong ngày kỷ niệm 200 năm thành lập Mỹ Quốc. Trường Đại Học này tổ chức một đại hội ba ngày mang tên EXPRESS AMERICA, có sự tham gia của nhiều nhóm diễn giả, văn sĩ, nghệ sỹ Mỹ dưới sự chủ toạ của bà Tổng Thống Carter. Là đại diện lớp người di dân mới nhất, sự góp mặt của chúng tôi vào chương trình này rất có ý nghĩa.

Sau đó, Toà Bạch Ốc cũng ủng hộ tôi qua tờ chương trình của buổi diễn ở Dothan (Alabama) trong đó có thư giới thiệu The Pham Duy Family của cố vấn Tổng Thống là Hamilton Jordan. Tới buổi diễn tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ dưới sự chủ toạ của bà giám đốc Task Force Julia Taft, vô tình chúng tôi trở thành một phái đoàn ngoại giao (!) của nước Việt Nam Hải Ngoại.

Các tổ chức tôn giáo cũng mời chúng tôi tới hát trong phạm vi của những **community concerts** nghĩa là hát cho cộng đồng của họ nghe. Chúng tôi cũng tham dự vài Đại Nhạc Hội Dân Ca (festival) ở Petersburg (New York) và ở Deerfield (Illinois).

Đi tới bất cứ nơi nào, chúng tôi cũng được mời xuất hiện tại các Đài Truyền Hình địa phương. Và thường thường chúng tôi được sống vài ngày trong những khách sạn rất đắt tiền, như Hotel Hilton chẳng hạn. Sống tại khách sạn cực kỳ lộng lẫy này, tôi tưởng mình là triệu phú !

Cũng có khi được mời tới ở chung với người Mỹ và được coi như bạn thân ngay, dù mới quen nhau. Người Mỹ với tính tình cởi mở, thích kể chuyện tâm sự, coi người nghe như bác sĩ chuyên về phân tâm học vậy. Họ cũng thích tổ chức tiếp tân, do đó chúng tôi được giao thiệp với đủ mọi giới, từ chính trị gia tới văn nghệ sĩ, từ giới thượng lưu tới giới trung lưu và có dịp hiểu biết thêm về con người, cảnh vật và cuộc sống ở nước Hoa Kỳ rộng lớn này. Nói chung, cảnh vật ở đây quả là vĩ đại, con người thật là hào phóng, cuộc sống rất là dễ dàng. Nếu có ngày nào được trở thành công dân nước này, tôi cũng sẽ chẳng có một tí ti mặc cảm nào cả...

Những buổi hát cho người Mỹ nghe rất thành công làm tôi vững dạ. Tôi tính tới chuyện đi hát cho người Việt nghe.

*Dấu chân trên tuyết của một người lữ thứ  
Như mờ chôn một quá khứ nặng nề...*  
**DẤU CHÂN TRÊN TUYẾT**



## Chương Năm

Vào dịp Tết 1976, nghĩa là vào lúc lạnh nhất ở vùng biển hồ, chúng tôi tới diễn ở Grand Rapids (Michigan). Đây là lần đầu tiên vợ tôi được hưởng mùi mùa Đông không có mặt trời, chỉ có tuyết phủ.

Chưa quen đi trên băng tuyết nên cứ đi vài bước là cả hai mẹ con Thái Hằng, Thái Hiền lại ngã oành oạch trên đường... Rồi chúng tôi tới hát ở một nơi còn lạnh hơn là Chicago, dưới sự bảo trợ của Trần Vụ Bản, người em du ca của thời tôi soạn tâm ca...

Qua Normal ở Illinois, được Lê Tất Điều kéo về nhà ngủ, chúng tôi lại đầu lảo với nhau như khi còn ở Saigon... Chỉ ít lâu sau, dưới bút hiệu Cao Tần, Lê Tất Điều làm ra những bài thơ rất hay về cảnh đời lưu vong.

Vì tổ chức YMCA là sponsor của ban tam ca này cho nên mọi sự xảy ra rất là chu đáo. Sau buổi ca nhạc tại University High School ở Normal này, báo chí địa phương đã có một bài tường thuật, coi gia đình tôi như một niềm an ủi lớn cho người tị nạn Việt Nam.

Tới Portland, lái xe đi dạo chơi, tôi ngỡ mình đang ở Đà Lạt... Từ Portland tới Seattle, không xa là mấy. Tới được Seattle -- một thành phố có mưa quanh năm, nhà nào cũng có một vườn hoa tươi tốt -- là nhờ Vũ Đức Vinh. Cựu Giám Đốc Đài Radio Saigon và Thanh Nam đang chủ trương tờ Đ., T MƠI, một tờ báo rất thành công trong giai đoạn đầu của người Việt lưu vong, đứng ra tổ chức cho chúng tôi hát....

Muốn ghé California trước khi bay qua vùng Đông Mỹ, nhưng chúng tôi không tới hát ở Los Angeles được vì người phụ trách văn phòng YMCA mà tôi liên lạc từ trước, nguyên là cựu ca sĩ Việt Cộng được chiêu hồi (miễn nói tên), không muốn giúp gia đình ca sĩ này.

Khi chúng tôi qua New Jersey thì được biểu diễn chung với nhạc sĩ piano Lê Như Khuê và ca sĩ Thanh Thoại của Đài Tự Do (VOF) cũ... Tới được thủ đô Washington D.C. là nhờ Lê Văn của Đài VOA bảo trợ buổi trình diễn (có nhẩy đầm). Gặp lại Vũ Thành, Nguyễn Ngọc Bích, Ngô Vương Toại ở đây, tôi lại càng thêm vui...

Đó là chưa kể sự gặp gỡ dăm ba người tình cũ, chúng tôi liếc nhìn nhau, nửa khóc nửa cười, hoặc run rẩy nắm tay nhau trong bóng tối. Đối với người vừa bỏ nước ra đi, gặp lại bạn bè trong không khí văn nghệ văn gừng như vậy là coi như gặp lại quê

hương. Quê hương không chỉ là chùm khế ngọt như một thi sĩ đã nói, quê hương còn là dĩ vãng, là người tình xưa, là bạn bè với kỷ niệm cũ.

Được đi hát để gắn chặt với dĩ vãng, với đồng hương như vậy là có hạnh phúc, cảnh vật Hoa Kỳ còn làm tôi sung sướng hơn vì tôi vốn là kẻ thích giang hồ.

Trước hết là được tới thăm thác Niagara ở biên giới Hoa Kỳ-Canada để thả hồn theo dòng thác vĩ đại, cho vui đi tất cả muộn phiền.

Rồi được tới Mount Rushmore (Dakota) để coi tượng bốn ông Tổng Thống Hoa Kỳ đẽo trên núi đá, trông rất hùng vĩ. Nếu nước Mỹ cũng lâm vào cảnh thay đổi chế độ chính trị như ở Liên Xô gần đây thì công việc đập đổ những thần tượng này sẽ rất khó. Tượng đồng, tượng đá của những lãnh tụ đổ đặt ở công viên vùng Đông Âu, to đến đâu, nặng đến đâu cũng dễ dàng bứng đi. Trong trường hợp (không bao giờ xảy ra) muốn thủ tiêu bốn ông Tổng Thống Mỹ này thì phải phá cả một ngọn núi lớn, chỉ có bom nguyên tử mới làm nổi việc này.

Tôi còn được đi vào lịch sử Hoa Kỳ khi tới thành phố Atlanta (Georgia) để coi phòng triển lãm trưng bày tranh ảnh, quân phục, quân cụ thời nội chiến. Tôi tưởng như đang sống trong cuốn sách (hay cuốn phim) **Gone With The Wind** của Margaret Mitchell...

Chúng tôi cũng được mời tới vùng trung bộ nước Mỹ, trình diễn văn nghệ và đi coi danh lam thắng cảnh tại Wichita, Saint Louis, Kansas City... đi tới đâu cũng tìm được hai niềm vui : niềm vui gặp lại quê hương qua những buổi hát, niềm vui gặp nhiều phong cảnh mới lạ trên đường viễn du. Ngoài ra chúng tôi cũng tự hào là đã nhanh chóng đem tới cho người Việt lưu vong một chút quà quê hương là âm nhạc.

Cuộc lưu diễn của chúng tôi tại một đại lục mênh mông rộng lớn này không phải lúc nào cũng dễ dàng, thoải mái. Thường thường chúng tôi đi hát bằng phi cơ thương mại phản lực nhưng khi tới vài nơi hẻo lánh chỉ có dăm ba gia đình người Việt được nhà thờ bảo trợ thì phải đi bằng máy bay chuồn chuồn một cánh quạt, bốn chỗ ngồi. Những buổi hát như thế này thật là đáng thương... Tới địa điểm vào buổi chiều Đông mờ tối, hát những bài buồn tủi trong một nhờ thờ tối om, chia tay với khán thính giả lúc đêm đã tối đen... tôi có cảm tưởng đây là **tiểu nhạc hội của loài ma**.

Lại có khi phải di chuyển bằng xe hơi, chúng tôi ngồi co chân cạnh trống nhạc cụ và giàn âm thanh, xe chạy gần một ngày mới tới nơi trình diễn. Diễn xong là hộc tốc lên xe đi hát ở nơi khác, có những đêm cuối tuần chúng tôi chỉ được ngủ khoảng vài giờ đồng hồ trong một phòng motel chật hẹp.

Những khi đi hát chung với Steve Addiss và Bill Crofut thì mệt vô cùng vì phải đuổi kịp bước đi của hai anh nhạc sĩ cao lớn này. Nhưng tất cả những sự vất vả đó đã được đền bù : Không phải đổi nghề và đã kiếm ra tiền, gia đình tôi đã nhanh chóng ra khỏi cái buồn, cái nghèo...

Khi vừa ra trại, vì chưa có việc làm, gia đình tôi sống bằng tiền **welfare** và **food stamps**. Và sẽ không xin trợ cấp xã hội, tem thực phẩm sau khi đã mở hàng bán băng, bán sách. Rồi vì đi hát liên tục nên đã làm ra khá nhiều tiền. Khi còn ở trong

nước, có tiền mà tôi không biết sử dụng đồng tiền. Nay vợ chồng Carle mách tôi là nên gửi tiền vào ngân hàng có lãi suất. Cuối năm, phải đóng thuế. Trong đời tôi, đây là lần đầu tiên tôi đóng thuế. Nhưng việc này quả rằng có lợi cho tôi, vì từ năm 1986 (khi tôi tới tuổi 65) trở đi, sau 10 năm đóng thuế, hàng tháng tôi được hưởng một số tiền hưu trí. Số tiền này không lớn lắm nhưng cũng đủ để tôi sống độc lập, không cần phải nhờ vả con cái. Nếu nay mai tôi về Việt Nam sinh sống, tiền hưu trí này vẫn phải được gửi về cho tôi tiêu.

Sau gần hai năm ở chung, chúng tôi muốn có tự do nên từ giã vợ chồng họ Carle ra ở trong căn nhà nhỏ nằm trên con đường mang tên Troy Street.

Dù rất bận bịu trong công việc, tôi không bao giờ quên gửi tiền cho các con ở Việt Nam. Nhờ Duy Hùng ở nhà kiếm ra mối gửi, tôi liên lạc với cô con gái của một ông Tàu Chợ Lớn hiện đang du học ở Long Beach (California) để tôi trả dollars cho cô ở đây, ở nhà ông bố sẽ trao vàng cho các con tôi. Do đó hàng tháng tôi chuyển được tiền về Saigon, nhờ vậy sau gần bốn năm, với đôi ba lần thất bại (và tốn tiền), cuối cùng các con tôi qua được đất Mỹ.

Trong những tháng năm chờ đợi, tôi không thể nào cầm được mắt mỗi khi các con gửi hình qua, nhìn hình ảnh người thân yêu mà như chịu cực hình.

Phát triển nghề nhạc, tôi muốn sản xuất cái mới, không chỉ phát hành băng cũ. Tôi xin giấy phép thành lập nhà sản xuất mang tên **PHAM DUY ENTERPRISES** để phát hành thêm sách nhạc, băng nhạc, đĩa hát. Tôi bỏ vốn thuê studio, mượn nhạc sĩ, thực hiện đĩa hát Việt Nam đầu tiên ở nước Mỹ mang tên **One Day One Life**.

Vài chương trình cassette hát song ngữ của gia đình tôi như **Pham Duy Family In Concert, Ten Thousand Miles You've Gone Away, Songs Of Joy, Songs Of Sorrow...** cũng được sản xuất và phát hành rộng rãi. Về phần sách, sau khi có ba cuốn **Tự Học Guitar**, tôi cho xuất bản một nhạc tập song ngữ mang tên **Nghìn Trùng Xa Cách**. Nhạc tập này cũng được hỏi mua nhiều.

Đời sống của gia đình tôi càng thêm khởi sắc. Các con không gọi tôi là bố keo nữa. Đức Hạnh có thêm nhiều đồ chơi. Tôi có xe hơi lớn để đi chơi và đi hát ở những vùng lân cận. Dẫn các con đi coi xiếc là như sống lại thời còn bé, bỏ nhà đi theo một anh làm trò quỷ thuật. Đời sống của tôi có vẻ bình thường dần dần rồi đấy !

Một ngày nọ, lái xe tới hát ở Orlando, nơi có Disney World. Sau buổi hát, đi thăm nơi giải trí kỳ lạ nhất thế giới này, chiều lòng các con, tôi leo lên xe sắt chạy trên đường rầy. Bất cần đến bệnh tim nở vì gian khổ trong kháng chiến, mặc cho chiếc xe nhào lộn trên sườn sắt khổng lồ, tôi ngây ngất như đang bay vào vũ trụ. Xe ngừng lại mà chưa đứng tim, tôi rất khoái vì được sống một cảm giác mạnh chỉ có thể **mua** được ở Hoa Kỳ. Và chỉ cần một hành động **liều mạng** này là đủ thấy tôi đã hồi sinh !

Vào cuối 1976, coi như nghề nhạc của tôi đã vững chắc. Nhưng đối với tôi, cái quan trọng không phải là đi hát hay sản xuất băng nhạc mà là sáng tác. Liệu tôi còn có thể viết ra dăm ba loại ca khác nữa không, sau những đợt **bình ca, nữ ca, bé ca** của thời 72-75 ? Liệu cuộc đời trước mặt có làm tôi rung động để dùng nét nhạc lời ca phản ánh nó không ? Liệu người nghệ sĩ sáng tác bị cắt đứt với quê hương, tổ quốc, gia đình, đồng bào (kể cả với đồng hương như trong giai đoạn đầu của đời lưu vong) còn có thể tổ tình được nữa không ?

Đang trong cơn băng khuâng thì một vài việc xảy ra khiến tôi lại tiếp tục làm công việc Trời cho, là **khóc cười theo mệnh nước nổi trôi...**

*Nơi tha hương sữa thịt chẳng thêm  
Xin cho tôi dăm hạt gạo Nam...*  
**NGUYỄN VỆ HINH HẢI**

## Chương Sáu

Sau một thời gian ngắn ở apartment, tôi mua một căn nhà nhỏ cũng nằm trên đường Troy Street này, với giá 19.000\$, chỉ cần trả trước bốn ngàn đơn. Đây là loại nhà được xây cất để bán cho người nghèo, lâu ngày đã trở thành ọp ẹp. Vách nhà được chủ cũ sơn màu loè loẹt làm chói mắt kẻ yêu mỹ thuật là tôi. Không phải nhà gạch mà là nhà gỗ, nhà bià, vào những đêm mưa, nơi tôi nằm phải căng một mảnh nylon dưới trần nhà thì mới ngủ được. Nhà dựng trên đất cát như một thứ nhà sàn nên vào những ngày giông tố là có gió lùa từ dưới đất lên. Bàn ghế, giường nằm, divan là đồ cũ rích và hôi rình, do nhà thờ tặng... Nhưng đó là căn nhà đầu tiên trên đất Mỹ của tôi nên tôi yêu nó lắm !

Mùa Xuân 1977. Đời sống của tôi đã ổn định. Tôi không còn quá đau khổ vì thương nhớ các con. Tôi linh cảm cha con sẽ đoàn tụ. Với tinh thần lạc quan cố hữu, tôi cho rằng số phận gia đình tôi cũng giống như số phận nước Việt Nam. Phải có chia ly mới có đoàn tụ. Phải cực kỳ chia rẽ rồi tìm về nhau mới có đoàn kết. Phải tận cùng tan tác và đồng tình gom góp mới có thể qui về một mối. Đúng như quan niệm của tu sĩ người Bỉ Teillard de Chardin : tất cả hưởng thượng thì phải đồng qui.

Hơn một triệu người Việt Nam chia nhau đi sống ở 48 nước trên thế giới để hoàn tất cuộc khởi hành bắt đầu từ thời huyền sử, khi Rồng Tiên chia tay nhau, cha đi con lên núi, mẹ dắt con ra biển. Chuyển lên núi ở nhà đã thành chuyển xuống núi, chuyển ra biển lần này cũng phải là chuyển cuối cùng. Hết đường đi thì tìm đường về. Hết ly tâm thì qui tâm. Phải vậy không ?

Như đã nói, vừa tới Mỹ, tôi may mắn được tiếp tục hành nghề cũ ngay lập tức, không những hành nghề ca hát, nghề soạn ca khúc mà còn có thêm nghề "sản xuất" mà khi còn ở trong nước, tôi không để ý tới... Sau đó, tôi rời khỏi vòng tay ám áp sặc mùi whisky của gia đình Carle để sống độc lập, đã có nhà để ở, đã có xe hơi để đi

(dù chỉ là nhà ọp ọp và xe cũ mèm). Tôi đã kiếm ra tiền qua những vụ bán băng, bán sách hay đi hát... để gửi vào nhà băng. Tôi sống dư giả và thừa sức để luôn luôn tiếp tế cho các con ở Saigon.

Nhưng không phải ngày nào chúng tôi cũng bận bịu ngồi gói hàng hay tuần nào cũng bận rộn đi hát. Tôi có nhiều thì giờ rảnh rỗi và chỉ dùng nó để... nằm coi tivi. Có ngày tôi coi tivi sáu tiếng đồng hồ, cả nhà phát khiếp ! Cũng có lúc tôi thơ thẩn một mình trong khu vườn nhỏ ở sau nhà hay lái xe ra xa lộ, xuống xe đi vào một nẻo rừng vắng vẻ, chân đạp lên lá vàng khô, mắt nhìn những con sóc nhảy nhót, tai nghe tiếng suối chảy... như ngày nào đi trong những khu rừng Việt Nam.

Thiên nhiên trù mển thấm vào người, tôi lại thấy yêu đời và thêm sáng tác quá ! Nhưng suốt đời mình, tội nghiệp lắm, tôi chỉ sáng tác được khi có tình yêu bên cạnh. Bây giờ, là kẻ hát rong, là con đé trong bài hát của Lê Thương, tuy không còn nghèo xác xơ vì đã hát xảm "ra" tiền, nhưng tôi vẫn còn là con đé bơ vơ, giống như trong bài hát tôi soạn ra về sau :

*Con đé hát trong mùa Thu nước nở  
Gọi người tình ! Ôi Người tình !  
Nhưng tình đã vắng xa...*

Trong hai năm đầu, cũng giống như mọi người hồi hải đi tị nạn, tôi bị tê liệt vì quốc nạn và gia nạn. Biến cố 30 tháng Tư xảy ra nhanh quá, khủng khiếp quá, tôi cũng như mọi người mất hết tinh thần. Cho rằng đã mất nước lại mất luôn bốn đứa con, tôi mất luôn sự ham sống. Linh cảm sẽ đoàn tụ với các con nhưng không biết tới ngày nào tháng nào năm nào mới gặp lại con. Luôn luôn buồn khổ và bị ám ảnh bởi ý tưởng quyên sinh. Cái chết không còn là một theme mơ hồ trong một số ca khúc của tôi nữa, nó vào nằm hẳn trong tôi. Sự thành công tương đối trong cuộc vật lộn với đời sống Hoa Kỳ chỉ xoa dịu được thân xác nhưng chưa đủ để giải tỏa tâm linh.

Trong gian nhà gỗ ở Fort Walton Beach, những khi rảnh rảnh, tôi giờ bản thảo của **Bầy Chim Bỏ Xứ** ra coi, với ý định hoàn tất nó. Nằm dài trên divan cạnh lò sưởi, trời Florida không lạnh nhưng cũng đốt củi cho có vẻ lãng mạn, ôm đàn vào lòng, tôi đáp ứng một khúc khoải trong tôi là : sáng tác. Nhưng sau một thời gian vật lộn kịch liệt với cái gọi là tổ khúc, tôi soạn được dăm ba đoản khúc, từ bài đầu tới những bài kế tiếp, tất cả chỉ là những tiếng hót buồn bã của một lũ chim hờn tủi, khổ đau, khóc lóc và chết chóc !

Vào lúc này, ở hai bên bờ Đại Tây Dương, tôi và người bạn âm nhạc Trần Văn Khê thỉnh thoảng điện đàm hoặc trao đổi thư từ. Khi gia đình tôi vừa chân ướt chân ráo tới Florida, Khê đã gửi tặng "người di tản buồn" (1) này một số tiền "cứu trợ" (món nợ này tôi cũng trả được rồi). Khi Khê hỏi tới việc sáng tác, nhân đang ngồi soạn **Bầy Chim Bỏ Xứ**, tôi bèn gửi tặng bạn bài hát dang dở trong đó có quá nhiều tiếng chim kêu than. Trong năm 76, Khê về Việt Nam, kể cho nhạc sĩ Đỗ Nhuận nghe câu chuyện tổ khúc của tôi với đoạn con chim học máu chết vì quá u buồn. Thế là tin tức về tôi lan ra ngoài, rồi kết cục người ta đồn àm lên là Phạm Duy đang hát trên sân khấu thì thổ huyết chết. Các con tôi hoảng sợ quá, đánh điện tin qua, bố trả lời ngay :

-- *Bố chưa chết đâu các con ơi....*

Nói về bài **Bầy Chim Bò Xứ** thì, sau khi thấy nó lủng củng, nhưng nếu muốn, tôi vẫn có thể hoàn tất nó ngay. Nhưng vì không có ai thúc giục tôi làm việc đó nên tổ khúc được cho vào ngăn kéo với 6 đoản khúc rầu rĩ khóc than.

Nói về quần chúng thì vào lúc khởi đầu, tôi đang đau khổ trong tiến trình thu hẹp của mình (bỏ nước ra đi, các con kẹt lại) cho nên tôi chọn một nơi thật xa quê hương, thật vắng đồng hương để sống âm thầm với nỗi buồn riêng.

Lúc đó, tôi muốn cắt đứt với tất cả những gì gọi là Việt Nam. Nơi tôi ở có dăm chục gia đình người Việt nhưng không có gì gắn bó chúng tôi ngoại trừ một nỗi buồn nặng nề, u ám. Nếu tôi có may mắn đi hát ở nhiều nơi, xong buổi hát, tôi lại cuốn gói ra đi, chẳng có gì ràng buộc tôi với các đồng hương ở địa phương tôi tới hát cả. Và lại lúc đó đi hát đúng là như đi "ăn cướp", vì trong sinh hoạt văn nghệ này, người hát ý niệm được sự kém cỏi trong nghệ thuật của mình (hát cho xong chuyện), người nghe chỉ muốn thoả mãn một nhu cầu độc nhất là nhớ nhà.

Thế rồi bỗng nhiên có sự xuất hiện của những tờ báo Việt. Sống trong một nước mà ngành truyền thông đạt tới mức cao nhất thế giới, chẳng lẽ hơn 100.000 người tị nạn, dù sống rải rác mọi nơi, lại không có một tiếng gọi nhau hay sao? Một ngày nọ, tôi nhận được cú phone của Nguyễn Hoàng Đoan, chủ nhiệm và chủ bút của tờ báo tị nạn đầu tiên ở Mỹ là Hồn Việt từ California gọi qua, ngỏ ý muốn đăng một bản nhạc mới. Rồi Võ Văn Ái người chủ trương tờ QUÊ MẸ ở Pháp cũng liên lạc với tôi để xin một bản nhạc mới...

Có hai người thúc vào -- xin lỗi hai vị nhé -- dít mình như vậy thì tôi im lặng sao được? Trong căn nhà gỗ ẩm ướt sau một trận bão, tôi ngồi cắn bút, lên dây đàn, soạn một bài hát đầu tiên trong đời lưu vong. Đó là một bài hát hoài hương. Nhưng quê hương tôi nói tới lần này không còn là cái quê hương tôi có thể sờ mó được, nhìn thấy được, ngửi thấy được... như hồi mới từ Bắc di cư vào Nam. Bây giờ, quê hương trong nhạc của tôi chỉ là **ảo ảnh quê hương**. Thời 1952, tôi có **Tình Hoài Hương** ngọt ngào và tươi mát, nay tôi có **Nguyễn Văn Hình Hải** buồn rầu và chết chóc:

*Ai có về vùng trời Gia Định ?  
Hay xuôi sông về tới Cần Thơ ?  
Qua xóm dừa rồi vào thăm ruộng  
Xin cho tôi dăm hạt gạo thừa...*

Trong bài này, tôi nhắc tới những nơi chốn thân yêu như chợ Tân Định, chợ Bến Thành với trái ngon như cam quýt bưởi... Tôi nhắc tên những địa danh ở ba miền đất nước như Gia Định Cần Thơ, Thành Nội Gia Hội, Nghệ Tĩnh Thanh Hoá, Hà Nội Nam Định, Sông Gầm Núi Tản... và tới những đặc tính riêng của người dân ở từng địa phương. Cuối cùng tôi nói tới cái chết và nếu phải chôn tôi ở nơi xa quê hương, thì:

*Mai có người chọt ngừng thăm mộ  
Nơi chôn tôi là dưới rặng mai  
Nơi rất lạnh, ngàn đời tuyết phủ  
Nên thân tôi nguyên vẹn hình hài.  
Nếu có người tò mò muốn gặp  
Nơi tha ma mở nắp mồ lên*

*Sẽ thấy một người nằm thanh thản  
Trông như chân dung của Việt Nam.*

Tôi vẫn hình dung địa đồ nước ta như thân thể con người, miền Bắc là cái đầu, miền Trung là con tim và miền Nam là cái... dạ dày. Trong bài hát này, tôi muốn nói : Nếu tôi chết thì xin được chôn ở nơi quanh năm tuyết phủ, mai rày có ai tới thăm, mở nắp mồ lên sẽ thấy hình hài tôi không tan rữa, còn nguyên vẹn là chân dung của nước Việt Nam yêu quý. Bài này được đăng ngay lên bìa báo **Hồn Việt**.

Với báo **QUÊ MẸ** của Võ Văn Ái, tôi gửi một bài hát có tính cách lập ngôn : **Ta Chống Cộng Hay Ta Trốn Cộng**, phản ứng lại bài hát tang thương **Nguyên Vẹn Hình Hài** :

*Ta chống Cộng hay ta trốn Cộng ?  
Đây là điều ta phải hỏi ta !  
Ta chống Cộng hay ta trốn Cộng ?  
Đây là điều ta phải hỏi ta, nhắc ta !*

Với bài này tôi chơi chữ : trốn Cộng hay chống Cộng. Tôi cho rằng : Nếu ta sống như con chuột nhắt, muốn quên đời bằng ly rượu buồn tênh hay vùi đầu trong cuộc đổ đen, nô lệ đồng tiền, ham mê gái đẹp... thì ta vẫn có quyền đơn độc ngủ yên. Vì ở đây là xứ tự do mà, không ai có thể bắt buộc ai phải yêu nước hay không yêu nước cả. Nhưng vì ta chống Cộng Sản, không chấp nhận nó nên ta phải bỏ nước ra đi. Và ta đã thắng khi ta vượt thoát, ra nước ngoài cùng bao bạn đồng hương, ta nuôi ngày về lại quê hương... thì ta hãy cất cao lời hát của loài người yêu chuộng Tự Do. Ta phải làm sao để lấy lại dân quyền (2) cho dân tộc ta. Bài hát kết thúc :

*Ta chống Cộng, ta không trốn Cộng !  
Ta và cả trăm ngàn đồng hương  
Ta chống Cộng, ta không trốn Cộng !  
Mai này rồi, ta về Việt Nam mến yêu.*

Khi gửi bài này cho Võ Văn Ái để đăng trên bìa báo **QUÊ MẸ**, tôi lấy tên là Đỗ Quyên. Nghĩa là tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi con chim yêu nước trong tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ**.

Soạn ra bài hát chống đối chứ không trốn tránh này, tôi lấy lại được quân bình trong đời sống. Dù là theo quốc gia chạy trốn trước sự tấn công của Cộng Sản nhưng đó là một thắng lợi cá nhân vì thoát khỏi cảnh bị bắt và tù đầy. Tôi không cần phải cho đó là chuyện nhục nhã nữa. Nhưng lánh về ở Fort Walton Beach này, tránh không gặp Việt Nam (3) là thái độ vừa trốn và vừa tránh.

Hai tờ báo **Hồn Việt** và **Quê Mẹ**, với sự kêu gọi tôi soạn nhạc trở lại, đã lôi tôi ra khỏi **ghetto** rồi ! Tôi phải trở về với Việt Nam. Nói cho rõ hơn, trong hoàn cảnh người tị nạn bị phân tán mỏng như thế này, tôi phải về một nơi có đông người Việt Nam. Nghĩa là phải về tiểu bang California...

... Bán căn nhà sơn màu xanh lá cây rồi mua một xe trailer có bếp nhỏ và giường ngủ, mùa Hạ 1977, hai vợ chồng tôi và bốn đứa con nhỏ giã từ Fort Walton Beach, cứ theo xa lộ số 10 xuyên ngang nước Mỹ mà đi. Giống như những người đi lập nghiệp ở nước này trong thế kỷ trước, chúng tôi làm cuộc "tiến về viễn Tây". Người xưa làm cuộc di dân từ cựu lục địa qua đây rồi đi tìm đất đai và tìm vàng ở phía mặt trời lặn. Nay lưu dân tôi đi về miền Tây để tìm lại mình.

---

(1) Nam Lộc của phong trào Nhạc Trẻ Saigon đầu thập niên 70, nay ở Cali, gửi thư nhờ tôi chép ra bản **Người Di Tản Buồn** anh ta vừa sáng tác. Thấy bài này đăng trên báo với bút tự của tôi, người ta tưởng tôi là tác giả.

(2) Ủa ! Vào năm 1977 này mà tôi đã nói tới tự do dân chủ rồi à ?

(3) Không phải chỉ là "người" Việt Nam mà thôi !

*Bánh xe quay nhanh nhanh  
Chiếc thân xe rung rinh chìm trong làn cát trắng.*  
**BÁNH XE LÃNG TỬ** - Trọng Khương

## Chương Bảy

Vào cuối thập niên 30 tức là thời cực thịnh của lãng mạn, tại Hà Nội, chuyện họa sĩ Hoàng Lập Ngôn và chiếc xe MÊ LY làm thế hệ tôi mê mẩn. Chúng tôi mơ ước được như ông "hoàng lập dị" kia, đóng một chiếc xe ngựa rồi đánh xe đi trên đường thiên lý, tới nơi nào có phong cảnh đẹp thì dừng xe lại, đặt giá vẽ bên đường, hay lấy đàn ra đứng hát nghêu ngao. Chao ôi sao mà mê ly đến thế nhỉ !

Một số bài hát soạn ra mấy năm sau đó đều bị ảnh hưởng cái lãng mạn của họ Hoàng và chiếc xe MÊ LY như : **Con Đường Vui** của Lê Vy-Phạm Duy, **Đoàn Lữ Nhạc** của Đỗ Nhuận... Hợp cảnh nhất là bài **Bánh Xe Lãng Tử** của Trọng Khương soạn thời tiền chiến :

*Ta luyến lưu một kiếp giang hồ  
Dù rằng cuộc sống vô bờ  
Tim hồng tràn máu vô tư  
Ha ha ha ha !*

Cũng lãng mạn và rất dễ thương là bài **Nhạc Đường Xa** của Phạm Duy Nhược, anh tôi, soạn trong kháng chiến :

*Kìa lóc cóc vó ngựa rung rinh  
Trên nhịp cầu tre bên suối  
Hoà tiếng hát với nhịp xe đưa  
Ta cười đón gió say sưa...*

Lãng mạn đó còn kéo dài đến độ vào cuối thập niên 50, nghĩa là 20 năm sau, một ca khúc của Văn Phụng còn nhắc tới MÊ LY :

*Ô mê lý mê ly  
Ô mê lý mê ly đời ta...*

Tại Saigon, một năm trước ngày lịch sử 30 tháng Tư, tôi mua cho kỳ được chiếc xe trailer của một người Mỹ nhưng than ôi, vì chiến tranh đang tới hồi kịch liệt, tôi không được cùng *xe nhịp nhàng quay bánh lướt, hình xe mờ khuất trong mênh mông...* trên con đường cái quan đã bị cắt ra nhiều mảnh mất rồi.

Bây giờ, giữa 1977, thật là oái oăm, trong hoàn cảnh "phân ly" mà vẫn nhớ tới "mê ly", tôi dễ dàng thực hiện giấc mơ xưa. Để làm chuyến đi xuyên lục địa Hoa Kỳ, tôi có chiếc **trailer** nhỏ, chắc chắn có nhiều tiện nghi hơn xe MÊ LY của họa sĩ họ



Hoàng. Trong xe có giường nằm, có tủ đựng nước đá, có bếp gas, có tank (thùng) đựng nước. Tới những trại dành riêng cho xe **trailer** ở dọc đường, tôi cầu điện (1) để chạy máy điều hoà không khí và coi tivi. Mắc xe trailer vào xe Buick tám máy mới mua lại nơi cửa hàng bán xe hơi cũ, chúng tôi theo xa lộ số 10 đi từ tiểu bang Florida, qua Alabama, Louisiana, Texas, Arizona... vượt vài ngàn dặm để tới California.

Thật là một cuộc du lịch thần tiên dù du khách là kẻ vừa bước vào đời sống lưu vong nghĩa là vẫn chưa thực sự ổn định. Xa lộ rộng rãi, xe chạy êm ái. Tôi làm chủ được thời gian và không gian. Muốn đi muốn nghỉ lúc nào, muốn rẽ ngang rẽ dọc vào đâu cũng được. Đi vào tiểu bang Alabama, Louisiana là đi vào miền Nam sâu thẳm (deep South) của Hoa Kỳ, nghe loại "nhạc sầu xanh" (blues), sống những chuyện khắc khoải của Tennessee Williams...

Tới thành phố New Orleans là nhớ tới cô gái mắc bệnh tâm thần trong cuốn sách **Chiếc Xe Điện Mang Tên Khát Tình** (A Streetcar Named Desire) của văn sĩ "lại cái" (homosexual) đó... Đến Texas, Arizona, gặp sa mạc và những dãy núi đá như bị lở sơn, tôi tưởng mình là John Wayne, đóng phim cao bồi, phi ngựa lóc cóc, đuổi theo dân da đỏ, bắn súng đoànng đoànng...

Ngừng lại những thành phố Mobile, New Orleans, Houston, El Paso, Phoenix... chúng tôi được người Việt tị nạn đón tiếp niềm nở. Dù chỉ là ban hát xẩm ba người mà cũng gây được biến cố (!) văn nghệ tại những cộng đồng Việt Nam nhỏ vừa được thành lập sau khi người tị nạn đã hoàn hồn. Đi tới đâu, tôi cũng thấy đồng hương đã nhanh chóng ổn định cuộc sống mới. Dường như ai cũng đã có việc làm. Những hội đoàn chính trị, tôn giáo, xã hội đã khởi sự thành lập. Chợ Việt Nam đã ra đời ở mỗi nơi có người Đông Dương tị nạn và nghiêm nhiên trở thành cơ quan phổ biến văn hoá Việt Nam hải ngoại, sách báo, băng nhạc được bày bán bên cạnh nước mắm, xì dầu, tương ớt...

Chuyến đi dài mười ngày này không phải lúc nào cũng bình an vô sự. Tại vùng ngoại ô của một thị trấn trong tiểu bang Texas, vào một hoàng hôn tím đỏ, có lẽ vì tài xế này quá mệt mỏi nên vừa đi vào một ngã tư thì bị một xe (do một phụ nữ Mẽ lái) tông vào xe mình. Cửa xe bẹp dí, kính xe vỡ tan, bà Mẽ gãy chân mà không ai trong gia đình tôi bị một vết thương nhỏ nào cả. Hú vía !

Thế là sau chuyến đi năm trước bằng đường bay và biết cái lạnh cóng của miền biển hồ, cái xô bồ của hai thành phố khổng lồ New York và Chicago, bây giờ chúng tôi làm cuộc du ngoạn bằng đường bộ, đi sâu vào nước Mỹ để biết thêm cái ẩm ướt của rừng nước Louisiana, cái mênh mông của Texas, cái khô nóng của Arizona, cái mượt mà của California. Tôi tha hồ thu nhận cảnh vật Mỹ Quốc vào lòng để viết ra một bài ca sau khi định cư ở California, nhan đề **Hát Trên Đường Tạm Dung** :

*Ta đi trên đường tạm dung  
Vùng Ca Li quanh năm nắng ấm  
Mà lòng người lưu vong vẫn thấy lạnh lùng...*

Nói về chữ "tạm dung". Đối với người tị nạn, đó là một danh từ không ổn. Nó còn làm cho người mang danh từ đó thấy mình bị nhục mạ là khác, vì tiếng Anh **parolee** có ý nghĩa "phạm nhân được tạm tha". Lần đầu tiên tỏ tình với nước "mẹ ghẻ" qua

một ca khúc, tôi dùng chữ "tạm dung" để đáp lễ Mỹ Quốc. A, bà tạm dung tôi thì, OK, tôi tạm dung bà. Nghĩa là tạm dung hai chiều, isn't it ?

Ca khúc **Hát trên Đường Tạm Dung** đưa ra hình ảnh một người Việt Nam đi khắp Hoa Kỳ, từ vùng Ca Li quanh năm nắng ấm tới...

*... Trời Si-át-Tơn mưa rơi chẳng dứt,  
Cỏ hoa đua nhau khoe màu sắc...*

Rồi tới :

*Mi-ni-sô-ta ! Một đời băng giá...  
Mít-síp-si-pi ! Trường giang lượn khúc...*

Người tạm dung còn đi vào vùng mênh mông Téch-Xát, qua miền bông bay Lu-sia-na... xuống miền cam đong đưa ở Fờ-lo-ri-đa... theo cơn phong ba trên hồ Mi-chi-găng... rồi đi vào lịch sử người xưa ở Viêc-gi-nia... đi đâu cũng thấy cảnh đẹp người sang, nhưng sao lòng mình vẫn thấy lạnh lùng, vết thương trong tim vẫn còn rạn nứt, ngọn lửa thù vẫn còn ngùn ngụt trong đôi mắt đen... Cho tới khi tới bến Nữ Ước, gặp Nữ Thần Tự Do, người tạm dung bèn cất tiếng hỏi :

*Này Thần Tự Do ơi !  
Muốn hỏi Nàng mấy tiếng vu vơ  
Có phải Nàng, mắt đá ngu ngơ ?  
Khiến Nàng nhìn Thế Giới không xa...*

... nên Nàng chỉ đấu tranh cho nhân quyền ở nước Nga, mặc cho các nước Đông Dương đang khóc ròng vì bao cảnh làm than dưới chế độ Cộng Sản. Người tạm dung mong Nữ Thần Tự Do chuyển hướng nhìn về phía Đông, đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ ở ba xứ Đông Dương, khi đó người tạm dung có thể :

*Trời Ca-Li ta yêu nó đấy  
Gần bằng tình ta yêu nắng cháy Saigon  
Vùng Si-át-tơn mưa rơi lá lướt  
Lòng lưu vong nghe như dịu mát  
Đà Lạt ơi ! Đâu đây phảng phất khói sương...*

... Người tạm dung sẽ chấp nhận Mỹ Quốc như quê hương thứ hai của mình và sẽ leo lên tặng tượng Nữ Thần Tự Do một nụ hôn thắm thiết. Với bài hát này, tôi phản ứng danh từ "tạm dung" bằng cách sinh động hoá cảnh sống của người tạm dung. Đó là một tiến trình, một con đường. Và đã là con đường tất nhiên nó phải dẫn tới một cái gì đó. Như **Con Đường Cái Quan** khi xưa của lữ khách dẫn tới cuộc thống nhất đất nước, lòng người.

Bài **Hát Trên Đường Tạm Dung** bây giờ dẫn tới nhiều con đường :

- \* Con đường tự do ở hải ngoại trên đó người tị nạn đang cất bước đi với tất cả buồn vui và ước vọng ngày trở về quê cũ.
- \* Con đường mất tự do ở trong nước, có người gục ngã nơi tù đầy, có thiếu phụ đi thăm chồng ở trại giam, có kẻ tìm cách vượt biên, có người mưu đồ phục quốc.
- \* Con đường hoài hương, con đường dĩ vãng đầy nhớ thương.
- \* Kể cả con đường sáng lạn dẫn tới thế kỷ 21 nữa !

Một số ca khúc nằm trong các loại gọi là **tị nạn ca, ngục ca, hoàng cầm ca, rong ca...** sẽ tuần tự ra đời để phản ảnh những con đường càng ngày càng thêm sinh động đó. Cho tới khi tất cả tiến trình đều dẫn tới ngày chỉ còn lại một con đường mà thôi : con đường Việt Nam thực sự hoà bình, thống nhất, tự do, dân chủ. Nghĩa là phải phân tán tới cực điểm rồi mới qui về một mối, đúng như định mạng của người Việt Nam.

---

(1) Phải trả tiền, không câu điện lậu như khi tôi còn ở Việt Nam đâu !

*Lạy Phật Trời, tôi lạy tổ tiên*  
*Hãy cho tôi thấy đất liền*  
**Hát Trên Đường Vượt Biển**

## Chương Tám

Chúng tôi tới California một ngày hè 1977 với chiếc xe hơi méo mó và chiếc trailer sút mẻ. Đã liên lạc từ trước, chúng tôi tới ở tạm nhà người quen ở đầu đường Hunter thuộc Midway City, cách Los Angeles khoảng 45 miles. Vợ tôi và các con ở một phòng trong nhà, tôi ở trong trailer có gắn máy lạnh.

Tới vùng Nam-Cali này, chúng tôi đi hát ngay ở trường Đại Học Long Beach. Rồi qua hát tại Denver ở tiểu bang Colorado do lời mời của anh bạn bác sĩ Trần Ngọc Ninh vừa vượt biển qua đây. Gặp nhau, chúng tôi mừng mừng tủi tủi, nhắc lại chuyện xưa, nhắc tới người bạn đã quá cố Nguyễn Đức Quỳnh với nhiều thương cảm. May mà anh Quỳnh mất trước 30-4, nếu còn sống thì hoặc bị Cộng Sản tóm được, hoặc phải sống lưu vong, chắc anh không có được cái chết bình thường như vào lúc anh trút hơi thở cuối cùng ở Saigon.

Biết thêm cảnh vật Nam-Cali rồi, tôi còn có cơ hội leo lên miền Bắc Cali, trình diễn tại Sacramento (nữ sĩ Trưng Dương đi coi, nhưng có lẽ thấy tôi buồn nên không tới nói chuyện), Rồi tới San Francisco và San José, nơi được gọi là "thung lũng hoa vàng" đang có thêm cái tên "thung lũng điện tử". Người Việt tị nạn rất thành công khi đi vào nghề ráp máy điện toán ở đây. Tại San José, ban ca nhạc ba người đã được sự ủng hộ nhiệt tình của ông Vũ Văn Lộc, người sẽ tạo nên những tập san thông tin và chính trị đầu tiên của người tị nạn, dưới bút hiệu Giao Chỉ.

Có thêm tiền và không muốn kéo dài sự ở chung, tôi mua một căn nhà cũng ở đường Hunter (1). Đã có kinh nghiệm sống ở Hoa Kỳ qua mấy lần thăm viếng, tôi chọn mua nhà ở chỗ này vì nhà rất gần hai xa lộ 22 và 405. Nhà Bưu Điện, ngân hàng, chợ Mỹ chỉ cách nhà tôi khoảng một **mile**, hằng ngày tôi có thể đi bộ ra những nơi đó. Sống tại Hoa Kỳ, có hai điều quan trọng : Phải biết nhịn ăn và hà tiện tiền đồ sảng (2).

Thành phố mang tên Thị Trấn Giữa Đàng (Midway City) nằm ở ngay bìa của một ô vuông, bao bọc bởi bốn đại lộ Bolsa, Magnolia, Westminster và Brookhurst. Cái gọi là Khu BOLSA (trước khi được gọi là LITTLE SAIGON) nằm trong cái ô vuông này. Khi tôi vừa tới định cư tại đây, cái ô vuông đó còn là những vườn dâu xanh ngắt, lác đác đây đó là vài ba khu tiểu thương mại Mỹ với khoảng một chục cửa hàng trong đó hoạ hoằn mới có một tiệm ăn Việt Nam.

Tôi không thể ngờ rằng chỉ trong một thời gian ngắn, khu Bolsa (3) trở thành Little Saigon với hàng ngàn cửa hiệu Việt Nam. Nhà tôi chỉ cách Tiểu Saigon một ngọn đèn đỏ, tôi có thể đi bộ giao hàng cho các tiệm bán sách, bán băng. Sự mọc lên của Thủ Đô Tị Nạn còn khiến cho giá nhà tăng lên rất nhanh. Mua căn nhà với giá 60.000 US\$, nếu bán đi bây giờ, tôi sẽ được lãi 120.000.

Người Việt ở trên đất Mỹ ùn ùn kéo về vùng này mỗi ngày mỗi đông khiến cho khu Bolsa sẽ được gọi là khu **bon chen**. Giới làm dịch vụ địa ốc là giới thành công nhanh nhất. Rồi tới các chợ bán thực phẩm Á Đông. Dịch vụ này nằm trong tay người Tàu, hoặc Tàu Chợ Lớn, Tàu Đài Loan, Tàu Hồng Kông hay Tàu Los Angeles, con cháu của người Tàu tới Mỹ trong thế kỷ trước để làm đường hoá xa (4). Little Saigon ở không xa Los Angeles nên bị các lực lượng kinh tế kể trên chỉ huy. Nhưng nó chỉ là "little money" so với các khu chợ Tàu ở New York, San Francisco hay Los Angeles nên không xảy ra những vụ thanh toán đổ máu như ở các nơi đó. Từ ngày khởi sự thành lập cho tới khi bành trướng, Little Saigon chỉ bị sách nhiễu bởi một số thiếu niên du đấng Việt Nam do vài ba cựu quân nhân học làm "bố già" giật dây nhưng được Cảnh Sát địa phương và Liên Bang (FBI) dẹp ngay tức khắc.

Sống tại một nơi được coi như ổn định nhất trong các cộng đồng người Việt tị nạn, tôi hoàn toàn bước ra khỏi cơn chấn động hoang mang, chỉ còn một nỗi nhớ thương các con mà tôi giải quyết bằng cách tiếp ngân đều đều để chúng có phương tiện vượt biên. Tôi còn phác ra kế hoạch cứu con qua hai giai đoạn. Trước hết đưa Duy Quang ra khỏi Việt Nam qua giải pháp đoàn tụ với Julie đang ở Pháp. Khi ngỏ ý kiến với con dâu cũ ở Paris thì Julie đồng ý ngay dù hai đứa đã ly thân từ lâu. Một khi Quang đi thoát, Minh, Hùng và Cường sẽ dễ dàng soay sở hơn.

Tại Midway City, ba đứa con nhỏ lớn dần, vui đầu vào việc học hành hay vui chơi, tôi ít phải bận tâm đến chúng. Chúng chỉ thỉnh thoảng lâm vào cảnh sợ ma mỗi khi vợ chồng tôi và Thái Hiền phải đi hát xa. Để thưởng công coi nhà, tôi tặng chúng đồ chơi đủ thứ. Những ngày không đi lưu diễn, Thái Hiền tới làm việc tại một cửa hàng chuyên gửi quà về Việt Nam, một dịch vụ càng ngày càng phát triển, làm giàu cho ai biết khai thác. Tôi có nhiều thì giờ để gặp bạn cũ, có thêm bạn mới. Bạn cũ gặp nhau không còn ngưng ngưng như khi còn ở trại tị nạn.

Các ca nhạc sĩ ở gần hay ở xa khu Bolsa là Nguyễn Đức Quang của Phong Trào Du Ca, Hoàng Thi Thơ của **Trăng Rụng Xuống Cầu**, Ngọc Bích của kháng chiến, Lữ Liên của AVT, Bùi Thiện, ca sĩ hồi chánh, Đỗ Đình Phương, chuyên về guitare classique... Nhưng ít người có thể hành nghề ca nhạc toàn phần như tôi, người làm việc cho USCC hay YMCA, kẻ đi học nghề hay làm trợ giáo trong các trường có học sinh người Việt. Bạn cũ trong giới cầm bút có thi sĩ Cao Tiêu vào ngôi trong Sở Mách Việc, nữ ký giả Kiều Mỹ Duyên làm nghề địa ốc, Lê Tất Điều từ Bloomington (Illinois) di tản về San Diego để sửa tàu biển cùng Phan Lạc Tiếp...

Sống đông đảo trong một địa phương, ngoài những định chế có sẵn, còn có thêm bối cảnh mang màu sắc dân tộc như chợ búa, quán ăn, nhà thờ (người Công giáo làm lễ bằng tiếng Việt), chùa chiền (Phật tử sửa living room kiểu Mỹ thành nơi cúng Phật)... tôi cảm thấy xã hội Việt Nam bị tan vỡ sau ngày 30-4-75 đang dần dần thành hình. Sự kiện năng gặp gỡ nhau là điện nam châm làm cho các mảnh vụn xã hội hút lại nhau.

Trong số nghệ sĩ mới quen như Hoàng Quốc Bảo, Trần Quảng Nam... tôi hay tới gặp Đông Duy, con trai của anh bạn già Hoàng Nguyên, cựu công chức lớn của Bộ Thông Tin thuở chúng tôi là người đồng sở. Đông Duy vốn là ký giả, nay trở thành chủ nhân một nhà in nhỏ và lập một cơ sở ấn hành lấy tên là ĐÔNG PHƯƠNG. Anh là một trong những người đầu tiên tung ra sách báo Việt Nam ở Mỹ. Số ra mắt của tập san mang tên TIN VĂN với chủ đề **Tháng Năm Đen** có bài bình luận chính trị của Tô Văn, nhạc của Trần Quảng Nam, thơ của Hoàng Khởi Phong... làm tôi có cảm hứng để soạn ngay một bài hát có tính chất tuyên ngôn được dùng để đồng ca vào ngày dân tị nạn cũng gọi là Ngày Quốc Hận như ngày đất nước bị phân đôi vào năm 1954 :

*Tháng Tư Đen ! Xin cúi đầu mình xuống  
Khóc quê hương, trời trong tay bạo cường  
Tháng Tư Đen ! Ba mươi năm quật cường  
Tàn tanh vì lọt vào tay đế quốc...*

Bài hát mang tên **Tháng Tư Đen** muốn ghi lại xúc động chung của người Việt tị nạn. Tên bài hát nhắc tới tên một tổ chức chống đối của người Palestine : BLACK SEPTEMBER. Nó có cái mạnh của một tổ chức tranh đấu cũng mang phận lưu vong như Việt Nam này. Tuy nó nói tới sự đen đui của số mệnh quốc gia, sự đen tối trong đầu óc mọi người, nhưng nó có thêm cái bóng bẩy, cái đả dạng vì nó đưa ra những hình ảnh như :

*Tháng Tư Đen ! Xin cúi đầu một phút  
Nhớ anh em, sống trong ngục trong tù  
Tháng Tư Đen ! Nuôi cho sâu hận thù...*

*.....  
Tháng Tư Đen ! Xin ngược mặt nhìn tới  
Tới tương lai, tới quê hương vời vợi  
Tháng Tư ơi ! Hơn năm mươi triệu người  
Như một người, phải thành công mới thôi !*

Nó không hẳn là cảm thức của một người, nó là chữ mới, ý niệm mới trước đây không có (ngày quốc hận năm 1954 không có thêm cái tên Tháng Bảy Đen, chẳng hạn) bây giờ được đám đông cùng nghĩ, cùng chia sẻ. Nó là một thứ truyền cảm, một thứ keo sơn muốn thắt lại sự rời rã trước đây của cái trở nên Cộng Đồng Việt Nam :

*Này người Việt ở trên thế giới  
Nào cùng nhau họp chung khí giới  
Cất tiếng đòi tự do cho triệu đồng bào ta.  
Hãy đoàn kết lại !  
Tháng Tư ơi ! Hơn năm mươi triệu người  
Như một người, phải thành công mới thôi !*

Sau khi soạn ra vài bài hát phản ảnh những bước đi đầu tiên của tôi trên con đường tạm dung (hay con đường tự do cũng thế) tôi nhận được tin anh Vũ Hoàng Chương qua đời. Tôi sực nhớ tới những câu thơ anh viết ra từ ngày mới rời Bắc vào Nam :

*Lũ chúng ta lạc loài dăm bẩy đũa  
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.*

Ngày còn ở Fort Walton Beach, cũng như mọi người tị nạn, tôi đang bị tê liệt sau cơn chấn động. Đời sống riêng của tôi là sự hoang mang, đời sống chung của đồng hương là một môi trường không có gì giao thoa với nhau được cả. Ai cũng sống trong cảnh xa lạ, nhiều thương, tan tác. Nói tới chuyện lưu vong hay di tản, mọi

người đều chưa thấy chiều hướng rõ rệt của nó. Chưa ai tìm ra và nói lên ý nghĩa của cuộc ra đi vừa vĩ đại vừa bi thương này. Lúc đó ai cũng chỉ có ý nghĩ trốn thoát Cộng Sản, chưa ai xác định cuộc ra đi là chống Cộng. Trong tôi, có cả ngàn mặc cảm. Tôi còn lắm cảm cho rằng có lẽ Cộng Sản đúng (vì chiến thắng), mình sai (vì phải bỏ nước ra đi). Câu thơ của họ Vũ sống lại trong tôi khi nghe tin anh chết. Trong hoang mang, tôi đặt dấu hỏi vào câu tự thán của nhà thơ :

*Có phải tôi là người quê hương ruộng bỏ ?  
Có phải tôi là người giống nòi khinh ?  
Có phải tôi là người quê hương nguyên rủa ?  
Có phải tôi là người giống nòi xua ?*

Tôi khẳng định ngay rằng quê hương và giống nòi không ruộng bỏ, khinh khi, nguyên rủa, xua đuổi tôi đâu :

*Quê hương tôi ơi ! Tôi sinh ra ở đây  
Tôi lớn lên cùng với phận cỏ cây  
Vững chắc như tre, đăm mê như ngọn lửa  
Tôi bám rễ vào nước mặn đồng chua.*

Tôi phải bước đi vì *những quyền làm dân đã chết trong tay quân gian tham độc đoán* và tôi hẹn sẽ về *giải phóng quê tôi...*

*... Mai này tôi về cùng quê hương rạng rỡ  
Mai này tôi về cùng với Tự Do  
Mai này tôi về cùng quê hương đổi mới (5)  
Mai này tôi về cùng giống nòi tôi.*

---

(1) Nếu đừng quá vội vàng, mua nhà ở đường Newland (bên cạnh Hunter) thì rất phù hợp với cảnh mình : đường Đất Mới trong Thị Trấn Giữa Đàng.

(2) Tham ăn là dễ bị cholesterol làm nghẽn mạch máu. Ít đi xe hơi, đi bộ nhiều nhiều thì tránh được chết non.

(3) Bolsa tiếng Mỹ là buôn bán.

(4) Chưa kể Tàu Trung Cộng cũng có mặt trong các hoạt động thương mại, văn hoá...

(5) Vào năm 1978 mà tôi đã nói đến quê hương cần phải đổi mới !

*Lạy Phật Trời, tôi lạy tổ tiên  
Hãy cho tôi thấy đất liền  
Hát Trên Đường Vượt Biển*

## Chương Chín

Vào lúc giữa năm 77 này, bỗng xảy ra hai biến động cực kỳ to lớn (sau biến cố 30-4). Hai biến động này làm thay đổi thái độ của người lưu vong.

Trước hết là Phong Trào BOAT PEOPLE. Hàng ngàn người Việt bỏ nước ra đi dù nước Việt Nam trên danh nghĩa đã hoàn toàn độc lập và thống nhất. Phong trào boat people là hồi chuông báo động về sự vi phạm nhân quyền của Hà Nội. Sau gần ba năm Cộng Sản chiếm được miền Nam và trị dân bằng một chính sách vô nhân đạo, dù toàn dân phản đối nhưng không có tin tức nào lọt ra thế giới để tố cáo những trại cải tạo ở Việt Nam. Phong trào boat people với sự hùng vĩ và thảm thương của nó làm rúng động thế giới. Nó xảy ra đúng lúc Tổng Thống Hoa Kỳ Jimmy Carter đưa vấn đề nhân quyền lên hàng đầu trong quốc sách Hoa Kỳ. Thế là ở Mỹ, cả chính phủ (Dân Chủ) lẫn dân chúng (như Joan Baez, Ginette Sagan và nhiều danh nhân khác...) sau khi mang nhiều mặc cảm vì Hoa Kỳ nhảy sỏ vào Việt Nam một cách thiếu cương quyết rồi rút lui khỏi Việt Nam một cách nhục nhã và thiếu trách nhiệm, nay muốn chuộc lỗi xưa nên tất cả đều hăng hái giúp người vượt biển. Do sự vận động của Thượng Nghị Sĩ Kennedy, Tổng Thống Carter ký sắc lệnh cho phép

14.000 người vượt biển vào Hoa Kỳ trong mỗi tháng. Hoa Kỳ còn ra lệnh cấm vận (1) khi Việt Cộng xâm chiếm Campuchia. Với sự quan tâm tới nhân quyền ở Việt Nam, sự đón nhận rộng rãi thuyền nhân Việt Nam và với sự trừng phạt Việt Cộng của Hoa Kỳ, tôi thấy Nữ Thần Tự Do đã xoay nhìn về hướng Đông Phương như tôi từng van nài qua bài hát trên đường tạm dung rồi ! Ai dám bảo (nói phét chơi) tượng đá không biết nghe bài hát nhỏ bé của một kẻ *du ca, di tản buồn cười* là tôi ?

Đối với người Việt tị nạn, biển cố người vượt biển cho thấy một chiều hướng tất yếu. Đó là sự ưu thắng của chủ nghĩa Cộng Sản chỉ là nhất thời. Ưu thắng của cái gọi là yếu tố Việt Nam, nhất thời bị thua thiệt nhưng chung cuộc nó có triển vọng thắng lợi. Tôi không cần viết ra đây những hành động nhốt quân nhân, công chức, trí thức, văn nghệ sĩ vào trại cải tạo, vợ vét tiền bạc của người dân qua những đợt đánh tư sản, đổi tiền... mà ai cũng biết. Một chế độ mất lòng dân như thế sẽ không thể tồn tại. Người dân phản đối bằng cách vượt biển ra đi, bất chấp sự hiểm nguy. Ra tới thế giới tự do, một người vượt biển là một phòng Thông Tin tố cáo chế độ phi nhân của Việt Cộng. Liên Xô có một Soljenytsyne để nói về Gulag Archipelago, Việt Nam có hàng triệu Soljenytsynes để tố cáo quần đảo lao tù.

Đang cần có một chủ đề để hành động, tất cả người Việt tị nạn ở trên thế giới ào ào tổ chức những công tác cứu nguy người vượt biển và tố cáo sự vi phạm nhân quyền trầm trọng của Cộng Sản. Cần nói tới một hành động điển hình nhất là một đám đông người Việt đi biểu tình ở Hoa Thịnh Đốn, trong đó có nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, bị đau chân nên bỏ giày đi đất. Trong đêm tối, tay cầm nến, họ tới tụ tập trước Tòa Bạch Ốc. Tổng Thống Carter đã viết trong Hồi Ký là : *"... Trong đêm đó, ở trong Phòng Bầu Dục (Oval Room) nhìn ra ngoài, tôi thấy những ngọn nến lung linh giống như những linh hồn của đám người chết trên biển ! Tôi rất cảm động và hôm sau ký ngay sắc lệnh giúp đỡ người vượt biển..."*

Vượt biển ! Thật là đúng với sứ mệnh của dân mình, vì chữ việt luôn luôn mang ý nghĩa vượt. Tôi còn cho rằng bức tường Berlin bị đập tan vào năm 1989 cũng do có phong trào boat people của Việt Nam đứng bên cạnh những phong trào đòi nhân quyền ở Đông Âu như Công Đoàn Đoàn Kết Solidarnosc ở Ba Lan chẳng hạn.

Biển cố **boat people** đến cùng lúc với biển cố chia rẽ trong nội bộ Cộng Sản Á Đông qua hai cuộc chiến tranh giữa Hà Nội và Bắc Kinh, giữa Việt Nam Đỏ và Khờ Me Đỏ. Đã có mâu thuẫn trầm trọng giữa Liên Xô và Trung Cộng rồi, nay có thêm hai vụ đổ máu Việt/Trung và Việt/Miên, tôi nghĩ rằng ngày tận số của khối Cộng Sản không xa lắm đâu. Quả nhiên, giờ khai tử của chủ nghĩa Cộng Sản sẽ điếm vào đầu thập niên 90. Đối với thời gian của lịch sử, từ 1977 tới 1992, 15 năm có là bao ?

Làm sao mà một nhạc sĩ đang đói đề tài như tôi lại có thể đứng vững trước phong trào boat people được ? Trong lòng đầy kính phục và thương cảm, tôi soạn bài **Hát Trên Đường Vượt Biển** hay là **Hát Cho Người Vượt Biển** :

*Này đoàn người đang vượt biển Đông  
Bé li ti như chiếc lá trong rừng  
Người liêu mạng đang vượt trùng dương  
Như hạt cát giữa sa mạc nóng  
Đoàn người hùng đang vượt biển rộng  
Mũi kim khâu ở đồng rơm khô  
Này đoàn người đi tìm tự do*

*Muốn tìm người, thật là khó !*

.....  
*Này đoàn người đang vượt biển Đông  
Kiếp mong manh như áng mây hồng  
Người gửi mình trong lòng đại dương  
Treo đời sống giữa hai sợi tóc  
Người chập chờn giữa trời biển rộng  
Đã bao lâu thành đám thây khô  
Này đoàn người đi tìm tự do  
Cứu được người, thực chẳng khó...*

Trong khi tôi đang lạ Trời Phật, lạ Thần Biển, lạ loài người, lạ tổ tiên trong bài hát để xin tất cả ra tay cứu giúp bé ngây thơ trong bão toại bờ, giúp ông bà lão nghiền răng cầm lái, đoái thương đôi trẻ mới se duyên, phù hộ cho họ mau mau thấy đất liền... thì TRỜI ĐẤT ƠI ! Các con tôi cũng đang lên đênh trên biển cả !

Giấy bút đã không đủ để viết ra sự thống khổ ngày xa con thì bây giờ tôi cũng không tìm đủ chữ để diễn tả niềm vui sướng tột độ của vợ chồng tôi khi nghe giọng reo mừng của các con trong máy điện thoại : sau ba ngày vật vờ trên biển Đông, Minh, Hùng, Cường đã tới Pulau Tenga !

Nhờ trở tài "nhạc trẻ" để giải trí cho người tị nạn ở hòn đảo thuộc Mã Lai này, chúng được Cha truyền giáo ở trong trại cho ra thành phố và vào nhà thờ gọi phone cho bố mẹ.

Các cụ có câu phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí, nhưng vào hoàn cảnh gia đình tôi, cái phúc tới hai lần trong một lúc : Duy Quang cũng vừa tới Paris ! Làm sao tôi không khỏi quý lạ ngoài đời từ Trời Phật, tổ tiên tới loài người như đã quý lạ trong bài hát cho người vượt biển.

Cũng phải mất từ 4 tháng tới 8 tháng mới hoàn tất mọi thủ tục đoàn tụ để mọi người trong gia đình tôi ôm nhau trong tiếng khóc tiếng cười...

Nhưng ngay từ cuối 77 qua đầu 78, tôi như ròng lại gặp mây, điều lại gặp gió, tiếp tục đi trên những con đường đã phác họa :

**con đường tự do** ở hải ngoại với *tị nạn ca*,

**con đường mất tự do** ở trong nước với những ngục ca.

Rồi tôi còn thông dong đi trên **con đường dẫn tới những năm 2000** với *mười bài rong ca*.

Và cuối cùng, chắc chắn sẽ phải có ngày được hát trên **con đường về** với những *đạo khúc thiên ca*...

Tóm tắt lại, biến cố **boat people** và vụ xua quân xâm chiếm Cao Miên khiến cho thế giới chán ghét Việt Nam Cộng Sản, chính phủ Hà Nội bị cô lập hoàn toàn về chính trị và kinh tế khiến tôi hoàn toàn hết bi quan về thời thế. Sự đoàn tụ với các con khiến lòng tôi không còn một sợi tơ buồn khổ. Tôi là chim Quyên đã cầu cổ quyên sinh hay thổ huyết chết, nay tái sinh từ đồng xương tro của mình, cất *tiếng hát to* như ngày nào hát trong **mười bài tâm ca**.



Tiếng hát có được nhiều người nghe hay không, đó là chuyện khác.

(1) Cho tới khi tôi viết những dòng này lệnh cấm vận đã được bãi bỏ.

*Ta không mất quê hương vì quê hương còn đó  
Ta có xa cửa nhà là vì yêu đời tự do...*  
**QUÊ HƯƠNG CÒN ĐÓ**

## Chương Mười

Khi tôi trở thành kẻ lưu dân và phải tới sinh sống ở Mỹ, tôi đã quá tuổi 55, cái tuổi khó sống nhất của người Đông Dương tị nạn. Không còn trẻ để có thể tranh việc với người Mỹ, chưa tới tuổi về hưu để được hưởng tiền trợ cấp tuổi già, ai cũng đều không tránh khỏi lo âu. Nhưng một số bạn cùng lứa tuổi tôi cũng nhanh chóng khắc phục khó khăn để có một đời sống khá đầy đủ, vì quả rằng Mỹ quốc là một *land of opportunities* (nước có nhiều cơ hội tốt). Về phần tôi, đâu dám nghĩ rằng có thể sống bằng nghề nhạc được nên tôi đã tính tới chuyện đi học nghề địa ốc, nghề ráp máy điện tử hay mở hàng ăn... Nói cho ngay, khi vừa đặt chân tới Hoa Kỳ, tôi đã được anh bạn Mỹ Dick McCarthy ở Maryland giới thiệu đi làm *professor in residence* (dạy nhạc) tại một trường Đại Học ở tiểu bang Maine, nhưng vì sợ cái lạnh chết người nên tôi từ chối.

Nhưng thật là may cho tôi quá, tôi đã nhanh nhẹn làm nghề sản xuất băng cassette và móc nối ngay với những bạn ca sĩ Hoa Kỳ rồi cùng họ đi hát tại những *university tours* cho khán giả trẻ và tại những *community tours* cho khán giả già... để nuôi nôi cả gia đình, một nửa ở Mỹ, một nửa ở Saigon. Rồi theo đà đó, tôi đi hát tại một số cộng đồng Việt Nam đang dần dần thành hình ở nhiều nơi trên thế giới.

Tuy nhiên, tôi cũng ý thức được rằng với tuổi đã cao, với thành phần ca sĩ nhỏ bé có 3 người và với tài năng yếu kém so với nghệ sĩ Mỹ, tôi không thể nào chen chân vào thế giới âm nhạc Mỹ Quốc được. Tôi tự nghĩ mình chỉ có thể phục vụ cho cộng đồng Việt Nam mà thôi, dù tôi biết rằng sẽ gặp nhiều khó khăn. Tôi không còn cái gọi là "quảng đại quần chúng" như khi còn ở trong nước để cố gắng tấm lòng qua âm nhạc nữa rồi. Cộng đồng Việt Nam đã thưa thớt, lại ở tản mác khắp mọi nơi, đi lưu diễn trong lục địa Hoa Kỳ cũng đã rất là khó nhọc, nói gì đi hát ở Âu Châu, Úc Châu?

Nhưng Trời Phật giúp tôi, sau gần 1,500 ngày xa cách cha mẹ, các con tôi đã qua Mỹ. Ban THE DREAMERS (gồm Duy Quang, Duy Minh, Duy Hùng, Duy Cường, Thái Hiền, có thêm Julie và Thái Thảo) tái xuất hiện tại Hoa Kỳ.

Tôi giải tán ban tam ca THE PHAM DUY FAMILY SINGERS, dành toàn thì giờ để sáng tác, sản xuất và phát hành băng nhạc, sách nhạc.

Những nhạc tập mang tên **Hát Trên Đường Tị Nạn, Nghìn Trùng Xa Cách, Dân Ca** và những cuốn sách **Tự Học Đàn guitar** được tôi hoặc cơ sở ĐÔNG PHƯƠNG của Đông Duy ấn hành.

Những nhạc tập đều có thêm lời ca Anh Ngữ do một bà giáo người Mỹ lấy chồng Việt là Mary Nguyễn sửa chữa dùm tôi. Hầu hết những tị nạn ca của tôi được cựa và tần giám đốc cơ sở SHOTGUNS Ngọc Chánh (1) thu vào các chương trình cassette...

Như đã nói ở trên, trong phạm vi sáng tác, đã có những bài hát cho đời sống tự do của người Việt hải ngoại, tôi cũng cần phải soạn bài hát cho người mất tự do ở trong nước. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy rằng cả hai loại ca đó đều là những bài hát về quê hương. Giống như những ca khúc mà tôi soạn ra từ những năm vừa di cư từ Bắc vào Nam (1953). Có khác nhau là ở chỗ bây giờ nó không chứa đựng những hình ảnh tuyệt vời của quê hương nữa... Đó là những bài hát **ảo ảnh quê hương** hay là **ác ảnh quê hương** mà thôi.

Có trong tay một ban nhạc, ban này ngoài việc mưu sống bằng nhạc khiêu vũ tại những night club, còn được đồng hương coi như đại diện của tiếng hát quê hương. Được mời hát cho cộng đồng, tôi phải cung cấp những bài hát mới cho các con. Và cũng lại phải soạn **nhạc quê hương** thôi !

Tiếp tục soạn những bài có tính cách tuyên ngôn như **Ta Chống Cộng Hay Ta Trốn Cộng, Có Phải Tôi Là Người Quê Hương Ruồng Bỏ Giống Nòi Khinh...** bây giờ tôi có thêm bài **Người Việt Cao Quý**, xưng tụng :

*Những mẹ già trên đường tị nạn  
Dưới mưa phùn hay tuyết lạnh mùa Đông...*

*.....  
Những cha già đang ngồi tuyệt thực  
Nhắc nhân quyền cho nhân loại phải nghe  
Lặng nghe đây tiếng người bất khuất  
Từ hơn ba mươi năm về trước  
Hiến đời mình cho nước Việt Nam.*

Rồi tôi xưng tụng :

*Những em nhỏ tay cầm ngọn cờ  
Cờ da vàng với ba dòng máu  
Máu Việt Nam đổi lấy Tự Do  
Máu đàn anh nhắc nhủ trẻ thơ...*

Cuối cùng, tôi kêu gọi :

*Những người Việt sống ở nghìn phương  
Vẫn còn nuôi tình tự quê hương  
Nắm tay nhau trên đoạn đường trường...*

Bài hát **Ta Là Gió Muôn Phương** soạn ngay sau đó cũng có tính cách tuyên ngôn, khẳng định người Việt đã từ quốc gia vượn ra quốc tế rồi :

Ôi ! Này hồi gió lạnh  
Miền Gia Nã Đại phủ tuyết bốn mùa  
Là gió căm thù của người di cư  
Ôi ! Này gió sa mạc miền Úc thừa người  
Làn gió nung hồn của anh với tôi.  
Này làn gió Thu, bên bờ sông Seine  
Làn gió mát thổi lá chết về nơi hoá kiếp  
Ôi ! Làn gió Xuân về xứ anh đào  
Rồi vượt sóng ghé Hạ Uy Di vút về Cali...

Rồi cuối cùng tôi cũng tuyên bố :

Ta từ cõi Nam Việt  
Làn gió lên đường để thoát gông cùm  
Tự do vẫy vùng thổi vào muôn phương...

Những bài hát tuyên ngôn, tự tình hay hoài hương mà chỉ là ảo ảnh quê hương đều mang những ưu tư và khẳng định. Thi nhân Vũ Hoàng Chương vẫn còn ám ảnh tôi nên tôi soạn bài **Chỉ Còn Nhau**, câu đầu là thơ của họ Vũ :

Đôi ta mất hết, chỉ còn nhau  
Chỉ còn trước sau  
Niềm đờn đau với nỗi hận sầu  
Buồn thương lai láng như biển sâu.  
Đôi ta đã mất cả mộng mơ  
Chỉ còn xác xơ, hình bóng xưa  
Dĩ vãng mịt mù  
Buồn như chiếc lá rụng, mùa Thu.

Tôi cho rằng còn nhau là chưa mất hết, chưa mất gì cả. Vấn đề đặt ra là ta có ngồi chung lại với nhau hay không ? Hay cứ nghìn đời sống chia rẽ ? Tôi van xin mọi người :

Ngồi lại đây, xin ôm chặt lấy  
Bàn tay này chứa đựng hôm nay.  
Năm ngón gầy đưa nhau tìm lối  
Năm ngón dài ve vuốt tương lai.  
Ngồi kề vai, hôn không từ chối  
Vết thương lòng khép kín nghỉ ngơi  
Rồi cùng đi xây duyên tình mới  
Thế gian này sẽ bớt đơn côi.

Cuối cùng tôi khẳng định :

Ta chưa mất hết, vì còn nhau  
Còn cần khát khao, cần biết yêu  
Biết giữ tình đầu  
Tình hôm nay nối qua tình sau.  
Ta xây dĩ vãng của ngày mai  
Bằng tình lứa đôi, dù ngắn hơi  
Tiếng hát còn ngời  
Tình ta như nắng mọc ngoài khơi.  
Ta chưa mất hết vì còn nhau

Cùng nhau nương nấu trong ân tình sau.

Với thói quen đưa nhiều nhân vật vào bài hát, bây giờ **tị nạn ca** của tôi lại chất chứa những hình ảnh *mẹ già, con thơ, anh trai, chị gái* trên đường tạm dung... hoặc *người rao hàng, ông bà hàng xóm, anh chiến sĩ, lũ học trò, người già, em bé* ở trong nước

trước kia hay hiện nay. Bài **Tiếng Thời Xưa** là bài hát nhớ nhung những tiếng nói, tiếng hát, tiếng động quen thuộc xa xưa :

*Có ai nhớ tiếng rao hàng buổi sáng  
Tiếng xe máy rú trên đường thành đô  
Có ai nhớ tiếng chuông chùa đầu ngõ  
Tiếng chim hót, tiếng học trò hò la.  
Có ai nhớ tiếng đêm về mùa nóng  
Tiếng mưa vỗ những mái nhà lợp tôn  
Những câu nói tiếng cha mẹ từ tốn  
Tiếng đôi lứa, tiếng e thẹn chờ hôn.  
Giờ ở trong nước cảm lặng tiếng rồi  
Giờ ở ngoại quốc, xa lạ tiếng người  
Tôi thương nhớ lời nói của người yêu hờn dỗi  
Lời Mẹ tôi thường vỗ về tôi  
Có tôi nhớ tiếng ông bà hàng xóm  
Tiếng anh chiến sĩ, say rượu, cười vang  
Có tôi nhớ tiếng bé đùa ngoài nắng  
Tiếng êm ái, tiếng tôi gọi : Việt Nam !*

Bài này gợi lại những âm thanh của thủ đô miền Nam. Bài **Thương Nhớ Saigon** soạn ngay sau đó gợi lại hình ảnh thành phố những ngày chưa bị thay tên :

*Saigon ơi ! Tôi thương và tôi nhớ  
Tôi nhớ Saigon, mà như nhớ người tình  
Từng hàng cây lung linh, từng bóng mát  
Tôi nhớ từng nhà, từng khu phố hiền lành  
Từng buổi trưa đi trên đại lộ tươi sáng  
Phố xá Saigon, rộn ràng mạch sống từng bừng  
Từng chiều êm yên vui về trong ngõ vắng  
Gió mát Saigon mơn trớn tình nhân.  
Những đêm không trăng, soi hồn vào ngọn hỏa châu  
Sớm mai sơn sao, chim đậu cột đèn gọi nhau  
Tháng năm trôi mau, giữa Saigon yêu  
Kỷ niệm thật nhiều  
Cùng nắng sớm với mưa chiều.  
Saigon ơi ! Yêu tôi xin chờ tôi nhé  
Tôi sẽ trở về để hôn những vĩa hè  
Của Thành Đô, cao sang và say đắm  
Chia sót tủi hờn và xây đắp tình nồng  
Saigon ơi ! Dù có thay tên  
Mà người yêu còn nhớ không quên  
Chẳng bao giờ quên !*

Cùng một lòng thương nhớ Saigon, trong thời điểm này, một số lớn thi sĩ, nhạc sĩ ở trong và ngoài nước như Nguyễn Đình Toàn, Nam Lộc, Hoàng Thi Thơ, Song Ngọc v.v... cũng soạn ra những bài như **Saigon Ôi Vĩnh Biệt, Saigon Niềm Nhớ Không Tên, Saigon Vĩnh Biệt Tình Ta, Saigon Bây Giờ Buồn Không Em, Saigon Của Tôi, Saigon Ôi Đã Hết...**

Tôi đã có lúc băn khoăn tự hỏi : Tại sao lũ nghệ sĩ chúng tôi không khóc một nước Việt Nam mà lại chỉ khóc một thành đô ? Về sau tôi mới ngộ ra rằng đó là phản ứng của nhân dân Việt Nam trước việc thay tên Saigon bằng tên Thành Phố Hồ Chí Minh. Người ta có thể không đặt phần quan trọng vào việc thay đổi danh hiệu của chế độ dù người ta cũng đã nhạo báng cái tên xã hội chủ nghĩa bằng đủ mọi danh từ

như xếp hàng cả ngày, xạ hết chỗ nói, xuống hố cả nút v.v... Nhưng đổi tên Saigon là Thành Phố Hồ Chí Minh là một sự áp đặt bất chính, trịch thượng của kẻ chiến thắng bằng bạo lực. Giới soạn nhạc ồ ạt phản đối bằng những bài hát kể trên.

Tị nạn ca của tôi còn là những bài như **Dấu Chân Trên Tuyết**, cái tên có lẽ là dư âm của bài **Des Pas Sur La Neige** của Debussy nhưng nội dung thì buồn lắm :

*Dấu chân trên tuyết của một người lữ thứ  
Như mồ chôn một quá khứ nặng nề  
Dấu chân sâu đậm giữ nguyên niềm hờn tủi  
Của một người xa nơi miền ấm, nắng vui.  
Dấu chân be bé của mẹ già xứ nóng  
Sao buồn hơn một vệt bước trong bùn ?  
Dấu chân khô lạnh chứa muôn vàn khổ nhục  
Của mẹ lia con hay vợ lữ xa chồng.*

Đó còn là *dấu chân tung toé của lũ trẻ thơ đùa rờn...* Nếu đó là *dấu chân êm ái của vài lứa tình nhân*, nó cũng không che lấp được nỗi sầu xa tổ quốc. Tất cả đều chỉ là *dấu chân bạc phước của những người vắng quê hương...*

*Dấu chân trên tuyết của bao người xa xứ  
Tan dần khi làn nắng ấm Xuân về  
Nếu trên con đường đã mọc loài cỏ dại  
Thì còn hằn in một vài dấu chân người  
Thì còn trong tim ta, đậm dấu chân người.*

Bài **1954 Cha Bỏ Quê - 1975 Con Bỏ Nước** nói lên sự mất mát to lớn của hai thế hệ người Việt, khi cả đời cha lẫn đời con, trước kia và bây giờ, đều phải xa lánh chế độ độc tài, bỏ nhà, bỏ nước ra đi :

*Một ngày năm bốn, cha bỏ quê xa  
Chôn đã chôn rau, cắt rốn bao nhiêu đời  
Một ngày năm bốn, cha bỏ phương trời  
Một miền Bắc tối tăm mưa phùn rơi.  
Một ngày năm bốn, cha bỏ Sơn Tây  
Đất dúi con thơ, vô sông nơi Biên Hoà  
Dù là xa đó cũng là quê nhà  
Và miền nắng soi vui gia đình ta.  
Một ngày bảy lăm, con bỏ nước ra đi  
Hai mươi năm là hai lần ta biệt xứ  
Giờ cha lưu đầy, ở ngay trên đất ta  
Và giờ con lưu đầy ở đây trên xứ lạ...*

*Một ngày năm bốn, cha lìa quê hương  
Lánh Bắc vô Nam, cha muốn xa bạo cường  
Một ngày bảy lăm, đứng ở cuối đường  
Loài quỷ dữ xua con ra đại dương...*

Bị ám ảnh bởi sự thay tên của Saigon, tôi có đoạn hát :

*Một ngày bảy lăm, con bỏ hết giang sơn  
Hai mươi năm tình, yêu người, yêu cuộc sống  
Giờ nơi nước mình, niềm đau thay nỗi vui  
Saigon đã chết rồi, phải mang tên xác người.*

Vẫn là một ước mong "qui về một mối" sau khi chịu cảnh tan tác chia ly :

*Một ngày dĩ vãng, ôi gần, hay xa  
Đất nước hai phen chứng kiến bao chia lià  
Đời của cha, con : hai lần vẫy chào  
Chào từ giã quê hương trong khổ đau.*

Không phải lúc nào cũng mở miệng ra là nói mất nước, mất hết, trong bài **1954 Cha Bỏ Quê - 1975 Con Bỏ Nước** này, tôi chỉ nói tới chuyện phải bỏ quê bỏ nước vì lý tưởng tự do, dân chủ. Tôi còn khẳng định không mất quê hương qua ca khúc **Quê Hương Còn Đó**. Và đó là niềm vui của chúng ta :

*Ta không mất quê hương  
Vì quê hương còn đó  
Ta có xa cửa nhà  
Là vì yêu đời tự do.  
Quê hương giấu trong tim  
Hồn mang thêm tổ quốc  
Ta sống nơi lưu đày  
Lòng ta vẫn không đổi thay...*

Trong bài này, tôi nói tới lòng yêu nước của chúng ta không bao giờ đổi thay, còn được nuôi dưỡng thêm bằng Đức Tin :

*Nam mô Quan Thế Âm  
Từ bi ngời bồ tát  
Lạy Đức Mẹ Ma-ria  
Hiền hòa cứu nguy đời ta.  
Ta đi giữa đêm đen  
Mà ta không lạc lối  
Ta sống hơn mọi người  
Vì lòng sáng ngời niềm Tin...*

Tất cả những tị nạn ca vừa kể đều được soạn theo âm giai Tây Phương. Tôi trở về với ngũ cung qua bài **Tình Nhân Loại Nghĩa Đồng Bào** :

*Trời cho anh được hơn muôn thú  
Sinh ra đời với kiếp con người  
Trời cho anh bộ tim khối óc  
Cho linh hồn, cho biết buồn vui.  
Mẹ cho anh còn hơn thế nữa  
Cho tấm lòng không thiếu không thừa  
Niềm vui hay niềm đau thấp tho ng  
Anh yêu người, giun đé còn thương.*

Qua bài này, tôi nhắc nhở những ai đang trong cơn khủng hoảng tinh thần hãy nên nhớ tới Mẹ Việt Nam, cội nguồn của chúng ta và cũng là nguồn gốc của tình yêu và lòng tha thứ. Trong cơn thống khổ, nếu ta tìm tới yếu tố Trời, Phật để được cứu rỗi thì ta cần biết rằng yếu tố MẸ cũng rất là quan trọng. Khi Phật cho em bàn tay mặng búp, xoa cõi đời chan chứa đau buồn, lệ em rơi thập phương, muôn hướng... khi em nhìn thấy cõi trầm luân... thì Mẹ cho em nhìn thấy luôn cảnh đất nước hoang tàn. và Mẹ ru em lời ru tranh đấu cho dân mình ra thoát lầm than... Với những người đang cảm vận mệnh đất nước ở trong tay, và đang để cho nước nhà lâm vào cảnh nguy nan, Mẹ mong sao cho họ có ngày biết rõ lỗi lầm, biết hối tiếc, biết khiêm tốn, biết đổi thay :

*Người van lơn, lạy ơn Thiên Chúa.  
Ban cho người Bác Ái, Khiêm Nhường*

*Tình yêu thương nở trên th nh gi  
Xin mang tội thế giới gần xa.  
Mẹ xin cho người cầm vận nước  
Hối tiếc vì đã rõ lỗi lầm  
Gục đầu đi, Mẹ cho khiêm tốn  
Khiến giống nòi sẽ thoát làm than.*

Sau Trời, Phật là cuộc đời. Nếu cuộc đời cho ta bàn tay sắt đá, với bước chân dài đi khắp cõi đời, và nếu cửa thiên nhiên, của chung không chiếm, biết chia nhau thì chúng ta sẽ sống bình yên. Sau tấm lòng, cái nhìn, sự khiêm tốn, Mẹ còn cho ta :

*... ngàn năm sử sách  
Nước non mình bao lúc nguy nàn  
Bàn tay ta cùng giờ tay nắm  
Thương nhau nhiều nên có Việt Nam...*

---

(1) Tôi rất mang ơn Ngọc Chánh vì anh là người tổ chức cuộc vượt biên và cho các con tôi đi theo. Qua tới Hoa Kỳ, Ngọc Chánh lăn xả vào nghề phát hành băng nhạc, rồi mở nhà in PERFECT PRINTING, nhà dancing RITZ... và cho tới bây giờ vẫn là người thành công độc nhất trong giới mở night club.

*Biển mở đường đi  
Biển lấp đường về...  
thơ Bắc Phong*

## Chương Mười Một

Đối với người Việt, biển có nhiều huyền thoại hơn đất, núi hay rừng, kể từ huyền sử qua dã sử tới lịch sử. Những huyền thoại như :

- \* Biển là bước đường cùng của **An Dương Vương**, sau khi nghe lời biển mới biết con gái **Mị Châu**, ngồi sau lưng ngựa rắc lông ngỗng để người tình **Trọng Thủy** tìm được mình và đem lại cái chết của Phụ Vương...
- \* Biển chứng kiến cuộc tình không phân chia giai cấp của **Công Chúa Tiên Dung** và người nghèo **Chử Đồng Tử**...
- \* Biển là bạn hiền an ủi **An Tiêm** trong lưu đày nơi đảo khơi...
- \* Biển là cõi tình của **Trần Khắc Chân** khi kéo quân vào Chiêm cứu **Huyền Trân** ra khỏi giàn hoả thiêu rồi hai người kéo buồm ra khơi, hai năm sau mới trở về đất liền...
- \* Biển là võ khí của **Đức Trần Hưng Đạo**, là đường phục quốc của **Hoàng Đế Gia Long**...
- \* Biển là nỗi buồn Nguyễn Du lúc chiều hôm trong **Truyện Kiều**, là lòng Mẹ bao la của Y Vân, là **Mẹ Trưng Dương** của Phạm Duy, là nỗi nhớ nhung (**Biển Nhớ**) của Trịnh Công Sơn trong âm nhạc...

Gần đây nhất, biển trở thành lẽ sống của người đi tìm tự do nhưng biển cũng là mồ chôn của hàng chục vạn sinh linh. Thi sĩ Viên Linh gọi biển là **Thủy Mộ Quan** qua một tập thơ dài. Tôi phổ nhạc nhiều đoạn trong tập thơ này...

*Trên huyết hải, thuyền trôi về một chiếc  
Chiều bầm đen, trời rục rờ đau thương  
Thân chìm xuống băng tuyết giờ tận biệt  
Sóng bạc đầu hối hả phủ trùng dương...*

*Thấp thoáng trần gian mịt mù bóng đảo  
Trôi về Tây, về Bắc, về Đông  
Trôi về đâu bốn bề thủy thảo  
Về đâu kiếp đăm với thân trầm...*

Đôi uyên ương Lê Uyên Phương gọi Biển là **Kẻ Phán Xét Cuối Cùng...**

*... Im lặng  
Hoàn toàn im lặng  
Chỉ còn lại bầu trời  
những vì sao  
nước biển đen ngòm  
và tiếng thở dài câm lặng  
Không một tiếng nói  
Không một lời đối thoại  
Chỉ có sự thất vọng  
và bóng tối hoàn toàn...*

*.....  
Biển đã đem đến sự sống  
Biển đã đem đến sự chết*

*Bằng ý nghĩ của con người  
Chúng ta đã phán xét chúng ta  
Biển chính là kẻ phán xét chúng ta...  
(Lê Uyên Phương)*

Còn tôi thì đã có một bài **Hát Cho Người Vượt Biển** trong đó biển là sự sống...

*Này đoàn người đi tìm tự do  
Muốn tìm người, thật là khó.*

*.....  
Lạy Trời Phật, cúi đầu mà coi  
Bé ngậy thơ trong bão toại bờ  
Lạy Trời Phật, xin nhìn ngoài khơi  
Ông bà lão nghiêng răng cầm lái  
Và còn lạy xin Ngài Thần Biển  
Đoái thương đôi trẻ mới se duyên  
Lạy loài người, tôi lạy tổ tiên  
Hãy cho tôi thấy đất liền...*

Nhưng Diệu Văn, một thi sĩ tị nạn ở Hạ Uy Di lại nhìn Biển Đông là một biển máu. Tôi đưa bài thơ về sự chết của thi sĩ Diệu Văn vào một ca khúc :



*Ra biển chiều nay thấy máu máu đỏ  
Máu đỏ bầu trời, máu đỏ chân mây  
Gió rên siết như ngàn lời uất hận  
Sóng gầm gừ giận dữ cát tung bay.  
Ra biển mà coi xác người trôi dạt  
Xác của người già, xác của em thơ  
Xác trôi quanh, tóc nhòa theo sóng cuộn  
Hố mắt đen ngòm, bầy cá đùa chơi.  
Ra biển chiều nay thấy người hấp hối  
Ngồi ôm nhau, nhịn đói đã bao ngày  
Chiếc thuyền con chồng chênh theo ngọn sóng  
Đi về đâu trời bão tố đêm nay ?*

Qua bài thơ **Biển Máu** dữ dội này, thi sĩ cho ta thấy chính trị tuyệt vời, tôn giáo cao siêu đến đâu cũng không ngăn được cảnh thống khổ của Việt Nam hôm nay và cho mọi người thấy những gì đã biến biển Thái Bình thành ra biển máu :

*Một lũ điên cuồng mang màu chủ nghĩa  
Khổng giáo tam tài, phong kiến vua tôi  
Lão vô vi, Phật luân hồi, Chúa bác ái  
Đong mãi không đầy một chén cơm voi.  
Ra biển chiều nay thấy máu máu đỏ  
Máu của chị và máu của anh em  
Tư bản đến : bom đạn và thuốc độc  
Cộng Sản vào : xác ngập Thái Bình Dương*

Thi sĩ cũng không quên kết tội những hải tặc gây bao tội ác ở giữa biển và những dân tộc ở vùng biển Đông xưa đuổi người vượt biển không cho vào bờ :

*Ra biển mà coi lũ người ác nghiệt  
Xua đuổi thuyền bè, cướp của hãm hiếp  
Máu lương dân sẽ oà trong giấc mộng  
Dân chúng quanh vùng miền nước Biển Đông.*

Dù có lúc không đỏ như máu, biển xanh bao la bây giờ là sự chia cách não nùng giữa những vợ chồng son. Qua một bài hát buồn nhan đề **Ở Bên Nhà Em Không Còn Đứng Đợi Chờ Anh**, tôi nói tới cảnh thân yêu ngày trước ở một tổ ấm nào đó tại miền Nam Việt, chiều chiều người vợ ra đứng đầu ngõ đợi chồng... Đi làm về, chồng âu yếm hôn lên mắt vợ, rồi sau ngày 30-4, chồng vượt biên qua Mỹ, vợ kẹt lại ở nhà. Người chồng ra biển rộng, gọi tên người vợ thân yêu :

*Ở bên nhà em không còn đứng đợi, chờ, mong  
Đợi anh về, anh hôn vào mắt nàng màu nhung  
Ở bên nhà em đi lao động  
Ở bên này anh ra biển rộng, gọi trùng dương  
Trùng dương nào đã chia lìa đôi vợ chồng son  
Trùng dương còn thêm cất rời cha mẹ và con (1)*

Trùng dương được tôi biện hộ : chế độ mới là nguyên nhân của sự chia cách :

*Trùng dương nào hay chế độ nào  
Đẩy con người vô kiếp nghẹn ngào, kiếp xa nhau.  
Nhớ đôi tay em, xưa xinh như mộng  
Tay vuốt tóc chồng, tay nựng con thơ  
Nhớ đôi môi em, ôi đôi môi mộng  
Ca hát cho đời thêm sắc thêm hương  
Ở bên nhà đôi tay ngà em vục bùn đen  
Ở bên nhà đôi môi mềm thú vạ tội oan*

*Ở bên này sống với ác mộng  
Từng đêm ngày anh ra biển rộng khóc thương em*

Bài **Ở Bên Nhà...** này được phát thanh trên Đài VOA trong năm 1978, sau đó ông Lê Văn, người phụ trách chương trình Nhạc Hải Ngoại nhận được bức thư cảm ơn của một thiếu phụ ở Cần Thơ vì bài hát nói lên cảnh ngộ của bà. Cũng như thế, vào tháng chạp năm 1991, tôi nhận được lá thư của một người bạn văn, mở đầu bằng câu : "Tôi ngồi viết thư cho anh trong khi bầy chim đang hót trong phòng..." Thế là nhạc phẩm **Bầy Chim Bỏ Xứ** của tôi đã được ba Đài VOA, BBC và RFI... cho mượn không gian để bầy chim tự do đã vỗ cánh bay về.

Tiếp tục soạn những bài ca xây dựng **huyền thoại biển**, sau bài **Ở Bên Nhà Em Không Còn Đứng Đợi Chờ Anh**, tôi có bài **Lấp Biển Vá Trời** :

*Chúa đã phán rằng có được niềm Tin  
Thì mình có thể vá được trời xanh  
Xê dịch núi rừng, lấp cạn trùng dương  
Anh có nghe chẳng  
Anh có nghe chẳng lời em khẩn nguyện ?*

Sau cảnh chồng ra biển gọi vợ tới cảnh vợ ở ngoài nước muốn làm phép lạ -- lấp biển vá trời -- để cứu chồng ra khỏi trại cải tạo rồi vượt biển tới bến bờ tự do.

Tôi đã từng nói tới sự trao tình giữa nghệ sĩ với thiên nhiên (sentiment de la nature). Tôi không dám "khoe" rằng nỗi buồn trong nhạc của tôi lúc này đạt tới rung động trùng dương (sentiment océanique) nhưng trong hoàn cảnh được ra chốn trời cao biển rộng và trước những nghịch cảnh vô cùng đớn đau, tình cảm của tôi không còn kích thích của lũy tre xanh, con đê nhỏ, cánh đồng xanh xanh nữa. Đã mang tâm sự của con dạ tràng (lấp biển Đông) rồi, tôi còn muốn phóng tình cảm lên tới vũ trụ (sentiment cosmique) nghĩa là muốn theo gót bà Nữ Oa (đội đá vá trời) qua bài hát này. Tất cả không ngoài ước muốn cùng con người Việt Nam của thế kỷ, với nhiều phép lạ, chống lại định mệnh ngặt nghèo.

Bài **Lấp Biển Vá Trời** này muốn có ngày rung được Trời Đất, để người chồng thoát được ngục thất, bay được lên trời, hay vượt biển khơi đến bên người vợ, gần nhau suốt đời. Vào lúc này, trong những bài hát của người lưu vong, tôi luôn luôn dựa vào Niềm Tin và Hi Vọng :

*Nếu vẫn khó lòng vá được trời xanh  
Phận hèn không thể lấp cạn đại dương  
Xin được sống còn, giữ vẹn lòng son  
Xin mãi yêu thương  
Xin mãi yêu thương người nơi cuối đường.  
Chúa sẽ thương tình vá lại hồn em  
Bằng niềm Tin để lấp biển sâu thương.  
Sống được trong đời, hi vọng còn nuôi  
Nuôi mãi tin yêu,  
Nuôi mãi tin yêu, gửi nơi cuối trời.  
Còn niềm Tin mãi nơi ta  
Thì rồi sẽ nói duyên xưa...*

Biển và nạn hải tặc còn bắt tôi phải nói lên và chống lại số phận hẩm hiu của người phụ nữ Việt Nam đương thời. Bài **Lời Người Thiếu Phụ Việt Nam** đưa ra hình ảnh

một phụ nữ, chồng chết ở trại tập trung, cha mẹ chết ở vùng kinh tế mới... Nàng bế con ra khơi, không may gặp hải tặc. Chúng hãm hiếp nàng và ném con nàng xuống biển. Hỏi tại sao người phụ nữ này không tự tử chết ? Bà trả lời :

*Xin đừng hỏi tôi vì sao tôi còn sống ?  
Vi sao tôi còn mong ? Vì sao tôi còn ngóng ?  
Xin đừng hỏi tôi vì sao tôi mất chồng ?  
Vi sao tôi mất con ? Mẹ Cha, tôi mất luôn.  
Xin đừng hỏi tôi, khổ đau đã triền miên  
Mà sao tôi chẳng điên ? Mà sao tôi chẳng chết ?  
Lũ giặc Biển Đông làm thân tôi ó nhục  
Làm con tôi chết trôi, chỉ còn tôi sống sót thôi !  
Chồng tôi đã chết nơi trại tập trung  
Mẹ Cha tôi chết ở vùng kinh tế  
Tôi đã ra đi, ôm đứa con thơ  
Trong chuyến ra khơi nửa giấc đêm mưa.  
Hi vọng tìm được cuộc đời tự do  
Nào ngờ bọn người ích kỷ đuổi xua  
Thuyền nhân ốm đói, giặc chờ ngoài khơi  
Chỉ một mình tôi sống thôi, để lên tiếng gọi...*

Vâng ! Người thiếu phụ Việt Nam này không thể chết được vì : *Tôi còn phải sống để treo cao nợ máu, người Đông Dương khổ đau vì âm mưu đổi tráo... Tôi còn phải sống để khóc chồng khóc con, khóc cha khóc mẹ... Nhưng nếu tôi có buồn vì quê hương nát tan, lòng tôi chưa thể yếu hèn được :*

*Tôi còn phải sống để nuôi sâu thù oán  
Kẻ gây nên lâm than, người vô tâm tàn nhẫn  
Tôi còn phải sống để mang ơn những ai  
Mở tay ôm những người  
Nạn nhân trên cõi đời.*

Kết luận : người thiếu phụ Việt Nam ở trong hoàn cảnh đáng lẽ phải chết này cần phải sống để cho thế giới phải lưu tâm tới số phận của nước Việt Nam.

Trên đường đi tìm tự do, biết bao nhiêu thiếu nữ, thiếu phụ trở thành nạn nhân của hải tặc. Để xoa dịu vết thương của những người xấu số, tôi có bài **Giải Thoát Cho Em** :

*Giải thoát cho em, cá chậu chim lồng  
Con chim Lạc Hồng bay đi mịt mù  
Con cá Tiên Rồng vượt sóng muôn trùng  
Em đi tìm sống.  
Giải thoát cho em, gánh nặng u buồn  
Trên vai mỗi mòn, trong tim tủi hờn  
Kiếp sống ngổ ngàng, cay đắng trên đường  
Xa cách quê hương...*

Bài hát muốn giải thoát muôn vàn oan khiên, những tai nạn dọc đường, cho rằng người bị hãm hại là người thực nữ không may gặp phải hùm beo ác thú hay bị con chó cắn càn. Bài hát muốn giải thoát những nàng Kiều của thời đại, dù là kiếp bèo nổi trôi nhưng hồn thì chói lói, người con gái Việt Nam là cỏ núi, dù giông tố dập vùi nhưng vẫn mãi mãi xanh tươi...

*Giải thoát cho em, ác mộng qua rồi  
Dâng em cuộc đời, dâng em tình người  
Tay đón tay mời, cuộc sống tươi bời*

Cùng nhau vun sỏi  
Giải thoát cho nhau, nổi chặt tâm tình  
Không ai hiểu mình hơn ta và mình  
Những nỗi oan tình và những hận sâu  
Giải thoát cho nhau.

Muốn vượt định mệnh ngặt nghèo của mình thì lòng phải sâu như biển, cao như núi, rộng như các thành phố Âu Mỹ. Và khi được sống với cả ba thứ đó mới thấy biển hoang vu, núi cô đơn, thành phố vắng lặng như thế nào ?

Tôi soạn một bài hát nhan đề **Như Là Lòng Tôi**, cho rằng biển có nhức nhối, núi có buốt giá, thành phố có nặng nề đến đâu đi nữa thì cũng chỉ như là lòng tôi mà thôi :

Chiều nay ra đứng bên bờ đại dương  
Biển âm u, vắng ngắt  
Biển bao la một màu tím ngắt muôn phần  
Biển mênh mang niềm nhớ tiếc  
Biển run lên từng đợt sóng biếc, ngờ ngàng  
Rủ nhau tới chết bên bờ biển hoang  
Mặt trời cũng chết trong lòng biển sâu  
Biển thương đau mấy kiếp  
Biển đơn côi, biển còn nói tiếp cuộc sầu  
Biển mộng lung gào với gió  
Biển hung hăng và làm bão tố nghiêng trời  
Biển khơi nhức nhối như là lòng tôi.

**Điệp Khúc** là lời van xin :

Hãy lấp kín lại trùng dương  
Cho tôi thôi buồn đại dương  
Tái sinh làm con suối vắng...  
Cho tôi xin là dòng sông  
Nơi quê hương sạch và trong  
Uốn quanh ngoài cánh đồng...

Đứng trước biển lòng tôi buồn như vậy... Còn nếu khi lên núi, thì :

Bình minh lên núi, tuyết phủ đầy vai  
Vùi thân trong buốt giá  
Nằm chờ vợ một hàng núi đá chập chùng  
Rừng xanh xao và chết cồng  
Trời không cao và trời vắng bóng mây người  
Mặt hồ băng kín như là lòng tôi.  
Rời đi xuống phố không một người quen  
Nhà xi măng cốt sắt  
Mọc chênh vênh và làm khuất mắt người tình.  
Đường tuy đông mà quá trống  
Ngày đi qua chỉ là những bóng không lời  
Đời nghe xa vắng như là lòng tôi !

**Điệp Khúc** này vẫn là một lời van xin :

... Hãy quét tuyết sạch mùa Đông  
Cho non cao khỏi lạnh băng  
Hãy về gặp nhau trên đất khách...  
Ta ôm nhau mà hỏi han  
Ta gây lại tình thương  
Sẽ thấy vui ở cuối đường.

Kết luận, bài ca vẫn hướng về sự tích cực :

*Biển xanh, núi biếc hay vĩa hè kia  
Rồi đây thấm thiết như là lòng ta !*

Thấy tôi rất chú ý tới phụ nữ, Nguyễn Ngọc Bích viết trong bài TỰA của nhạc tập **THẤM THOÁT MƯỜI NĂM** do Hội Văn Hóa Việt Nam Tại Bắc Mỹ, Tủ Sách Cảnh Nam và Tạp Chí Xác Định ở Washington DC ấn hành vào năm 1985 :

*" Nét nổi bật của nhạc Phạm Duy trong lúc này là thể đứng và nhất là thân phận của người đàn bà, của phụ nữ Việt Nam. Nguyễn Du viết : Đau đớn thay phận đàn bà và đau đớn như thế nào, ghê gớm như thế nào, có lẽ chưa bút nào tả siết. Phạm Duy đã thử qua nhạc của anh..."*

Thân phận của người thiếu phụ được tôi chú ý có lẽ vì tôi luôn luôn bị huyền thoại Mẹ ám ảnh. Tôi còn lưu tâm tới người thiếu nữ Việt Nam trên đường tị nạn. Do đó có bài :

*Người con gái Việt rời xa tổ quốc  
Nàng như cánh đào trước gió phát phơ  
Hoặc như chiếc thuyền lững lờ ngoài sông nước  
Hay phận liễu bèo trôi dạt phương xa  
Người con gái Việt phải xa tổ quốc  
Nàng vẫn giữ lòng son sắt như xưa.  
Dòng Tiên giống Rồng, Nàng mang tình yêu nước  
Mang cả linh hồn nữ kiệt Trung Vương.*

Tôi xưng tụng người thiếu nữ với gia tài là Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Bao năm ly loạn làm quê hương tôi bời mà người con gái Việt không hề đổi thay thì bây giờ...

*... người con gái Việt ngày xa lìa nước  
Dù vắng bóng chồng hay vẫn bên nhau  
Dù đang sống cùng tự do nhiều hơn trước  
Tinh thần gái Việt giữ gìn cho lâu.*

Tôi mong rằng, dù phải chung đưng với văn hoá của các nước Âu Mỹ, xin các em vẫn giữ lòng trong trắng như hoa, đã thờ cha, kính mẹ lại thờ luôn tình yêu nước và giữ đạo yêu chồng, xây dựng con thơ. Rồi bởi vì xã hội Hoa Kỳ là sự tự do quá trớn nên ngay từ lúc này tôi mong mỗi người con gái Việt Nam đi tị nạn ở Âu Mỹ gìn giữ hộ tôi nguyên vẹn cả tinh thần lẫn thân thể qua bài **Xin Em Giữ Dùm Anh** :

*Trong đôi mắt em, anh nhìn thấy mặt trời xa  
Nắng quê Cha, bốn nghìn năm rồi đời ta  
Nắng êm vui từng đón anh vào đời  
Đi theo cuộc tình thăm thẳm xa vời  
Em có đôi môi thơm mùi cỏm vàng ngày xuân  
Môi ngọt ngào như ngậm sữa Mẹ, hiền ngoan  
Miếng môi ngon từng vương dăm giọt lệ  
Cho anh hôn vào, vui buồn mãi mê.*

Nhớ ngày mới khởi sự sáng tác, sự nguyên vẹn hình hài nằm trong cái chết. Bây giờ nó là sự sống :

*Ôi đôi tay ! Như sóng Biển Đông say  
Hay gió rừng lay trên dãy núi miền Tây  
Đôi tay tròn, nếu được em ấm ôm  
Anh rồi sẽ chôn biết bao nhiêu tử hờn  
Ôi đôi chân, em mang đi đàng đẵng  
Những dặm đường trường, trên con đường cái quan*

*Đôi chân son, chân ngát hương Saigon,  
Đôi chân u buồn, đôi chân vượt trùng dương.*

Xưng tụng môi mắt, tay chân của người con gái Việt Nam, tôi còn muốn bơi trong làn tóc của em, những làn tóc xanh như nước sông bông bình của quê mình. Tôi muốn em gìn giữ hộ tôi một góc quê bằng hoàng đã in trong tâm hồn và trong thân thể nở nang của em :

*Xin em giữ dùm anh mắt rục lữa hồn  
Em soi sáng hộ anh Đại Lộ Hoàng Hôn  
Xin em giữ hộ anh môi mềm lời nguyện  
Ru anh chết một đêm, tuyết phủ mộ êm  
Em hãy giữ hộ anh tay gà nhỏ ngọn năm nhánh.  
Anh say giấc ngàn thu, hơi Mẹ còn nồng mộng mơ  
Em đi tới ngày mai, chân dài vượt vạn nẻo đời  
Anh nơi suối vàng vui, ngỡ mình miệt mài chẳng ngơi.  
Xin em giữ dùm anh, người con gái đồng trinh.*

Theo gót Nguyễn Du, nói tới *thân phận đờn đau* của người đàn bà, sau những lời ca của thiếu phụ Việt Nam khi gặp cảnh *thủy ngục* đại dương, tôi có thêm bài **Trả Lại Chồng Tôi** ghi lại hình ảnh điển hình nhất của thời đại là người đàn bà ở trong *địa ngục* quê hương :

*Trả lại chồng tôi, chồng của tôi  
Trả lại người yêu quý của tôi  
Bao năm chinh chiến đã xa vời  
Hoà Bình về nơi quê hương rồi  
Mà người chồng tôi vẫn bật hơi  
Hình dạng người yêu vẫn bật khơi.*

Người thiếu phụ Việt Nam có chồng bị bắt giam ở trại cải tạo, cất tiếng hỏi :

*Cũng là anh em hai miền ruột thịt  
Mà sao nữ bắt đem đây xa ?  
Cũng là con dân máu đỏ da vàng  
Mà sao nữ giết nhau, hại nhau, gây thương đau ?*

*.....  
Trả lại chồng tôi, chồng của tôi  
Trả lại quyền dân sống thanh thoi  
Cho quê hương ấm no yên lành  
Trả lại thương yêu cho gia đình  
Trả lại Việt Nam những tình thiêng  
Của triệu đàn con giống Rồng Tiên.*

Sau ngày 30-4-75, những bà vợ quân nhân công chức của chính quyền quốc gia là những nhân vật oanh liệt nhất của thời đại khốn khổ này. Biết bao nhiêu phụ nữ Việt Nam, dù phải sống khổ nhục dưới chế độ mới, vẫn tận tụy nuôi con sau khi chồng bị bắt. Rồi lặn lội đi thăm nuôi chồng ở những nơi rừng sâu núi thẳm. Sau thời gian tù đầy dài như thiên thu, chồng vừa được thả về là có sẵn bãi, sẵn thuyền để đưa chồng vượt biên.

Lũ nhạc sĩ chúng tôi cứ luôn luôn thích xưng tụng người Mẹ. Bây giờ trong cơn quốc nạn của Việt Nam, tôi thấy người vợ mới thật là quả cảm, tinh khôn, bền chí, nhẫn nại, trung thành, chân chính.

Nói thêm về huyền thoại biển...

.... Hơn các nước lân cận như Ai Lao, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện... với biển cả mệnh mông từ biển Bắc tới biển Nam (gọi chung là biển Đông), nước ta mở ra với

thế giới để đón nhận hay để tung đi muôn phương. Chỉ có điều buồn là sau cuộc Nam Tiến, tiên nhân chưa có dịp đưa nước Đại Việt ra biển thì nước ta bị bế môn toả cảng do lỗi lầm của một triều đại (Tự Đức) hẹp hòi, do nạn ngoại xâm dài gần một thế kỷ, do cuộc kháng chiến, nội chiến 50 năm và do sự mù quáng của một chính quyền, chỉ mới hé hé "mở cửa" cho tiền đô-la đi vào Việt Nam với người về thăm quê hương mà chưa hề "cởi trói" cho quốc gia và dân tộc.

Trong việc xưng tụng quê hương, tổ quốc, tôi đã có lần đã động tới biển ở nước mình. Qua bài **Mẹ Trưng Dương** (trong trường ca Mẹ Việt Nam), biển được tôi coi là nơi luôn luôn cung cấp cá lớn thơm tho đầy thuyền, nếu biết khai thác kỹ thì ngành thủy sản là một nguồn lợi kinh tế rất lớn lao, ngoài lúa gạo xuất cảng. Qua bài **Mừng Xuân**, tôi nói tới *vàng đen* tức là dầu lửa, thì ở dưới thềm lục địa của nước ta (rộng khoảng 1 triệu 300 ngàn km<sup>2</sup>), cứ cắm mũi khoan thăm dò là gặp ngay dầu khí.

Thi sĩ Bắc Phong ở Gia Nã Đại cho rằng *biển mở đường đi biển lấp đường về*. Nhưng vì anh cũng nói *biển hẹn tương lai* nên tôi ước mong biển Đông mau mau thoát ra khỏi huyền thoại về sự chết để vĩnh viễn là Mẹ Việt Nam vĩ đại với nguồn sinh lực dồi dào nuôi nấng lũ con, một ngày nào, giống như trong câu ca :

*Lũ con lạc lối đường xa  
Có con nào nhớ Mẹ ta thì về...*

Nhân đây, xin nói thêm tới tác dụng của các chương trình tiếng Việt tại những Đài VOA, BBC và Đài Úc...(2) Đó là mối liên lạc độc nhất và hiệu quả nhất giữa nghệ sĩ ở ngoài nước và dân chúng ở trong nước. Chính quyền có thể kiểm soát chặt chẽ thư từ, sách báo nhưng bất lực trước làn sóng âm thanh. Trong suốt hai chục năm qua, tôi không bỏ lỡ một cơ hội nào để được phỏng vấn bởi các đài phát thanh vừa kể.

Tôi mang ơn các vị phụ trách chương trình tiếng Việt của các đài đó. Vì ở cách xa nhau năm châu bốn bể, sự truyền thông giữa người Việt ở hải ngoại rất khó khăn, đồng hương có thể không biết rõ những sinh hoạt của tôi, nhưng ở trong nước, qua các Đài phát thanh VOA, BBC... đồng bào theo dõi tôi trong bất cứ một bài hát nào của bất cứ một xu hướng nào.

---

(1) Vì nghĩ tới hoàn cảnh gia đình mình nên tôi có câu hát này.

(2) Sẽ có thêm Đài RFI (Radio internationale Francaise) của Pháp.

*Mùa Thu Paris  
Trời buốt ra đi  
Hẹn em quán nhỏ... ..  
Cung Trầm Tường*

## Chương Mười Hai

Sau năm 1979, tôi không còn đi hát với vợ hay với các con nữa nhưng tôi thường được mời đi hát một mình tại Âu Châu, Úc Châu hay Á Châu (Nhật Bản)...

Tôi tìm ra được một phương thức để có thể dễ dàng đi nhiều nơi, giới thiệu các loại ca khác nhau. Tôi thu thanh trước những loại ca này rồi đem Compact Disk đi lưu diễn, cho phát thanh từng bài của từng loại ca chen với lời dẫn nhập hay giải thích của tôi. Tôi gọi đó là **A Presentation of CD**. Tổ chức biểu diễn cũng giản dị, không bắt buộc phải thuê rạp hát hay phòng họp mà có thể biểu diễn ngay trong nhà một Mạnh Thường Quân, tôi gọi đó là một buổi **house concert**.

... Trở lại Paris lần đầu tiên trong đời lưu dân, tôi sung sướng gặp lại các bạn cũ như Vũ Văn Thiết tự Thiết Mù, Trần Nhật Quang tự Quang Mờ, Chương Tóc Bạc, Long Kim Chung, Đặng Trần Vận, Trần Văn Khê... những bạn suốt đời của tôi và luôn luôn được tôi nhắc tới trong ba cuốn **Hồi Ký** trước. Chưa kể những người tình cũ Annie, Marcelle... tóc vàng sợi nhỏ đã nhuộm màu thời gian, nhưng chúng tôi vẫn nhìn nhau với cặp mắt có đuôi.

Nhưng cũng tại Paris là nơi dường như năm nào tôi cũng ghé chơi một lần, tôi được gặp lại người bạn cố tri Phạm Xuân Thái, mà tôi tưởng là phải chết từ lâu rồi. Cựu Tổng Trưởng Thông Tin thời Ngô Đình Diệm vẫn sống phây phây, sau khi ở trại cải tạo một thời gian, tuổi đã gấp ghé 80 mà vẫn một mình chống ba toong đi Pháp, đi Mỹ thăm vợ cũ và các con.

Đi đâu thì cụ cũng dùng xe bus để di chuyển, khi tới Santa Ana, gọi phone để bố con tôi đi đón, chúng tôi lái xe đi tìm đường gần chết, bởi vì từ khi tới Mỹ, chúng tôi không hề biết ga xe bus ở đâu cả ? Phạm Xuân Thái, tuy vậy, đầu óc cũng lẫn lộn rồi, trong vài ngày ở chơi với chúng tôi, trong lúc đàm đạo, anh bạn già đều chỉ nhắc lại những chuyện đã nói rồi.

Nhưng được cái cụ Thái vẫn ăn ngon, ngủ yên, khi ngủ không ngáy to như cụ Trần Văn Khê chẳng hạn, nhân dịp đi diễn thuyết tại Los Angeles, đến nhà tôi ở vài ngày. Khi cụ Khê đi ngủ, lũ con tôi thu thanh lén tiếng ngáy như sấm của nhạc học gia để sẽ tặng cho bảo tàng viện âm nhạc Việt Nam, coi như là một tài liệu hiếm có về tiếng ngáy.

Paris vẫn làm tôi cảm động như xưa, khi ngồi trong quán café, gặp rất nhiều bạn bè xưa, khi dạo bước trên đại lộ Champs Elysées hay thơ thần trong Quartier Latin hoặc khi ngồi trên thang đá bên bờ sông Seine...

Tôi cảm động vì thường coi Paris như một trong những cái nôi ái tình và nghệ thuật của mình, ngoài Huế và dòng sông Hương lặng lẽ. Nhận ra mình đang phải tha hương và không biết bao giờ mới trở về cố quốc nên tôi nặng tình hơn với những nơi chốn tôi từng yêu mến khi còn là khách lạ. Bây giờ tôi thấy gần Paris hơn xưa vì tôi cô đơn hơn trước, có lẽ vì đang khởi sự làm kiếp lưu vong chăng ? Nhớ tới chuyện người Do Thái bị lưu đầy rồi ngồi bên bờ sông Babylon để than khóc :

*Babylon xác héo mòn  
Nhớ thương than khóc Sion tháng ngày  
(Hoàng Vũ)  
Trên rặng liễu đó đây*



*Chúng tôi treo lên đàn cầm  
Ở đó họ réo chúng tôi  
Bên cướp bóc đòi lời than vãn  
Lũ đồ họ muốn một khúc vui  
Hát ta nghe ca vãn Sion đi nào  
Mà làm sao chúng tôi hát được ca vãn  
Yavê đất khách quê người.  
(Đào Mộng Nam)*

Tôi yêu Paris và muốn chia sẻ với Nàng nỗi buồn xa xứ nên soạn bài **Bên Bờ Sông Seine Ta Ngồi Ta Khóc** để tặng Paris :

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta khóc  
Nỗi đớn đau tràn ngập cả kinh thành.  
Như gió lạnh làm băng giá nẻo đường  
Như tuyết phủ vùi chôn nghĩa địa buồn.*

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta nhớ  
Tiếng võng đưa đều đặn buổi trưa hè  
Tiếng sáo diều chiều xa vắng, võng về  
Trẻ gọi trâu rộn rã bờ đê.  
Bên bờ sông Thương ngày xưa phơi phới  
Nước chảy đôi dòng nhưng lòng ta vui  
Ta hát say sưa tiếng hát võng đưa  
Bên bờ sông Hương tình ta thấp thoáng  
Câu hát câu hò ta tặng người thương  
Ta hát vang vang tiếng hát quê hương.  
Bây giờ ta xa dòng sông năm cũ  
Như chim lạc tổ như ma lạc mồ  
Thương nhớ ơ hờ giọng hát nghìn xưa  
Bây giờ tìm đâu câu tre lắt léo  
Qua khúc sông đào tới nẻo người yêu  
Câu hát trong chiều, giống hát tìm nhau.*

Ngồi bên bờ sông Babylon, người Do Thái có câu : *Trong cơn cùng khổ rã rời, thành tâm tin Chúa chờ thời hồi hương...* (Hoàng Vũ) ... thì ngồi khóc bên bờ sông Seine cho tới khi biến thành tượng đá, tôi cũng chờ ngày tái sinh để hồi xứ như con cháu Chúa Giê Su :

*Bên bờ sông Seine ta ngồi ta khóc  
Đã thắm sâu khổ nhục kiếp lưu đầy  
Ma mất mộ, tìm không thấy cuộc đời  
Chim mất tổ là thôi hát ngày dài  
Bên bờ sông Seine ta thành tượng đá  
Ta lắng thính bỏ mặc những nhân tình  
Trong hiu quạnh, chờ mong tháng ngày lành  
Sưởi hồn ta, đổi kiếp... tái sinh.*

Tại Hoa Kỳ trước ngày 30-4-75, không bao giờ có những tổ chức thiên cộng công khai của Việt Kiều. Chỉ có rất nhiều những hoạt động của người Mỹ, hoặc vì lý tưởng hoà bình hoặc vì truyền thống dân chủ quen chống lại những bộ máy chính quyền nên xuống đường, biểu tình, đốt thẻ trưng binh phản đối cái gọi là VIET NAM WAR.

Tại Mỹ cũng không hề có những tổ chức ngoại vi của Cộng Sản như Hội Việt Kiều Yêu Nước chẳng hạn. Sau ngày 30-4, trước sự vi phạm nhân quyền của Hà Nội do phong trào boat people tố cáo, không thấy những "chiến sĩ hoà bình" kể trên đâu nữa, tôi phải soạn thêm một bài tố tình với Mỹ Quốc, sau bài **Hát Trên Đường Tạm Dung**. Tôi hỏi họ trước đây đã từng đấu tranh cho những người bị giam trong "chuồng cọp" dưới các chế độ gọi là Mỹ-Điệm hay Thiệu-Kỳ-Hương gì đó. **Bây Giờ Các Ngài Ở Đâu ?** là tên của bài hát :

*Các Ngài bây giờ ở đâu?  
Khi xưa hay đứng hàng đầu  
Nhân danh Hoà Bình  
Và lương tâm loài người  
Các Ngài kêu gọi thật là oai...  
Các Ngài bây giờ ở đâu?  
Ngày nào các Ngài đua nhau  
Xuống đường tranh đấu  
Ôi muôn sắc muôn màu  
Nhớ những lời Ngài  
Vang trên đường dài  
Muốn có Hoà Bình  
Hãy cứ làm tình  
Đừng làm chiến tranh.  
Bây giờ các Ngài ở mô?*

*.....  
Các Ngài có còn ngủ không?  
Nhìn về phương trời hừng Đông  
Nơi người dân sống  
Ôi đau đớn vô cùng  
Dưới ách độc tài  
Trí thức ngậm ngùi  
Giáo sĩ lià đời  
Mất hết quyền người  
Trẻ già gái trai  
Sống đời nô lệ mà thôi.  
Bây giờ các Ngài ở đâu?  
Làm ơn cho đời được biết  
Ngài còn sống hay chết ?*

Sau ngày 30-4-75, có bao nhiêu Việt Kiều ở Mỹ là có bấy nhiêu người chống Cộng Sản nhưng khi tới Paris vào năm 79, 80 tôi vẫn còn thấy sự hiện diện của những tổ chức thiên Cộng như thời 54-55. Nghe nói vào năm 1977, khi ông Phạm Văn Đồng qua đây, sự đón tiếp của kiều bào hồ hởi không kém cuộc đón tiếp ông Hồ vào năm 1946 là mấy. Còn có thể nói tương bưng hơn vì ở Paris hiện nay có Đại Sứ Quán để công khai huy động Việt Kiều, không phải chỉ là công nhân và lính thợ, mà là trí thức hay đại trí thức có địa vị cao sang trong xã hội Pháp.

Nhưng từ khi xảy ra phong trào boat people (1978) thì có một sự tỉnh mộng nào đó nơi những người xưa nay có cảm tình với Hà Nội. Bà con thân thích vượt biển (hay đoàn tụ gia đình) tới Pháp và dạy cho họ một bài học chính trị thực tế. Sau đó, có người hoàn toàn cắt đứt liên lạc với Sứ Quán, có người chưa dứt khoát vì họ còn cần o bế Hà Nội để đưa gia đình qua Pháp hay thủ lợi trong dịch vụ nào đó. Chỉ cần hơn mười năm nữa (1992) là huyền thoại về chủ nghĩa Mác-Lê vô địch, về nước Việt

Nam Xã Hội Chủ Nghĩa sẽ tan tành. Việt Kiều thiên Cộng ở Pháp càng về thăm quê hương càng tỉnh mộng hơn.

Vượt Đại Tây Dương nhiều lần, viếng thăm nhiều nước Âu Châu, tôi thấy đồng hương ở đâu cũng ổn định nhanh chóng cuộc sống, phần khởi sau khi có phong trào **boat people** và những mâu thuẫn trong nội bộ Cộng Sản. Ai cũng đóng góp thêm vào việc thức tỉnh lương tâm nhân loại, vận động mọi người ở mọi nơi đấu tranh cho người dân ở trong nước.

Tuy được may mắn đi đây đi đó, gặp gỡ bạn cũ hay thỉnh giả mới, nhưng bây giờ con người du khách trong tôi muốn được thoả mãn những giấc mộng giang hồ, nuôi từ thời còn đứng *bên cầu biên giới, mơ sống bên người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube...*

Thực ra, danh lam thắng cảnh ở Âu Châu nhiều vô cùng. Tôi rất chú trọng tới di tích của những danh nhân thời xưa và muốn biết người ta đã đối xử với người làm văn hoá như thế nào ?

Tới Anh Quốc, tôi đi thăm căn nhà xưa của William Shakespeare, đã trở thành bảo tàng viện. Ngôi nhà cổ xây theo kiểu nông trại miền quê, phòng rất hẹp, trần nhà thấp, cột gỗ đầy nhà. Gác xép ngăn ngủ đưa lên tầng hai, tôi chú ý tới sự nghiêng lệch của sàn gác. Cái giường ngủ của Shakespeare nhỏ như giường con nít. Thi thư, kịch bản nằm đầy trên bàn giấy của đại thi sĩ kiêm kịch tác gia.

Tới thăm của quê hương của đại thi sĩ Anh Quốc, tôi nhớ ra mình có dịch và phổ thành ca khúc một bài thơ tiếng Anh. Bài này có cái tên là **Nhiệm Mâu Thay Phép Lạ Hóa Công** và do Elvis Phương hát vào băng PHU"NG NGA 4 ở PARIS, hồi mới 1978. Lúc dựa vào bài thơ để phổ nhạc, tôi cứ tưởng bài thơ là của Shakespeare, gần đây anh bạn Phạm Quang Tuấn ở Australia đã cho biết đó là bài **Eyes And Tears** của Andrew Marvell :

*How wisely Nature did decree,  
With the same Eyes to weep and see!  
That, having view'd the object vain,  
They might be ready to complain.*

*And since the Self-deluding Sight,  
In a false Angle takes each hight;  
These Tears which better measure all,  
Like wat'ry Lines and Plummets fall.*

*Two Tears, which Sorrow long did weigh  
Within the Scales of either Eye,  
And then paid out in equal Poise,  
Are the true price of all my Joyes.*

*What in the World most fair appears,  
Yea even Laughter, turns to Tears:  
And all the Jewels which we prize,  
Melt in these Pendants of the Eyes.*

*I have through every Garden been,*

*.....*  
*Thus let your Streams o'reflow your Springs,*  
*Till Eyes and Tears be the same things:*  
*And each the other's difference bears;*  
*These weeping Eyes, those seeing Tears.*

**Bài Nhiệm Mầu Thay Phép Lạ Hóa Công** có những lời ca như sau :

*Thật là nhiệm mầu thay phép lạ của hóa công*  
*Cùng là một đôi mắt sao vừa khóc vừa trông*  
*Thi nhân đã nói đúng*  
*Tôi nhìn rồi khóc ròn*  
*Nhìn cuộc đời xa xôi hay nhìn ngay gần tôi...*  
*Nhìn về miền quê hương thấy là một vết thương*  
*Mình là người trong nước sao toàn thấy hờn căm*  
*Ba mươi năm chinh chiến*  
*Giết mình và giết người*  
*Giờ này còn chưa thôi nuôi thù oán ngụt trời.*  
*Ngồi nhìn quanh thế giới, thấy toàn gian dối*  
*Ai cũng nói hoà bình, cũng nói cuộc tình*  
*Giữa loài người trong cõi tử sinh*  
*Nhìn rồi sẽ khóc to cho người khốn khó*  
*Đang kêu gào tự do trong khổ đau*  
*Muốn loài người hãy cứu được nhau...*  
*Thật là nhiệm mầu thay phép lạ của hóa công*  
*Cuộc đời còn mong muốn phép lạ đến nhiều hơn*  
*Xin cho trên thế giới cho người phải cứu người*  
*Để được dùng con mắt khóc rồi sẽ được cười...*

**CODA**

*Thực là nhiệm mầu thay*  
*Phép lạ của hóa công*  
*Ta vừa trông vừa khóc*  
*Khóc mừng cho cuộc sống...*

Khi tới nước Pháp, cùng với con trai Duy Cường, vốn thích hội họa, hai bố con bèn đi thăm nhà Van Gogh. Phòng nào cũng treo đầy những bức tranh rực rỡ của nhà họa sĩ đã tự xẻ tai mình trong cơn điên hội họa.

Không còn gì thú vị hơn là vừa được coi một bức tranh Van Gogh vẽ nhà thờ, rồi lại tới ngay ngôi nhà thờ đó.

Tới Salzburg ở nước Áo, tôi vội vã đi thăm căn nhà Mozart, cũng trở thành một bảo tàng viện từ lâu. Bản thảo nhạc viết tay, đàn clavecin, thậm chí cả áo quần giầy dép của Mozart đều được giữ gìn cẩn thận. Nhà Shakespeare xưa đã hẹp nhà Mozart còn hẹp hơn.

Tôi qua nước Ý nhiều lần và đã hai lần tới Venice, một thành phố nằm trên bờ biển, với những lâu đài, dinh thự cổ kính và những con sông với những chiếc thuyền cong

(gondola) nên thơ mà hình ảnh đã in sâu vào trí não tôi từ ngày tôi còn nhỏ, coi cinéma hay nghe nhạc Pháp-Ý do Tino Rossi, Rita Kelly hát... *O Venise La Belle, La Chanson Des Gondoliers...*

Nước Ý còn là kinh đô Roma với thánh khu Vatican của người công giáo... với võ trường là nơi bạo chúa Néron tới coi đấu sĩ (gladiators) giao tranh với thú dữ... với vườn hoa phun nước để tôi ném vài đồng xu xuống đó, miệng khấn thầm mong được gặp một người tình, như trong phim chiếu bóng *La Fontaine Des Amours* thuở nào.

Được đi thăm những nơi có di tích của lịch sử văn hóa, chen chân giữa đám đông khách du lịch tứ xứ, lòng đầy cảm phục người ta mà cũng đầy ngán ngẫm thương cho thân phận nghệ sĩ Việt Nam...

Cho nên cảnh đồng quê tĩnh mịch vô danh bao giờ cũng quyến rũ tôi nhiều hơn. Tại vùng quê nước Pháp hay tại vùng Bắc Âu, đi trên những con đường vắng vẻ, bên bờ biển Bắc âm u, hay nằm dài trên sườn đồi vắng... kẻ lãng mạn như tôi có dịp được hoà mình với thiên nhiên, như đôi bạn thân thiết xa nhau lâu ngày bây giờ gặp lại.

Và càng thêm nhớ rừng sâu Việt Bắc, núi đồi trung du, sông nước Hậu Giang, biển Đông sóng gợn...

*Sẽ có một ngày, con người hôm nay  
Vứt súng, vứt cùm, vứt cớ, vứt Đấng...  
Nguyễn Chí Thiện*

## Chương Mười Ba

Nói về sáng tác, trong loạt tị nạn ca, bây giờ, tôi chuyển đề tài từ con "con đường tự do" qua "con đường mất tự do" với những bài như **Hát Cho Người Ở Lại** :

*Hát cho người ở lại quê hương  
Với tấm lòng sốt thương vô vàn  
Hát cho người trong họ hàng  
Đang biến thành ma đói lang thang...*

Vào năm này, quả rằng dân Việt Nam phải ăn cơm trộn thường xuyên...

.....  
*Hát cho người ở lại nơi quê  
Chúng tôi thường vẫn mong ngày về  
Nắm tay cười, xây lại đời  
Nơi nước Việt yêu quý yên vui*

*Hát cho người tình vội thương đau  
Hát cho Mẹ với em quên sầu  
Hát cho đời ! Hát cho người !  
Quyết đấu tranh cho nước Việt tôi !*

Thế rồi hai năm trước khi tập thơ khủng khiếp của Nguyễn Chí Thiện bay ra thế giới tự do, tôi soạn bài **Giấc Mơ Khủng Khiếp**, một tác phẩm trong loại ác ảnh quê hương :

*Đêm hôm qua tôi nằm mơ về nước  
Đi lang thang trong thủ đô lạnh ngắt  
Những góc me trước tôi hay thả hồn  
Chờ người yêu, để nắm vai hôn  
Cây me tươi, nay già khô trụi lá  
Người tôi yêu tóc bạc khô ngời đỏ  
Mắt trông tôi, rất xa vời, xa lạ  
Nhìn tôi như nhìn khoảng trống bao la.*

*Giật mình tỉnh dậy !*

*Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi !*

*Giật mình tỉnh dậy!*

*Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!*

*Xin cho tôi đừng ngủ nữa*

*Xin thôi không nằm mộng dữ*

*Xin cho tôi mộng dệt hoa*

*Xin cho tôi đẹp mộng mơ*

*Cho tôi mơ nước Việt Nam giàu có*

*Quê hương tôi đi về nơi rục rờ*

*Có con tim biết quên đi hận thù*

*Và Tình Yêu nổ vỡ tim ra.*

*Cho tôi mơ nước của tôi được thoát*

*Khỏi cơn nguy, ra khỏi tay tàn ác*

*Chón Á Đông có nước Việt yên lành*

*Tự do xây một đời sống thanh bình.*

Tôi không được sống ở Việt Nam sau ngày 30-4-75 nên chỉ tưởng tượng ra cảnh quê hương được mô tả trong những cuốn sách về học tập cải tạo. Phải đợi khi có tập thơ của Nguyễn Chí Thiện thì mới thấy tất cả những tác phẩm văn học nghệ thuật của chúng tôi -- dù tác giả ra khỏi nước hoặc kẹt lại và được hưởng mùi trại cải tạo trong năm năm hay mười năm -- đều rất bé bỏng so với tác phẩm của một người Việt Nam chống Cộng bằng bút mực trước cả những nhà trí thức Nga Sô như Pasternak, Soljenytsine và Sakharov nghĩa là từ ba, bốn chục năm về trước. Tuy nhiên xin bạn đọc cho phép tôi được kể nốt ra đây phần còn lại của bài **Giấc Mơ Khủng Khiếp** :

*Đêm hôm qua tôi nằm mơ lội nước  
Suôi theo sông tôi về quê thuở trước  
Đưa bé con vẫn hay quen đợi quà  
Của Mẹ yêu, chợ vẫn ban trưa.  
Như con trâu, cha mẹ tôi làm lũi  
Phải lao công xin chuộc bao tội lỗi  
Khắp nước tôi đã biến ra trại tù  
Toàn dân tôi thành một đám nô lệ.*

*Giật mình tỉnh dậy!*

*Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!*

*Giật mình tỉnh dậy!  
Trời ơi ! Khủng khiếp, khủng khiếp quá thôi!  
Xin cho tôi đừng ngủ nữa  
Xin thôi không nằm mộng nữa  
Xin cho tôi mộng dệt hoa  
Xin cho tôi đẹp mộng mơ.  
Cho tôi mơ nước Việt Nam giàu có  
Quê hương tôi đi về nơi rục rờ  
Có con tim biết quên đi hận thù  
Và Tình Yêu nở vỡ tim ra  
Cho tôi mơ nước của tôi được thoát  
Khỏi cơn nguy, ra khỏi tay tàn ác  
Chốn Á Đông có nước Việt yên lành  
Tự do xây một đời sống thanh bình.*

Tôi sẽ soạn thêm một số bài ca khủng khiếp như vậy trước khi có tập thơ **Hoa Địa Ngục** của Nguyễn Chí Thiện để soạn 20 bài ngục ca rút ra từ 300 bài thơ của một người -- tôi cho là -- rất trong sáng, một người tôi gọi là ngục sĩ.

Cho tới những năm đầu của thập niên 80, đồng bào vượt biên càng ngày càng nhiều trong đó có số đông văn nghệ sĩ và cựu quân nhân, công chức đã từng bị Cộng Sản giam cầm. Ra tới thế giới tự do, mỗi người có một chuyện để nói về trại tập trung cải tạo.

Tạ Ty có **Đáy Địa Ngục**, Phạm Quốc Bảo có **Cùm Đở**, Hà Thúc Sinh có **Đại Học Máu** và loạt **tủ nhục ca**. Đó là chưa kể những cuốn sách cũng tố cáo quần đảo ngục tù Việt Nam của những người tới trước hay tới sau ba người kể trên, như Trần Huỳnh Châu với **Hồi Ký Cải Tạo**, Hoàng Liên với **Ánh Sáng Và Bóng Tối** v.v...

Tất cả đều nói tới chính sách trả thù và lối cai trị bằng khủng bố của chính quyền mới qua những trại cải tạo. Cuốn sách nào cũng mô tả tới tột đỉnh đau thương của tác giả sau những năm tháng khổ nhục tại các trại giam ở nơi rừng thiêng nước độc, dưới quyền sinh sát của cán bộ.

Nhưng tính cho tới mùa Thu 1992, thời gian mà những văn nghệ sĩ, quân nhân, công chức của chính quyền miền Nam cũ nếm mùi cải tạo lâu nhất là trên dưới 16 năm. Người nào cũng có thân quyền hay bạn bè vượt muôn ngàn khó khăn đi thăm nuôi, tới thiểu cũng một hai lần.

Chỉ có một người ở tù lâu năm nhất -- tính cho tới ngày được thả là trên dưới 30 năm -- bị bắt giam không cần xét xử trong 20 năm mà không được ai biết tới, không được ai thăm nuôi. Nếu người tù này không dũng cảm tung ra thế giới tự do một tập thơ làm cho trời long đất lở, chắc ông đành phải chết âm thầm *trong bóng đêm* như lời thơ của ông. Và nếu người Việt hải ngoại không tìm mọi cách phổ biến tập thơ của ông, chưa chắc cái gọi là **gulag Việt Nam** được thế giới chú ý đến thế, khơi dậy được lòng người đến thế, chính quyền Hà Nội bị tố cáo vi phạm nhân quyền trầm trọng, rồi bị cô lập đến thế !

Người đó là Nguyễn Chí Thiện.

Lúc đó là vào tháng 10 (tháng sinh nhật của tôi) năm 1980. Tại Khu Bolsa, chúng tôi thường nhóm họp, đàn hát trong những ngày cuối tuần, hoặc ở nhà tôi hoặc ở nơi sinh ra tờ báo **Người Việt** là cái garage chật chội và bụi bặm của Đỗ Ngọc Yến, hay ở nhà Nguyễn Đức Quang.

Tôi hãy còn đang sống trong cơn mê sảng của những bài hát ảo ảnh quê hương dù đã tự coi mình là *gió muôn phương* nghĩa là gió nóng trên sa mạc Úc Châu, gió lạnh nơi núi tuyết Canada, gió thổi lá chết (của Jacques Prévert) ở Paris, gió hôn hoa đào ở Nhật Bản... và đang chờ thời cơ để thổi về Việt Nam... Thời cơ chưa tới vì bức tường Bá Linh chưa đổ, Vạn Lý Trường Thành chưa lung lay, cửa điện Cẩm Linh chưa vỡ toang.

Thì không ngờ cơn gió lớn lại từ trong nước thổi ngược ra. Qua tập thơ của Nguyễn Chí Thiện.

Một buổi tối cuối tuần tại nhà Đỗ Ngọc Yến, trong khi mọi người đang ngồi chơi, Bùi Bảo Trúc từ Hoa Thịnh Đốn gọi "long distance" qua, đọc cho nghe vài bài thơ của một người không ai biết là ai ? Nhất là tôi, khi được hỏi tới.

Chỉ biết đó là thơ của một thi sĩ ở Bắc Việt. Mới nghe vài câu thơ mọi người đã sững sốt ! Sau đó, chúng tôi có phóng bản của một tập thơ viết tay gồm 4000 câu thơ. Chúng tôi biết thêm sự xuất hiện ly kỳ của tập thơ này. Một người tù được tạm tha tới Sứ Quán Anh ở Hà Nội trao cho nhân viên sứ quán tập thơ của mình kèm theo một tờ thư viết bằng Pháp ngữ :

C'est au nom des millions de victimes innocentes de la dictature, déjà succombées ou subissent encore une mort lente et douloureuse dans les bagnes communistes, que je vous prie de faire publier ces poèmes dans votre pays libre. C'est le fruit des mes vingt ans de travail. La plupart ont été créés dans mes années de détention (...) De ma vie brisée, il ne reste qu'un rêve, c'est de voir le plus grand nombre possible d'hommes prendre conscience de ce que le communisme est un grand fléau de l'humanité.

**Bản dịch :**

*Nhân danh hàng triệu nạn nhân của độc tài, đã chết hay đang chết chậm và đau đớn trong lao tù cộng sản, tôi xin ngài cho ấn hành những bài thơ này tại xứ sở tự do của ngài. Đây là kết quả của hai mươi năm làm việc của tôi. Phần lớn được sáng tác trong những năm tôi bị giam giữ (...) Trong cuộc đời tan vỡ của tôi, chỉ còn một ước mơ được thấy nhiều người ý thức được chủ nghĩa cộng sản là một tai họa của nhân loại.*

Bị Công An chặn lại khi vừa tới cổng Sứ Quán Anh, ông chỉ kịp ném tập bản thảo vào bên trong rồi bị bắt giam ngay (1). Tập thơ được gửi về Bộ Ngoại Giao Anh rồi được chuyển qua Đài BBC ở London. Nhân viên người Việt của đài là ông Đỗ Văn Vội vàng gửi ngay cho Hồ Anh, chủ báo **Văn Nghệ Tiền Phong** ở Washington DC để tùy nghi khai thác.

Tại vùng Thủ Đô Hoa Kỳ này có ๐ey Ban Đòi Tự Do Cho Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù do nhà văn vừa ra thoát khỏi nhà tù Cộng Sản là Nguyễn Hữu Hiệu thành lập. Hồ Anh chưa kịp khai thác tập thơ thì bằng cách nào đó, Nguyễn Hữu Hiệu có tập bản thảo và tự cho mình có nhiệm vụ phải ấn hành ngay tập thơ, lấy tên là **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực**. Báo **Văn Nghệ Tiền Phong** cũng cho ấn hành tập thơ với tên **Chúc Thu**



**Của Một Người Việt Nam.** Cả hai tập in ra đều không đề tên tác giả vì lẽ giản dị vào lúc đó, không ai biết tác giả là ai.

Tập thơ làm tôi rúng động. Trong mười đêm, tôi chọn một số bài thơ để phổ thành mười ca khúc tôi gọi là **ngục ca**. Vì cũng không biết tên tác giả, tôi gọi thi sĩ là **ngục sĩ**.

Rồi thấy mười bài chưa đủ, tôi phổ nhạc thêm mười bài nữa. Đó là những bài :

**Từ Vượn Lên Người Từ Người Xuống Vượn**

**Đang Đây Tôi**

**Ngày 19 Tháng 5**

**Xưa Lý Bạch**

**Những Thiếu Nhi Diễn Hình Chế Độ**

**Tôi Có Thể hay là Vô Địch**

**Chuyện Vĩ Đại Bi Ai**

**Thấy Ngay Thủ Phạm**

**Nước Đồng Trác Điều Thuyền**

**Sẽ Có Một Ngày**

**Cái Làm To Thế Kỳ**

**Đôi Mắt Trương Chi**

**Vì Ấu Trĩ**

**Tia Chớp Này Vĩ Đại**

**Ôi Mảnh Đất Hình Hải Chử S**

**Đất Nước Tôi**

**Xin Hãy Giữ Mâu Trong Trắng**

**Biết Đến Bao Giờ Lời Thơ Của Tôi ?**

**Trong Bóng Đêm**

**Thời Đại Hồ Chí Minh**

Tôi cố gắng làm cho ngục ca có nhiều nhạc tính.

\* Khi thâm thiết như **Những Thiếu Nhi Diễn Hình Chế Độ, Chuyện Vĩ Đại Bi Ai...**

\* Khi ngạo nghễ như **Đang Đây Tôi, Xưa Lý Bạch...**

\* Khi cười cợt như **Từ Vượn Lên Người Từ Người Xuống Vượn, Nước Đồng Trác Điều Thuyền...**

\* Khi tiếc hận như **Ôi Mảnh Đất Hình Hải Chử S, Cái Làm To Thế Kỳ...**

\* Khi mãnh liệt như **Trong Bóng Đêm, Tia Chớp Này Vĩ Đại...**

\* Khi như vè, ca dao trong **Thấy Ngay Thủ Phạm...**

\* Khi sót sa như **Xin Hãy Giữ Mâu Trong Trắng...**

\* Khi trong sáng, lãng mạn như **Sẽ Có Một Ngày...**

Vừa soạn ra những bài đầu tiên là tôi hát trong phone hay tới hát cho bạn bè nghe trong buổi sinh hoạt cuối tuần. Nguyễn Đức Quang thuật lại buổi ra mắt đầu tiên của tập thơ **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** và của **ngục ca** trong báo **Người Việt** số 26 ra ngày 10-10-1980 nhan đề **Lại Nỗi Gai Ốc** :

Ở sân Đại Học Xá Thanh Quan năm 66 nghe anh Phạm Duy hát tâm ca rồi ngâm thơ *Đêm Liên Hoan*, tôi còn nhớ cảm giác bấy giờ là người rờn rợn nỗi da gà (...) mặc dù tôi đứng hát với anh :

*Tôi bảo tôi mãi mà tôi không nghe*

*Cứ thích đi về nẻo đường mà mình mong ước*

Nẻo đường mong ước đó bây giờ anh trở lại. Khi mà tiếng gọi mới mở ra như một thôi thúc đũa nhíp : *Từ vượn lên người mất mấy triệu năm...* Bài hát mới.

soạn theo tập thơ < Vực Đáy Từ Vọng> vừa ra đời. Tính chất của thơ lộ rõ trong đêm đọc thơ đầu tiên. Đó là đêm hồi hã, chờ chực, sốt ruột (...) vì tôi là người cầm quyền thơ đọc nhất và đem đi học từ buổi sáng.

Phạm Duy, Phạm Cao Dương, Thái Tú Hạp, Duy Sinh, Trần Diệu Hằng, Tống Hoàng và vài người nữa... ngồi trong hơn một tiếng đồng hồ (để nghe) tôi đọc thử vài bài :

*Bác Hồ rồi lại bác Tôn  
Cả hai đều thích ôm hôn nhi đồng  
Nước da hai bác màu hồng  
Nước da các cháu nhi đồng màu xanh.*

Phạm Duy bật dậy như một cái lò xo. Phản ứng như một quả lựu đạn đã rút chốt "Tôi sẽ phổ nhạc". Cái bắt gặp của anh và mọi người đêm đó là như vậy. Và suốt trong 3, 4 ngày, (dùng) dây điện thoại hỏi tập thơ đã (từ Washington DC gửi) về chưa ? Phạm Duy không nói, anh hát ngay trong điện thoại cho nghe :

*Một tay em trở : đời xưa đuối  
Một tay em trở : hận vô bờ  
Thế giới ơi ai có thể ngờ  
Đó là một tù nhân tám tuổi  
Trên bước đường tù mà tôi rong ruổi  
Tôi gặp hàng ngàn em bé như em...*

Cũng như cảm giác thời ở Đại Học Xá Thanh Quan, tôi rợn da người (...) Tôi giật mình vì cái bém nhảy 15 năm xưa không tàn theo tuổi đời.

Vâng, lúc đó tôi nhìn thấy ngay tập thơ mang tên **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** hay **Chúc Thư Của Một Người Việt Nam** là một vũ khí rất hữu hiệu để tố cáo chủ nghĩa Cộng Sản. Từ ngày phải bỏ nước ra đi, trong Cộng Đồng người Việt, ai cũng nói tới một nền "văn nghệ chiến đấu". Ai cũng nghĩ rằng loại nhạc chiến đấu bây giờ có thể giống như loại nhạc huy động nhân dân đánh Pháp trong thời kháng chiến hay nhạc vận động thanh niên đi lính Cộng Hoà chẳng hạn.

Nhưng theo thiên ý thì nó đã phải khác rồi : nếu trong đám nghệ sĩ có ai muốn thực sự soạn nhạc chiến đấu thì phải tay súng tay đàn cùng với đoàn quân giải phóng đột nhập vào Việt Nam... chứ không nên sống khơi khơi trong xã hội đầy tiện nghi của Âu-Mỹ-Úc rồi kêu gọi mọi người phục quốc. Tôi cũng biết tị nạn ca của tôi chỉ là than vãn phận mình và thương nhớ quê hương. Nhưng nếu bước thêm bước nữa, soạn nhạc (gọi là) phục quốc là đi vào con đường nhạc mị dân. Theo tôi, muốn làm chính trị bằng văn nghệ khi mình chưa có cơ hội (hay can đảm) về sống tại chiến khu trong nội địa, điều hay nhất là người hải ngoại nên phối hợp với người trong nước để nói lên tiếng lòng của dân tộc Việt Nam.

Vào lúc này, tập thơ **Tiếng Vọng Từ Đáy Vực** hay **Chúc Thư Của Một Người Việt Nam** đã gọi cho tôi một mối thương tâm lớn đối với một người tù có những bài thơ làm tôi choáng ngợp. Nếu tôi cũng phần nào vô tình hay hữu ý đóng góp vào cứu cánh mà chính thi sĩ cũng mong đợi qua lá thư kể trên... thì nó khởi sự từ cái nhìn thấy giá trị của tập thơ và tôi cần phải phổ nhạc nó để cứu nhà thơ này ra khỏi ngục tối.

Trong một thời gian ngắn, tập thơ mang hai cái tên của một người tôi gọi là **ngục sĩ** và những bài **ngục ca** được phổ biến khá rộng rãi trong hai vùng Washington DC và Nam Cali là những nơi có đông người Việt. Một cựu giáo viên ở Bắc Việt tên là Minh Huy qua được Hồng Kông (nhờ vụ chính quyền Hà Nội cho người Hoa đi theo kiểu

bán-chính-thức) rồi tới định cư ở Khu Bolsa. Ông này đọc báo **Người Việt** và báo **Văn Nghệ Tiền Phong**, thấy tập thơ kỳ lạ này có mặt tại nước Mỹ nên tới gặp tôi tại Thị Trấn Giữa Đàng, và sau khi truyện trò thì tôi biết rõ hơn về Nguyễn Chí Thiện để sẽ cung cấp tin tức về nhà thơ này cho những ai muốn biết...

Từ đó trở đi nhân dân thế giới được biết một câu chuyện ly kỳ nhất của thời đại...

\* Ly kỳ vì bây giờ người ta mới biết rằng sau Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm, vẫn có người trí thức ở miền Bắc kịch liệt chống đối chế độ. Người này tổ Cộng ở ngay trong lòng địch trước khi miền Nam mở chiến dịch tổ Cộng.

\* Ly kỳ vì trong đời tù dài 20 năm, không có giấy bút trong tay mà thi sĩ làm được 4000 câu thơ trong đầu.

\* Ly kỳ trong hành động sáng suốt và can đảm của ông, liều chết đưa được tập thơ vào Sứ Quán Anh.

\* Ly kỳ ở chỗ người Anh muốn tập thơ ra với thế giới tự do, không sợ rắc rối ngoại giao mà im nó đi.

\* Còn khá ly kỳ trong việc có hai tổ chức cùng ẩn hành tập thơ gây nên một vụ án văn học.

\* Ly kỳ thêm là nhờ có bạn đồng tù của thi sĩ vượt biên qua Mỹ nên mọi người mới biết rõ tên tuổi và cuộc đời của ông.

\* Ly kỳ nhất là dù Cộng Sản Hà Nội muốn bịt miệng, trói tay, giam ông vào ngục tối một cách tàn bạo và kỹ càng đến đâu đi nữa cũng không tránh được việc quả bom nguyên tử của ông nổ tung ra thế giới.

\* Ly kỳ tốt bụng là sau 30 năm bị giam trong bóng đêm đê nghệt, ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện vẫn chưa chết để ra khỏi đời tù vào một ngày mùa Thu năm 1991. Đúng như lời thơ của thi sĩ :

*Để đánh được kẻ thù  
Tôi không được hèn ngu  
Để thắng được kẻ thù  
Tôi phải sống ngàn thu !*

\* Còn thêm một việc ly kỳ nữa là các nhân vật nổi tiếng trong chính trường như cựu Tổng Thống nước Sénégal, Léopold Senghor... và trên văn đàn như Pierre Emmanuel, René Tavernier, Norman Mailer, các hội Văn Bút quốc gia và quốc tế như Pen Los Angeles, Pen Netherlands, Pen international, Writers in Prison Committee cùng các tờ báo lớn của Pháp, Mỹ, Nhật như Le Figaro, New York Times, Asahi Evening New, các tổ chức nhân quyền Amnesty international, Asia Watch... và sau khi được người Việt hải ngoại tích cực vận động nên đã liên tục đấu tranh không ngưng nghỉ cho ngục sĩ. Rồi cuối cùng, thi sĩ đã được trả tự do.

Tôi cũng đóng góp vào việc vận động tự do cho ông Nguyễn Chí Thiện trong thời gian tôi nhận làm correspondant cho Amnesty international, được hân hạnh giao thiệp với các vị cao cấp trong tổ chức Ân Xá Quốc Tế và nhất là với Ông Leopold Senghor, bạn học của anh tôi, Phạm Duy Khiêm.

Sau khi tôi vận động ông cựu Tổng Thống kiêm thi sĩ của nước Sénégal, ông này đã gửi cho tôi bản sao của lá thư ông gửi cho ông Phạm Văn Đồng, xin ân xá cho nhà thơ Nguyễn Chí Thiện mà ông gọi là bạn đồng bút (collègue).

Bây giờ xin nói về địa vị của một người trí thức Việt Nam trong công cuộc tổ chức chế độ Cộng Sản ở trên thế giới. Trước đây, qua cuốn **Gulag Archipel** của nhà văn Soljenytsyne, thế giới biết rằng Liên Xô không phải chỉ có Sibérie để làm nơi giam cầm thể xác những người chống đối mà còn rất nhiều trại giam ở rải rác trên đất Nga khiến cho nhà văn này phải gọi là **Quần Đảo Lao Tù**. Rồi qua lập luận của thi sĩ Mislop người ta thấy ngoài việc giam cầm thể xác ở Liên Xô, Cộng Sản còn một hình thức cai trị khác là giam nhốt tâm trí ở Ba Lan.

Nay qua 4000 câu thơ viết bằng nước mắt, mồ hôi và máu (được gọi chung là **Hoa Địa Ngục**), Nguyễn Chí Thiện lột trần bộ mặt thực của chủ nghĩa Cộng Sản hơn bất cứ một nhà trí thức nào trên thế giới vì ông là người bị giam cầm cả tâm hồn lẫn thể xác và bị giam giữ lâu nhất (tính tới ngày được thả là 30 năm) Ông lại là người nói lên điều này trước tất cả mọi người, chống đối Cộng Sản bằng ngòi bút trước cả ba người đoạt giải Nobel là Pasternak, Soljenytsyne và Sakharov.

Ai cũng biết vai trò của người trí thức là rất quan trọng tại các nước độc tài. Tại các nước dân chủ, trí thức không quá ư cần thiết vì đã có tôn giáo với Thượng Đế và Giáo Hội để điều hợp xã hội. Các nước Cộng Sản (tức là Đảng) cần trí thức để biện minh cho chế độ độc tài, cho rằng chuyên chính vô sản là một nhu cầu lịch sử không thể nào tránh được trên bước đường giải phóng nhân loại.

Nói cho ngay, từ khi chủ nghĩa Cộng Sản mới xuất hiện, vốn là những con người lý tưởng, lớp trí thức dễ dàng bị quyến rũ. Nhưng sau khi chế độ Cộng Sản được thành lập ở Nga, có những trí thức tỉnh mộng ngay. Tuy nhiên, các chứng nhân André Gide, Arthur Koestler chỉ nhìn vào sự phi nhân của chế độ Stalinist với con mắt bàng quan. Họ không phải là nạn nhân của chế độ nên không có thái độ chống đối tích cực. Phải đợi khi có những nhà văn, nhà thơ ở trong các nước Cộng Sản bị chế độ giam giữ tinh thần hay thể xác, mới thấy có sự lên tiếng mãnh liệt về cái mà Nguyễn Chí Thiện gọi là hiểm họa của nhân loại.

Tại thành trì Cộng Sản là Liên Xô hay tại các nước Cộng Sản Đông Âu không có hiện tượng toàn thể trí thức cùng một lúc đứng lên phản đối chế độ như ở Việt Nam. Tôi hiểu được vì sao Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm bị Cộng Sản Việt Nam đàn áp tàn bạo như vậy. Đây là sự chống đối của tất cả trí thức vì nhóm Nhân Văn Giai Phẩm gồm đầy đủ thành phần văn nghệ sĩ các ngành, trí thức các khoa. Họ bị kết án, sa thải, đầy đọa, phải thú tội rồi được ân xá ra sao, chúng ta đã biết.

Duy chỉ có kẻ sĩ Nguyễn Chí Thiện (người tiếp tục tinh thần Nhân Văn Giai Phẩm) là bị giam giữ lâu năm nhất vì sự chống đối kịch liệt của ông qua những câu thơ chửi chế độ, chửi lãnh tụ mà những người trong Nhân Văn Giai Phẩm không ai dám làm. Các kiện tướng của phong trào phản kháng như Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trần Dần cũng chỉ dám nói bóng nói gió mà thôi.

Trong thời gian tôi "gặp" Nguyễn Chí Thiện, anh bạn của tôi là bác sĩ Trần Ngọc Ninh đã từ Denver (Colorado) dọn về mở phòng mạch tại Santa Ana. Tôi vừa mua được một căn nhà mới ở ngay cạnh căn nhà cũ để "cứu sống" mười hai mạng người trong gia đình, bấy lâu nay vì ở chung một nhà chỉ có ba phòng ngủ và một phòng vệ sinh độc nhất cho nên vào mỗi buổi sáng (nói đùa đấy nhé) phải "giết" nhau mới làm được việc tiểu tiện, đại tiện, đánh răng, rửa mặt, tắm rửa ! Bỏ thêm chút tiền xây thêm phòng ngủ, phòng tắm cho cả hai căn nhà, từ nay trở đi gia đình chúng tôi sống êm ấm như trong bài học của sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Tôi có đầy đủ sự

yên tĩnh để làm hai công việc vừa khởi sự là soạn tài liệu cho bài thuyết trình về **Năm Mươi Năm Tân Nhạc** và phổ một số bài thơ của Nguyễn Chí Thiện thành 20 bài ngục ca.

Giải quyết xong vấn đề ăn ở cho toàn thể gia đình, tôi rất rảnh rỗi, nhân anh chị Ninh cần người đưa đón bệnh nhân (người già hoặc mới qua Mỹ chưa có xe hơi), tôi không nề hà nhận làm việc này ngay. Tôi đã từng làm thợ rèn, thợ điện, nông phu, thầy giáo trong thời niên thiếu. Qua Mỹ, đáng lẽ tôi cũng phải làm việc chân tay nhưng tôi khéo xoay sở nên được làm công việc trí óc.

Bây giờ tôi đang có phương tiện (xe hơi), sức khỏe và thời giờ -- lúc này chưa được nhiều nơi mời tôi đi hát như trong những năm sau --, tại sao tôi không dùng nó để kiếm tiền nhỉ? Dù chỉ là tiền "petty cash" cao hơn tiền xăng nhớt một chút thôi! Nhưng công việc rất nhàn nhã này không kéo dài vì xảy ra vụ một số y sĩ gian lận về medicare bị đưa ra toà. Khi nhận giúp việc cho cả hai bên bệnh nhân và bác sĩ, rất ngây thơ và ngay thẳng, tôi không biết tới chuyện lạm dụng này, bởi lẽ giản dị anh Ninh không hề làm chuyện đó. Nay thấy cần phải tránh xa cái thế giới đang có "sì căng đan" lớn nên tôi "sì tốp" ngay việc giúp bệnh nhân đi khám bệnh. Và lại tôi đã khởi sự được mời đi hát sau khi soạn xong 20 bài ngục ca.

Dù sao đi nữa, tôi muốn cảm ơn những ngày được làm nghề tài xế cao quý (giống như các ông hoàng Nga trắng tị nạn Cộng Sản ở Paris) vì tôi có dịp tiếp xúc với người dân thường, hoặc đã qua Mỹ từ 1975 hoặc vừa mới tới đây bằng đường vượt biên.

Tôi được biết rõ tâm tình của người tị nạn, biết thêm những chuyện vui buồn thầm kín trong xã hội lưu vong. Cuộc tiếp xúc thân mật với dân chúng lần này trong chiếc xe hơi chẳng khác chi lúc tôi đi hát bằng xe lửa, ô tô buýt, bằng thuyền và thời tôi đi bộ trong kháng chiến, đi tới đâu tôi cũng học hỏi rất nhiều ở người dân.

Ngoài ra, đưa bệnh nhân tới phòng mạch phải ngồi chờ rất lâu rồi mới đưa bệnh nhân về nhà, tôi có nhiều thời giờ để sáng tác. Tại phòng khám bệnh của bác sĩ Ninh, trong khi anh bạn bắt bệnh nhân thè lưỡi ra coi hay sờ tay đo *tension*, tôi ngồi cắn bút viết ngục ca bên cạnh những chai nước khử trùng. Hèn gì ngục ca có mùi nhà thương trong nhạc, ngoài mùi nhà tù của thơ. Có lúc rỗi rãi, chúng tôi ngồi nói chuyện văn nghệ văn gừng trong phòng mạch hay trong quán ăn trưa ở gần đó. Có thể nói bác sĩ Trần Ngọc Ninh là thánh giả đầu tiên của những bài ngục ca.

Đêm 27 tháng 12, 1980 là đêm tôi xuất hiện tại Santa Ana với chương trình **Địa Vị Của Ngục Ca Trong Năm Mươi Năm Tân Nhạc** sau một thời gian khá lâu không có tác phẩm mới.

---

(1) Có giả thuyết thi sĩ vào được Sứ Quán nhưng bị giao lại cho nhà chức trách.

*Đưa nào tìm thấy lá diêu bông  
Tức nay tao sẽ nhận làm chồng...*  
Hoàng Cầm

## Chương Mười Bốn

Trong hai năm trời, 1980-1982, tôi đi khắp nơi trên thế giới với những bài hát gọi là **tị nạn ca, ngục ca...**

Nhưng tôi đã có phần mỗi một, không phải vì con đường dài rộng của thế giới tự do này đầy chông gai hay dãi dầu mưa nắng mà chính vì trong bảy, tám năm qua, tôi đã phải gân cổ lên hát **những bài ca quê hương rất là mê sảng, những bài tị nạn ca đầy tủi nhục, những ngục ca chan chứa hận thù...** Và tôi đã nhận lời mờ ra rằng những người nghe tôi hát cũng mê sảng như tôi.

Phúc đức thay, vào đầu thập niên 80 này đã có một sự kiện làm cho tâm hồn tôi lắng xuống. Sau khi thấy "dường như" đã mất quê hương, tôi bỗng nhiên gặp lại quê hương qua những bài thơ của một người bạn cũ. Thơ truyền khẩu thôi, chưa hề là thơ được in ra, ngâm lên...

Đó là những bài thơ đem lại cho tôi những *chuyện tình lá diêu bông, chuyện leo vườn ổi và đánh bài tam cúc, chuyện thân thương của những con bé vàng đi tìm mẹ, những con chim cu ngói gù trên rặng cây, chuyện con chào mào đón gió chờ trăng, chuyện con phù du lặn đạn, con chim vành khuyên nhớ nhà nhớ tổ...* Chao ôi là QUÊ HƯƠNG (viết hoa) của tôi !

Nhờ những bài thơ này mà tôi thấy quê hương của tôi còn quá nhiều cái đẹp chứ không phải chỉ có ác mộng, tù đầy, uất hận và tuyệt vọng.

Lúc đó là ngày mùng 1 tháng giêng năm 1982. Trong một buổi sáng lái xe đi chơi Los Angeles, bước vào một tiệm phở ở Khu Chinatown, tôi bỗng gặp triết gia Phạm Công Thiện đang ngồi ăn với một người bạn, giáo sư dạy Anh Văn. Trong bữa ăn ngồi riêng bàn, chúng tôi nói vài ba câu chuyện xã giao.

Mới đây, Phạm Công Thiện tới nghe tôi ngâm thơ Hoàng Cầm trong một đêm sinh hoạt tại thính phòng ART STUDIO của ký giả Nguyễn Tú A ở thành phố Westminster trong khu Bolsa. Anh cất tiếng hỏi :

-- *Phạm Duy có biết con gái Hoàng Cầm là Kiều Loan đang ở đây không ?*

Tôi giật mình vì cái tin quá bất ngờ này ! Đã biết thoang thoang vợ cũ của Hoàng Cầm là Kiều Loan Mẹ đang ở miền Washington DC, rồi biết thêm Kiều Loan Con cũng đã vượt biên, nhưng tôi không thể nào ngờ rằng vợ con của một người bạn rất xa tôi lại đang ở một nơi rất gần tôi, trong khi tôi vừa phở nhạc những bài thơ của người bạn đó ! Thế là tôi nằng nặc đòi được dẫn ngay tới thăm vợ con Hoàng Cầm...

... Trong buổi chiều đầu năm dương lịch này, trên căn gác nhỏ của một chung cư nghèo ở giữa thành phố Los Angeles, hai mẹ con Kiều Loan, Phạm Công Thiện và người bạn giáo sư Anh Văn cùng tôi quây quần quanh cái bàn nhỏ, có nắng Cali lọt qua cửa sổ, rọi xuống khay trà và đĩa bánh ngọt làm tôi nhớ tới vạt nắng hanh vàng

ở vùng đất Bắc Giang ngày nào. Căn phòng bỗng dưng có chút gió lạnh mùa Thu Bắc Việt thổi về. Tôi chợt thấy trong tôi trườn lên một nỗi buồn rất là mênh mang. Người đàn bà không tuổi kia là Tuyết Khanh đấy à ? Một câu thơ cũ của một người tình xưa vang trong đầu tôi : *Người yêu ơi, sợ quá thời gian...*

Chợt nghe người vợ cũ của Hoàng Cầm hỏi :

-- Anh Phạm Duy còn nhớ ngày ở Phố Nỉ không ? Đây là con gái Hoàng Cầm đó ! Anh có thấy cháu giống bố không?

-- Nhớ chứ ! Làm sao tôi quên được cảnh Hoàng Cầm rung đùi ngâm thơ trong bữa cơm chia tay với chị ở Bắc Giang ? Chị ơi, thẩm thoát đã gần 40 năm rồi ! Còn Kiều Loan thì giống bố quá nhỉ ! Cháu kể chuyện cho bác nghe ngày cháu gặp bố lần đầu tiên ở Saigon đi...

Tôi được nghe Kiều Loan rồi rít nói về việc gặp Hoàng Cầm như gặp một nhà thơ gần gũi hơn là gặp một người cha rất xa lạ, khi thi sĩ từ Hà Nội vào Saigon để gặp con sau ngày 30 tháng Tư 1975...

Hôm nay, trong cuộc tiếp xúc với gia đình Hoàng Cầm sau 37 năm không gặp, tôi tránh không hỏi tới đời tư của hai mẹ con trong hoàn cảnh vì thời cuộc mà vợ phải lìa chồng, con không biết mặt cha. Đóng vai người phóng viên, tôi chỉ muốn biết rõ hơn tiểu sử cũng như những tác phẩm đầu đời của anh.

Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt, sinh năm 1921 (một bài báo ở Saigon gần đây cho biết anh sinh vào năm 1922) tại Làng Lạc Thổ, Huyện Lạng Tài, Phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh trong một gia đình Nho Giáo. Hoàng Cầm học Tiểu Học tại Bắc Giang rồi lên Hà Nội học Trung Học và đậu Tú Tài II Pháp. Khi còn đang học lớp Đệ Tứ, Hoàng Cầm phóng tác cuốn **Graziella** của Lamartine thành chuyện Việt Nam với tên **Hạt Ngày Xanh**. Tiểu thuyết đầu tay của Hoàng Cầm là **Thoi Mộng**, viết vào năm 1943. Trở về Bắc Giang, dạy học tại trường La Clarté, Hoàng Cầm vẫn viết văn, làm thơ để gửi đăng trên các báo **Tiểu Thuyết Thứ Năm**, **Tiểu Thuyết Thứ Bảy**. Anh là người dịch truyện Ba Tư **Một Ngàn Đêm Lẻ** ra Việt ngữ...

Tôi lúc nào cũng thao thức đi tìm những bài thơ mới cũ của Hoàng Cầm cho nên trong buổi gặp gỡ kỳ thú này, tôi muốn biết thêm về thơ tình của anh, ngoài các loại kịch thơ, thơ kháng chiến mà tôi đã biết rành rẽ. Tôi bèn hỏi :

-- Chị có còn nhớ những bài thơ tình mà Hoàng Cầm viết ra để tặng chị không ?

Người vợ cũ của Hoàng Cầm định đọc cho chúng tôi nghe bài thơ thi sĩ tặng bà vào năm 1945 khi bà còn là nữ kịch sĩ Tuyết Khanh nhưng Phạm Công Thiện đề nghị chép bài thơ ra để cho cô con gái ngâm lên. Và tôi đã ngắt ngay vì giọng ngâm rất giống lối ngâm của Hoàng Cầm :

*Một sợi tóc treo ngang trước mộng  
Một hàng mi rũ bóng bên đèn  
Miệng cười một đoá trao duyên  
Lâu thơ mới dựng chưa quên ý tình.  
Anh đã về đây lại gặp mình  
Cõi đời thiên hạ giấc u minh  
Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ  
Vót mắt em về bến hoá sinh...*

Kiều Loan giống bố một cách lạ thường. Cũng là đôi mắt có đuôi, cái mũi dọc dừa, cái miệng tươi hồng, cái giọng trong trẻo.

Cô nói giữa hai khúc thơ ngâm :

-- *Hoàng Cầm (không nói là bố cháu) dạy cháu ngâm thơ đó...*

Cô ngâm :

*... Khanh ơi !  
Thế xác hiu hiu bụi  
Nắng dãi hoe vàng,  
Em ở đâu ?*

"*Khanh ơi ! Thế xác hiu hiu bụi*" của Hoàng Cầm cũng là "*Khanh của Hoàng ơi*" của Vũ Hoàng Chương đó ! Nếu tôi nhớ không lầm thì -- trước hay trong kháng chiến ? -- thi sĩ họ Vũ cũng đã có một bài thơ tỏ tình với Tuyết Khanh :

*Khanh của Hoàng ơi ! Lửa bốn phương  
Sầu lên dằng dặc gió tha hương  
Hỡi ôi trạnh nhớ niềm ly tán  
Lại sót nòi thơ buổi nhiều nhưong...*

Hoàng Cầm còn có những câu thơ tình để tặng Tuyết Khanh khi hai người phải xa nhau trong kháng chiến -- hay khi mất nhau sau khi đất nước bị phân đôi :

*Mái tóc buông xuôi dòng khói lạnh  
Bóng người thiếu phụ thoảng đêm xuân  
Minh châu đôi hạt cài bên gối  
Đợi đến bao giờ gửi cố nhân...*

Trong khi dĩ vãng hiện lên qua những lời thơ ngâm, tôi nhìn trộm Tuyết Khanh nhưng không tìm thấy một nét cảm động nào trên gương mặt hiền hậu của Bà. Người tình xa xưa của Hoàng Cầm, từng trải qua rất nhiều truân chuyên của cuộc sống Việt Nam trong hai thời binh lửa, sau cuộc đời ở Hoa Kỳ đã tìm được quên lãng, an nhiên trong Đạo Phật rồi ! Tôi chợt thấy mình có lỗi khi đem dĩ vãng lại cho Bà. Nhưng tôi cứ tham lam gặng hỏi về sự nghiệp của nhà thơ. Và thấy rằng vợ con của anh cũng không biết gì cho lắm.

Chẳng hạn không biết một bài thơ Hoàng Cầm soạn từ khi còn đang làm nghề thầy giáo ở Bắc Giang mà có lẽ thi sĩ cũng đã quên rồi ! Hơn nữa, vì anh vắng mặt trong 30 năm nên nếu có ai còn thuộc thơ anh thì cũng chỉ thuộc lổm bổm vài câu thôi.

Như họa sĩ kiêm thi sĩ Tạ Ty :

*Nếu anh còn trẻ như năm trước  
Quyết đón em về sống với anh  
Những buổi chiều vàng phơ phất lại  
Anh đàn em hát níu xuân xanh.  
? ? ?*

*Nhưng thuyền em buộc trên sông hận  
Anh chẳng quay về với trúc tơ  
Ngày tháng tỳ bà vương ánh nguyệt  
Mộng héo bên song vẫn đợi chờ...*

Một người có lẽ đã lớn tuổi và là dân Hà Nội cũ, trong một bài báo đăng trên một tờ nguyệt san ở Virginia còn nhớ thêm bốn câu nữa :

*Nếu có ngày nào em trở gót  
Quay về thăm lại bến thu xa*



*Thì đôi mái tóc không xanh nữa  
Mây bạc trắng ngàn vẫn thướt tha...*

Tôi đã phổ nhạc mấy câu thơ của bài thơ vô đề này và đặt tên bài thơ phổ nhạc là **Tình Cầm**. Người ta có thể hiểu đó là bài hát nói về mối tình của Hoàng Cầm hay bài hát nói về một mối tình của một danh cầm nào đó. Để cho có đủ câu nhạc, tôi soạn thêm một đoạn lời (coi như đó là đoạn 2), mong rằng nó vẫn nằm trong hơi thơ và cảm xúc của thi sĩ :

*Có mây bàng bạc gây thương nhớ  
Có ánh trăng vàng soi giấc mơ  
Có anh ngồi lại se phím cũ  
Mong chờ em hát khúc Xuân xưa...*

Bài **Tình Cầm** được Thái Thanh, Duy Quang, Thái Hiền và nhiều ca sĩ khác hát trong các băng nhạc sản xuất tại Hoa Kỳ.

Trong cuốn Hồi Ký II, tôi đã kể lại những hoạt động của tôi và Hoàng Cầm trong kháng chiến nhưng tôi còn bỏ sót một bài thơ rất quan trọng của Hoàng Cầm. Trong chiến thắng Sông Lô, Hoàng Cầm có một bài thơ dài nhan đề **Trường Ca Sông Lô** (giống như cái tên bản nhạc của Văn Cao) :

*Sông Lô chảy xuống Sông Hồng  
Sông Hồng trôi xuống Biển Đông xa vời  
Biển Đông dội sóng vang trời  
Nhắc đi bốn bể những lời Sông Lô...*

*.....  
Em là em bé Sông Lô  
Em đi theo Chị bến bờ là đâu ?  
Chiều nay thương Mẹ em sầu  
Cho em kể kể vài câu tâm tình...*

*Này Chị trông em nhé :  
Em trái tóc rừng xanh  
Em quần khăn núi biếc  
Áo em sớm thì xanh  
Chiều về đỏ như huyết...*

Bài thơ này, tôi đã ngâm cho Phạm Đình Chương nghe khi vào làm rể nhà họ Phạm Đình, và đã gây hứng cho cậu em soạn bài **Hội Trùng Dương**.

Tại căn gác nhỏ ở Los Angeles này, sau khi hỏi chuyện về Hoàng Cầm, tôi sung sướng vô cùng khi được nói cho vợ con của anh nghe về những ca khúc tôi đang chuẩn bị tung ra, phóng tác từ lời thơ của thi sĩ. Để cho khán thính giả hiểu được những bài ca đầy tính chất ẩn dụ này, tôi đọc cho mọi người nghe những lời giới thiệu trước khi tôi hát **Hoàng Cầm Ca**...

Sau đây là hành trình lưu diễn của **Hoàng Cầm Ca** trên toàn cầu :

\* Buổi ra mắt **Hoàng Cầm Ca** (ngày 18 tháng 10-84, tháng sinh nhật của tôi) tại Phòng Trà Lê Uyên Phương ở Santa Ana.

Sau đó là những đêm diễn tại :

- \* Café Viễn Xứ ở San Jose,
- \* Trường Đại Học Georges Mason ở Virginia,
- \* Nhà thờ Saint Teresa ở Honolulu,
- \* Town Hall ở Melbourne,
- \* Hiệp Hội Báo Chí tại Úc Châu ở Sydney,
- \* Cộng Đồng người Việt ở London,
- \* Báo Quê Mẹ ở Paris,
- \* Toà soạn của báo Độc Lập ở Stuttgart v.v...

**Hoàng Cầm Ca** là gì ? Đó là những bài ca gọi những cái đẹp -- mỹ ảnh -- của đất nước hơn là những cái sai, cái xấu -- ảo ảnh, ác ảnh -- của quê hương qua **tị nạn ca, ngục ca** và **tử nhục ca**. Đó những bài thơ mà người bạn thi sĩ viết ra sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm và bây giờ đã được tôi phóng tác thành ca khúc.

Một thời gian sau khi cùng bị đàn áp với các văn nghệ sĩ chống đối khác như Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần... Hoàng Cầm cho luân lưu tại miền Bắc một tập thơ truyền tay nhan đề **Đường Về Kinh Bắc**. Đó là những bài thơ ẩn dụ, nếu đọc lên thì bất cứ ai nghe cũng thấy bàng bạc những hình ảnh và màu sắc tuyệt vời của quê hương nhưng không ai hiểu Hoàng Cầm muốn nói gì trong đó...

Tôi cần phải nói rằng vào năm 1982, trong lúc tôi đang mệt mỏi vô cùng sau sáu, bảy năm sống đời lưu vong, vào những giờ phút lung linh hiếm có, tôi chợt nhìn ra ý chí của Hoàng Cầm trong những bài thơ đầy ẩn ngữ này. Tôi bỗng hiểu được rằng : vào cuối thập niên 60, dù bị đẩy vào hoàn cảnh cùng cực của đời mình là bị bẻ bút và bị bao vây kinh tế nên phải bán rượu lậu ở vỉa hè để mưu sống, với tập thơ truyền tay **Đường Về Kinh Bắc**, Hoàng Cầm vẫn... cứ làm thơ ! Trong một miền đất nước mà những thi bá như Xuân Diệu, Tế Hanh, Chế Lan Viên... chỉ còn biết đem thơ làm đòn bẩy cho chế độ, thơ của anh là giọt nước mắt làm chấn động ao tù, là nỗi buồn vạm vỡ của loài sư tử cô đơn...

Lúc đó tôi không có trong tay tập thơ **Đường Về Kinh Bắc**, tôi chỉ sưu tầm được dăm ba câu thơ ở nơi này, nơi nọ trên đường đi hát rong cho nên khi phổ nhạc, tôi phải phóng tác thêm vào những câu thơ ngắn ngủi của thi sĩ để soạn ra bốn bài **Hoàng Cầm Ca**. Đó là những bài **Lá Diêu Bông, Qua Vườn 'i, Cổ Bài Tam Cúc, Đạp Lùi Tinh Tú**...

Bài **Lá Diêu Bông** quyến rũ tôi ngay lập tức khi tôi vừa đọc xong bài thơ thiếu đầu thiếu đuôi. Mở đầu, Hoàng Cầm đưa ra hai câu thơ rất thân thiết, đó là lời nhắn nhủ của một người chị nói với đàn em :

*Đưa nào tìm được lá diêu bông  
Từ nay tao sẽ gọi là chồng !*

Trước hết chúng ta cần biết **lá diêu bông** là lá gì ? Lá diêu bông (lá bông diêu thì đúng hơn) là thứ lá đặc biệt ở làng Đình Bảng, Bắc Ninh, phụ nữ thời xưa thường vắt ra nước rồi bôi lên mặt cho da dễ được hồng hào tươi đẹp. Với bài thơ này, Hoàng Cầm đưa ra câu chuyện một chị đàn bà xấu xí, muốn có bộ mặt đẹp nên đã dành đàn em đi tìm hộ chị thứ lá thẩm mỹ này...

*Vài ngày sau em tìm thấy lá  
Chị chau mày : đâu phải lá diêu bông ?*

*Mùa Đông sau em tìm thấy lá  
Chị lắc đầu nhìn nắng vẫn bên sông.*

A ! Chị muốn có chiếc lá thần dược để làm cho mặt chị đẹp ? Chỉ vài ngày sau đã có người tìm ra chiếc lá. Đó là chiếc lá dân tộc, giản dị là như vậy ! Nhưng chị chau mày bảo rằng : đó không phải là lá diêu bông ! Rồi một nămqua đi, nhớ lời chị nhắn nhủ, lại có người tìm ra chiếc lá, nhưng chị vẫn chưa chịu chấp nhận nó, cho nên chị lắc đầu, ngoảnh mặt đi, nhìn nắng vẫn bên sông... Bài hát tiếp tục :

*Ngày cưới chị, em tìm thấy lá  
Chị mỉm cười, se chỉ cắm trôn kim.  
Chị đã ba con, em tìm thấy lá  
Xoè tay, phủ mặt, chị không nhìn...*

Khi cho rằng không có ai tìm ra chiếc lá thần diệu nên chị bèn đi lấy chồng, thì vào ngày cưới chị, vẫn có người đem lại cho chị chiếc lá thắm mỹ của dân tộc. Nhưng than ôi, chị đã "lỡ bước sang ngang" nên chị mỉm cười, chị se chỉ, chị cắm vào lỗ trôn của cây kim, chị khâu vá cuộc đời vong thân của mình rồi ! Tới khi chị có ba đứa con, vẫn còn có người nhớ tới chuyện chị muốn có chiếc lá diêu bông và muốn đem lại cho chị chiếc lá thần diệu đó thì chị xoè tay phủ mặt, chị không nhìn, hay chị không muốn nhìn ra cái lá có thể làm cho chị đẹp được nữa !

Với những câu thơ cuối của bài **Lá Diêu Bông**, Hoàng Cầm muốn nói rằng : Không ai có thể làm cho người chị khó tính này tốt đẹp được vì dù có tìm thấy chiếc lá thắm mỹ nhiệm màu thì cũng không được chị chấp nhận :

*Từ thuở đó, em (Hoàng) cầm chiếc lá  
Nơi đầu non, cuối bể, em đi...  
Lời vi vút, gió quê lắng gọi  
Diêu bông hời hời hỏi diêu bông !  
Em đi trăm núi nghìn sông  
Nào tìm thấy lá diêu bông bao giờ ?*

Với bài thơ phổ nhạc này, tôi đã thay mặt Hoàng Cầm, trong nhiều năm, đi trăm núi nghìn sông, nghĩa là đi khắp mọi nơi trên thế giới để rao giảng cho mọi người nghe những "thông điệp nhân văn" của thi sĩ. Ngoài việc nói lên cái xấu xí và sự mù quáng của một người chị, bản **Hoàng Cầm Ca -- Lá Diêu Bông** còn đặt ra vấn đề đái ngộ đàn em nữa. Người chị muốn lủ đàn em tìm đủ mọi cách để tô son điểm phấn cho chị rồi chị sẽ đái ngộ, chị sẽ lấy làm chồng kia mà... Nhưng chẳng bao giờ chị biết nghe tiếng nói trung thực của đàn em, nói gì đến chuyện đái ngộ ?

Bài **Qua Vườn Ổi** thì nói tới chuyện bắt công và chuyện tham những :

*Cách xa ba bước qua vườn ổi  
Chị xoạc cành ngang em đứng trông...*

Hai chị em (tức là người dân nghèo) dắt nhau tới vườn ổi nhưng không được phép vào vườn. Phải đứng xa xa, rồi chị vạch cành lá cho em nhìn. Em thèm ăn ổi quá, xin chị hái trộm cho em một quả :

*-- Này chị ơi ! Xin chị một quả non.  
Chị không dám hái nên nói dối em :  
-- Ổi non, em ơi, còn xanh chát  
A à ! ổi non xanh chát lè...  
Em bé bèn :*

-- *Này chị ơi ! Xin chị một quả ương.*

Chị trả lời:

-- *Ồi ương, em ơi, bị chim khoét*

*A à ! Ồi ương chim khoét rồi !*

Em nằn nì xin chị :

-- *Này Chị ơi! Xin chị một quả chín*

Chị chỉ còn biết trả lời:

-- *Ồi chín, em ơi tít ngọn cây*

*A à ! Ồi chín quá tầm tay...*

Bài **Qua Vườn Ổi** có câu kết :

*Léo đẹo em đi đường mai sau*

*Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng...*

Nghĩa là cả hai chị em -- đại diện cho người dân nghèo, thấp cổ bé miệng -- phải léo đẹo đi trên đường đời, không bao giờ được ăn một quả ổi nào ở trên cây, bởi vì những quả ổi ngon lành đó, hoặc để dành riêng cho người trên hưởng thụ, hoặc bị trộm cướp đục khoét hết cả rồi ! Nếu thèm ăn ổi, hai chị em chỉ còn biết cúi nhặt những quả ổi thối, rụng rơi trên những con đường chiều, có mưa rơi rả rích...

Trong mấy bài thơ ẩn dụ này, có một điều lý thú là Hoàng Cầm thích đưa ra những câu chuyện (gần như chuyện tình) giữa một người trai ít tuổi và một người thiếu nữ hơn tuổi mình. Người được thi sĩ gọi là chị đó có thể tượng trưng cho lý tưởng mà thi sĩ từng ôm ấp. Lý tưởng vẫn còn đó hay đã bị cướp đi, hiển hiện trong thơ qua hình ảnh người chị khi thì tươi đẹp mặn mà, khi thì xấu xa khó tính...

Bài **Hoàng Cầm Ca** thứ ba nhan đề **Cổ Bài Tam Cúc** muốn đòi lại một hạnh phúc xa xưa của hai chị em này, nay đã bị mất đi vì một ông quan Đốc Đồng áo đen nẹp đở :

*Rút trộm rom nhà đi trải ổ*

*Cổ bài tam cúc mép cong cong*

*Chị gọi đôi cây trầu cay má đỏ*

*Kết xe hồng đưa chị tới quê em...*

*Ghé coi bài, tìm hơi tóc ấm*

*Em đừng lớn nữa, chị đừng đi*

*Tướng sĩ đỏ đen chui xấp ngựa*

*'rom thơm đọng tuổi xuân thì...*

*Đưa được bài chinh chuyễn xúng xềng*

*Đưa thua bài đáo gỡ ngoài thêm.*

*Em đi đêm tướng điều, sĩ đỏ*

*Đổi xe hồng, đưa chị tới quê em...*

*Pháo, mã ra bài, năm sau giặc giã*

*Quan Đốc Đồng áo đen nẹp đở*

*Xua tốt điều đề lũ tốt đen*

*Thả tịnh vàng đưa chị vồng mây trôi*

*Em đứng nhìn theo,*

*Em gọi : ... Đôi !*

Qua bài thơ này, Hoàng Cầm nói lên một hạnh phúc tuyệt vời của hai chị em khi rút rơm để trải ổ rồi cùng mọi người ngồi đánh tam cúc trong mấy ngày Tết. Ngồi cạnh chị, em giả vờ ghé mắt coi bài để được ngửi mùi tóc ẩm của chị. Em tự khuyên em đừng lớn nữa nhé ! Em còn xin chị cứ ở trong làng, đừng vội đi lấy chồng (1) nghe ! Em yêu chị đến độ em bằng lòng đi đêm cả tướng điều, sĩ đồ để đổi lấy xe hồng, đưa chị tới quê em. Ai ngờ năm sau giặc giã, quan Đốc Đồng áo đen nẹp đở, (bạo quyền) xua tốt điều đê lũ tốt đen (đàn áp người dân). Còn thả tịnh vàng, đưa chị vồng mây trời, đem chị đi mất (cướp đoạt hạnh phúc của nhân dân). Em, Hoàng Cầm, cổ bài trong tay, đứng nhìn theo chị bị cướp mang đi, em gọi : Đôi ! Nghĩa là em vẫn chưa chịu thua, em vẫn còn đôi cây xe hồng để sẽ kết liễu ván bài tam cúc này.

Bài **Đạp Lùi Tinh Tú** -- tên ca khúc do tôi đặt -- thì nói lên sự xơ xác, buồn rầu, ngủ vùi của tất cả mọi người, chỉ có nhà thơ là còn tỉnh thức. Hoàng Cầm đưa ra những hình ảnh buồn thương như con bê vàng lạc mẹ, con chim cu ngồi gù rặng tre, con chào mào khát nước, cây ổi giơ xương chống đỡ mùa Đông, con phù du ao trời lặn đặng, con chim vành khuyên nhớ nhà nhớ tổ. Tất cả, giống như đôi cá đồng đong, đều ngủ say cả rồi. Chỉ có thi sĩ là còn tỉnh thức, ngồi soi hình vào đáy nước, giơ chân đạp ánh sao đêm đang lấp lánh trên mặt ao :

*Ta là con bê vàng lạc dáng chiều xanh  
Đi tìm sim mà sim chẳng chín  
Ta lên đồi thông nằm miếu Hai Cô  
Gặm cỏ mưa phùn  
Ngoài đồng sương bóng người thấp thoáng  
Chiều nay mẹ chẳng về chuồng...*

*Ta là con chim cu về gù rặng tre  
Gọi nắng ấu thơ về sân đất rộng  
Mong tin mừng từ những trời xa  
Đưa mây lành về tụ nóc rơm.  
Ta là con chào mào khát nước  
Về vườn xưa hạt nhãn đêm mầm...*

*Ta, cây ổi giơ xương !  
Chống đỡ mùa Đông sụp về đánh úp.  
Ta là con phù du ao trời lặn đặng  
Trên cánh bèo đong gió, lặn dưới nước tìm sao  
Hứng nước mắt con chim vành khuyên  
Nhớ nhà nhớ tổ, vừa rụng chiều nay  
Làm dềnh mặt nước gương sen.  
Ta soi hình vào tận đáy ao đêm  
Chỉ thấy mình đạp lùi tinh tú  
Ngủ say rồi đôi cá đồng đong...*

Soạn **Hoàng Cầm Ca** vào lúc đó, tôi không còn theo đuổi mục đích soạn nhạc một cách dễ dãi (dễ hát, dễ nghe, dễ hiểu) như trước nữa. Nhà báo Đỗ Ngọc Yên đã nhận xét :

*Trước đây người ta chỉ biết Hoàng Cầm qua thơ tình, kịch thơ, thơ kháng chiến, thơ phản kháng trong thời Nhân Văn Giai Phẩm. Bây giờ với những bài ca ẩn dụ này, Phạm Duy đưa ra một Hoàng Cầm **mới nhất, hiện đại nhất** qua những bài thơ có*

**hiều ẩn ngữ nhất.** Ca khúc là hình thức nôm na nhất bây giờ lại được đóng thêm vai trò diễn tả **siêu thực nhất**, đưa tác giả vào một vị trí **học hiếm nhất**, phơi bày trước quần chúng một vấn đề chính trị **trinh tế nhất** !

Thế là sau khi quá mệt mỏi với loại **ngục ca, tị nạn ca** hay **tủ nhục ca** vì phải lên gân trước thời cuộc, những bài thơ ẩn dụ của Hoàng Cầm mà tôi soạn thành **Hoàng Cầm Ca** vào đầu thập niên 80 này làm cho tâm hồn tôi lắng xuống. Sau khi thấy "dường như" đã mất quê hương, tôi bỗng nhiên gặp lại quê hương qua những câu chuyện mà tôi cho là rất kỳ diệu, ảo huyền, lung linh và đầy thi vị...

... Đó là chuyện **lá diêu bông, vườn ổi, cổ bài tam cúc**, chuyện **tâm tình của những con bê vàng, con chim cu, con chào mào, con phù du, con chim vành khuyên**... Quê hương mờ nhạt hay rực rỡ, êm đềm hay chua xót của tôi hiện ra, quá rằng còn quá nhiều cái đẹp, chứ không phải chỉ có ác mộng, ngục tù, hận thù và tuyệt vọng !

Những bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** của Hoàng Cầm được phổ nhạc thành **Hoàng Cầm Ca** vẫn còn buồn rười rượi vì nó phản ánh một miền của đất nước Việt Nam vào những năm 60-70 nhưng nó chứa đựng quá nhiều hương vị quê hương nên nó là liều thuốc an thần cho bản thân tôi sau khi tôi bị đắm chìm vào không khí chết chóc gây nên bởi thơ Nguyễn Chí Thiện (ngục ca) hay nhạc Hà Thúc Sinh (tủ nhục ca). Tôi cũng nghĩ rằng : là một người luôn luôn có phản ứng trước nghịch cảnh, tôi không nên tự đầy đọa tôi hay khuyến khích người nghe đi vào ngõ bí là sự thù hận, oán ghét, chửi rủa. Chắc chắn **Đường Về Kinh Bắc** (nghĩa là đường về quê cũ) giúp tôi có một lối thoát.

Dù biết là khó hát, khó nghe, tôi cũng cố gắng đem thơ Hoàng Cầm đi trình diễn ở khắp mọi nơi trên thế giới và đúng như tôi dự đoán, sự phổ biến của **Hoàng Cầm Ca** bị hạn chế vì tính chất ẩn dụ của nó. Tuy nhiên tại Việt Nam, lá diêu bông trở thành một huyền thoại mới. Vài năm sau khi những bài ca ẩn dụ này được tung ra ở hải ngoại thì ở trong nước (nhất là sau khi có chủ trương cởi trói cho văn nghệ sĩ), trong nhạc, có Trần Tiến nói tới chuyện lá diêu bông và trong đời, tại thành phố vẫn luôn luôn được gọi là Saigon, có một thiếu nữ mở một cái quán (quán café hay quán rượu?) lấy tên là **QUÁN DIÊU BÔNG**. Vào lúc tôi viết những dòng chữ này (1990), nhà thơ tình họ 70 tuổi của tôi (có lẽ) đang "làm lại cuộc đời" với cô chủ quán.

Sau khi giới thiệu "thông điệp nhân văn" của Hoàng Cầm, với cái tật tham lam, bao giờ cũng muốn đi tới tận cùng của bất cứ vấn đề gì, tôi còn muốn viết thêm về con người của anh cho nên tôi luôn luôn nhắc tới anh trong những cuốn **HỒI KÝ**. Tập tiểu luận **Hoàng Cầm Trong Tôi** này thì muốn nhấn mạnh tới địa vị của anh trong văn học sử.

Tôi muốn nói rằng : trước hết, trong thi ca Việt Nam có một giai đoạn được gọi là "thời kỳ kịch thơ" thì ai cũng phải công nhận đó là thời kỳ của Hoàng Cầm. So với các thi sĩ khác, kịch thơ của Hoàng Cầm chói lọi nhất mặc dù về sau kịch thơ không còn đất đứng. Sau nữa, thơ của Hoàng Cầm là tiếng thơ lên đường kháng chiến sớm sủa nhất và được dân chúng yêu mến nhất trong thời gian cả nước lên đường. Trạng thái đặc biệt của thơ Hoàng Cầm là thơ ngâm lên, có diễn xuất (spectaculaire). Trong thơ của anh, ta thấy rất nhiều hình ảnh đẹp, chan chứa hương vị quê hương. Tất cả tứ thơ của Hoàng Cầm, dù là thơ tình, thơ lịch sử, thơ kháng chiến đều rất vững chãi. Thơ năm chữ, thơ lục-bát đều được chuyển thể rất giỏi.

Hoàng Cầm dùng những từ ngữ của dân tộc, thơ anh không lai căng như của vài nhà thơ lớn khác. So với thơ cùng một đường hướng là thơ Nguyễn Bính, thơ Hoàng Cầm cao hơn, trí thức hơn. Hoàng Cầm còn đáng quý ở chỗ không bao giờ chịu khuất phục trong khi có những nhà thơ khác, vì lý do này lý do nọ, phải chấp nhận đường lối văn nghệ "được" chỉ huy. Thơ Hoàng Cầm không bao giờ tỏ ra là bị ép buộc. Trái lại là khác. Hãy nhớ lại bài thơ **Em Bé Lên Sáu** anh viết trong thời kỳ cải cách ruộng đất ở Việt Nam. Đây tính nhân bản :

*Em bé lên sáu tuổi  
Lủi thủi tìm miêng ăn  
Bố : cường hào nợ máu  
Đã trả trước nông dân  
Mẹ bỏ con lay lắt  
Đi tuột vào trong Nam.*

.....  
*Bụng phình lại ngặng cổ  
Mắt tròn đỏ hoe hoe  
Em nhìn đời bỡ ngỡ  
Lạy bà xin bát cháo  
Cháu miếng cơm, thầy ơi !  
Có một chị cán bộ  
Đang phát động thôn ngoài  
Chợt nhìn ra phía ngõ  
Nghe tiếng kêu lạc loài.  
Chị rùng mình nhớ lại  
Năm đói kém từ lâu  
Chị mới năm tuổi đầu  
Liếm lá khoai giữa chợ.  
Chạy vụng ra phía ngõ  
Dắt em bé vào nhà  
Nắm cơm dành chiều qua  
Bê cho em một nửa.*

.....  
*Chị đi bỗng lủi lại  
Nhìn đứa bé mồ côi  
Cổ tìm vết thù địch  
Chỉ thấy một con người...*

Hoàng Cầm còn viết một vở kịch thơ ngắn, nhan đề **TĨNH HÁT**, nói về truyện Trương Chi. Thi sĩ biến lời hát ái tình của Trương Chi thành tiếng gọi của Tự Do. My Nương là tượng trưng cho giới văn nghệ bị kìm hãm và Quận Công, cha của My Nương là đại diện cho uy quyền độc đoán. Trong vở kịch thơ này còn có thêm nhân vật Hồng Hoa, nữ tỳ, tượng trưng cho nhân dân đói khổ. Tiếng hát kêu gọi mọi người đang bị hành hạ hãy đứng dậy :

*Nào người quả phụ trắng khăn tang  
Nào đứa em mồ côi khát sữa  
Nào ai sống nhục, chết oan  
Nào ai tan lìa đôi lứa  
Nghe tiếng hát này.*

Trong khi người cha của My Nương truyền lệnh : Khoá kín cửa lâu, lấp cả sông, để

không còn tiếng hát (2) thì tiếng hát tự do vẫn lọt tới lòng người :  
*Cửa ngoài bằng đá tảng, tiếng hát đầy được vào  
Vì đó là tiếng gọi của trời cao đất rộng.*

Và Mỹ Nương, tức là giới văn nghệ, vẫn gan góc :  
*Cánh cửa khoá [...] ta mở được  
Ta vượt qua tường đá  
Ta chạy ra sông đi bốn phương trời  
Tìm tiếng hát, ta đi cùng thiên hạ...*

Sau phong trào phản kháng vào cuối thập niên 50 của tất cả trí thức Hà Nội, Hoàng Cầm cũng như các bạn bè trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị đối xử ra sao, mọi người đã biết. Phải đợi cho tới gần đây, với phong trào glasnost ở các nước Đông Âu và với sự cởi mở ở Việt Nam thì địa vị nhà văn, nhà thơ của anh và của những bạn anh mới được phục hồi.

Tôi không biết sự thương nhớ của tôi đối với một người bạn thơ xa xưa -- qua những **Hoàng Cầm Ca** -- có làm cho thi sĩ bị phiền lụy (3) hay có đem lại cho anh một an ủi nhỏ nhoi nào không, nhưng tôi rất vinh hạnh được có mặt trong đời anh từ khi còn trai trẻ cho tới khi đã tóc bạc răng long, mặc dù tôi chỉ được gần anh trong một thời gian rất là ngắn ngủi. Sự chung tình đó cũng còn nhờ ở phép lạ của cuộc đời khiến tôi bỗng gặp lại vợ cũ của anh và người con gái tôi "quen biết" khi còn là bào thai trong bụng mẹ, cùng một lúc với việc tôi khám phá ra những bài thơ ẩn dụ của anh.

Trong vòng 10 năm nay, tôi luôn luôn có mặt trong gia đình anh để theo dõi quãng đời của anh vào lúc xế chiều. Để được nghe ngân nga một số câu thơ trác tuyệt của anh gửi cho vợ cũ và con gái :

#### **Trích Đoạn Kiều Loan Ngâm Thơ**

*Rực sáng chân mây một điệu đàn  
Biển động bùng chớp mắt Kiều Loan  
Mắt diên, mắt sóng men huyền diệu  
Xanh thắm hàng mi bến hợp tan.  
Cả Thái Bình Dương là hạt lệ  
Một người đi biệt một hành tinh  
Cả dãy Trường Sơn là dấu phẩy  
Ngắt dòng thơ trang sử u tình.  
Bấy sắc mây chìm đợi bão tan  
Hôm nào nắng xoá vết thời gian...  
Gò cao má ửng đùa thiên mệnh  
Em có về không ? Hỡi tiếng vang !*

Tôi nhận Kiều Loan, con ruột của Hoàng Cầm là con nuôi và đã giúp đỡ cho con gái về cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần, lo lắng cho con nuôi trong việc gia đình cũng như trong công việc làm ăn. Thấy con gái nuôi thích văn nghệ, đã nhiều lần, Kiều Loan xuất hiện bên tôi trong những buổi ngâm thơ hay diễn kịch thơ... Tại San Jose là nơi cư ngụ, Kiều Loan rất được hoan nghênh mỗi khi xuất hiện trước khán thính giả với tiết mục ngâm thơ hay diễn kịch.



Tiếng thơ Hoàng Cầm lúc nào cũng có khả năng gọi người về. Về với tình yêu, về với gia đình, về với xóm làng, nói tóm lại về với quê hương mà suốt đời Hoàng Cầm xưng tụng :

*Có lặng thầm ru vọng tiếng Khanh ?  
Dòng lệ mặn dấu tê môi héo  
Ngừng đầu sao sáng bỗng long lanh  
Sao treo lối nhỏ về quê mẹ  
Mẹ gọi nghìn thu : Con hỡi ! ... Khanh !  
Ai gọi nghìn thu : Em hỡi ! ... Anh !*

Tôi muốn được coi như người bạn thơ cũng róng tiếng gọi tôi qua những câu thơ mà vào một hoàng hôn rất tím, trong một quán ăn rất sang, trên bãi biển San Francisco rất vắng, người con gái của thi sĩ là Kiều Loan đã ngâm cho tôi nghe :

*Đất Bắc ngậm ngùi thương phận bạc  
Điù hiu thân thể bến sông mơ  
Chân ai đi lén về xa đó ?  
Bỏ lại vườn hoang bóng nguyệt mờ  
Nước nở canh khuya hoài thánh thót  
Khóc làm chi nữa tuổi đương thơ...*

Gần đây (1989-90) Hoàng Cầm tái xuất hiện trên văn đàn với những tập thơ **Men Đá Vàng**, **Mưa Thuận Thành** trong đó tôi thấy con tim khối óc của anh vẫn bền vững như gạch Bát Tràng, vẫn ướt át như cơn mưa hồi sinh của dân tộc. Trong tập **Mưa Thuận Thành**, Hoàng Cầm cho đăng nguyên văn bốn bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** mà tôi phổ nhạc với những tên **Lá Diêu Bông**, **Cây Tam Cúc**, **Quả** và **Về Với Ta...**

Chúng tôi đã trao đổi thư từ trong đó, hai ông già ngoài 70 tuổi vẫn cứ xưng hô mà tao như trong tuổi 20. Chúng tôi đều cho rằng cả hai thằng bạn, vào lúc gần đất xa trời, rốt cuộc đều thấy đời mình chỉ là một cuộc chơi ! Cuộc chơi đã đưa hai đứa lên rất cao, rồi cũng đã chìm hai thằng xuống rất sâu nhưng cả hai kẻ đăng tử này đều được cứu rỗi bởi một sợi dây bí ẩn.

Đó là sợi dây cảm nhận, rung động và sáng tạo nghệ thuật làm cho chúng tôi, sau nhiều cơn vật vã, vẫn có thể gạn đục khơi trong rồi làm ra những vần thơ điệu nhạc lung linh sức sống kỳ diệu của con người. Vâng ! *Nghệ thuật đã rửa hồn chúng tôi*, như Hoàng Cầm nói : *ton art purifie ton âme* và sẽ còn giúp chúng tôi đi nốt con đường đã chọn : CON ĐƯỜNG TÌNH, tình nước, tình người.

Viết thêm : Bài này được viết ra từ đầu năm 1984 với ý định sẽ cho vào HỒI KÝ IV. Qua năm sau, nghĩ rằng đây là chuyện liên hệ tới nhà thơ và đã có chút dễ dãi cho việc người Việt hải ngoại trở về thăm quê hương, tôi nhờ hai người bạn là BS Bùi Duy Tâm và cô Quế Hương đem bài này -- dưới đầu đề HOÀNG CẦM TRONG TÔI - cùng với một đoạn video ngắn tới cho Hoàng Cầm. Ít lâu sau, anh bạn có những phản ứng mà tôi xin được ghi lại trong chương sau...

---

(1) Trần Tiến cũng đã dựa vào bài thơ này để soạn ca khúc của anh.

(2) Trạng lòng nhớ tới tiếng hát của mình, than ôi, cũng đang bị cấm đấy !

(3) Hoàng Cầm bị bắt vào năm 82 vì nhờ một Việt Kiều đem tập thơ MEN ĐÁ VÀNG ra ngoại quốc cho con gái. Không phải vì Hoàng Cầm Ca...

*Nếu anh còn trẻ như năm cũ  
Sức mấy... em về sống với anh ?  
nhại Hoàng Cầm*

## Chương Mười Lăm

Chương 14 đã ghi lại một giai đoạn trong cuộc đời soạn nhạc của tôi, gọi là giai đoạn **Hoàng Cầm Ca**. Một đoạn dài của chương này, dưới nhan đề **Hoàng Cầm Trong Tôi**, vào năm 1985, đã được gửi về Hà Nội cho nhà thơ họ Hoàng. Anh bạn già đã hồi âm như sau :

*Duy,  
Nhờ anh Bùi Duy Tâm và Quế Hương, tao mới thực sự đọc được lòng mày trên vài trang thư. Cái "Hồi Ký Hoàng Cầm Trong Tôi" ấy tao đã đọc từ tháng Tư vừa rồi. Đưa mấy bạn già biết cả tao lẫn mày, xem, họ đều cảm kích vì tình bạn gần 40 năm của hai thằng nghệ sĩ đã sắp đi vào cõi hư vô. Nói thế thôi, chứ cũng phải kiêu hãnh nhận thấy rằng ít nhiều hai thằng cũng có góp vào cõi hư vô vô biên ấy một chút gì gọi là cái hằng số tồn tại của Nhân Bản để sau này chỉ ít cũng còn đôi ba người nhớ đến, hát đến, đọc đến mà thêm được năng lượng sống của con người mà thêm thương yêu nhau, gắn bó hơn vào nhau nhau, những con vật tối linh trên mặt quả đất này, những vật vốn dĩ cũng mong manh không hơn những bong bóng sà phòng thuở bé sinh ra từ cái cọng rơm hay ống rau muống. Mày nói lúc này là lúc êm êm chờ chết, đá đít tất cả rồi, ừ, thế là phải và cần như thế. Cõi Phật thì người ta gọi thế là vào cõi Thiên rồi. Nhưng chắc không ?*

Như vậy là vào năm 1985, Hoàng Cầm và những người bạn già của chúng tôi ở Hà Nội (có thể là các "cụ" Nguyễn Hữu Đang, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt v.v...) đã *đều cảm kích* vì đọc thấy trong bài viết (bài **Hoàng Cầm Trong Tôi**), *mối tình bạn gần 45 năm của hai thằng nghệ sĩ đang sắp đi vào cõi hư vô...*(theo lời viết trong thư Hoàng Cầm). Tôi rất vui, vì thấy rằng : trước khi *đá đít* cuộc đời -- hay bị cuộc đời *đá đít* -- tôi đã có dịp mở tấm lòng mình ra với thằng bạn ở nơi không gian xa tít và sau một thời gian tưởng như vô tận.

Rồi cuộc đời đẩy đưa tôi thênh thang trên đường hát rong, hát dạo... cho tới năm 1992, đối với tôi, loại **Hoàng Cầm Ca** đã đi vào dĩ vãng. Những bài ca đầy ẩn ngữ này, khó hiểu hay dễ hiểu, nhạc dở hay nhạc hay, đã chẳng còn được ai nghe và cũng chẳng còn được tôi hát nữa, ngoại trừ bài ca ái tình của tuổi 60 hay 70, bài **Tình Cầm** còn thỉnh thoảng văng vẳng trong tinh không hải ngoại...

Thế nhưng chuyện "*lá diêu bông*" bây giờ bỗng nhiên được nổi tiếng như còn qua một bài hát từ trong nước tung ra hải ngoại, bài này chắc chắn đã lấy hứng từ những bài thơ trong tập **Đường Về Kinh Bắc** hay qua những **Hoàng Cầm Ca**. Đó là bài **Sao Em Vội Lấy Chồng** của Trần Tiến.

Ở hải ngoại, con trai tôi (Duy Quang) là người đầu tiên thu thanh bài hát này vào băng nhạc. Tôi không hiểu -- và cũng chẳng cần hiểu -- có phải vì bài **Lá Diêu Bông** của tôi soạn ra từ 7, 8 năm về trước, mà bây giờ đã có thêm Trần Tiến phụ giúp tôi trong việc vinh danh một nhà thơ bị bỏ quên hay không ?

Có một lúc bài **Hoàng Cầm Trong Tôi** được đăng trên nguyệt san **HỢP LƯU**, coi như là một chương trong cuốn **HỒI KÝ** thứ tư mà tôi đang hoàn tất...

Thời gian qua đi... Một ngày mùa Thu năm 1992, tôi được anh em văn nghệ ở cả trong nước lẫn ngoài nước cho tôi biết là Hoàng Cầm đã gửi một lá thư cho báo **HỢP LƯU**, phê bình tôi rằng tôi đã cho vào **Hoàng Cầm Ca** *những ý định không phải là của thi sĩ*. Ông đã cho rằng *tôi đã trông gà hoá cuốc, nhìn hoa trong rừng khuya...*

Tôi hiểu ngay vì sao lại có chuyện này... Chẳng cần suy nghĩ gì cả, tôi gửi ngay cho anh bạn thơ một lời xin lỗi công khai, cũng đăng trên báo **HỢP LƯU**, số đặc biệt về Văn Cao... Nhưng tôi cũng phân trần rằng : *trong vấn đề văn nghệ, nếu tác giả có quyền tự do sáng tác thì độc giả cũng có quyền tự do cảm nhận...* Tôi xin lỗi Hoàng Cầm vì đã chót nhìn anh như *một nhà thơ hiền ngang...[...] tưởng đó* (thơ ẩn dụ của H.C) *là những mặt trời mọc trong đêm khuya...*

Để yên lòng mọi người, từ đó tôi không nhắc tới những bài hát tuyệt vời này với bất cứ ai ở trên đời này nữa... Thản hoặc, khi có một vài người thấy chuyện tình và nghĩa của cái **lá diêu bông** kỳ diệu đã xảy ra như thế giữa tôi và Hoàng Cầm, họ an ủi tôi, họ vỗ về tôi... thì tôi đã tâm sự rằng :

Trong một đoạn đời u uất, nặng nề của kiếp ca nhân trên đường lữ thứ, tôi đã được cứu rỗi bằng những hình ảnh *lá diêu bông, vườn ổi, cổ bài tam cúc, con bê vàng lạc mẹ, con chim cu ngồi gù rặng tre, con chim vành khuyên nhớ tổ, con cá đòng đòng đã nhắm mắt ngủ vui...* của người bạn thi sĩ mang tên Hoàng Cầm...

Chính những hình ảnh chan chứa tình quê của nhà thơ này mà ngay đầu thập niên 80, tôi đã tìm lại được hứng thú trong sáng tác và đã nuôi ý định sẽ sớm hay muộn trở về nơi quê cha đất tổ. Do đó khi hoàn tất **HỒI KÝ** 4 này, tôi vẫn cần giữ lại chương sách đã viết về **Hoàng Cầm Ca**.

Tiếp tục ca hát cho đời, trên hành trình nghệ thuật, tôi rời bỏ **Hoàng Cầm Ca** để soạn :

- 1.- **Mười bài rong ca** với nhan đề **Người Tình Già Trên Đầu Non** để hẹn ngày về vào năm 2000, trong đó có bài **Mẹ Năm 2000** với lời khuyên nhủ rằng : *tất cả người Việt nên biết hối lỗi, phải xúm xít lại rồi giải cứu cho người...* Người đây là Mẹ Việt Nam đấy !
- 2.- Đồng thời, tôi sửa lại nội dung và hình thức của một **tổ khúc** tôi đã bỏ dở gần 15 năm trời, để cho bầy chim bồ xứ có ngày **hồi xứ**, chim dữ thì đi giữ biên cương, chim hiền thì đi xây tổ ấm...
- 3.- Sau đó ít lâu, tôi soạn tiếp **mười bài thiên ca** đi kèm với **mười bài đạo ca**... rồi còn soạn thêm **trường ca Hàn Mạc Tử** để xây lại đời sống tâm linh của chúng ta, từ lâu đã phiêu bạt hay mất tích rồi...
- 4.- Cuối cùng tôi mời tất cả mọi người tới với nhau để cùng nhau tự tình trong một bức tranh vĩ đại, bức **Minh Họa Truyện Kiều** của Nguyễn Du.

Cuộc đời trôi đi, trôi đi... Thỉnh thoảng, Kiều Loan đem vở **KIỀU LOAN** tức **NGƯỜI ĐIỂN** mà Hoàng Cầm soạn ra từ năm 1945 và những bài thơ kháng chiến của anh để tổ chức những buổi **Ngâm Thơ** hay **Kịch Thơ**, khi thì ở San José, khi thì tại Westminster hay Houston... Tôi đều tham gia để cho những buổi văn nghệ này thành công hơn về phương diện tài chánh.

Chuyện **Hoàng Cầm Trong Tôi** tưởng đâu đã hết. Năm 1993, bỗng nhiên Hoàng Cầm gửi cho tôi bản thảo một bài viết của anh nhan đề **Phạm Duy Trong Tôi**.

Bài này sẽ mang cái tên **ĐƯỜNG TA TA CỨ ĐI**, nằm trong cuốn sách **HOÀNG CẦM -- VĂN XUÔI** và đã được nhà xuất bản **VĂN HỌC** ở Hà Nội ấn hành vào tháng 11, 1999.

### **Đường Ta, Ta Cứ Đi**

*Nhớ bạn nhạc sĩ P.D*

Người trẻ tuổi đang từ ấy đi phơi phơi trong màu xanh núi rừng Việt Bắc. Anh chàng vút bỏ cái vét tông rề tiền ở Hà Nội phủ hoa đổi lấy bộ quần áo chàm. Với cái ca lô đội lệch, vàng xỉn, chả biết được của ai, dáng vẻ lẳng lơ, và cái ba lô con cóc, đôi giày ba ta đã hơi hơi há mồm, trông đúng cậu công tử Hà Nội nhà nghèo, vì thích ca hát, mê đời tự do, bỏ nhà đi hát rong. Anh chàng hát rong dễ dàng hòa nhập với những ngày tháng đầu tiên -- còn rất lãng mạn -- của cuộc chiến chống thực dân Pháp.

*Kìa đoàn người đi lang thang trên đường gian nan  
In hình qua mây núi xanh lơ bát ngát  
Lúc chiến đấu xa nhà nhịp theo nguồn sống mới  
Người vui đời giang hồ... nơi miền quê. (PD)*

Một ngày giữa năm 1947 -- Tôi và vợ tôi, Tuyết Khanh, đang còn ngỡ ngàng tiếc những đêm diễn kịch thơ *Kiều Loan* ở Nhà hát thành phố bị đứt đoạn vì những trò khiêu khích của của bọn mũ nồi xanh, lính của tướng Leclerc, hai vợ chồng đã xông lên một vùng rừng đang rất xa lạ với mình, nhập luôn vào Vệ quốc đoàn chiến khu 12, rồi mầy mò tìm bạn, thành lập ngay một đội văn nghệ tuyên truyền, có thể gọi là đội Văn công đầu tiên của Quân Đội gồm mười một anh chị em, 3 nữ 8 nam kể cả một cậu y tá với túi thuốc nghèo nàn cứ khăng khấn xin với ông Lê Quảng Ba, chỉ huy trưởng quân khu, được đi theo đội văn nghệ để trông nom sức khỏe cho mọi người nay đây mai đó, đến với từng trung đội, đại đội Vệ quốc quân, dân quân, du kích khắp bốn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Ninh, Lạng Sơn để biểu diễn đủ loại kịch ngắn, kịch cượng, ngâm thơ, hát tốp ca, đơn ca, múa vài ba điệu dân dã đã học được của đồng bào miền xuôi, miền ngược. Tóm lại là một tốp nhỏ anh chị em hăng hái và sôi nổi phục vụ một cuộc "trừng phạt với đá" thực kỉ thúc trong lịch sử một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục, giặc to đến đâu, sức mình bé đến mấy cũng đánh, mà đã đánh là phải thắng. Hồi đầu ấy, những "tiết mục" rất xoàng xĩnh, thậm chí có khi ngô nghê nữa, mà sao các anh nông dân mặc áo lính còn chưa đọc thông viết thạo lại say sưa thường thức đến thế ! Nửa đêm nay tiểu đội A đi phục kích ư ? Trung đội C đi quấy rối địch ư ? Chập tối họ vẫn được nghe ngâm thơ sang sảng...

*Đêm liên hoan, bạn ơi, đêm liên hoan  
Đầu nhấp nhô như sóng biển ngang tàng  
Tôi muốn thét cho vỡ tung lồng ngực  
Vi say sưa tình thân thiết Vệ quốc đoàn.  
(Đêm Liên Hoan, thơ H.C)*

những khi họ lại "đồng ca" luôn theo đội văn nghệ :

*Đường ta ta cứ đi  
Nhà ta ta cứ xây  
Ruộng ta ta cứ cấy  
Đội ngày...*

Say sưa, họ còn vỗ tay theo điệu hát :

*Ngày mai ta tiến lên  
Diệt tan quân Pháp kia  
Cười vui ta hát câu tự do...  
(Nhạc Tuổi Xanh -- PD)*

Vào một buổi chiều cuối thu 1947. Trên đường đi sông máng đi từ đèo Takun (riêng Pháp)

đặt thay Việt ngữ : tên gọi đập Tháp Huống) có 3 người, 1 quãng ghi ta, 1 đeo áccoocđông, 1 cầm clarinette, nghe gác hỏi thăm chỗ đóng quân của Đội Văn nghệ tuyên truyền khu 12. Đó là anh P.D, Ngọc Bích, Ngọc Hiền, đang tìm về với đội văn nghệ của Hoàng Cầm sau khi Đoàn Kịch Chiến Thắng của các anh giải thể.

Tối hôm đó, trong căn nhà ẩm cúng ven rừng Yên Thế, trong ánh sáng ngọn đèn măng sông, ông Lê Quảng Ba giới thiệu ba chàng văn nghệ này với tôi. □ có gì lạ nhau đâu, P.D đây mà, với giọng nói cố làm ra vẻ trịnh trọng : "Tôi ở trên Ban Văn Nghệ Trung Ương, nghe tin anh Hoàng Cầm mới lập một đội văn nghệ lưu động, tôi và hai bạn tôi đây nhất quyết về với các bạn khu 12, vì toàn là trẻ trung cả."

Rồi qua cặp kính trắng rất tài tử, P.D chớp chớp đôi mắt lẳng lơ nhìn các nữ nhân viên trẻ đẹp của tôi : Tuyết Khanh, Thúy Nga, Kim Oanh đến nỗi cả ba cùng ngượng ngịu, đưa mắt nhìn nhau, tủm tỉm. Tôi với P.D quen biết nhau từ sau Cách mạng tháng Tám. Chỉ biết qua loa về gia cảnh anh, hình như có chuyện éo le gì đó. Mới 16 tuổi đã bỏ nhà đi theo những bậc đàn anh như Nguyễn Xuân Khoát, Lê Thương, Đàm Quang Thiện, học được cách ghi xướng âm và những điều cơ bản về âm nhạc, chẳng bao lâu tài năng bộc lộ, anh chịu khó chất lọc, sử dụng tinh hoa dân ca miền Bắc. Vốn thông minh, học một biết hai, anh đã có thể đi đàn ở các tiệm nhẩy để mưu sinh. Vốn là một cậu con trai dòng dõi văn hoá nghệ thuật lại sớm đa tình, miệng cười rất có duyên. tán chuyện với những cô gái cũng rất hóm hỉnh, quyến rũ, nên anh chàng bảnh trai này sớm có những chuyện dập dìu yến oanh. Sẵn có một trái tim đa cảm, nhiều cánh võ vào bầu trời lãng mạn, vào không khí trữ tình, vào cả gió bão thất thường của những năm thế chiến mà xứ sở Việt nam không thể không bị cuốn vào cơn khói lửa hỗn độn, anh chừa bao giờ ở lâu một chỗ, tuổi trẻ của anh bènng gió Bắc mưa Nam, và ánh sáng nhấp nháy của những đô thị nào động cũng cuốn anh vào những xập xình của cuộc sống phồn thực mà khoái cảm là một phương thuốc hiệu nghiệm để trốn chạy thực tế bão táp phủ phàng. Nghèo, nhưng mang cái máu của thi sĩ Tản Đà đã thú nhận : "Giang hồ mê chơi quên quê hương", anh chỉ khác Tản Đà ở chỗ tâm hồn không neo vào một bến quê nào nhất định, hồn anh từ 16 tuổi đã phiêu bạt và phiêu diêu với nhiều đam mê lắm khi chao đảo, anh không lúc nào muốn buộc mình vào một sợi dây vướng víu, kể cả sợi tơ tình đẹp nhất, anh cũng chỉ choàng lên cổ tự ngắm vuốt, tưởng như thích thú lắm, nhưng rồi chỉ mấy ngày bướm đậu rồi bướm lại bay thôi, anh có thể bút đi mà tiếp bước giang hồ nhẹ tênh.

Tôi rất thích khi có bộ ba "xe pháo mã" ấy, một bộ ba hồng mà P.D là cây xe không lúc nào muốn dừng bánh. Từ cuối năm 1947 ấy các anh đã thành cô panh (bạn chia nhau từng mẩu bánh) của tôi. Ngọc Bích thì vui tính thường viết những bài hát vui, giản dị cho bộ đội dễ thuộc. Ngọc Hiền ít nói hơn nhưng với chiếc kèn clarinette lắm lúc cứ nỉ non thiết tha như mời gọi, anh lại hóm hỉnh, lúc nói chuyện đã pha trò là có duyên ngay.

Riêng P.D, trong khoảng 13 tháng sát cánh bên nhau thì tôi cần phải nói rằng có anh trong đơn vị, người tôi như mọc thêm cánh. Đóng quân ở đâu độ bốn năm ngày là anh sốt ruột ngay, lúc nào anh cũng ham cánh vui, người lạ, những cuộc "kỳ ngộ" trên đường rừng, lối mòn Thái Nguyên - Lạng Sơn - Bắc Giang - Đồng Mỏ rồi Phố Bình Gia - Văn Mịch, rồi từ Sông Thương đến sông Kỳ Cùng, từ đèo Nong "nghìn thước lên cao, nghìn thước xuống" (Quang Dũng) tới đất cù Đê Thám với xứ sở Cai Kinh, đèo Đồng Mỏ thấp hơn nhưng lại tình tứ hơn vì trên đỉnh đèo có mấy quán cà phê, trứng, sữa, bán cả phở bò, cháo gà mà chủ nhân là mấy chị em người thành thị tản cư, áo phin nhuộm nâu, quần lĩnh tía, vẫn còn thiết tha cái "dáng kiều thơm", chưa quen nổi truân chuyên trong khói lửa loạn li.

Tôi thường chiều ý P.D, vì biết cứ xê dịch luôn, có cảnh đẹp lạ mắt, có những cô gái xinh tươi thì thế nào P.D cũng bật ra được những giai điệu say mê, trữ tình, mặc dầu đề tài nhiều bài ca nổi tiếng của anh không phải là chuyện tình nam nữ hoặc chuyện xa cách nhớ nhung, thờ ngán than dài như một số ca khúc buồn trước cách mạng. Tôi cứ chuyển quân liên miên, nay đơn vị A, mai sang đơn vị B, nay vừa biểu diễn ở Nhã Nam, mai đã sang Bồ Hạ, ngày kia đã từng bừng tiếng ghi-ta thánh thót trong đêm lạnh chân núi Mẫu Sơn, rồi chỉ vài hôm sau, đội của tôi đã hát vang trong bóng núi Chi Lăng, nơi gần 600 năm về trước, tên giặc Liễu Thăng chết gục dưới mũi kiếm của đoàn quân do Bình Định Vương Lê Lợi chỉ huy và thiên tài Nguyễn Trãi bày mưu tính kế. Có thể nói chúng tôi đi không biết mỏi. Ngày đi, tối biểu diễn, có khi trên sàn nhà đồng bào Tày, có khi đốt lửa trong hang đá lạnh thấu xương hát cho tiểu đoàn của anh Thế Dũng vừa thắng trận Bông Lau trở về. Thường

những đêm hát như thế, đội văn nghệ chúng tôi, đặc biệt là P.D tha hồ mà thường thức loại cà phê thượng hạng và hút thuốc lá "Craven A" cao cấp trong số chiến lợi phẩm mới thu về.

Sáng ra lại xuất quân - P.D mê man đi, vừa đi vừa lảm nhảm thảm thì sáng tác thì chợt đến khi bắt được một giai điệu đẹp, tha thiết, là anh ngồi ngay xuống tảng đá bên đường, lấy bút giấy ra ghi. Nếu chỉ qua một đoạn đường mà xong được một bài, anh lập tức kêu tôi và các bạn dừng lại, túm tụm trên vệ cỏ, nghe anh hát :

*Đường Lạng Sơn âm u (ù u)*

*Gà bình minh êm ru (ù u)*

*Vắng nghe thấy tiếng súng trong sương mù*

*Đường Thất Khê bao la (à a)*

*Rừng núi ta xông pha (à a)...*

.....

Thường những lúc như thế, nhân thể tôi cho toàn đội nghỉ, tìm một xóm nhà dân nào đó gần nhất, xin trú quân, thổi cơm ăn, đồng thời bảo mấy tốp ca học thuộc ngay vài hát anh vừa hoàn thành. Cứ như vậy, toàn đội, đặc biệt là P.D đã truyền cho tôi sức mạnh dẻo dai để vừa đi vừa sáng tác. Ghi ngay thành thơ hoặc chủ đề kịch ngắn, những cảm xúc, những ý tứ bất chợt loé lên trong tôi. Sáng tác đến đâu, biểu diễn luôn đến đó, anh chị em lại động viên tôi say sưa với nhiệm vụ của người đội trưởng tháo vát, biết tổ chức đời sống, chỉ đạo phương hướng làm việc, đạt hiệu quả cao nhất trong các đơn vị bộ đội đóng rải rác khắp bốn tỉnh và trong các làng bản mà nhân dân tuy chưa hiểu kháng chiến được bao nhiêu, nhưng do những lời ca tiếng hát nên đã yêu mến và hết lòng ủng hộ bộ đội, nuôi chiến sĩ và làm nghĩa vụ với chiến trường. Chỉ trong vòng chưa đầy 12 tháng, P.D đã liên tục sáng tác hàng chục ca khúc, có nhiều bài chỉ hát đời ba lần. Bộ đội đã thuộc lòng, chúng tôi còn phân công dạy hát cho các đơn vị từ trung đội đến trung đoàn và cả nữ dân quân, dân công tải đạn, cáng thương bệnh binh. Gì chứ về cái công việc đi sâu, đi sát vào đời sống chiến sĩ này thì P.D hăng hái, sôi nổi nhiệt tình số một, vì bất cứ ở đâu có nhiều chị em, D cũng thăm thì cho đội trưởng biết : cô kia có đôi mắt đẹp quá, chị này thật lẳng lơ, cô nọ sao lại có nụ cười quyến rũ thế kia. Tôi cũng thừa biết cái thú say mê ấy của D đã đẩy ngòi bút xúc cảm của anh ghi nhanh nhiều giai điệu nồng nàn uyển chuyển, với 1 lời ca thắm thiết, với bao nốt nhạc khí phách hào hùng hay hào hoa phóng khoáng nữa kia, nên bao giờ tôi cũng đồng tình với D về một loại công việc mà D thường nói đùa là "việc sinh sự, sự sinh" ấy.

Tôi nhớ mãi một chuyện ở phiên chợ Bó Tuồng, dưới chân đèo Đồng Mỏ, có ba chị em người Nùng thấy P.D ngồi ở một cái quán nước tay đàn miệng hát. Thế là các cô cứ xán đến, rất bạo dạn, kéo vai áo anh nhạc sĩ đẹp trai này và ân cần, nài nỉ mời anh và cả "đồng chí chỉ huy nữa vớ !" về nhà chúng em chơi đi, gần đây thôi vớ, đàn hát cả đêm nay đi, hay 1 ấm vớ. Pi nọng chúng em thích bộ đội đàn hát lắm đấy mà ! P.D nháy mắt với tôi như muốn bảo : đội trưởng đồng ý chứ ? Chuyển công tác ấy, vợ tôi vì có thai đã được 6 tháng, cấp trên bắt tôi phải để vợ nghỉ an dưỡng trong một quân y viện ở huyện Hữu Lũng, do vậy tôi cũng được rảnh rang hơn, nhưng trước sự mời mọc quá tha thiết, ân cần của ba cô gái người Nùng tôi phân vân do dự, bối rối vô cùng. Ngày hôm ấy chúng tôi còn phải đi gần 20 cây số nữa đến điểm hẹn biểu diễn phục vụ một Trung đoàn sẽ có mặt của ông Lê Quảng Ba, ông Phan Phúc Tường, Chính ủy Quân khu và nhiều cán bộ đang chuẩn bị những trận đánh lớn dọc quốc lộ số 4, một con đường chiến lược huyết mạch của địch nối liền từ Quảng Ninh lên đến Cao Bằng. Ông Quảng Ba đã có liên lạc hẹn trước với tôi rồi. Không thể về nhà ba cô gái kia được.

Bây giờ đã gần 9 giờ sáng, chơi chợ một lát rồi phải đi ngay, chiều đến nơi, ăn cơm xong, nghỉ một chút là biểu diễn luôn. Vậy rẽ ngang mà du hí thế nào được. Hồi đó tuy quân phong quân kỉ còn sơ sài, kỉ luật cũng chưa chặt chẽ lắm, nhưng tôi rất lo trách nhiệm của mình, không thể làm lỡ việc của anh Ba, để bộ đội phải chờ đợi văn công. Tôi khăng khăng từ chối. P.D cố thuyết phục năm lần bảy lượt, thì thắm những lời đường hoàng "Bộ đội vẫn ở đây, không xem hôm nay thì mai, có sao đâu. Chứ đã lên đây, không ở chơi với gia đình đồng bào Tây Nùng lấy một ngày, với ba cô bé xinh đẹp của xứ Lạng thế này, tao thấy tiếc, tiếc lắm. Đồng ý đi mày, mai anh Ba có phần nản gì, mày cứ bảo tao bị sốt rét dọc đường, là được".

Tôi cànna bối rối vì trong tôi : trách nhiệm và thích thú cá nhân đã giằng co nhau mãnh liệt.

lại phải cái tính cả nể, nên có lẽ mặt mũi tôi lúc đó chắc là trông buồn cười lắm. Rồi cả ba cô, tiếp đến chín, mười cô và dễ thường đến một nửa cái chợ Bó Tuồng ấy mỗi lúc một xúm đông quanh chúng tôi và P.D. Họ cũng đoán tôi là "cấp chỉ huy" gì quan trọng lắm đấy, nên các cô gái cứ vây lấy đồng chí chỉ huy à ! Về nhà chúng em vui lắm vợ ! Trừ có vợ chồng nhạc sĩ Văn Chung là không có ý kiến gì, còn hầu hết anh chị em trong của tôi đều tán đồng với anh chàng đầu tàu P.D :

-- Nên đi cho biết anh Cẩm ơi ! Bộ đội thì quen quá rồi còn đồng bào miền núi, mình đã biết gì lắm đâu ! Đồng ý đi, anh đội trưởng ! Cuối cùng tôi cũng đành nhượng bộ và quả thật, từ lúc đến nhà ba cô, cuộc vui thật là "đầy tháng" (tuy chỉ có nửa ngày, và một đêm) và "trận cười suốt đêm" (Nguyễn Du).

Sáng hôm sau, lúc chia tay với gia đình ấy trông D ù xìu : dùng dằng mãi, không quàng nổi cái dây đàn lên cao, còn riêng tôi khi xuống cái cầu thang nhà sàn, sóng đôi với cô chị lớn tuổi nhất ra đến đầu ngõ, tôi cảm thấy hồn mình đã bị ai buộc chặt vào cái cột nhà sàn mất rồi, chỉ còn cái xác vật vờ, chệnh choạng mà vào phút cuối cùng chia tay với cô chị (tôi còn nhớ tên là Ché Mai và tên cô bạn của P.D hôm ấy là Ché Cẩm) Ché Mai níu chặt cánh tay tôi, đưa vạt áo chàm lên lau nước mắt, tôi thì nghẹn nghẹn, không nói được gì, nước mắt cứ ứa ra, nhòe hết núi đá, rừng cây và con đường đá trắng quanh co trước mặt.

Khổ ! Cái anh chàng P.D này, đúng y hệt mình thôi, cứ đến "chuyện ấy" tưởng được vui hóa ra lại chuốc lấy cái sầu li biệt. Với D nó cũng nhẹ thoang thoang qua thôi, chứ với tôi, cuộc chia tay ấy nặng như núi đá và cứ xanh thắm cái màu chàm quái ác và dùng dằng mãi đến khi kết thúc công tác phía Lạng Sơn, về xuôi rồi thậm chí đến hôm nay nữa, khi ngồi viết ra mấy trang hồi ức này tôi vẫn không nguôi nỗi nhớ.

Quả vậy, tôi rời cái bản của Ché Mai, nặng lòng bao nhiêu thì khi ra đến mặt đường tỉnh từ Đồng Mỏ lên Phố Bình Gia, P.D lại phơi phới bấy nhiêu. Anh ta vẫn nhẹ tênh cái hồn say sông núi, cỏ cây xứ Lạng. Rồi mấy anh trong đoàn lại vừa đi vừa hát, nhiều khi làm thơ kiểu "nói đôi" nhưng bắt buộc một câu bảy chữ phải cùng một âm cốt, ví dụ : *Đường đá đưa đoàn đi đến đâu* Để quên cái đoạn đường đá lởm chởm đang nhức gan bàn chân. Văn Chung xướng ra câu đầu tiên : "Đường đá đưa đoàn đi đến đâu". một lát P.D nói : "Xa xa xam xam xuống sương sầu". Tôi quên mấy câu do những Trúc Lâm, Ngọc Hiền, Ngọc Bích làm tiếp theo, riêng tôi là người làm thơ thì lại chẳng bật ra được chữ nào vì đang lo việc về chậm nơi tập kết, và cứ nao nao nhớ Ché Mai.

Mới biết về chuyện ân tình nam nữ thì P.D khá nhẹ nhõm, anh ta như gió thoảng qua trên hoa lá, lẳng lơ tình tứ đấy mà quên ngay đấy, rồi ngọn gió ấy lại thổi tạt con bướm non sang chòm hoa lá khác. Có lẽ do cái bản chất tênh tênh ấy, mà càng lưu diễn qua nhiều nơi mới lạ thì anh lại càng sáng tác được nhiều chẳng ? Mà không biết có phải cũng vì thế mà phần lớn ca khúc anh viết ở Việt Bắc 1947-1948 đều như thiếu một khoảng gì (không cần sáng lắm) dễ chạm chìm vào lòng người những nét suy tư sâu sắc ? Bài nào anh viết ra đều nhẹ nhõm, dễ thuộc, cũng có thể nhớ lâu, nhưng nhớ lâu chưa chắc cùng một vắn với nhớ sâu. Những tác phẩm của anh hồi đầu kháng chiến, tôi ít thấy cái da diết, thấm thiết đến khắc khoải như một vài ca khúc của Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao... Nhưng quả thật P.D lại người viết ca khúc được hầu hết các chiến sĩ bộ đội, cán bộ và thanh niên nam nữ khắp Việt Bắc lúc bấy giờ yêu mến nhất, nhắc nhớ nhiều nhất, vượt xa các nhạc sĩ nổi tiếng khác cùng thời.

Đến khi cuộc sống kháng chiến đi vào chiều sâu thì anh đã không còn ở bên tôi nữa. Như con chim ưa tìm xứ lạ, anh đã bay đi còn để lại trong tôi một cái gì giống như tiếng sáo vi vu, giàn giụa tình nghĩa xóm quê xa với những nẻo đường cũng đã quá xa, tưởng chừng khó có khi gặp lại.

Mười ba tháng tròn bên nhau, ăn cùng một rổ khoai sắn, chia nhau từng cái bắp ngô nướng bếp nhà sàn, từng đọt măng mai măng nửa, đắp chung nhau cái chăn trăn thủ mỏng dính, hệt hững như ca dao của Lê Kim : "Đắp dọc thì hờ hai bên, đắp ngang thì lạnh như tiền cái chân..." rồi cùng chia nhau cả những dây tơ tình vắt thoang qua lướt nhẹ hai vai, rồi đến cả mấy bài hát sáng tác ngay bên cạnh tôi, anh cũng cho phép anh đội trưởng dốt đặc âm nhạc này được hoan hỉ nhập vào một tập ca do anh bố trí người đàn người hát, ngược lại mấy bài thơ "dài dòng văn tự" của tôi (Đêm liên hoan, Bên kia sông Đuống, Tâm sự đêm giao thừa. Tiến hát sông I ô) anh cũng xin tôi cho được "đón naôm". Tôi đã chia

đoạn mỗi bài thơ ấy như để đối xứng và giao cho anh những phần có thể ngâm nhiều hơn đọc. Anh thích ngâm thơ và cũng đã thành một "cây ngâm thơ" không phải hạng xoàng. Vậy thì tôi đã giúp gì được anh ? Có lần trong chuyến đi công tác dọc tả ngạn sông Cầu, đi đường, một bên là P.D, một bên là vợ tôi, không biết từ đâu và do cảm hứng gì, thật bất ngờ tôi đột nhiên cất tiếng cao giọng "hát" trọn vẹn một bài thơ của Lưu Trọng Lư mà tôi rất thích :

*... Ai có nghe tiếng hát chị đò đưa  
mà không nhớ thương người quá phụ...  
Nằm áp bóng trăng thưa...*

Tôi hát thật (hoàn toàn không phải "ngâm" như là "nghề" tay trái của tôi, mà càng là "cao tay nghề", "nhà nghề" lắm lắm, nghề ngâm thơ). Dầu chỉ là ngón số đoàn của tôi, P.D cũng rất thích rồi... ngược đời thật... P.D lại "học hát" ở một anh bạn "mít xoài" âm nhạc. Đầu tiên, chỉ là những trò chơi cho quên vất vả đọc đường, nhưng dần dà lại ngấm sâu vào cả tôi và anh. Tôi biết P.D say mê dân ca, anh luôn luôn lắng nghe và tìm hiểu để thụ nhập những lời ca điệu hát của biết bao trai gái quê Bắc Ninh, Bắc Giang, cả những anh chị người Tày, Nùng mà trong 13 tháng ấy anh luôn luôn được tiếp cận. Bởi thế nên lời thơ của dân ca xứ Bắc đã trở thành sinh khí trong các ca khúc P.D hồi đầu kháng chiến chống Pháp. Chỉ cần một phẩm chất ấy trong các sáng tác của anh thời đó là đủ cho tên tuổi anh thành thân thiết với bộ đội và nhân dân từ Trung du lên đến biên cương phía Bắc. Từ khi chia tay với anh lần cuối vào khoảng sau tết âm lịch năm 1951, tuy xa cách, tôi vẫn nhận được nhiều tin về sáng tác của anh. Vào công tác ở khu Bốn dưới trướng Thiếu Tướng "Mạnh Thường Quân" Nguyễn Sơn, một ông "nhà binh" lại đam mê văn nghệ, P.D đã viết những ca khúc đặc sắc : < i > i nở bên ni Bên Linh, Gio mẹ Bà Trung, miền > v.v... chứa chan sắc thái miền Trung. *Miền thủy dương bóng dờ ngàn thông - Thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông dài...* Chúng tôi nghe thấy rõ tiếng sóng bờ biển Quảng Bình, tiếng xao xuyến những đợt mưa ngàn, mưa núi Quảng Trị, thấy cả một bầu trời xanh, rất xanh màu "*hai châu Ô Lý vương nghìn dặm*" (Tản Đà) từ thuở Chiêm Thành, đã tưởng mắt hút qua thời gian lặng lẽ và lạnh lùng. Phong vị dân ca quan họ đã theo anh vào nhiều ca khúc, đặc biệt là bài *Khúc hát hành quân xa* thì giai điệu, âm lượng âm sắc và tiết tấu nào có khác gì với bài thơ Lưu Trọng Lư mà tôi đã bắt chọt hát trên đường hành quân bên bờ sông Cầu năm ấy ?

*Ai có nghe khúc hát hành quân xa  
Mà không nhớ thương người mẹ già  
Chờ con lúc canh khuya  
Người con đã ra đi... vì nước...*  
(P.D)

Quan họ, dân ca miền Bắc, hò và dân ca miền Trung thấm vào người anh như nước tưới thấm nhuần cây cam cây bưởi, và anh đã trả lại cho đời những hoa ngát trái lành trên nền âm nhạc Việt Nam với giai nửa thế kỉ những khúc ca đến nay còn bịn rịn vương vấn lòng người. < .p > Rồi sau ngày giải phóng miền Nam, biết tin anh P.D đã đi xa, xa đất nước, xa quê, xa bạn, thú thật lắm khi nhớ anh, tôi cứ tiếc... càng tiếc và nhớ khi thấy hai đứa bạn trẻ ngày xưa, bây giờ tóc đã cùng ngã màu sương tuyết. Gần nửa thế kỉ cách biệt giữa hai tấm lòng tri ân, tri kỉ, không kể còn bao nhiêu cái éo le, truân chuyên của số phận mỗi người, hôm nay tôi cứ ước ao có một ngày nào chẳng hai đứa ôm ngang lưng nhau đi bên hồ trả Gươm (1), mặt hồ "xanh màu cốm đậm" (2), P.D và tôi tha thẩn cái tuổi ngoài bảy mươi, tóc trắng bay nhịp với lá bàng rụng tím bên hồ, đi mà sống lại, nhớ lại một thời gắn ngủi bên nhau, sóng nước gợn lăn tăn hình như đang se sẽ gợi một khúc hát nào của anh xa xưa. Có thể có ngày ấy không hồi những Tình cờ và Hữu ý, hồi những Hữu hạn và Vô hạn trên thế gian này ?

Hà Nội - Tháng 12-1993

---

(1) Chữ của Nguyễn Tuân.

(2) Chữ của Phạm Văn Hạnh.

---

Bây giờ thì chuyện tình **LÁ DIỀU BÔNG** mới được coi là chấm dứt. Thời gian đã gạn



đục khơi trong. Hoan hô cuộc đời, hoan hô cuộc tình ! Hoan hô con người, hoan hô nghệ thuật !

Năm 1998, với sự khuyến khích của tôi, Kiều Loan trở về Hà Nội thăm bố. Được đi thăm đình chùa ở Bắc Ninh, được nghe hát quan họ tại làng Lim, quê hương của Hoàng Cầm...

...được gặp bạn bè của bố như đạo diễn Phan Tội, cựu thủ lĩnh của phong trào NHÂN VĂN GIAI PHẠM Nguyễn Hữu Đang...

... gặp vợ chồng ca sĩ Ngọc Bảo và nhiều người khác...

Về phần tôi, Hoàng Cầm trước sau vẫn là một cảm hứng không bao giờ nguôi. Bắt gặp một bài thơ của anh ở đâu đó, tôi phổ nhạc thành ca khúc để cho Thái Hiền đưa vào một chương trình compact disc nhan đề **Tình Vẫn Rong Chơi** do con gái yêu của tôi sản xuất. Tôi đặt tên bìa cho bài thơ được phổ nhạc là :

**Trăm Năm Như Một Chiều**

(do Duy Quang hát)

*Anh đứng đây là đâu?*

*Là đâu, anh đứng đây là đâu?*

*Em cười như lá mỏng*

*Khép cửa vào chiêm bao a á...*

*Anh đứng đây là đâu?*

*Là đâu, anh đứng đây là đâu?*

*Anh đứng đây là đâu?*

*Là đâu, anh đứng đây là đâu?*

*Em nói như gió nghẹn*

*Chiều như mây Thị Mầu*

*Em nhìn như mưa trắng*

*Trăm năm bay ngang đầu...*

*Anh đứng đây là em*

*Là em anh đứng đây là em...*

.....

*Em đứng đây từ bao*

*Từ bao, em đứng đây từ bao?*

*Em từ trong lối hẹn*

*Hé cửa về mai sau a á*

*Em đứng đây từ lâu*

*Từ lâu em đứng đây từ lâu*

*Em đứng đây từ lâu*

*Từ lâu em đứng đây từ lâu*

*Anh tới nơi ước hẹn*

*Chiều nay như thuở nào*

*Anh nhìn em trong nắng*

*Trăm năm như một chiều*

*Anh đứng đây là em*

*Và em, em đứng đây là anh...*

Mùa Xuân năm 2000, sau 50 năm xa cách quê nhà, tôi trở về Hà Nội, người bạn đầu tiên tôi tới gặp là Hoàng Cầm. Tôi sẽ có dịp viết về chuyện gặp nhau của chúng tôi, sau nửa thế kỷ xa nhau.

*Người đi, đi không thôi, ngày thế giới lên nguồn vui  
Ngát như hương lúa mùa, sẽ lên đường trở về  
Đường trở về...*  
**LỮ HÀNH**

## Chương Mười Sáu

Trong ba năm 1985-88, với hành trang khá đầy đủ, gồm những **tị nạn ca, ngục ca** và **hoàng cầm ca**...tôi ngao du khá nhiều nơi trên thế giới...

... Tôi được mời đi trình diễn tại rất nhiều đô thị lớn ở các tiểu bang trên lục địa Hoa Kỳ như **San Jose, Washington D.C, Houston, San Diego, Chicago, Dallas, Oklohama City, Dayton, Boston, Bridgeport, Sacramento, Oakland, Wichita**... Còn được mời đi **Toronto, Montreal** (Canada)... nữa chứ.

Rồi từ Mỹ Quốc, vượt Đại Tây Dương đi Âu Châu, được mời tới trình diễn tại **London** (England), **Paris, Lyon** (France), **Lugano** (Italy), **Stuttgart, Munchen** (Germany)...

Xong rồi lại từ Mỹ quốc đi ngược về hướng Tây, vượt Thái Bình Dương để diễn tại nhiều nơi trên nước **Úc**, nước **Nhật** và còn may mắn hơn nữa là được ghé hát ở **Honolulu**, hải đảo thần tiên của tôi. (1)

Đi nhiều đến độ thi sĩ Nguyên Sa phải gọi tôi là **đại lực sĩ** trong một bài báo. Anh cho rằng tôi đi nhiều hơn cả hai vị được coi như *tổ sư văn nghệ sĩ lang bạt kỳ hồ*... là Paul Morand và Nguyễn Tuân. Anh viết : *Phạm Duy di chuyển nhiều ở mức kỷ lục, không một nghệ sĩ Việt Nam nào ở trong cũng như ngoài nước có thể so sánh được, mà ngay cả Paul Morand và Nguyễn Tuân cộng lại cũng còn ở dưới cả mức kỷ lục đó rất xa...*

Tại sao vào khoảng thời gian này, nghệ sĩ như tôi lại được nhiều nơi mời tới hát như vậy ?

Hãy nhớ tới một ngày trước đó không lâu. Tôi được mời đi hát tại New York vào mùa Xuân 1982. Cộng đồng Việt Nam tại đây phần nhiều là người Việt gốc Hoa. Họ là những người có tiền, bằng mọi cách đang lo tổ chức vượt biên cho những người Việt gốc Chợ Lớn ra khỏi Việt Nam. Họ tìm được một Sư huynh theo đạo Ky Tô tên là Paul Trịnh Hảo ở New York để giúp họ đưa người vượt biên vào nước Mỹ một cách hợp pháp.

Sư huynh Hảo giới thiệu tôi với cộng đồng người Việt Chợ Lớn để họ mời tôi qua New York giúp vui "tồng pào" trong mấy ngày Tết. Thi sĩ kiêm điện ảnh gia Hoàng Anh Tuấn cũng được mời qua đây.

Sau mấy buổi diễn đông nghẹt khán thính giả, hai chúng tôi có nhiều ngày khá vui vì được sống tại thành phố sinh động nhất thế giới này, đi chơi các khu khác nhau của dân Mỹ gốc Ý, gốc Balan, gốc Do Thái v.v... đi coi tranh của giới nghệ sĩ ở Greenwich Village, đi nghe nhạc, coi kịch tại khu Broadway hay hoà mình vào đông đảo du khách đầy đủ màu da chen nhau đi "rửa mắt" -- nghĩa là ngắm đồ -- tại Times Square. Và nhất là được nếm đầy đủ các món ăn Tàu tại China Town. Còn được đi biểu tình trước trụ sở Liên Hiệp Quốc để chống Liên Xô xâm lăng A Phú Hãn nữa...

Nhưng vào lúc hoàng hôn xuống của mùa Đông mưa lạnh nơi đại đô thị rất hung dữ này, chúng tôi xuống xe điện ngậm để trở về nhà của Sư huynh ở khu Bronx thì cả hai đều rất lo lắng... Nghe đâu bất cứ người Việt nào ở New York cũng tối thiểu bị những tên cướp vặt da đen, hai, ba lần dí súng vào mặt để lấy tiền, dù chỉ là dăm ba đô la.

Một buổi tối, chúng tôi được Sư huynh Hảo mời coi một cuốn video, trong đó có *anchorman* Dan Rather của đài CBS nói về một Mặt Trận và về người lãnh đạo có cái tên mà những chữ đầu cũng giống tên của một người quen thuộc : HCM. Sau đó là phóng sự buổi lễ ra mắt của Mặt Trận này tại một nơi -- nói là -- chiến khu ở vùng biên giới Thái Lan-Cao Miên.

Hoàng Anh Tuấn và tôi đều sửng sốt ! Ai mà chẳng phải sửng sốt vì Đài Truyền Hình CBS của Mỹ đâu có phải là một đài thích loan tin bịa đặt ? Ngay trong đêm đó, Hoàng Anh Tuấn ngồi viết ra một bài thơ nhan đề THÁNG TƯ XANH và sau đó thì tôi phổ nhạc nó ngay.

*Ơ này... lại cuối tháng tư  
Trời bỗng xanh, xanh ngắt  
Để mình nhớ người yêu, như quãng đời đã mất  
Để mình và New York thấy mình rất trẻ thơ  
Thèm cái thèm vô tư, dầm thân trong cỏ dại  
Hát cho tròn môi lại, như hôn Thân Tự Do  
Tháng tư phai màu đen, rồi loãng dần sắc xám  
Hi vọng và Tin tưởng, tháng tư xanh đó em...*

Mới hay nghệ sĩ là người thừa nhiệt huyết. Nhưng cũng có thể nói rằng làm cho Việt Nam chuyển mình là giấc mộng của tất cả những ai phải xa xứ.

Nhưng khi trở về Cali, riêng tôi không tha thiết lắm với Mặt Trận, được gọi là **Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam**, lúc này đang trong thời kỳ phát triển rất là mạnh mẽ. Dù trong số các vị cao cấp của tổ chức, có một vài người như cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, điện ảnh gia Hoàng Xuân Yên, đối với tôi, không phải là những người xa lạ, còn có thể nói rằng xưa nay giữa chúng tôi vẫn có một mối thân tình. (2)

Tôi sinh ra và không may lớn lên tại một nước đang trải qua thời đại rất khắt khe của chính trị. Như đã nói trong **HỒI KÝ 3**, tôi thường cố gắng để không bị chính trị lung lạc. Tôi không có nhiều những hành động chính trị, nghĩa là tôi tránh vào tổ chức này, vô đảng phái kia, dù tôi đã có nhiều cơ hội để gắn liền mình vào một xu hướng chính trị nào đó. Có lẽ vì tôi là người chỉ ưa thoải mái. Tôi còn biếng lười ngay cả trong việc đi bầu, vốn là một chọn lựa chính trị căn bản. Tuy nhiên tôi rất để ý đến những ai làm chính trị thật sự và vốn là người không biết phù thịnh, chỉ biết phù suy cho nên nếu ai thất bại thì tôi rất thương cảm.

Khi có người làm chuyện anh hùng đơn thương độc mã và trả giá bằng 10 năm tù như ông Võ Đại Tôn, hoặc âm thầm tham gia vào một tổ chức dùng võ lực để giải phóng Việt Nam và trả giá bằng sinh mạng của mình như ông Trần Văn Bá... thì tôi không ngần ngại dùng tiếng đàn, giọng hát của mình để vinh danh họ. Nếu họ lại là văn nghệ sĩ như Nguyễn Chí Thiện hay Hoàng Cầm, đã có những hành động chính trị bằng lời thơ đanh thép hay bằng lời thơ ẩn dụ của mình, người thì bị tù 30 năm, người thì bị bẻ bút, thì tôi lại càng cần phải ca tụng nồng nhiệt hơn nữa.

Nhưng khi số phận của các ông đó, trong thực tế, đã được giải quyết xong xuôi thì tôi xin được kính cẩn đặt các ông vào những trang sử, như trong những trang **nhạc sử** này, chẳng hạn. Nếu có sự tiếp tục hay ngưng nghỉ hoạt động chính trị của các ông này thì... tôi đi chơi chỗ khác.

Vào khoảng hai năm đầu tiên hoạt động (1983-1985), Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất này đã thu hút được đa số người Việt lưu vong. — khắp mọi nơi trên thế giới, đã có những tổ chức chính trị được thành lập bởi Mặt Trận kể trên và các tổ chức này đã chú ý tới văn nghệ dù -- cũng như đã xảy ra ở trong nước -- người làm chính trị theo đường lối quốc gia hay cộng sản, trước sau, thường chỉ coi văn nghệ là công cụ của chính trị mà thôi ! Những nghệ sĩ như tôi được mời đi hát thường xuyên trong những năm đó là vì quả rằng có nhu cầu "văn nghệ phục vụ chính trị". Hiểu lời mờ hay biết rõ như vậy, nhưng phải chép miệng mà nói : cũng tốt thôi !

Như vậy, tôi đã có câu trả lời cho câu tự hỏi rằng tại sao vào khoảng thời gian này, nghệ sĩ như tôi lại được nhiều nơi mời tới hát như vậy ?

Hơn nữa, vì bây giờ những ban tổ chức đã có đầy đủ nhân sự và phương tiện để làm cho chương trình ca nhạc ở các địa phương phong phú hơn trước, người con dâu cũ là Julie (lúc này đã ly thân với con trai tôi) cũng được mời đi hát cùng tôi tại khá nhiều nơi tại Châu Úc, Châu Âu.

Chúng tôi không bao giờ quên cảm ơn những Phong Trào hay oey Ban Yểm Trợ Kháng Chiến ở Boston (MA-USA), Bridgeport (CN-USA) Geneva, Fribourg (Thụy Sĩ)... và rất nhiều những tổ chức ngoại vi của Mặt Trận ở rất nhiều nước, từ Châu Mỹ qua Châu Âu rồi Châu Á đã cho chúng tôi đối tượng để sáng tác và địa bàn để biểu diễn.

Không may cho chúng tôi, về sau Mặt Trận bị khủng hoảng trong nội bộ rồi gần như tan vỡ, không còn nhiều tổ chức khác ở nhiều nơi có đầy đủ nhân sự, phương tiện, thì giờ và mục đích... để tổ chức mời nghệ sĩ tới hát nữa. Có thể vì vậy mà văn nghệ hải ngoại xuống cấp dần dần chăng ?

---

(1) Cứ đi đây đi đó như thế mỗi lần tôi có thêm một sáng tác phẩm mới như **Bầy Chim Bò Xứ, Rong Ca, Thiên Ca, Trường Ca Hàn Mạc Tử** và **Minh Họa Truyện Kiều**... Đi cho tới khi nhà tôi mất (August 1999) thì mới thôi !  
(2) Sau này, có thể nói đa số văn nhân, ký giả, nghệ sĩ ở hải ngoại gia nhập Mặt Trận.

*Cuộc kêu khắc khoải trên ngàn  
Chim quỳên thảm thiết gọi đàn chim đi...*  
**BẦY CHIM BÒ XỨ**

## Chương Mười Bảy

Thế rồi người Việt gọi là *hải ngoại* như chúng tôi bước vào năm 1985, nghĩa là năm thứ 10 của đời sống *tị nạn... lưu vong... hay di dân...* gì đó. Sự chấn động trong tâm hồn, sự hoang mang trước cuộc đời mới, sự nhớ nhung đất tổ quê cha của chúng ta đã dần dần được cuộc sống xô bồ Hoa Kỳ chen vào, xô đi, đẩy xa, lấn át...

Nếu không phải là của tất cả mọi người thì cũng là của đa số những người đang hay đã trở thành công dân Mỹ... ưu tư hàng ngày bây giờ là : công ăn việc làm.

Riêng gia đình chúng tôi đã trở thành công dân Hoa Kỳ từ cuối năm 1984. Ngày chúng tôi làm lễ tuyên thệ tại Los Angeles phải được coi như ngày chính thức mở ra một đoạn đời mới. Tối thiểu cũng phải là một mốc thời gian rất quan trọng. Cũng như chúng tôi, vào lúc này, tuy vẫn được gọi là tị nạn... ít người Việt Nam ở Hoa Kỳ còn thấy nhức nhối trong tim hay rối rắm trong óc như trước nữa. "Tị nạn" gì nữa khi đã trở thành công dân một nước giàu mạnh, tự do, dân chủ như nước Mỹ, được hưởng đầy đủ mọi thứ quyền lợi như người da trắng, da đen, da đỏ !

Nhưng khi một thời điểm 10 năm tới trong một đời thì ai cũng muốn làm công việc kỷ niệm một chặng đời, nhất là những người trong giới làm văn học nghệ thuật.

Tôi có may mắn được ba tổ chức văn nghệ tại Washington D.C là *Hội Văn Hoá Việt Nam Tại Bắc Mỹ*, *Tủ Sách Canh Nam* và *Tạp Chí Xác Định* giúp tôi ấn hành một nhạc tập nhan đề **Thấm Thoát Mười Năm**.

Tôi tập trung những ca khúc mà tôi đã soạn ra trong 10 năm qua để in thành một công trình ngắn hạn, gồm 44 ca khúc trong đó người viết bài giới thiệu là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích đã nhấn mạnh đến chủ đề **Phụ Nữ và Quê Hương** nổi bật lên ở trong cuốn sách nhạc này. Ngoài ra, có thể vì tôi đã rời khỏi một nước nhỏ hẹp để ra được thế giới rộng lớn rồi cho nên đa số ca khúc trong nhạc tập đều mang hình ảnh **trời cao, biển rộng, sông dài** hơn là **bụi tre, con đê, dòng suối...**

Thế rồi, tôi lợi dụng cơ hội ghi lại công trình trong 10 năm xa xứ này để làm một *cuộc thanh toán dĩ vãng*, nghĩa muốn cống hiến cho những người yêu nhạc một tuyển tập có tính chất dài hạn hơn. Tôi bỏ ra một thời gian ba, bốn tháng để ngồi nhớ lại **tất cả** những bài hát mà mình đã soạn ra trong 50 năm đi hát rong, rồi ghi lại những lời mà mình còn nhớ được để in thành một tập sách định lấy tên là tập **NGÀN BÀI CA**. Tôi bắt chước thi sĩ nước Pháp Jacques Prévert với tập **PAROLES** chẳng? Vợ tôi, Thái Thanh và dăm bảy người bạn đồng điệu đã vui lòng ngồi moi trí nhớ để giúp tôi hoàn thành cuốn sách toàn thể lời ca này.

Tôi cũng không thấy cần phải in luôn cả nốt nhạc của từng bài hát dù vào lúc này tôi đã bước vào địa hạt **computer** cùng với người con thứ Duy Cường rồi và có thể dễ dàng nhờ máy vi tính kẻ những nốt nhạc hộ mình. Nhưng trong thực tế, nếu in cả nhạc lẫn lời của hàng trăm bài hát thì tiền in sẽ rất tốn kém, giá bán sách sẽ phải khá cao, khó có nhiều người mua.

Vì không có nốt nhạc, tôi không gọi tên sách là **nhạc tập** mà đặt tên cho cuốn ca khúc này là **Ngàn Lời Ca** (bởi vì thực sự cũng khó mà đếm ra tổng số ca khúc, khi trong một trường ca có tới 21 ca khúc thì đếm thành một bài hay 21 bài?). Và tôi để dành cái tên **Ngàn Cánh Nhạc** cho những **album nhạc** sau này.

**Ngàn Lời Ca** là một cuốn sách khổ lớn, dày 400 trang, khởi sự từ sáng tác đầu tay của tôi là bài **Cô Hái Mơ**, qua hàng chục giai đoạn, hàng trăm ca khúc đủ loại :

\* Từ những **anh hùng ca, quân ca, thanh niên ca** qua **dân ca kháng chiến, dân ca phục hồi** hay **dân ca phát triển...**

\* Rồi tới  **tình ca đôi lứa, tình ca quê hương, tình tự dân tộc...**

\* Tới **trường ca, tâm ca, tâm phần ca** để tới **hoan ca** gồm **bình ca, nữ ca, bé ca...**

\* Đó là chưa kể **đạo ca, vĩa hè ca, tục ca...**

\* Tiếp tục với những **tị nạn ca, ngục ca, hoàng cầm ca...**

Tính tham lam cố hữu đã khiến tôi muốn cho vào cuốn sách này một tác phẩm cưng nhất của tôi vào lúc bấy giờ, dù nó còn trong tình trạng dang dở, dở dang. Đó là tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ**.

Tôi đã có dịp nói về sự bế tắc của tôi trong việc sáng tác tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ**. Được thai nghén từ 1975, phần đầu của tổ khúc nói lên được lý do vì sao có sự bỏ xứ bay đi của bầy chim. Nhưng sau 10 năm thai nghén, tôi vẫn chưa nhìn thấy cơ hội nào để cho bầy chim có thể tung cánh hồi xứ được. Trong khi suốt một đời làm người nghệ sĩ, tôi luôn luôn ôm ấp một định đề : **Không có ra đi nào mà không có trở về !** Nói một cách khác : **Không có chia ly nào mà không có đoàn tụ**. Nếu tôi muốn tổ khúc này được in ra trong tập **Ngàn Lời Ca** thì tôi phải hoàn tất nó ngay. Chưa tìm ra lối thoát, bởi vì ở trên thế giới, chiến tranh lạnh chưa tàn, tường Berlin chưa đổ, thế sử chưa sang trang... tôi đành phải lấy sự linh thiêng để giải quyết việc trần, nghĩa là dùng chim huyền sử, chim Hồng, chim Lạc để kêu gọi bầy chim Việt Nam kết đoàn bên nhau. Và dù đã được in ra trong **Ngàn Lời Ca**, tôi vẫn chưa muốn thu thanh vào băng cassette vì trong thâm tâm tôi thấy kết cấu của nó vẫn chưa ổn tí nào.

Phải đợi đến năm 1990, nghĩa là 15 năm sau khi thai nghén, tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ** mới được tu chỉnh lại và phát hành mạnh mẽ qua hình thức nhạc tập và compact disc.

*Ban cho cuộc đời  
Ban cho tình người  
Từ biển ra biển sáng soi.*  
**Lời Việt -- America The Beautiful**  
Phạm Duy

## Chương Mười Tám

Trong chương 17 vừa rồi, tôi đã kể lại việc in ra toàn thể sáng tác phẩm của mình qua hai cuốn **NGÀN LỜI CA** và **THÂM THOÁT MƯỜI NĂM** nhân dịp đánh dấu 10 năm xa xứ... Bây giờ tôi dành chương 18 này để nói tổng quát về những hoạt động khác của tôi trong phạm vi điện ảnh, **video, Karaoke, DVD, CD-Rom** tại nước Mỹ từ ngày tôi bước chân tới đất mới...

Vào năm 1980, tôi được ban sản xuất phim của một Đài **Public Broadcasting Services**(PBS) lớn ở Los Angeles là đài **KCET -- Channel 28** mời tôi đóng vai chính trong một loạt bốn cuốn phim giáo dục nhan đề **THE NEW AMERICANS**. Một ngân sách của liên bang hay của tiểu bang -- tôi không biết rõ -- đã dự trù một khoản tiền dành cho việc thực hiện loạt phim giáo dục này và ban sản xuất của Đài phát hình kể trên đã được giao cho phần thực hiện. Bốn cuốn phim đầu, mỗi phim dài 60 phút -- gọi là phim **pilot** -- sau khi thực hiện xong và cho phát hình, nếu khán giả ưa thích thì sẽ được tiếp tục sản xuất thêm, có thể là năm này qua năm nọ.

Có bao giờ dám nghĩ rằng mình đóng phim tại Hollywood ?

Người viết truyện cho bốn cuốn phim đầu tiên này là anh David Abramowich, người Mỹ gốc Do Thái. Tất cả bốn truyện phim đều lấy chủ đề là cảnh sống chung trên đất

Mỹ giữa các con cái của những người gốc Đông Dương như Việt Nam, Lào, Campuchia, và có luôn cả người Tàu gốc Việt. Lũ trẻ này đúng là người "Mỹ-mới" và đã có những va chạm giữa chúng và trẻ em Mỹ trắng, Mỹ gốc Phi Châu hay gốc Mễ nữa.

Sự va chạm là do khác biệt văn hoá mà ra và những mẫu thuẫn đều sẽ được một ông già có phép tàng hình, hiện ra giải quyết rồi biến đi. Anh chàng David Abramowich muốn vai chính -- được đặt tên là Cụ Hiền -- phải là một ông già biết đàn hát, biết nói tiếng Anh và biết đóng phim. Vì tôi đã có thành tích là người viết truyện phim, đạo diễn và phó Giám Đốc của Trung Tâm Điện Ảnh trong thời ông Diệm, nên tôi đã được mời đóng vai Cụ Hiền sau một lần quay thử.

Việc đóng phim đối với tôi rất là lý thú ! Có bao giờ cậu bé con ở phố Hàng Dầu Hà Nội, chuyên môn coi phim cộp tại rạp cinéma Pathé ở trước Đền Bà Kiệu, cạnh Hồ Gươm... dám mơ tưởng tới ngày được tới tận "Hồ Ly Vọng" để chiêm ngưỡng các ngôi sao chiếu bóng ? Nay thì không những được tới tận nơi gọi là **Thiên Đường của điện ảnh**, lại còn được mời đóng phim nữa ! Nhất là được trả tiền thù lao khá cao. Chỉ hơi tiếc là vì nước Mỹ vừa thay đổi chính phủ, từ trong tay Đảng Dân Chủ qua tay Đảng Cộng Hoà, ngân sách dùng cho việc giáo dục công dân bị cắt giảm, sau bốn phim **pilot**, bộ phim **THE NEW AMERICANS** không có ngân sách để được sản xuất nữa.

Thế nhưng, vì đã có tên trong sổ "đoạn trường" cho nên sau đó, trong nhiều phim thương mại, tôi thường được gọi đi đóng vai phụ, toàn là vai ông già ác ôn, cầm đầu các nhóm du đảng da vàng...

Hai tài tử nổi danh Lê Quỳnh, Đoàn Châu Mậu tuy cũng được mời đóng phim tại Hollywood nhưng có thể vì tuổi đã hơi cao, không còn cơ hội đóng vai chính trong những phim Mỹ nên họ sẽ phải đổi nghề hay dọn nhà đi xa. Lê Quỳnh làm việc trong một Công Sở Xã Hội, rồi làm chủ một tiệm phở được ít lâu thì bị đứt mạch máu não. Còn Đoàn Châu Mậu thì dọn đi cư ngụ ở Seattle, rồi ở Hawaii và sẽ già từ cõi đời trong cảnh hàn vi tại hải đảo thần tiên này. Trong đám tài tử ciné người Việt chỉ có Kiều Chinh là thành công tại Hollywood.

Khi kể lại chuyện đóng phim của mình tại Hollywood, tôi không có ý khoe khoang gì đâu ! Tôi chỉ muốn nói đến một việc làm rất bình thường của một nước đa chủng như nước Mỹ, một việc đã khiến cho tôi rất bâng khuâng.

Hoa Kỳ là một nước mà người dân da đỏ, da trắng và da đen chung sống với nhau từ ngày mới lập quốc. Theo chân người Hồng Mao tới Mỹ lập nghiệp là người da trắng gốc nước bên Âu Châu. Người da đen Phi Châu thì tới - được mua làm nô lệ thì đúng hơn -- để khai khẩn đất hoang. Người da vàng tới Mỹ làm phu xây đường sắt... Rồi khi Hoa Kỳ trở thành nước kỹ nghệ lớn nhất hoàn cầu thì hàng năm có chương trình đón nhận dân tứ xứ nhập cảnh, cho nên luôn luôn có "người Mỹ mới". Do đó, nước Mỹ rất chú trọng đến việc làm sao cho những người dân không cùng một chủng tộc sống hoà bình trong Hợp Chúng Quốc.

Khi 120.000 người Đông Dương -- rồi sau đó là từ một tới hai triệu người -- vào nước Mỹ thì Nhà Nước Hoa Kỳ có ngay những chương trình TIVI hay MOVIE để



giáo dục người lớn -- và nhất là trẻ em -- hiểu biết nhau, tránh những đụng chạm có thể xảy ra. Trong hai mươi năm qua, đã không xảy ra những vụ kỳ thị nào to lớn giữa người Mỹ mới và người Mỹ cũ, chỉ có vài chuyện mâu thuẫn trong nghề nghiệp của giới làm nghề biển ở vùng Vịnh Mexico mà thôi.

Tôi vốn là một nghệ sĩ, qua tất cả những sáng tác của mình, từ *tâm ca* tới *trường ca* qua *tổ khúc*... và trong suốt một đời, đã chỉ muốn dùng âm nhạc để thống nhất đất nước và lòng người. Trong lúc đóng phim **The New Americans**, tôi thường nghĩ đến nước Việt Nam, đến người Việt Nam, cùng chung một nòi giống mà vẫn còn đầy chia rẽ, hẹp hòi và khinh thị với nhau không biết đến bao giờ mới nguôi. Vẫn chia ra hai phe đối nghịch mà không bao giờ có sự tìm hiểu lẫn nhau. Mới chỉ đặt vấn đề **giải hoà** (hoà hợp, hoà giải) thôi, mà đã cãi nhau kịch liệt rồi ! Người thấy được sự cần thiết phải "đồng thuận" giữa mọi người là ông chủ báo THÔNG LUẬN Nguyễn Gia Kiểng còn bị hành hung tại Hoà Lan khi dám lên tiếng nói công khai về việc này !

Cũng như mọi người cùng thế hệ, tôi thích điện ảnh và từ bé, đã được nếm đủ mùi vị của phim Âu, Mỹ, từ thời phim câm, phim đen trắng của các vua hề **Charlot, Stan Laurel et Olivier Hardy**... tới phim nói, phim màu, phim cinemascope như **A L'Ouest Rien De Nouveau, Le Signe De Zorro, Ben Hur, Tarzan**... Nhưng tôi là kẻ chơi trò quay phim gần như suốt đời. Từ khi có máy camera 8 m/m bán ra trên thị trường, mới đầu còn dùng phim trắng đen, sau đó là phim màu, tôi đã mua nó và biết sử dụng nó ngay. Trong gia đình, từ đứa con lớn là Duy Quang cho tới con gái út là Thái Hạnh, con nào cũng có những đoạn phim 8 ly từ ngày chúng mới ra đời cho tới khi chúng lớn lên dần...

Cảnh cũ, người xưa đều nhất loạt được tôi ghi vào phim nhựa, chẳng hạn cảnh thành phố Saigon ngày chúng tôi mới bỏ vùng quê về thành sinh sống, cảnh ông bà ngoại các cháu đánh đàn, cảnh vợ chồng tôi đi Vũng Tàu, Dalat, Pnom Pênh, cảnh đám ma anh Nhượng, cảnh đám cưới của các con, cảnh sinh ra và lớn của cháu nội Ly Lan, cháu ngoại Tori v.v... cảnh tôi đi du học bên Pháp, đi chơi bên Đức từ 1955 lặn. Chưa kể rất nhiều phim nhựa 8 ly hay video tape ghi lại những cuộc lưu diễn ở trong nước trước kia và trên hoàn cầu sau này.

Rồi trong phạm vi nhà nghề, tôi lại còn được vào làm việc trong một **Trung Tâm Điện Ảnh** (1955), đầu tiên với tư cách người viết truyện phim, rồi leo dần lên chức đạo diễn điện ảnh và cuối cùng là Phó Giám Đốc của Trung Tâm.

Qua nước Mỹ, kể từ khi có thêm phương tiện VCR hay Karaoke để âm nhạc nhảy từ sân khấu lên màn ảnh, thì tôi -- hay nhạc của tôi -- đều thường xuyên có mặt trong những chương trình **video** do các hãng Thúy Nga, Asia, Làng Vắn... sản xuất. Tôi còn được hãng Thúy Nga làm hai chương trình **video** về tôi để cho tôi có dịp trả lời hai phóng viên quốc tế Đỗ Văn, Lê Văn về cuộc đời nghệ sĩ của mình.

Ngoài ra, trước đây tôi có mặt trong một số phim **video** của Sở Thông Tin Hoa Kỳ USIS (như phim **THE RAIN ON THE LEAVES**) hoặc trong chương trình TIVI (về **Dân Ca** của Peter Seeger, có tôi hát cùng đôi song ca Addiss/Crofut)... nay những phim đó được phát hành.

Chưa hết ! Với bước chân "70 dặm", kỹ thuật mới áp dụng vào những trò vui chơi ở trên thế giới tiến nhanh tới hình thức **DVD**. Bây giờ người ta coi phim, coi hình, nghe nhạc không phải bằng phim nhựa hay bằng phim **video** nữa mà bằng đĩa **DVD**. Đó là một cái đĩa thủy tinh cứng nhỏ bằng bàn tay, có khả năng chứa đựng tối thiểu là hai giờ đồng hồ hình ảnh và âm thanh, dài bằng thời gian của một phim truyện vậy. Bao nhiêu phim hay ở trên thế giới mà xưa kia chúng ta phải đi coi ở rạp chiếu bóng hay được chứa trong băng **video** thì nay được cho vào đĩa **DVD**. Thật là tiện lợi ! Băng nhạc hay phim **video** nếu coi đi coi lại thì có thể bị hư dần nhưng đĩa **CD** hay đĩa **DVD** thì bền bỉ suốt đời.

Thế rồi người ta chế ra cái máy để làm được những "đĩa phim đó" ngay trong nhà, gọi là máy làm **video-CD**. Khi máy đó vừa bày bán trên thị trường thì tôi mua ngay để biến hàng trăm, hàng chục cuốn phim **video** công kênh và nặng nề của tôi vào những đĩa **video-CD** mỏng dính và nhẹ nhàng.

Tôi còn là kẻ may mắn nhất vì được làm quen với **computer** từ buổi bình minh của phát minh này. Từ cuối thập niên 80, tôi và Duy Cường đã khởi sự dùng máy **computer**. Trước tiên, chỉ là để thay thế máy đánh chữ, nhưng khi đó chưa có ai đưa được "fonts chữ Việt" vào máy **computer**. Chúng tôi phải đi tìm mãi mới kiếm ra được một ông kỹ sư tên là Nguyễn Văn Tâm -- đang làm việc cho Tổ Chức Không Gian **NASA** -- là người đầu tiên viết ra "fonts chữ Việt". Thế là chúng tôi gài "fonts chữ Việt" vào máy và bắt đầu dùng **computer** để viết thư, viết báo, viết Hội Ký, viết sách nhạc và nhất để giữ lại những tài liệu cũ chất chứa trong những hồ sơ to tổ bố. Và cũng phải mất một thời gian khá lâu để chúng tôi tìm mua những "softwares" về âm nhạc để viết nốt nhạc, để hoà âm. Và mua thêm những "softwares" về hội họa để làm tranh ảnh, trang trí v.v...

Cho tới khi nhờ có **computer** mà tôi tiến đến giai đoạn làm ra được những **CD-Rom**. Trước hết, ta cần biết : **CD-Rom** là gì ?

**CD-Rom** là một phương tiện có khả năng lưu trữ chỉ trên một đĩa nhỏ như loại CD mà chúng ta thường mua về nghe nhạc, một khối lượng dữ kiện khổng lồ là 680 megabytes. Chỉ cần lấy một ví dụ: toàn bộ 24 cuốn Bách Khoa Tự Điển có thể thu gọn trong một đĩa **CD-Rom**. Nó giống như một thư viện vậy. Những bức ảnh (photo), âm thanh (sound tức là music), phim (video) và văn bản (text) cũng đều có thể chất chứa trên đĩa **CD-Rom**. Nó giống như một bảo tàng viện, một rạp hát hay một rạp chiếu bóng vậy.

**CD-Rom** còn cho phép người dùng nó, làm công việc "tương tác" (interact), chứ không thụ động ngồi coi. Khác với việc coi phim video, nếu muốn coi lại một đoạn đầu hay coi ngay đoạn cuối thì phải ta quay lại (rewind) hoặc quay tới (forward). Với **CD-Rom**, ta có thể chọn xem, hoặc tìm chỗ cần tìm và trở lại phần đang xem ngay lập tức.

**CD-Rom** cho phép ghi lại âm thanh với phẩm chất tương đương với đĩa CD audio và còn có thể phối hợp hình ảnh và âm thanh giống như hình thức karaoke.

**CD-Rom** được gọi là "truyền thông đa diện" (multimedia) vì nó có khả năng tiến lên ngang hàng với sách báo, video, đĩa nhạc. Trong nhiều trường hợp nó có khả năng lớn hơn các thứ "truyền thông đơn diện" vừa kể... vì đã có những "sách nói", "sách hát", "sách hoạt hình" cho người lớn và trẻ thơ bán ngoài thị trường rồi.

Như đã từng là người đầu tiên phát hành đĩa CD-Audio (**CD Nhạc Tinh**), bây giờ, với sự cộng tác của một kỹ sư trẻ, anh Bùi Minh Cương ở San Jose, chúng tôi cho ra đĩa **CD-Rom** đầu tiên của Việt Nam.

Đây là một cuộc hôn phối rất tốt đẹp của nghệ thuật và kỹ thuật. Với đĩa **CD-Rom** đầu tiên của Việt Nam này, với chủ đề **HÀNH TRÌNH TRÊN ĐẤT MẸ**, chúng tôi có khát vọng đem chút gia tài văn hoá của người đi trước tặng cho thế hệ đi sau, mà có thể vì sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, các em bị cắt đứt với dòng sống tinh thần và tình cảm của dân tộc.

Qua **CD-Rom** này, chúng tôi hi vọng đem lại cho các em hình ảnh quê hương, tiếng hát quê hương, phong cảnh quê hương, tình tự quê hương... Và cũng chỉ với sức chứa của CR-Rom, chúng tôi mới có thể cung cấp thêm cho các em, ngoài âm nhạc ra, vài ba dữ kiện trong thi văn, hội hoạ, kiến trúc... Lịch sử cũng như huyền sử, địa dư và địa chí đều nhất loạt hiện diện trong **CD-Rom** này cho xứng đáng với danh nghĩa **truyền thông đa diện - multimedia** của nó...

Chúng tôi cố gắng cho **CD-Rom** này có thêm phần đa ngữ để cho người ngoại quốc hoặc các em xưa rày ít nói tiếng mẹ đẻ, hiểu biết kỹ càng về công trình này. Đa số tiết mục trong **CD-Rom** đều được giới thiệu qua ba thứ tiếng Anh-Việt-Pháp.

Vào lúc tôi hoàn tất Hồi Ký này, tôi cũng đang hoàn chỉnh những **CD-Rom** :

**1) Phạm Duy Anthology**, gồm hai phần :

Một phần ghi lại bằng văn bản, hình ảnh, âm thanh của toàn thể nhạc phẩm Phạm Duy.

Một phần ghi lại bằng văn bản, hình ảnh, âm thanh của những bài ca ngoại quốc do soạn lời Việt.

**2) Phạm Duy Family** là một CD-Rom tóm tắt cuộc đời và sự nghiệp của bố tôi là Phạm Duy Tồn, của hai anh tôi là Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy Nhuận và của vợ tôi là Phạm Thị Thái Hằng...

Trong CD-Rom này, tôi sưu tập được :

a) Hầu hết văn phẩm của người bố, từ những bài báo đăng trên *Lục Tỉnh Tân Văn* từ những năm 1915-16, qua những đoản thiên tiểu thuyết như **Sóng Chết Mặc Bay**, **Câu Chuyện Thương Tâm**, **Nước Đời Lắm Nỗi** cho tới 108 truyện cười trong ba cuốn **Tiểu Lâm Annam**...

b) Hầu hết tác phẩm bằng Pháp văn của người anh Cả, từ những bài diễn văn cuối niên học cho tới những cuốn sách nổi danh **Légendes Des Terres Sereines**, **Nam et Sylvie**, **De Hanoi À La Courtine**.

c) Toàn thể sự nghiệp của người anh thứ, tác giả của những bài **Nhạc Đường Xa**, **Đêm Đô Thị**, **Bà Mẹ Chông**...

d) hoạt động của người vợ yêu quý trong ban **THĂNG LONG** của gia đình, ban **HOA XUÂN** của tôi, **TAO ĐÀN** của thi sĩ Đình Hùng và ban kịch truyền thanh của Võ Đức Duy v.v...

**3) Dẫn Vào Nhạc Việt Nam** là một tiểu luận song ngữ, giới thiệu tổng quát về lịch sử nhạc Việt, nhất là về những ngày đầu của Tân Nhạc.

**4) Trống Việt Nam** là một tiểu luận về một nhạc khí mà tôi rất yêu thích. Trong đó, tôi dẫn người đọc (và nghe) từ trống đồng qua trống mặt gỗ tới trống mặt da, từ trống cái qua trống nhỏ tới trống nhỏ, từ trống thờ qua trống chầu tới trống chèo v.v...

**5) Toàn Bộ Hồi Ký** của tôi đã cho vào một CD-Rom. Ngoài văn bản ra, người đọc còn coi thêm được nhiều hình ảnh, nghe thêm được nhiều bản nhạc nữa trên máy computer. Với CD-Rom này, có thể in ra (print out) từng chương, từng đoạn để đọc.

**6) Những Chuyến Trở Về**... Sau 50 năm xa Hà Nội và 25 năm xa Saigon, vào đầu

năm 2000, tôi trở về Việt Nam và có dịp ghi lại hình ảnh, cảm tưởng, suy nghĩ của tôi... Việc trở về quê hương này còn quá mới cho nên tôi không cho vào Hồi Ký mà cho vào một CD-Rom, coi như một thứ Album dành cho con cháu mà thôi.

Việc sưu tập tài liệu về mình coi như rất là mỹ mãn. Không có nghệ sĩ nào trong thế hệ tôi có thời giờ và nhất là có phương tiện để truy lùng rồi ghi lại những sự việc đã xảy ra trong cuộc đời khá lộn xộn này. Có lẽ vì tôi là một kẻ rất gai góc và đã bị các "sử gia Nhà Nước" cố tình bỏ quên cho nên tôi đã phản ứng lại bằng cách tự viết sử của mình đến độ có thể bị hiểu là kém nhũn nhận. Nay thì tôi yên tâm : không sợ bị bỏ rơi nữa, vì với Hồi Ký, với CD-Rom PD Anthology, PD Family v. v...tôi đã ghi lại hầu hết đời mình vào **sách đọc, đĩa đọc** để nếu rằng *mai sau dù có bao giờ có* -- tối thiểu là các con các cháu và những người tình -- *đốt lò hương* để nhớ tôi, thì xin âu yếm mời đọc và nghe những tài liệu vừa kể đó.

Tôi lại còn có thêm hạnh phúc là sống dai để hưởng được sự phát minh ra INTERNET và nhờ đó, một phần đã hoàn tất của những tài liệu của tôi đã được phổ biến quá ư tự do và rộng rãi trong dăm bảy năm qua. Nhờ có mạng lưới toàn cầu này, nhờ công ty KICON ở Santa Ana, CA USA... một HOME PAGE (trang nhà) của tôi đã được hiện diện thường xuyên trong thinh không. Biết bao nhiêu người thuộc dăm ba thế hệ trẻ đã hằng ngày gửi điện thư (E-mail) liên lạc, khen tặng, thăm sức khoẻ và chúc thọ... khiến cho tôi -- trời ơi, sướng quá -- không cần đợi khi chết đi, phải gọi một đàn ruồi đến để nghe dùm những bài điệu văn tuyệt diệu.

*Cuộc kêu khắc khoải trên ngàn  
Chim quỳên thâm thiết gọi đàn chim đi...*  
**BẦY CHIM BỎ XỨ**

## Chương Mười Chín

Bây giờ là các hoạt động của tôi với các Đài Phát Thanh quốc tế như Đài BBC, VOA, RFI... và sự cộng tác với các Trung Tâm Sản Xuất băng nhạc hay đĩa hát.

Trong phạm vi radio, tôi có nhiều duyên may hơn trong ngành điện ảnh. Tôi luôn luôn được Đài VOA phái anh Lê Văn tới nhà để phỏng vấn, hoặc mời qua Hoa Thịnh Đốn để nói chuyện với thính giả bốn phương (nhất là thính giả trong nước) mỗi khi tôi có sáng tác mới. Tôi đã có dịp tỏ lòng tri ân với Đài này (và đài RFI) trong một chương sách trước.

Nhưng Đài VOA là một đài phát thanh của nhà nước, tiếng nói của chính quốc Hoa Kỳ. Đài này cũng là một thứ dụng cụ của cuộc chiến tranh tâm lý trong chiến tranh lạnh giữa Tư Bản và Cộng Sản. Đài BBC ở Anh Quốc mới thật là đài của tư nhân, không dính dáng với một chính quyền nào cả. Người nghe có thể dễ tin Đài BBC hơn là Đài VOA.

Vào năm 1981, Đài BBC thuê tôi soạn sáu chương trình 30 phút để nói về **Lược Sử Tân Nhạc Việt Nam** từ năm 1938 cho tới năm 1975. Chín năm sau, với sự cổ vũ nhiệt thành của anh Đỗ Văn, đài này còn đặt tôi làm thêm sáu chương trình nữa về

**diễn tiến của Tân Nhạc Việt Nam trong 15 năm** nghĩa là từ 1975 tới 1990. Ngoài ra, tôi còn được thuê để đọc ba cuốn **HỒI KÝ** trên Đài BBC nữa.

Cũng vì nhu cầu soạn hai chương trình lớn về **Tân Nhạc Việt Nam** cho Đài BBC, tôi đã phải bỏ nhiều công đi sưu tầm tài liệu và phải là những tài liệu âm thanh vì sự đòi hỏi của ngành **radio** : nói chuyện về âm nhạc mà không có phần âm thanh thì... chán chết.

Tôi gặp khá nhiều khó khăn khi đi tìm những băng nhạc cũ phát hành tại Saigon trước đây để trích ra những bài hát thuyết minh cho những bài viết của tôi về **sự thành lập của Tân Nhạc Việt Nam (38-75)**. Tìm ra những bài hát xưa như **Hồn Xuân, Đêm Tàn Bến Ngự, Bóng Ai Qua Thềm** hay **Biệt Ly** của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Văn Chung, Dzoãn Mẫn soạn ra vào thời 38-40 thì dễ, vì những bài này đều đã được thu thanh trong những băng cassettes cũ mà một vài cá nhân hay một vài nhà sản xuất vừa cho "tái-phát hành" (rerun) ở Mỹ. Còn nhiều bài khác của Lê Thương, Hoàng Quý, hay Lưu Hữu Phước thì tìm không ra, ví dụ bài **Một Ngày Xanh** của Lê Thương, xưa rày ít ca sĩ hát vào băng, dù theo tôi, đó là một bài hát tiêu biểu cho thời kỳ **nhạc lãng mạn**. Tôi đành phải tự mình hát một số bài chưa hề được thu thanh vậy.

Trái lại, khi soạn bài cho chương trình radio về **tiến trình Tân Nhạc Việt Nam trong 15 năm (1975-1990)** thì việc tìm tài liệu không khó khăn gì cả, bởi vì vào năm 1990 này, nghề phát hành băng nhạc đã phát triển mạnh mẽ ở Mỹ, Âu Châu, Úc Châu.

Công việc "làm ăn" với đài BBC này giúp tôi thành người viết nhạc sử bắt đầu dĩ. Tôi đã được may mắn là một chứng nhân -- nếu không phải là một người thành lập -- của nền Tân Nhạc, đã từng đi diễn thuyết về Nhạc Việt trước đây ở nhiều nơi, nay lại được thuê để viết về những thời kỳ **chuẩn bị, thành lập, phát triển và phân hoá** của ngành nghệ thuật này. Tôi đã có cơ hội và nhất là phương tiện để bổ xung kho tài liệu âm thanh của tôi. Nếu sau này, có một Hội Nhạc Sĩ nào, một Nhạc Viện nào (**conservatoire** là gì nếu không phải là **conserver**) cần có những tài liệu đích xác và vô tư thì tôi sẵn sàng cung cấp.

**Tiến trình Tân Nhạc từ 1938 tới 1975** đã được tôi nói qua trong những cuốn **HỒI KÝ** trước. Tôi chắc đọc giả cũng muốn biết qua tiến trình của **Nhạc Việt Nam trong 15 năm qua**, nghĩa là từ 1975 tới 1990, vậy tôi xin trình bày như sau...

Điều nhận xét trước tiên của tôi là : trong 15 năm xa xưa, nếu làng nhạc Việt Nam ở hải ngoại đưa ra những bài hát *tự vấn, khẳng định, tuyên ngôn, chất chứa ảo ảnh, ác ảnh của quê hương...* thì trong một thời gian khá lâu, tuyệt nhiên không có một bản nhạc tình nào xuất hiện cả ! Chỉ về sau này mới có dăm bảy bản tình khúc soạn theo thể nhạc khiêu vũ và có mùi vị tình yêu đắm đuối hay khổ đau như **Kiếp Đạm Mê** của Duy Quang, **Mười Năm Tình Cũ** của Trần Quảng Nam (bài này được soạn ra từ lâu) và được phổ biến rất mạnh mẽ. Rồi tới một số nhạc phẩm của Đức Huy soạn theo *style nhạc trẻ* trong đó có những bài **Đường Xa Ướt Mưa, Yêu Em Dài Lâu, Và Tôi Cũng Yêu Em** tuần tự ra đời và rất được hoan nghênh. Bài **Tình Cầm**, thơ của cụ Hoàng Cầm do ông già họ Phạm này phổ thành ca khúc cũng được nhiều

người hát trong một thời gian khá lâu, đến độ có cô con gái sửa lại tí tí lời ca, như vậy :

*Nếu anh còn trẻ như năm cũ  
Sức mấy em về ở với anh...*

Vào những năm đầu của cuộc đổi đời, cũng như tất cả mọi người **di tản buồn** khác, ca nhạc sĩ ra tới bến bờ tự do là bị phân tán đi sống tại các tiểu bang trong nước Mỹ minh mông này. Những nhạc sĩ tôi gặp trên lục địa Hoa Kỳ như Vũ Thành, Thanh Thoại, Đỗ Kim Bảng, Ngọc Bích... hình như không còn sáng tác nữa. Hoặc có viết ra những bản nhạc mới nào đó, vì trong mấy năm 75-80 chưa có môi trường như radio, phòng trà, nhà ấn hành nhạc tập hay nhà sản xuất băng nhạc, tác phẩm của họ phải nằm kỹ trong ngăn kéo hay trong cối lòng.

Nhưng chúng ta có thể coi Nam Lộc là người tung ra bài hát lưu vong đầu tiên với một chủ đề ám ảnh tất cả mọi người lưu vong : chủ đề **Thương Nhớ Quê Hương**. Trước đây Nam Lộc là người chuyên soạn lời ca cho những bản nhạc Âu Mỹ trong giới nhạc trẻ và là chủ nhân một phòng trà rất đẹp mang tên HÂM GIÓ ở đường Võ Tánh, Saigon. Qua Hoa Kỳ, Nam Lộc trở thành nhân viên đặc lực của USCC (United States Catholic Conference) trụ sở nằm tại Los Angeles. Rất sớm sửa, nghĩa là vào năm 1976, khi tôi còn nằm chết dí ở Florida thì ở California Nam Lộc tung ra bài **Saigon Ơi Vĩnh Biệt** :

*Saigon ơi tôi đã mất người trong cuộc đời  
Saigon ơi tôi đã hết thời gian tuyệt vời  
Giờ còn đây những kỷ niệm sống trong tôi  
Những nụ cười nét trên môi  
Những giọt lệ ôi sâu đắng...*

Bài hát của Nam Lộc được phổ biến mạnh trong khối người Việt tị nạn đầu tiên ở hải ngoại. Chỉ ít lâu, từ Saigon, Nguyễn Đình Toàn gửi ra ngoại quốc bài **Saigon Niềm Nhớ Không Tên** như để đáp lời Nam Lộc :

*Saigon ơi tôi mất người như người đã mất tên  
Như dòng sông nước cuộn quanh buồn  
Như người đi cách mặt xa lòng  
Lòng nhủ thầm em có nhớ không ?  
Saigon ơi đâu những ngày khi thành phố xôn xao ?  
Trong niềm vui tiếng hỏi câu chào  
Sáng đời tươi thắm vạn sắc màu, nay còn gì đâu ?*

Thật là thú vị cho người được nghe cả hai bài hát là tôi. Trong bài hát của mình, người ra đi Nam Lộc hỏi : *Saigon ơi nắng có còn vương trên đường đi ? Mưa có còn ngập lối đường về ? Lá có còn đổ xuống công viên ?* Thì người ở lại Nguyễn Đình Toàn trả lời :

*Saigon đâu còn những ngày mưa mùa, khoác áo đi  
Tay cầm tay nói nhỏ câu gì  
Đâu mùi hoa quán nhạc đêm về  
Đâu rộn ràng giọng hát Khánh Ly ?  
Saigon ơi thôi hết rồi những ngày hát bên nhau*

*Đâu Phạm Duy với tình ca sầu ?  
Mắt lệ rơi khóc thuở ban đầu, còn gì đâu ?*

Phản đối sự thay tên của thành phố thân yêu, Nguyễn Đình Toàn còn có những câu  
mất mát khác : *Mất từng con phố đổi tên đường nên ...  
...khi hẹn nhau ta lạc lối tìm*

*Mất trường xưa mất tuổi thiên thân  
Mất hi vọng xa mất mộng ước gần...  
Tất cả, ôi còn gì đâu ?*

Cả hai bài hát **mất Saigon** (1) này được tất cả người Việt hải ngoại thích nghe, thích hát vì ai ai cũng đang sống trong niềm nhớ nhung Saigon rất là khủng khiếp.

Xin kể thêm các nhạc sĩ khác, kể trước người sau, lần lượt ra đi và cũng nhớ thương Saigon như Nam Lộc, Nguyễn Đình Toàn : Trần Lăng Minh với **Saigon Ơi Ta Sẽ Về**, Hà Thúc Sinh với **Hẹn Em Saigon**, Trầm Tử Thiêng với **Đêm Nhớ Về Saigon**, Lê Uyên Phương với **Khi Xa Saigon**, Hoàng Ngọc Ớn và Phạm Đình Chương với **Cho Một Thành Phố Mất Tên** v.v...

Bài **Saigon Ơi Vĩnh Biệt** thành công làm cho Nam Lộc có hứng khởi để soạn thêm bài hát **Người Di Tản Buồn** :

*Chiều nay có một người đôi mắt buồn  
Nhìn xa xăm về quê hương rất xa  
Chợt nghe tên Việt Nam ôi thiết tha  
Và rưng rưng lệ vương mắt nhăn nhò.  
Bạn ơi đó là người di tản buồn  
Ngày ra đi lặng câm trong đớn đau  
Rồi đêm khuya về trong đôi mắt sầu  
Đời như chôn vào con phố u sầu...*

Sống tại những thành phố hoa lệ Hoa Kỳ, lái xe láng cuống trên xa lộ rộng rãi nhưng người di tản buồn vẫn van xin :

*Cho tôi xin lại một đời  
Một đời sống với quê hương.  
Cho tôi đi lại đoạn đường  
Hàng cây vươn đầy bóng mát  
Cho tôi an phận ngàn đời  
Bên bờ đê vắng làng tôi.*

Với những câu hát *xin đi lại đoạn đường quê hương* không phải chỉ có những *con phố mất tên* mà còn có cả *con đê vắng làng xưa* và với chuyện *người đi cách mặt xa lòng, hàng cây lá đổ trông tìm*, người di tản buồn Nam Lộc và người ở lại (càng buồn hơn nữa) Nguyễn Đình Toàn đều có một hành trình như tôi nghĩa là, hoặc đi trên con đường "tạm dung" ở ngoài nước, hoặc đi trên con đường "tạm tha" (rồi lại vượt biên và bị bắt lại) ở trong nước, đi con đường nào thì cũng chỉ những nhớ cùng thương mà thôi !

Hai bài hát của Nam Lộc là làn gió đầu mùa kéo theo những bài hát của những người khác có nội dung tuyên ngôn như *nhớ máu cò, phục quốc, quật khởi* hay *tâm tình như nhớ Saigon, gửi quà về quê hương*, những đề tài gần gũi đối với người tị nạn. Tác phẩm của họ được tung ra vào lúc ngành sản xuất băng cassette bắt đầu khởi sắc nên càng được phổ biến rộng rãi và nhanh chóng.

Năm 1980 là lúc người tị nạn đã ổn định cuộc sống mới. Những hội đoàn chính trị, tôn giáo, xã hội đã thành lập. Trong bất cứ một cộng đồng to nhỏ nào cũng đều có chợ Việt Nam, có người mua kẻ bán, có thị trường bán thẳng cho người mua hay qua bưu phẩm cho nên đã có những hiệu bán sách, bán băng, những nhà xuất bản sách, báo và sản xuất băng cassette.

Một người chưa ai biết tới là Châu Đình An xuất hiện tại Khu Bolsa vào năm 1980 qua một chương trình âm nhạc được thu thanh vào băng cassette (có sự giúp đỡ tận tình của gia đình tôi) với chủ đề **Những Lời Ca Thép**. Trong đó, bài **Chôn Dầu Vượt Biển** của anh là một hoàn cảnh chỉ có thể xảy ra với người Việt trong thế kỷ 20 này, do đó nó là một thứ *lịch sử ca* mà ai cũng muốn nghe đi, nghe lại :

*Đêm nay anh gánh dầu ra biển anh chôn  
Anh chôn, chôn hết cả những gì của yêu thương  
Anh chôn, chôn mối tình chúng mình  
Gửi lại em trăm nhớ nghìn thương...  
Hò ơi hò ơi ! Tạm biệt nước non...  
Đêm nay đêm tối trời anh bỏ quê hương  
Ra đi trên chiếc thuyền hi vọng vượt trùng dương  
Em đâu, đâu có ngờ đêm buồn  
Bỏ lại em cay đắng thật thương  
Hò ơi hò ơi ! Tạm biệt nước non...*

Cùng với những ngôi sao vừa mới xuất hiện trong vòm trời âm nhạc Việt Nam hải ngoại, những bộ mặt lớn và có dĩ vãng xa trong Tân Nhạc như Trần Tử Thiêng, Lê Uyên Phương, Lam Phương, Ngô Thụy Miên, Trần Đình Quân v.v... bây giờ đưa nhau phát hành băng nhạc với những sáng tác cũ cùng với những bài mới soạn.

Ta hãy nhìn vào hoạt động âm nhạc trong cộng đồng Việt Nam ở trên thế giới.

Tại Pháp, nằm trong một văn đàn lấy tên là LAM SƠN và hoạt động trong Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, có Phan Văn Hưng, Ngô Văn Chương, Khúc Lan và các bạn trẻ khác. Những bài hát của nhóm này cũng nằm trong đề tài nhớ Saigon (**Saigon Niềm Nhớ** của Khúc Lan, Duy Nhân), hát cho ngày về (**Hát Trong Ngày Về, Dựng Lại Một Ngày** của Khúc Lan), nói đến cảnh lầm than dưới chế độ mới (**Thằng Bé Tát Dầu** của Phan Văn Hưng, Nam Dao).

Tại Canada, có Vy Hùng hoạt động độc lập. Có Phan Ni Tấn hoạt động trong một phong trào âm nhạc lấy tên là Hưng Ca (giống như các nhóm Du Ca ở trong nước khi xưa). Cũng như nhạc của các người ở trong hay ở ngoài phong trào Hưng Ca tại Canada, nhạc của Phan Ni Tấn là nhạc đấu tranh. Nhưng nhạc của anh không chỉ là những bài ca khẩu hiệu mà là những bài hát rất thi vị, nói tới cây lúa Việt Nam và mang các đầu đề **Cái Lúa - Bụng, Thán Của Bông Lúa Vươn Mình** :

*Cái lúa ở với nước non  
Non nước không còn lúa ở với ai ?*

Tại Úc, Phạm Quang Ngọc có *tù ca, phục quốc ca, quê hương ca* và -- cũng không thể nào tránh được -- có ca khúc cho một thành phố được gọi là người tình với bản **Em Saigon**.

Vào năm 1985, tại hải ngoại, ta thấy Trần Tử Thiêng xuất hiện tại Nam Cali. Đây mới là người sáng tác sung mãn nhất trong đám nhạc sĩ lưu vong.



Trầm Tử Thiêng trong thời kỳ còn kẹt lại trong nước -- từ 1975 cho đến 1985 -- viết những bài tình ca như **Một Thời Uyên Ưong, Một Thời Đẽ Nhớ, Tình Khúc Sau Cùng, Ru Ca Trên Thành Phố Đỏ** v.v... Ngoài ra, anh còn có những bài **Tâm Ca Của Người Tù Vượt Biên, Hành Ca Trên Nông Trường Oan Nghiệt** khi anh bị bắt vì tội vượt biên và phải về sống tại rừng U Minh.

Khi được tha vào khoảng 1981, anh lại tiếp tục tìm cách vượt biên, nhưng không thành công. Trong dịp mưu tìm tự do này, anh gặp một người đàn bà trước kia đưa đò cho Mặt Trận Giải Phóng, bây giờ đưa đò giúp người vượt biên, anh bèn viết bài **Mẹ Hậu Giang**. Người mẹ này không làm chính trị, bà là hiện thân của tình thương...

Bài **Hạnh Phúc Ta Hạnh Phúc Người** mà anh soạn sau đó nói về những cái chơi vơi của đời sống con người : đã là nạn nhân của hạnh phúc cho nên đi tìm hạnh phúc... Nhưng rồi lại gặp phải đau khổ khi đi tìm hạnh phúc !

Đến năm 1982 anh lại tìm đường vượt biên nữa nhưng cũng thất bại và khi anh gặp một người đưa đò thứ hai thì anh viết bài **Người — Lại Đưa Đò**.

Rồi khi Trầm Tử Thiêng vượt biên thành công thì anh có bài **Trại Ty Nạn Galang**, trong đó anh mô tả tâm trạng của một kẻ mới vừa thoát thân nhưng không quên nói tới những điều trắc trở của những người phải sống ở đảo lâu năm. Bài **Chiều Trên Đảo Trầm Tư**, mô tả tâm trạng của một người ở giữa con đường đi và con đường về. Bởi vì trại ty nạn không phải là nơi để mình định cư, chỉ là bến đợi, bến chờ... Do đó người nhạc sĩ nhìn về phía trước chỉ thấy biển, nhìn về phía sau chỉ thấy rừng. Biển thì đầy nguy hiểm, rừng thì mê mông. Phía trước mờ mịt, đường dốc thấp dốc cao, phía tương lai thế nào không biết, chỉ nhớ thấp thoáng là có em ở phía trước mặt.

Tại đảo, Trầm Tử Thiêng gặp Trần Đình Quân là tác giả bài **Tình Ca Xứ Huế**. Hai người cùng gia nhập tổ chức sinh hoạt văn nghệ dành cho các thanh niên ở đảo. Từ khi sang đến Mỹ, Trầm Tử Thiêng soạn **Tình Ca Mùa Đông, Mười Năm Yêu Em, Đêm Nhớ Về Sài Gòn, Thư Xuân Hải Ngoại, Hãy Hát Lên Tin Yêu, Giã Từ Mùa Đông, Hãy Hát Tình Thương Về Biển Đông** (viết cho chương trình đại nhạc hội yểm trợ tàu Lumière trong chiến dịch vớt người ở biển Đông), **Hãy Vui Lên Khi Lòng Còn Biết Buồn, Hối Tiếc, Tưởng Niệm, Mây Hạ**...

Nói chung, Trầm Tử Thiêng là người viết ca khúc phong phú nhất trong đám nghệ sĩ lưu vong. Trong khi những vị nhạc sĩ lớn khác dường như không còn đủ óc sáng tạo như xưa, thì nhạc phẩm của anh có đầy đủ các xu hướng **Tình Yêu, Quê Hương, Thân Phận Con Người**... Tiếc rằng anh không bước qua được thế kỷ 21. Bệnh ung thư đem anh đi vào năm 1999.

Các nhà văn, nhà thơ như Duyên Anh, Hà Thúc Sinh, bây giờ cũng ôm cả bút lẫn đàn trong tay để đi vào làng nhạc lưu vong.

Ngoài những sách viết rất ác nghiệt về cuộc đời rất cay chua mà anh vừa trải qua tại Việt Nam, Duyên Anh tung ra một đĩa compact disc nhan đề **Ru Đồi Phù Ảo** gồm 10 bài hát, có bài do anh soạn cả nhạc lẫn lời, có bài là thơ của anh do tôi hay Trần Quang Hải phổ nhạc.

Dường như sau những năm tháng khốc liệt ở trong nước, bây giờ như chim vừa được tháo cũi sổ lồng, Duyên Anh còn muốn nói thêm nỗi lòng của mình qua âm nhạc. Nhưng những ca khúc trong selection **Ru Đời Phù Áo** chỉ có thể được soạn ra để nhà văn tự ru mình sau những cơn *phiền muộn, mê hoặc, phù áo* và để tự vấn : *chỉ còn vậy thôi sao ?*

Có thể Duyên Anh có khá nhiều ẩn ức và không chịu nhìn thấy rõ ràng cuộc đời lưu vong đã khác xưa rồi cho nên anh dùng lại ngòi bút Thương Sinh để tấn công một số người. Đang sống yên ổn và thành công ở Paris vì văn phẩm được dịch ra Pháp ngữ và được xuất bản, anh qua Hoa Kỳ và -- cho tới nay vẫn không biết ai là người chủ mưu -- bị hành hung tới độ mang tật nguyên rồi tạ thế tại Pháp, sau khi con gái và người rể bị chết trong một tai nạn máy bay.

Nhưng theo tôi, trong số những người còn soạn ca khúc Việt Nam vào lúc này (1980), ở Mỹ hay ở Âu Châu, Úc Châu... thì Hà Thúc Sinh -- tuy không sáng tác nhiều bằng Trầm Tử Thiêng -- có thể được coi là người nhạc sĩ có những bài hát hay nhất, trí thức nhất.

Hà Thúc Sinh vượt biển qua Mỹ vào năm 1980 với hành lý văn nghệ rất cồng kềnh là cuốn **Đại Học Máu** và một số bài hát nằm trong một chủ đề chung là : **Tường Trình Với Tự Do** (còn có thêm cái tên là **tủi nhục ca** nữa).

Về cuốn sách, những chuyện tù đầy của anh có khả năng đổ thêm máu, mồ hôi và nước mắt vào lòng người sau những sách **Cùm Đò** của Phạm Quốc Bảo và **Đáy Địa Ngục** của Tạ Tỵ.

Những bài **tủi nhục ca** của Hà Thúc Sinh thì nói về **Đêm Việt Nam**, bây giờ là :

*Đêm đầu tổ và thủ tiêu  
Đêm săn bắt cho đầy chỉ tiêu  
Đêm cáo chung tự do nhân quyền...*

*.....  
Đêm nhức nhối phang bằng chày vỡ  
Vang tiếng thét sau cùng tự do  
Đêm có tiếng súng sau trại giam  
Người tù binh chết bên bờ rừng...*

Cảm động nhất là một bài hát của Hà Thúc Sinh, nói tới thân phận của người thiếu nữ mà trước đây, Trịnh Công Sơn gọi là *người con gái Việt Nam da vàng, đi trong đêm, đêm vang âm tiếng súng...* Bây giờ Hà Thúc Sinh gọi người con gái đó là *người thiếu nữ Việt Nam cùng đường...*

*Từ khi em dậy thì, bố em vẫn ngồi tù  
Mẹ buồn không dám khóc hóa ngu ngơ...*

*.....  
Vượt biên đi đường rừng  
Thái Lan xa nghìn trùng  
Đạn giặc không thương sót tấm lưng ong...*

*.....  
Một ngày nghe kể rằng :  
Mã Lai đi đường thuyền  
Trầm mình một cô gái tiếc hương trinh...  
(Có nghĩa là cô tự vẫn sau khi bị hải tặc hiếp)*

Chưa hết ! Trong bài **Thời Hoàng Hôn Của Ý Niệm**, Hà Thúc Sinh còn cho ta thấy hình ảnh một...

*...cô gái trần trướng ngồi trước sân phơi ghê  
Trước mặt mọi người cô vẫn thấy như không !  
Âu Cơ Mẹ hỡi, sao nên nổi đau thương  
Cô gái Việt Nam mà sao lại hết thẹn thùng !*

Tôi thấy rất cần thiết phải viết ra đây sự biến hình của người thiếu nữ Việt Nam trong Tân Nhạc, chỉ trong một khoảnh thời gian ngắn ngủi là vài năm trước 1975 và sau 1975. Xin bạn đọc đừng quên hình ảnh người nữ trong nhạc Hà Thúc Sinh vừa rồi và cùng tôi theo rồi nhạc Lê Uyên Phương ở Mỹ sau đây...

Đôi uyên ương Lê Uyên Phương tới Hoa Kỳ vào cuối năm 1979, làm sống lại không khí âm nhạc cuồng say của những năm tháng Saigon cũ qua những ca khúc mặn nồng trong các nhạc tập **Yêu Nhau Khi Còn Thơ, Khi Loài Thú Xa Nhau, Uyên Ương Trong Lòng, Bầu Trời Vẫn Còn Xanh...**

Rồi đôi chim uyên này còn ghi lại cuộc đời chung và cuộc đời riêng qua những tuyển tập tuần tự ra đời trong khoảng 79-90, như **Biển, Kề Phán Xét Cuối Cùng, Trại Tỵ Nạn Và Các Thành Phố Lớn, Trái Tim Kề Lạ, Lục Diệp Tố...** trước khi Thành Ung Thư tới, đem người nhạc sĩ tài hoa ra đi chỉ trước sự qua đời của nhà tôi khoảng vài ba tháng.

Trong **HỒI KÝ** này, tôi không có đủ chỗ để ca tụng tất cả những bài hát lưu vong của Lộc -- tên thật của nhạc sĩ -- nhưng trong lịch sử Tân Nhạc Việt Nam, tôi chưa bao giờ thấy có những bài hát mang tinh thần "ố nữ" (misogyne) rất cảm động, rất cay đắng, rất chua xót như trong nhạc tập **Trái Tim Kề Lạ** của Lê (không có Uyên Phương). Và bây giờ, tôi muốn chia sẻ với bạn đọc...

Chúng ta đã biết cô gái Việt Nam trong Tân Nhạc thời mới thành lập tươi đẹp như thế nào ? Đẹp như mùa Xuân qua một bài thơ của Nguyễn Bính, **Gái Xuân** do Tu Mi phổ nhạc.

Những cô gái khác như **Cô Hái Mơ, Cô Láng Giềng, Cô Lái Đò, Cô Tú...** trong những ca khúc cũ, bạn nhớ không, cô nào cũng đẹp tuyệt vời. Đẹp nhất phải là cô gái trong bản **Cung Đàn Xưa** của Văn Cao, *đi tới đâu hoa nở tới đó, mắt huyền như lưu giữ mùa Xuân và thân hình Cô thì thơm ngát...*

*Chiều năm xưa  
Gót hài khai hoa  
Mắt huyền lưu Xuân  
Dáng hồng thơm hương...*

Rồi thì có sự biến hình của người con gái trong Tân Nhạc... Vào năm 1970, khi cuộc nội chiến ở Việt Nam tới hồi cao độ, chúng ta động lòng xót thương cho *cô gái Việt Nam da vàng, chưa hát ca dao một lần, chỉ có con tim căm hờn...* của Trịnh Công Sơn.

Tới khi Hà Thúc Sinh xuất hiện vào năm 1982 đem theo tờ tường trình với thế giới tự do trong đó có hình ảnh *cô gái trần trướng ngồi trước sân phơi ghê, cô gái Việt Nam mà sao lại hết thẹn thùng...* dưới chế độ mới, thì ta phải hoảng sợ !

Rồi bây giờ thì ta phải rùng mình khi thấy người của phái đẹp ở Hoa Kỳ trong năm 1988 này được gọi là *rác rưởi ngoài đường, lượm dưới chân ai...* trong bài **Vô Tâm** hay **Là Giọt Máu Bầm Trong Trái Tim Tôi** của Lê Uyên Phương :

*Em vô tâm như bầu trời  
Bầu trời, có đám mây bay  
Có đám mây bay, đám mây bay qua...  
Em vô tâm như cỏ cây  
Cỏ cây mọc ngoài đồng  
Cỏ cây mọc ngoài đồng  
Cỏ trên đồng...  
Em vô tâm như đồng tiền  
Đồng tiền xấp giữa đôi bên  
Xấp giữa đôi bên, xấp giữa đôi bên...  
Em vô tâm như rác rưởi  
Rác rưởi ngoài đường  
Rác rưởi ngoài đường, lượm dưới chân ai !*

.....  
*Đôi khi, đôi khi em đã hiện hình  
Như con thú hoang trước người thợ săn !  
Đôi khi, em đã hiện hình  
Em đã hiện hình  
Hình thiên thần trước người mơ mộng !  
Đôi khi, em đã hiện hình  
Là tờ giấy bạc nhàu nát  
Trong mắt nhìn tham lam...  
Đôi khi, đôi khi em đã hiện hình  
Em đã hiện hình  
Là giọt máu bầm  
Trong trái tim tôi...*

Cuộc đời Việt Nam quả là nhiều bất hạnh ! Người con gái Việt Nam, một thời, cùng chúng ta nhìn đàn bò chạy qua thành phố, bây giờ ra nước ngoài...

*Nàng đã bỏ quên  
Mối tình của Nàng  
Trên chuyến xe bus  
Chạy qua thành phố...*

.....  
*Nàng đã bỏ quên  
Mối tình của Nàng  
Trên tấm ghế da...*

.....  
*Người, người qua  
Người, người lại  
Giòng đời quá khứ đã trôi xa...*

Bài hát này còn thêm đoạn nói :

*Một tên ăn mày nghiện rượu...  
...đã nhặt được chiếc xách tay của Nàng  
trên chuyến xe bus đó...  
Hắn tìm thấy trong đó,  
tình yêu của nàng,  
danh vọng của nàng,*

sắc đẹp của nàng,  
tuổi trẻ của nàng...

...Nhưng không biết làm gì  
với những thứ kỳ quặc đó...  
Hắn cần một chai rượu mạnh,  
và đã đổi tất cả những thứ lượm được  
trên chuyến xe bus  
để lấy một chai rượu  
trong một tiệm "ly cơ" bên kia đường...

Trước khi có bài hát kể trên của Lê Uyên Phương, vào năm 1984, nhạc sĩ Song Ngọc (3) cũng đã soạn ra một bài nhan đề **Đàn Bà**. Bài rất được phổ biến, có thể vì ai cũng đồng ý nó là sự thật chăng? Bây giờ ở hải ngoại, đàn bà là mối lo sợ của đàn ông! Bài hát không "ố nữ" nhưng cũng không "ái nữ" lắm đâu, nó là tình đời (c'est la vie) như tác giả than ở cuối bài:

Ôi đàn bà là những niềm đau  
Hay đàn bà là ngọc ngà trăng sao?  
Ôi đàn bà lại là con dao làm tim nhỏ máu...  
Ôi đàn bà dịu ngọt đêm qua  
Ôi đàn bà lạnh lùng hôm nay  
Ôi đàn bà là vần thơ say, khúc nhạc chua cay!  
Em đã đến như huyền thoại,  
Em đã đi không một lời  
Ôi thế nhân, ôi tình đời...

Vốn là người xưa rày có những tác phẩm rất đẹp về phụ nữ, tôi cứ tưởng rằng mình đã nói quá đủ về thân phận của người con gái Việt Nam và quê hương trong loạt **Nữ Ca** khi xưa, và nhất là qua những bài hát **Lời Người Thiếu Phụ, Giải Thoát Cho Em, Xin Em Giữ Dùm Anh v.v...** in trong cuốn sách nhạc **THẨM THOÁT MƯỜI NĂM**.

Khi được nghe các bạn bè hát lên sự biến hình của người nữ như đã kể thì tôi thấy rằng những *tuổi mộng mơ, tuổi ngọc, tuổi hồng, tuổi thần tiên, tuổi biết buồn...* của tôi đã bị cuộc đời dần dần nghiền nát hết rồi. Những người em gái, với đôi mắt chói *nắng quê Cha và trắng quê Mẹ...* với những đôi *tay ngà nõn ngọc năm nhánh và chân dài vượt vạn nẻo đời...* vừa mới vượt biển qua Mỹ, thì nay đã qua đời và trở thành nữ thần hay bóng ma (4) cả rồi.

Đó là chưa kể ngoài đời, trong thực tế một số phụ nữ đã không còn đáng yêu như xưa nữa. Cuộc sống Hoa Kỳ đã tạo nên những người đàn bà viết văn, viết báo, làm Đài Phát Thanh mà thái độ chính trị mị dân, thiếu đoan trang, thiếu bao dung, rất hẹp lượng của họ không đề cao được một chính nghĩa nào cả, chỉ làm cho không khí cộng đồng mỗi ngày mỗi thêm ô nhiễm.

Và tôi đã tưởng rằng từ nay trở đi người cô gái Việt Nam sẽ hoàn toàn vắng bóng trong Tân Nhạc.

Thế nhưng cách đây không lâu (1999), trong làng Tân Nhạc hải ngoại đột nhiên xuất hiện hình ảnh **cô gái Việt Nam muôn đời** qua một đĩa CD nhan đề **Người Con Gái Trong Tranh**. Một nữ nhạc sĩ (tài tử) ở Houston-Texas, tên Ngọc, con gái của diễn viên nổi tiếng Hoàng Vĩnh Lộc, một cách rất âm thầm, lặng lẽ cho cô gái Việt Nam yêu kiều của chúng ta tái sinh :

*Từ trong đó em trở hoa  
Toả hương ngát ngậy thời gian  
Em đẹp như cỏ trên đồng hoang  
Như loài hoa một đêm vội tan.*

*.....  
Em lạ như đám mây bên trời màu diệu kỳ  
Em là tiếng nói quanh đây gặp lại  
Là tranh vẽ ? Hay là em ?  
Đứng bên đời lặng lẽ, ân cần  
Âu yếm hôn ta bằng nụ cười  
Đứng bên đời lặng lẽ, yêu kiều  
Ru hồn ta đắm đuối...*

Vắng mặt một thời gian, nhạc về người con gái bỗng nhiên lại rất thịnh hành. Những ca khúc rất dễ thương ra đời và được hát cả trong lẫn ngoài nước... Nhưng nếu trong bài ca **Sao Em Vội Lấy Chồng** (đùa tí nhé, Trần Tiến và các bạn trẻ khác) em mới "bé siú" mà đã về nhà chồng thì tục tảo hôn ở nước ta vẫn còn.

Một bài hát khác (của Quốc Hùng) mà rất nhiều người hát, cả người trẻ lẫn người già, nhờ hăng sản xuất đĩa hát và nhờ đài phát thanh quảng cáo dữ dội, có những câu : *Con gái bây giờ thích làm thợ, con gái bây giờ thích nằm yên... Con gái bây giờ nói không là có, nói có là không...* Kể ra cũng vui vui, nhưng quá dung tục !

Cuối cùng, có bài hát về con chim đa đa, trách móc tại sao *cô gái đi lấy chồng xa mà không chịu lấy chồng gần*, thì ta có cảm tưởng bài ca này trách em không lấy chồng ở trong nước mà lại đi lấy Việt Kiều ?

- 
- (1) Hai ông Nam Lộc và Nguyễn Đình Toàn này than vãn "mắt Saigon", chứ tôi đâu có khai là mắt cái gì đâu ? Mà báo của Nhà Nước ở Việt Nam cho đăng bài **Ai Làm Mắt Saigon Của PD ?** Chán quá !  
(2) Không cứ gì hình ảnh cô gái, trong Tân Nhạc, tất cả những gì gọi là Việt Nam cũng đều vắng bóng (hay khuất bóng?).  
(3) Song Ngọc còn phổ nhạc rất nhiều thơ tiền chiến.  
(4) Xin nói ngay : nữ thần và bóng ma của riêng tôi thôi đấy nhé !

*Người tình già trong lễ loi  
Có nhớ thương.... ai ?*  
**NGƯỜI TÌNH GIÀ TRÊN ĐẦU NON**

## **Chương Hai Mười**

Bước vào năm 1988 này, có hai sự kiện làm cho tôi phải có những thay đổi mạnh mẽ trong cảm xúc và sáng tác.

Trước hết, tôi luôn luôn cho rằng **chiến tranh lạnh** xảy ra giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản là đầu dây mối rợ của cuộc chia đôi nước Việt Nam và là mầm mống của chiến tranh hay hoà bình giữa hai miền đất nước. Cho tới năm 1988 này, khối Cộng Sản đã tỏ ra thua cuộc trong cuộc chiến tranh lạnh đó rồi ! Sự thất bại về nông nghiệp và gia cư cùng với cuộc chiến tranh A Phú Hãn đã khiến cho Nga Xô kiệt quệ và làm cho ông trùm đồ Gorbachef thấy rằng bây giờ mà không chấm dứt cuộc thi đua vũ khí với Hoa Kỳ... không cải tổ và cởi mở (**glasnost**) thì chết ! **Chiến tranh lạnh** đã tới lúc phải cáo chung.

Hãy ôn lại lịch sử của cuộc **chiến tranh lạnh** dài gần 50 năm này và nhìn vào sự chi phối của nó đối với Việt Nam :

**Thế Quốc Cộng** đã có từ 1943 và ngay khi cuộc Thế Chiến Hai chưa tới hồi kết thúc, trong hai hội nghị Yalta và Postdam (1945) để chia vùng ảnh hưởng, các cường quốc -- đúng hơn là hai phe Tư Bản và Cộng Sản -- đã đồng ý với nhau, chia hai nước Cao Ly và Việt Nam ra làm đôi -- và sau đó là sự chia bốn của thủ đô Berlin, Đức Quốc.

Chia vùng ra để cai trị thế giới, nhưng đế quốc đồ không lúc nào bỏ ý đồ bành chướng, còn đế quốc xanh thì phải luôn luôn đề phòng, chống giữ cho nên cả hai đều duy trì và phát triển bộ máy chiến tranh. Nhưng cả hai đều không muốn có chiến tranh, vì nếu Thế Chiến Ba xảy ra thì vũ khí nguyên tử mà hai bên đem ra sử dụng, sẽ tiêu diệt loài người.

Rồi vì đã không muốn có **chiến tranh nóng** thì phải làm cuộc **chiến tranh lạnh**. Chiến tranh này cũng chia ra nhiều thời kỳ **lạnh** và **nóng** :

-- Từ 1945 cho tới 1954, nó còn là **chiến tranh nóng** với việc trở lại thuộc địa ở Đông Dương cũ của Thực Dân Pháp, cụ thể là cuộc chiến tranh mà sử gia thường gọi là **The First Vietnam War**.

-- Từ 1954 tới 1960, sau khi Hội Nghị Geneva bắt cuộc chiến tranh Việt-Pháp phải chấm dứt, hai phe Nga-Mỹ lại trở về cuộc **chiến tranh lạnh**, nước Việt Nam -- lúc đó đã bị chia hai -- được khá yên ổn trong một thời gian 4, 5 năm...

-- Từ 1961 tới 1968, sau khi Mỹ ngăn không cho Nga đem hoả tiễn vào Cuba thì **chiến tranh nóng** hẳn lên, Việt Nam lại là nơi thử thách. Mỹ **leo thang chiến tranh**, đổ bộ vào Đà Nẵng cho tới sau Tết Mậu Thân, 1968, mới chuẩn bị **xuống thang dần dần**. Mỹ vào Việt Nam làm gì, nếu không phải là để bao vây Trung Cộng ? **The Second Vietnam War** do đó phải có.

-- Từ 1969 trở đi là cuộc **xuống thang chiến tranh** của Mỹ, sau khi khối Cộng đã bị chia đôi vì Trung Cộng và Nga Xô đánh nhau ở biên giới (1970) cho tới ngày Nga Xô (1990) suy sụp vì kinh tế sau suốt 4 thời kỳ thi đua vũ khí với Mỹ mà phải hoàn toàn thay đổi chế độ.

Mặt khác, sau khi Kissinger dàn xếp được cuộc gặp gỡ Mao-Nixon, Mỹ rút ra khỏi Việt Nam. Có thể nói rằng Mỹ đã thua trận ở Việt Nam nhưng vào lúc này, khối Cộng Sản đã yếu đi vì có sự chia rẽ trầm trọng giữa hai nước Nga Xô và Trung Cộng. Cuối cùng khi các chế độ ở Nga Xô và Đông Âu tan rã thì cuộc chiến tranh lạnh sẽ kết thúc với phần thắng về phe Tư Bản.

Nhưng ở Việt Nam, sau khi Mỹ rút hết quân, vào năm 1975, phần thua lại về phe quốc gia. Rồi 15 năm sau, khi chiến tranh lạnh trên thế giới hoàn toàn kết thúc thì **chiến tranh lạnh** (hay **nội chiến lạnh** ?) sẽ vẫn cứ còn ở Việt Nam khi con số hai triệu người Việt tản cư ra nước ngoài, trở thành đối trọng với một Việt Nam (dù sao cũng là) chính quốc...

Việc thứ hai làm tôi thay đổi tâm lý là vì cuộc di cư (**exodus**) của người Việt Nam đã tới một giai đoạn mới. Hãy nhìn vào tiến trình từ đầu của cuộc di cư này cho tới nay :

-- Từ 1975 cho tới 1979, trong đợt đầu của cuộc di tản, 120.000 người Việt đợt khởi ra đi, đa số là thị dân và trí thức được Âu hóa không ít thì nhiều. Họ là những người tốt số nhất trong toàn thể nạn nhân của cuộc chiến tranh nóng và lạnh do hai đế quốc đem vào thực

nghiệm ở Việt Nam. Không ai trong họ hiểu biết kỹ càng về một chế độ làm cho họ phải di cư, nhưng ai cũng sợ Cộng Sản và đều thấy mình là những người may mắn được đem đi **tị nạn**. Trong những năm đầu, họ còn rất lưu luyến với Việt Nam nhưng khi đã an cư lạc nghiệp, con cái thành tài và thành nhân, tuổi họ cao dần... thì họ ít băn khoăn, ít ưu tư về những gì xảy ra nơi cố quốc. Khi Việt Nam bị thảm bại về kinh tế mà phải đi vào thị trường tự do với chính sách cởi mở thì họ là thành phần về thăm quê cũ trước tiên và nhiều nhất.

-- Từ 1979 tới 1985, là cuộc ra đi của những **thuyền nhân**. Cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Trung Cộng đã khiến cho chính quyền Hà Nội muốn trục xuất những người Việt gốc Hoa ra khỏi Việt Nam. Nhà Nước bèn khuyến khích hay cưỡng chế họ ra đi sau khi đóng tiền cho cán bộ. Đợt người tị nạn bằng thuyền này nên được gọi là **thuyền nhân có tổ chức**. Còn có thêm con số khổng lồ của những **thuyền nhân bột phát** là những người, từ 1975, đã tìm đủ mọi cách để ra khỏi Việt Nam, lợi dụng cuộc ra đi của người Việt gốc Hoa để vượt biên, tị nạn. Đó là những người đã sống 4, 5 năm dưới chế độ Cộng Sản, với thành phần xã hội khá phức tạp, không thuần nhất như đợt di tản đầu tiên.

-- Từ 1985 tới 1992, là chương trình ODP với diện con lai và đoàn tụ gia đình.

-- Từ 1992 trở đi là sự xuất cảnh của những người đi theo diện HO. Đây là thành phần mang trong lòng sự căm thù Cộng Sản dữ dội nhất vì đa số đã bị giam giữ quá lâu trong các trại cải tạo.

Là người nghệ sĩ mà cha mẹ sinh ra rồi ban phát ngay cho một cảm tính là rất nhạy cảm... trong quá trình sáng tác, do trực giác nhanh nhẹn, tôi dễ dàng bị rung động bởi bất cứ một biến cố to nhỏ nào và đem ngay trực giác đó vào cảm giác. Tôi phát triển tâm ảnh đó bằng cách soạn ra, trước hết là những đoạn khúc rồi tới những chương khúc với nhiều bài, thường là 10 bài -- theo tôi, con số 10 là toàn vẹn nhất -- như **Mười Bài Tâm Ca, Mười Bài Tục Ca, Mười Bài Đạo Ca, Mười Bài Bé Ca, Mười Bài Nữ Ca** v.v...

Sau khi phát triển xong một đề tài nào rồi thì nó được giải phóng ra khỏi tâm trí tôi ngay. Đó là cái chìa khoá để tôi mở ra những chu kỳ sáng tác. Nó cắt nghĩa vì sao tôi luôn luôn thay đổi cảm hứng và đề tài, tôi hay phản bác lại chính tôi (theo nhận định của nhà phê bình Đặng Tiến). Cũng vì vậy, ít khi tôi mang nhiều lưu luyến với những tác phẩm cũ rích, đôi khi có người tốt bụng nhắc lại những bài hát xa xưa với lời khen tặng thì miệng tôi nùng nòn cảm ơn nhưng lòng tôi lại rất dửng dưng. Từ lâu rồi, tôi là người nuôi tính dễ quên : cái gì đã qua, cho đi qua luôn !

Bây giờ nói tới chuyện thay đổi trong tôi.

Cuộc đời đã đẩy đưa tôi tới sống tại Thị Trấn Giữa Đàng đúng 12 năm rồi. Vào năm 1988 này, sau hai năm ngồi thanh toán 10 năm sáng tác để in ra nhạc tập **Thăm Thoát Mười Năm** và ngồi thu xếp lại cái gọi là sự nghiệp -- cho tới nay sắp sỉ là -- 500 hay 700 ca khúc để in ra tập **Ngàn Lời Ca**... tôi nhìn ra cuộc đời đã có nhiều thay đổi, tôi nhìn vào bản thân mình, nhờ có sự tổng kết cái gọi là sự nghiệp. tôi thấy rằng nếu tôi đã có loại :

a) **nhạc hứng khởi** của thời kháng chiến hứng khởi và oai hùng,

Nếu có thêm :

b) **nhạc xưng tụng quê hương dân tộc ngọt ngào và hàn gắn** của thời Việt Nam bị phân chia hai miền...

Thì tôi cũng có những :

c) **bài ca ai oán, uất hận** hay những **bài hát ảo ảnh quê hương** trong hơn 10 năm sống đời **di cư mê sương, lưu vong tủi nhục**. Trước những biến chuyển của lịch sử, nếu tôi còn muốn tiếp tục làm người hát rong thì từ nay trở đi tôi phải làm cái gì khác.



Lúc này, nhìn vào thế giới, đối với tôi, cuộc chiến tranh lạnh đã sắp tàn, tôi biết trước rằng Nga Sô sẽ phải thay đổi, tôi đoán già đoán non là Việt Nam cũng sẽ phải đổi thay.

Còn nhìn vào người Việt hải ngoại, tôi thấy nhạc Việt Nam, dù là loại nhạc đứng đắn với đề tài **quê hương vang bóng một thời** hay **quê hương một thời đau khổ**... chỉ còn làm cho một số ít người rung động. Trong đa số người bỏ nước ra đi, sau 10 năm bị cắt đứt với quê cũ hay sống rời rạc nơi quê mới, mối dây liên lạc giữa người ra đi và đất nước, giữa đồng hương với nhau không còn chặt chẽ như xưa nữa.

Nhạc quê hương dân tộc soạn ra bây giờ giống như chuyện khôi hài của một anh hề. Đã nhiều lúc tôi chua xót trong lòng khi tiếp bạn bè hay khách lạ, trong câu chuyện tâm phơ hay thân tình ở hải ngoại, có ai đó thốt ra bốn chữ **tình nghĩa lưu vong**, thì đối với tôi, dù thấy nó là vô nghĩa đấy nhưng nó lại thật nhiều ý nghĩa !

Như đã nói ở một chương trước, nghề phát hành băng nhạc hiện giờ nằm trong tay những ông hay bà chủ nhân chỉ chú trọng đến thương mại hơn là văn hóa, văn nghệ. Nhạc được phổ biến mạnh mẽ ở hải ngoại đã mất dần tính chất quốc gia, dân tộc để chỉ còn là nhạc lai căng, nhạc kích động. Âm nhạc không đánh vào con tim hay khối óc nữa mà chỉ đánh vào bản năng, vào thú tính của con người.

Tôi còn thấy rõ ràng là thế hệ thứ hai (second generation) -- đặc biệt là ở Hoa Kỳ -- tức là lớp tuổi hai mươi, coi nhạc Việt là một sản phẩm văn hoá rất xa lạ. Chúng không như các bậc cha mẹ để có ít nhiều kỷ niệm êm đềm hay xót xa về nước Việt Nam cả. Và ngay cả cha mẹ chúng cũng còn muốn quên dĩ vãng nữa là...

Tôi đã nói : trước những biến chuyển của lịch sử, nếu tôi còn muốn tiếp tục làm người hát rong thì từ nay trở đi tôi phải làm cái gì khác. Làm cái gì bây giờ ? ? ?

Thế rồi trong vài chuyến đi chơi ở Cựu Kim Sơn vào đầu năm 1988, tôi bỗng nhìn thấy chỉ còn 12 năm nữa là tới thế kỷ thứ 21. Tôi bèn nghĩ ngay tới việc soạn ra những bài **hát cho năm 2000**. Chọn đề tài này, tôi không còn chạy theo cái **nhất thời** mà đi tìm cái **vĩnh cửu**. Dù rằng trước đây những xu hướng trở về nội tâm cũng đã lộ ra trong những bài hát soạn cho ngoại vật. Từ nay trở đi, đối với tôi, có lẽ tôi phải bỏ quên các loại **nhạc tình cảm** và **nhạc xã hội** để đi tới **nhạc tâm linh**.

Tôi lại làm công việc soạn đủ 10 bài cho một thứ **chương khúc** nữa, bây giờ được gọi là **Mười Bài Rong Ca** với đầu đề **Người Tình Già Trên Đâu Non** hay là **Hát Cho Năm 2000**.

Khi tung ra **Mười Bài Rong Ca**, vì muốn nó mang tính chất "nhạc không gian" cho nên tôi và con tôi là Duy Cường thử đi theo trường phái nhạc **new age**, sử dụng nhạc **electro-acoustic** để diễn tả nhạc vũ trụ (cosmic).

**New Age Music** là gì ? Trước hết, tôi thấy nó rất phù hợp với nhạc ngũ cung, nghĩa là rất phù hợp với lối soạn nhạc của tôi. Còn theo tự điển thì nhạc **new age** xuất hiện vào khoảng đầu thập niên 80, dùng nhạc cổ Á Đông với nhiều "tùy hứng" (improvisations) trong giai điệu, nhưng không chú ý tới tiết điệu. Giai điệu phần nhiều là êm ả, chậm và buồn... với hoà âm dễ nghe, thỉnh thoảng dùng luôn cả những tiếng

động thật như tiếng sóng vỗ, tiếng chim hải âu v.v... Trong việc phối khí, người ta hay dùng đàn *synthesiser* với nhiều tiếng vang. Câu nhạc thường được lặp lại (répétition), tạo cho người nghe một cảm xúc u buồn tê tái, rồi dần dần biến mất. Những người tiên phong trong nhạc *new age* là : Deuter, Kitaro, Harold Budd... Đây là loại nhạc "suy tư" (méditatif), có vẻ như "lạc trong không gian" (perdu dans l'espace), nghe gần giống như loại nhạc "huyền ảo" (psychedelique) của thời 60. Nghiên cứu một cách kỹ càng hơn, ta thấy nhạc **new age** đứng giữa nhạc cổ điển và nhạc rock, giữa nhạc dân tộc và nhạc jazz, giữa nhạc Phương Đông và Phương Tây, giữa nhạc tự nhiên và nhạc điện tử.

Ở đầu chương, tôi đã nói tới sự thanh toán trong tôi, trong tư duy và trong sáng tác, khi nhìn vào thế sự và nhất là vào vấn đề Việt Nam, khi cuộc chiến tranh lạnh ở trên thế giới đã tàn.

Tôi bèn thử dùng chương trình nhạc soạn theo trường phái "thời mới" này để thanh toán tất cả những lỗi lầm của thế kỷ 20 sắp qua ngõ hầu thênh thang bước vào thế kỷ 21 đang tới.

**Mười Bài Rong Ca** là sự tái nhập thể hay tái hạ sơn của **Người Tình Già Trên Đầu Non**; là sự hứa hẹn gặp lại cố nhân trong tình khúc **Hẹn Em Năm 2000**; là việc nhật xác thời qua, với bài **Mộ Phần Thế Kỷ**, vùi sâu lấp kín nó đi để làm phân bón cho hoa cỏ tốt tươi mọc lên trong bách niên tới; là sự giải hoá các chuyện mù, câm, điếc (hay giả mù, giả câm, giả điếc) trong thế kỷ qua bằng **Ngụ Ngôn Mùa Xuân**; đặt vấn đề nuôi dạy các bà Mẹ Việt Nam tương lai cho thế kỷ mới trong **Mẹ Năm 2000**, dành chút nắng chiều của đời mình trong buổi hoàng hôn của thế kỷ cho cuộc tình sẽ hoá sinh trong tình khúc **Nắng Chiều Rực Rỡ**...

**Rong Ca** còn bao hàm các mối quan hệ giữa Người với Trời (Phật, Chúa), giữa Người với cõi Không (Lão), giữa Người với Người (Khổng) trong xã hội (Chính Trị), giữa Người với Thiên Nhiên, Vạn Vật (Trang) với những bài **Nghìn Thu** hay **Vô Hư**, **Ngựa Hồng** và **Trăng Già**. Cuối cùng tôi ôn lại đời mình rồi sẵn sàng giã từ trái đất để đi vào cõi lớn với bài **Rong Khúc**.

Phải kể ra đây phần đóng góp rất lớn của con tôi, Duy Cường, vào lúc này, đã thạo dùng máy vi tính để làm công việc hoà âm phối khí và để áp dụng vào sự chuyển hoá đầu tiên của tôi ở hải ngoại là **Mười Bài Rong Ca**. Sau đó là những công trình khác mang tính chất nhạc đa điệu (polyphonic) như **Tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ và Hồi Xứ**, **Mười Bài Thiên Ca Trường Ca Hàn Mặc Tử**, và nhất là những bức **Minh Hoạ Truyen Kiều**.

Tôi hân hạnh được Đài VOA giới thiệu ngay chương khúc **Mười Bài Rong Ca**, sau khi vừa soạn xong nhạc phẩm này. Bài do Bùi Bảo Trúc viết :

**Những Thông Điệp**  
**Gửi Cho Thế Kỷ Sắp Tới**  
(Đài VOA phát ngày 11-3-88)

Việc đem hình ảnh con tầm nhả tơ ví với cuộc đời nghệ sĩ đã trở thành quá nhàm và có lẽ không còn ai muốn dùng lối so sánh đó nữa. Nhưng ở trường hợp Phạm Duy, với những bài hát mới nhất của ông được viết ra sau sinh nhật thứ 65, ở cái tuổi ông có thể ung dung nhìn lại những việc làm trong đời, thành thời nhớ lại những đóng góp của ông cho đời, cho máu thịt hệ nòi Việt. cho quê hương đất nước. Phạm Duy vẫn lại ngồi xuống với cây

đàn để viết thêm 10 ca khúc mới, không phải về những năm tháng cũ, mà cho một thế hệ mới khác, cho một thế kỷ sắp bắt đầu, thì người ta không thể không nghĩ tới con tầm trong thơ Lý Thương 𠄎, trong Kiều của Nguyễn Du, *con tầm đến thác vẫn còn vương tơ* để nói về người nhạc sĩ với mái tóc bạc trắng mà trái tim vẫn còn đầy tuổi trẻ đó.

Phạm Duy, người tình nhân của nhiều thế hệ, đã viết về hình ảnh của một người tình già trên đỉnh non cao, ngó những đám mây buồn bã, những tảng tuyết lớn đã tan trên đôi vai, nhìn hoàng hôn thoi thóp, bỗng nghe tiếng gọi của người yêu dẫu vọng lên từ dưới thế gian. Người tình già bỏ đỉnh non cao, đi xuống gặp người yêu cũ để sống lại bốn mùa của cuộc đời và hẹn nhau cứ sau một thế kỷ lại cùng tái sinh. Nhưng thông điệp của bài HOÁ SINH là sự trở về cội nguồn của những chiếc lá chết lại không quan trọng bằng việc làm thế nào những nụ hoa vẫn nở trên những cành khô. Những người của thế kỷ 20 sắp chấm dứt là những lá khô sắp rơi rụng, và người tình của thế kỷ thứ 21 là những nụ hoa đang hé.

Bài rong ca đầu tiên đưa ra hình ảnh một người tình già đứng trên đỉnh núi hoàng hôn chợt nghe thấy tiếng EM từ dưới thế gian vọng lên với vợ. EM đây là một người tình có thật hay là một người tình tưởng tượng. Cũng có thể là M%o VIET NAM chăng ? Người tình lưỡng thũng xuống núi để gặp Nàng, cùng Nàng sống lại bốn mùa của một cuộc đời và bốn mùa của một cuộc tình. Rồi hẹn nhau sẽ cứ sau một trăm năm lại tái sinh.

**Người Tình Già Trên Đỉnh Non  
(Hoá Sinh)**

(Cụu Kim Sơn-Tháng Giêng 88)

*Người tình già trên đỉnh non  
Tuyết đã tan trên vai mỗi mòn  
Giữa đám mây xanh xao chập chờn  
Nhìn mặt trời thoi thóp hoàng hôn  
Người tình già trên đỉnh khơi  
Muốn lãng quên trăm năm một đời  
Nhưng dưới thế gian mộng mệnh với vợ  
Người chợt nghe tiếng em chờ đợi.*

**Điệp Khúc**

*" Người tình già trong lẽ loi  
Có nhớ thương.... ai ? "*

*Người tình già nghe lời kêu  
Lững thững đi trên con đường chiều  
Xuống lũng sâu, leo qua ngọn đèo  
Về một miền phơn phớt cỏ nâu  
Người tình còn nhớ tuổi son  
Cúi xuống hôn bông hoa thật gần  
Nghe suối vẫn reo trong hang rì rầm  
Người tưởng nghe tiếng em thì thầm...*

**Điệp Khúc**

*" Đợi người tình đã từ lâu  
Vẫn khát khao... nhau "*

*Người từng là nắng mùa Xuân  
Đã dắt em đi trên đường trần  
Đã vuốt ve em trong Hạ mềm  
Rồi lạnh lùng Thu đến... lia em  
Người trở thành cây mùa Đông  
Lá úa rơi vun cao cội nguồn  
Nhưng cuối bước đi trăm năm một lần  
Đầu cành khô bỗng hoa nở tràn*

**Điệp Khúc**

*Người tình vào cuộc tử sinh  
Sống chết lung... linh.*

*Thành người tình đang trẻ ngày  
Sẽ đũa lên mê sav tuna naòv*

*Cất bước Xuân đi qua Hạ dài,  
Người hẹn người leo thế kỷ chơi  
Một đời người trong tâm tay  
Sống với nhau hơn ba vạn ngày  
Xin cố gắng nuôi sao cho tình đầy  
Chẳng vì Thu với Đông, ngân ngại*

**Điệp Khúc**

*Và người tình ngoạn về non  
Hát khúc Xuân... sang.*

**CODA**

*Rồi hẹn rằng sẽ về thăm  
Lúc đã trăm... năm  
Và người tình sẽ từ khơi  
Xuống núi vui... chơi  
Rồi lại từng thế kỷ sau  
Cứ hoá sinh... theo.*

Bài ca thứ hai trong loạt 10 bài Rong Ca nói về thân phận nước Việt trong 100 năm qua, với nửa đầu thế kỷ đầy hy sinh, đấu tranh cho độc lập, tự do, nửa sau tưởng được sống yên vui nhưng những chia rẽ, oán thù đã đầy đọa người dân Việt ở cả hai miền, khiến hạnh phúc và tình yêu vẫn còn ở quá xa tay người. Bài hát có tựa là H%N EM NĂM 2000 với những câu kết : *Được gọi tên thế kỷ nào đây ? Trăm năm tình ái hay trăm năm ngậm ngùi ? ...* như một dấu hỏi lớn của thắc mắc liệu một trăm năm làm lỗi sắp qua có thể là bài học tốt cho trăm năm sắp tới của chúng ta hay không ?

**Hẹn Em Năm 2000**

(CaLi nắng ấm, 1988)

*Hẹn em nhé, năm 2000 sẽ  
Hai bên cửa hé, cho anh trở về  
Từ ngày đi, theo cuộc tình mê  
Trăm năm nhỏ bé, trăm năm bộn bề  
Hẹn em nhé  
Kể chuyện nghe, những thoáng chia ly  
Ngày xưa đó, chia tay vội vã  
Trăm năm rộn rã, say sưa một mùa  
Nào ngờ đâu, trong cuộc được thua  
Trăm năm vật vã, trăm năm hận thù  
Đời bằng giá  
Thì tình ta cũng thoáng như mơ  
Thời tìm tự do, nửa đời sương gió  
Nên mau tóc ngà, con tim sớm già  
Một nửa đời sau, tưởng là châu báu  
Nhưng xương máu nhiều, bao vấy sớm chiều  
Còn gì đâu cho một tình yêu  
Còn gì nhau cho một đời sau.  
Hẹn nhau sẽ nâng niu ngày tới  
Năm 2000 với trăm năm thật dài  
Được gọi tên : thế kỷ nào đây ?  
Trăm năm tình ái hay trăm ngậm ngùi ?  
Hỏi em nhé :  
" Cuộc tình ta mãi mãi đơn côi  
Hay cuộc tình đôi mãi mãi yên vui ? "*

Bài thứ ba cũng được viết bằng thể ballade kể về có nhan đề : M%N NĂM 2000. Mẹ Việt Nam của năm 2000 là những em gái sống trong cảnh khốn cùng trong nước, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu học hành, thiếu tình thương, thiếu tương lai là những em gái sống lạc loài trên khắp năm châu, thay tên đổi họ, quên tiếng nói quê hương. Bài hát hỏi chúng ta phải làm gì để cứu những người mẹ Việt Nam của những năm 2.000 sắp tới ? (\*)

**Mẹ Năm 2000**

(Cựu Kim Sơn-Tháng Hai, năm 88)

*Mẹ đâu còn là Mẹ Ta xưa đó  
Là Tiên của Rồng. Mẹ Chúa Âu Cơ*

Mẹ Tô hoá đá hay Mẹ Châu Long  
Cứu nước thù chồng, Mẹ, đấng anh hùng  
Mẹ không còn là Mẹ trong tranh vẽ  
Hiện thân Phật Bà, Mẹ Đức Maria  
Mẹ nuôi chiến sĩ hay Mẹ Phù Sa  
Cuối thế kỷ này, Mẹ mới lên ba  
Mẹ bây giờ là trẻ thơ, em gái  
Thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu học hành  
Đời thiếu an ninh, tình yêu cũng thiếu  
Mở mắt nhìn nhau, chẳng thấy mai sau

Mẹ bây giờ ở miền quê oan trái  
Trẻ thơ vào đời chỉ thấy đơn côi  
Tuổi xanh hung dữ nên tuổi mau phai  
Cuối thế kỷ này, Mẹ đã lên mười  
Mẹ bây giờ lạc loài trên thế giới  
Việt Nam là gì, giảng nghĩa cho coi  
Mẹ quên tiếng nói, tên họ đổi thay  
Cuối thế kỷ này, Mẹ sẽ hai mươi  
Mẹ đang trên bờ vực sâu tăm tối  
Bước đi có thể về phía suy đồi  
Nhìn kỹ đi coi : Một trăm năm tới  
Mẹ nước Việt Nam : Vượt mãi ? Hay lui ?

Trẻ thơ là Mẹ cuộc đời đang tới  
Việt Nam ngày nào rạng rỡ, yên vui  
Nhờ trong quá khứ, có Mẹ lên ngôi  
Thấm thiết tình người, gửi tới nhân loại  
Nào ai đang nhìn Mẹ Ta hấp hối  
Mẹ đau, Mẹ nghèo, Mẹ yếu, không vui  
Nhìn nhau bối rối, ta cùng hối lỗi  
Xúm xít lại rồi, giải cứu cho Người

#### **CODA**

Mẹ đang đi vào cuộc đời đang tới  
Mẹ đang đi vào thế kỷ ngày mai  
Sinh con anh hùng, người hiền nhân ái ?  
Hay sinh kẻ hèn, bạo chúa vô loài ?

(\*) Có thể khi soạn ra bài này (1988), tôi có cái nhìn bi đát như thế... nhưng vào lúc tôi đang hoàn tất HỒI KÝ này (1998), tình trạng người mẹ tương lai đã đổi khác rồi ? (PD)

Bài thứ tư có tựa là MỘ PHẦN THẾ KỶ, người viết muốn lên đường đi nhật những xác của thời qua để chôn đi cùng với những đớn đau của thế kỷ này, chôn đi các chủ nghĩa, các ác chúa đang được ướp xác trong những nhà mồ để trên ngôi mộ của thế kỷ, người ta sẽ nghe tiếng đàn trẻ nhỏ hát vui trên lưng trâu bên những nụ hoa thơm gát.

#### **Mộ Phần Thế Kỷ**

(Thị Trấn Giữa Đàng - 1988)  
Người đi trong mùa Đông  
Lòng băng khuâng như làn sương  
Theo người phu đi dọn xác chiến trường  
Người phu sau thời gian  
Một trăm năm đã gần xong  
Anh bình tâm đi lượm xác trên đường  
Những xác ứa một thời  
Có bóng dáng triệu người  
Phiêu diêu nơi Thế Chiến Một, Thế Chiến Hai  
Hết Thế Chiến, lại là  
Anh em trong một nhà  
Lấy chém giết để giải hoà trong quốc gia  
Người đi trong mùa Đông

*Đội khăn tang, mang tình thương  
Theo người phu đi đào lỗ bên tường  
Người phu trong chiều buông  
Lòng hân hoan, chôn mộ xong,  
Nghe mùa Xuân đang rộn rã tới gần*

**Điệp Khúc**

*Nghe bên nắm mồ  
Có tiếng đàn trẻ nhỏ  
Lung trâu bé ngồi  
Đang cùng nhau hát chơi  
Mai đây, nắm mồ  
Một nụ vàng sẽ hé  
-- Hoa ơi, tên gì ?  
Có phải hoa hướng dương ?*

*Vùi sâu trong mộ chung  
Hoặc vùi nông trong mộ hoang  
Anh hùng rom hay chủ nghĩa phi thường  
Vùi chôn bao lâm than  
Một trăm năm, bao trẻ em  
Mang bộ xương, theo Thần Đồi lên đường  
Những ác chúa từng miền  
Những xác ướp bạo quyền  
Chôn ngay đi, vứt chúng vào hố lạnh quên  
Vứt Phát Xít vào mồ  
Ném Mác Xít vào mộ  
Hãy lấp kỹ cả tội hèn trong chúng ta  
Người đi trong mùa Đông  
Đội khăn tang, mang tình thương  
Theo người phu đi vùi hết mộ phân  
Rời tan trong mộ sâu  
Một thầy ma mang buồn đau  
Thế kỷ sau, sẽ dùng bôn hoa màu*

**Điệp Khúc**

*Đi qua nắm mồ, sẽ thấy ngọn cỏ mềm  
Cho êm cõi đời, cho tình nhân ngã lên  
Khi trên nắm mồ còn nở rộ bông hoa mới  
-- Hoa ơi, tên gì ?  
-- Hoa Tình Yêu đó em !*

Bài NG  $\square$  NGÔN MÙA XUÂN là một bài hát vui, nhưng hình ảnh lại rất ngậm ngùi như thân phận của những người dân nhuộc tiếu. Bài ngụ ngôn kể chuyện hai người mù đánh nhau, hai người cầm cãi nhau, hai người điếc ngồi nghe những bản nhạc ngoại lai, hai người khỏe mạnh, mập mạp biết rằng đánh nhau thì chết nên cất vũ khí đi, xúi hai người gầy còm ốm yếu đánh nhau hộ mình... Tác giả hy vọng trong trăm năm sắp tới, người mù sẽ thấy được sự thực của nhân loại, của Việt Nam, người điếc được nghe tiếng nói của lương tâm và người câm hát lên được tiếng hát đưa con người vào những thế kỷ tới.

**Ngụ Ngôn Mùa Xuân**

(Tết Mậu Thìn-Tháng 2, 1988)

*Có hai thằng mù đánh nhau ngoài ngõ  
Cả hai thằng đều sút trán, sút tai  
Có hai thằng cầm cãi nhau giữa chợ  
Cả hai thằng đều rất lười, bông môi  
Có hai thằng mù đã câm, lại điếc  
Có hai thằng điếc ngồi nghe nhạc Tàu  
Nhạc Tây, nhạc Mỹ, nhạc Nga*

*Có hai thằng mập đánh nhau thì chết  
Cả hai thằng bèn cất vũ khí đi  
Có hai thằng kia gờm nhau quá độ  
Cả hai thằn bàn ký kết làm nơ*

*Bắt hai thằng gầy đánh nhau hộ nó  
Bắt hai thằng yếu cùng nhau giải hoà  
Bằng xương, bằng máu, thịt, da*

*Có khi mù này đánh lui mù đó  
Hả hê về nhà, mắt ốc ngược lên  
Có khi thằng câm thắng cơn cãi lộn  
Hả hê về nhà ú ớ, mừng rên  
Có khi thằng mù, gã câm, thằng điếc  
Gác chân, tựa đắc, ngồi trong chòi nghèo  
Buồn thiu, mà ngỡ lâu cao  
Có nghe gì chuyện nước tan, nhà nát  
Chẳng nghe được gì tiếng khóc, tiếng than  
Có đâu nhìn ra mầu khăn goá phụ  
Làm sao nhìn được mắt bé mồ côi  
Có đâu giọng ngọt, hiến dâng tình với  
Những hoa cô mới, mọc trong điều tàn  
Bị tai, bị mắt, (chúng) lạng câm*

*Bỗng đâu Người Tình ghé chơi một chuyến  
Vào khi tàn rồi, cái cũ bách niên  
Bỗng đâu nửa đêm ánh dương chói rạng  
Làm cho người mù mắt sáng bừng lên  
Bỗng đâu Người Tình ghé tai người điếc  
Nói chi chẳng biết, mà nghe dịu dàng  
Đời hai nghìn đã vừa sang,  
Đã trông được thời bách niên đổi mới  
Đã nghe được lời sáng suốt bên tai  
Đã không còn câm và im tiếng gọi  
Đã nói được lời với tới tương lai  
Đã ra được ngoài cõi tim tù tối  
Đã trông được những đường đi, nẻo về  
Đường đưa người tới nghìn thu.*

Phạm Duy vẫn thấy được hy vọng, được cái khía cạnh tươi đẹp của cuộc đời ngay cả ở buổi hoàng hôn. Ông cho chính cái nắng hoàng hôn là cái nắng đẹp nhất chứ không phải cái nắng của buổi trưa hay nắng của buổi bình minh. Bài **NẮNG CHIỀU RỰC RỠ** là tình khúc duy nhất trong loạt Rong Ca của ông. Ông mong *nuôi thật dài hoàng hôn ái ân*, vì *những vạt nắng chói chan vẫn còn là bao ước nguyện*, và khi *nắng còn nắng bao la*, thì *đêm xin đợi chờ...*

### **Nắng Chiều Rực Rỡ**

(Bãi Biển Hoàng Hôn San Francisco - Mùa Xuân 88)

*Chớ buồn gì, trong giây phút chia lìa  
Khi chiều về, lung lay trúc tre  
Chớ buồn gì, khi tan nắng, đêm về  
Cho thuận đường âm dương bước đi  
Từng vạt nắng chói chan  
Còn chảy loang trước hiên  
Từng vạt nắng ấm êm  
Còn là bao ước nguyện  
Ước nguyện thầm cho đôi lứa ân cần  
Nuôi thật dài hoàng hôn ái ân  
Ước nguyện rằng khi đêm chết chưa về  
Nắng chiều hồng tươi hơn nắng trưa.*

### **Điệp Khúc**

*Em có thấy không nắng chiều rực rỡ  
Em có thấy không nắng đẹp còn đó  
Nắng còn nắng lê thê  
Thì đêm ơi, vội gì ?  
Nắng còn nắng bao la  
Thì xin đêm đợi chờ !*

*Chớ lịm người, nghe anh sắp qua đời  
Anh chỉ còn bên em chút thôi  
Nếu phải lìa xa nơi thế gian này  
Còn một ngày, vui muôn nỗi vui  
Cuộc tình anh với em  
Chỉ còn giây phút thôi  
Thì tình, xin cứ coi  
Là nghìn tia nắng rọi  
Thế kỷ này đang trong nắng ban chiều  
Cho lòng người băng khuâng nhớ nhau  
Trước cửa vào trăm năm rất xa vời  
Trong chiều đời, yêu nhau rất lâu.*

**Điệp Khúc**

*Em có thấy không nắng chiều rực rỡ  
Em có thấy không nắng đẹp còn đó  
Nắng còn nắng lẻ tẻ  
Thì đêm ơi, vội gì  
Nắng còn nắng bao la  
Thì xin đêm đợi chờ !*

Ca khúc thứ bảy nhan đề BÀI HÁT NGHÌN THU là một bài hát với những lời ca tuyệt đẹp tạo một không khí siêu thoát như những trang kinh Dịch :

**Bài Hát Nghìn Thu**

**(Vô Hư)**

(Thị Trấn Giữa Đàng -1988)

*Nghìn Thu, anh là suối trên ngàn  
Thành sông anh đi xuống  
Anh tuôn tràn biển mơ  
Nghìn Thu, em là sóng xô bờ  
Vào sông em đi mãi  
Không bao giờ biển với  
Em là cõi trống  
Cho tình đọng vào  
Anh là nơi vắng  
Cho tình căng đầy  
Cuộc tình đi vào cõi Thiên Thu  
Em là cơn gió  
Anh là mây dài  
Đi về bên nớ  
Đi về bên này  
Rồi trở về cho hết cái đong đưa  
Nghìn Thu, em lặng lẽ ươm mầm  
Cành mai, không ai biết  
Em âm thầm nở hoa  
Nghìn Thu, trăng chợt sáng hay mờ  
Lặng im, anh lên xuống  
Không ai ngờ, hiển nhiên  
Tình ta biến hoá  
Trong từng sát na  
Tình luôn lai vãng  
Đi, về cõi chung  
Tình vô hư đó  
Nén gần với xa.  
Tình ra ánh sáng  
Tình về tối đen  
Nghìn Thu, anh là đã em rồi  
Và em, trong muôn kiếp  
Em đã ngồi ở anh  
Nghìn Thu, ta bù đắp không ngừng  
Tình âm dương chan chứa*



*Xoay trong vùng tử sinh.*

Bài rong ca số tám với cái tên TRĂNG GIÀ mang âm hưởng dân ca lấy ý từ câu ca dao *Trăng bao nhiêu tuổi trăng già - Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non...* Trăng trong bài hát này của Phạm Duy là người tình, là cuộc tình vĩnh cửu mãi mãi không có tuổi, là tình yêu muôn đời trong cái hữu hạn của cuộc sống nhân sinh, cho nên những lời tình tự của tác giả cũng ở lại mãi cuộc đời để ngợi ca người tình đó.

### **Trăng Già**

(Cựu Kim Sơn, tháng Hai, 1988)

*Trăng bao nhiêu tuổi á a, ới a trăng già  
Mà sao ta thấy ý a ới a ta già, ta già như trăng  
Ta già như trăng, ta già như em  
Hỡi em trăng già, em vẫn sáng êm  
Trăng ới, trăng ở à ơ trăng ở một mình  
Thì ta cũng sống ơ a, ới a một mình như trăng  
Một mình như trăng, cô quạnh như em  
Hỡi em trăng tình, em sáng lung linh.  
Đá bao nhiêu tuổi a a, ới a đá mòn  
Mà sao ta thấy ý a, ới a đá buồn, đá long lanh buồn  
Đá buồn như ta, đá buồn sâu xa  
Đá ới, tuy buồn, đá vẫn nguy nga.  
Đá, trăng bao tuổi ý ý, đá, trăng mới già  
Mà sao ta thấy ới a trăng tà, cũng như đá già  
Vẫn còn đương tợ, vẫn còn tro tro  
Giữa nơi ta bà hay đối với ta.*

*Trăng ới, im lặng à a ới a suốt đời,  
Mà sao ta cứ ý a ới a đứng ngồi, đứng ngồi không yên  
Suốt đời lăn quanh, suốt đời lang thang  
Hát ca êm đềm hay hát vang vang  
Trăng ới, sống cả a a sống cả muôn đời  
Còn ta sống chết y a ới a không ngoài  
Chẳng ngoài trăm năm  
Không ngoài trăm năm, nên phải lênh đênh  
Hát ca một mình thay tiếng đá, trăng  
Kiếp xưa cây ở ở ơ ới a dưới rừng  
Hoả Sơn đi xuống y a ới a đốt từng núi non cây rừng  
Cây còn tươi xanh hay già trăm năm  
Hoá sinh ra thành tảng đá im lìm  
Đá, trăng không tuổi ý ý đá, trăng ít lời  
Dù ta sống chết ới a cũng gọi tiếng ca cho đời  
Đá nằm nghe ta hát vọng trăng cao  
Hát trong kiếp này hay hát trong kiếp sau.*

Bản NGỰA HỒNG kể chuyện một con chiến mã từng in vó khắp vùng chiến địa nay phải cong lưng kéo một chiếc xe thổ mộ, một kiếp nô lệ khổ nhục. Đó là nước Việt mà ông mong một ngày sẽ chui lọt qua lỗ kim để bay vào cõi không mệnh mông vô hạn.

### **Ngựa Hồng**

(Thị Trấn Giữa Đàng - Xuân 1988)

*Ngựa Hồng xưa kia cùng bạc chinh nhân  
Bách chiến nơi sa trường đời  
Ngựa Hồng hôm nay cột vào yên cương  
Cong lưng kéo chiếc xe thôi  
Đường đời quanh co chật chội  
Bụi bờ quanh năm lầy lội  
Cỏ hèn đã úa từng cội  
Ngựa Hồng đi quanh thành cổ tan hoang  
Đi quanh miếu cũ rêu phong.  
Ngựa Hồng khiêng bao nặng nề trên lưng  
Vó bước phong sương ngập ngừng  
Naura Hồnga lona đona. trui bôm. se lona*

Cong lưng, vó bước mông lưng  
Từng ngọn roi đau tàn bạo  
Từng gò dây cương nghẹn ngào  
Một hàm thiếc khoá miệng vào  
Cuộc đời lao đao của kẻ vong thân  
Khiêng voi, cồng rắn trên lưng.

#### **Điệp Khúc**

Ngựa Hồng xưa kia oai phong tuấn mã  
Đi trong vinh quang sa trường dẫn thân  
Bờm ngựa tung bay trong cơn gió sớm  
Đuôi cong vung lên trong chiều khói lam  
Ngựa dù hôm nay đeo yên gấm vóc  
Hay đưa xe loan cũng là kiếp nô  
Kiệu vàng trên lưng, nhưng đôi mắt đã che ngang  
Bơ vơ trên đường nhấp nhô.

Ngựa Hồng xưa kia cùng bậc chinh nhân  
Bách chiến nơi sa trường đời  
Ngựa Hồng hôm nay cột vào yên cương  
Cong lưng kéo chiếc xe thôi  
Đường đời quanh co chật chội  
Bụi bờ quanh năm lầy lội  
Cỏ hèn đã úa từng cội  
Ngựa Hồng đi quanh thành cổ tan hoang  
Đi quanh miếu cũ rêu phong.  
Ngựa Hồng đi trong buổi chiều trăm năm  
Bỗng thấy xa xăm Ngựa Rừng  
Ngựa Thần không yên, Ngựa Hùng không cương  
Oai linh cất vó trong sương  
Động lòng thương cho đồng loại  
Ngựa Rừng phi qua ngọn đồi  
Nồng nàn hí tiếng mời gọi  
Ngựa Hồng ơi ! Tung xiềng để ra đi  
Thênh thang khắp cõi tang thương.

#### **Điệp Khúc**

Ngựa Hồng quay lưng đưa chân đá vỡ yên cương  
Thông dong lên đường thoát thân  
Cỏ nội xanh tươi thơm tho đón gió  
Sương rơi trên muôn hoa ngàn ngát hương  
Ngựa Hồng không ai che đôi mắt nữa  
Trông ra hai bên con đường rất xa  
Ngựa Hồng vươn lên phi qua lỗ bé tròn kim  
Thông dong đi vào cõi không !

Bài Rong Ca cuối cùng là RONG KHÚC nói về chuyến đi cuối về miền an tĩnh sau khi đã đưa người tình tới nguồn yêu dấu, dẫn dắt người đi vào chốn khổ đau để đi vào ngàn mai, ngàn xưa vang vọng tiếng gọi càn khôn.

#### **Rong Khúc**

(Trong hay ngoài không gian, không thời gian)

Từ cõi xa xôi, muôn ngàn thế giới  
Anh đã đi theo nắng từ trời vui  
Anh xuống nơi chơi lúc Người mới tới  
Anh đã hân hoan ghé qua cuộc đời  
Cuộc đời trần gian  
Chỉ có 100 năm  
Anh đã rong chơi khắp miền hoang dã  
Anh đã đi qua bốn bể gần xa,  
Êm ái rơi theo tuyết miền băng giá  
Hay cuốn bay theo gió sa mạc già  
Ở nơi dương thế... mặt mà.

#### **Điệp Khúc**

Anh đã rong chơi khắp nẻo đường trần  
Anh đã quên đi những nẻo đường tiên  
Chân đã tung tăng khắp nẻo đường đời  
Anh đã cho Anh sống thật đầy vui.

Đã chót đưa Em tới nguồn yêu dấu  
Anh cũng theo Em bước vào khổ đau  
Khi thấy ai trong cõi trần khô héo  
Anh đã dâng cho trái tim nhiệm mầu  
Đời mà chìm sâu  
Cũng muốn leo cao  
Anh bước khoan thai lối rừng hun hút  
Đưa đón chân Anh có lửa hoàng hôn  
Anh dẫn Em vượt tới miền an tĩnh  
Cho bớt mộng mênh cõi sinh mệnh buồn  
Ở nhịp trần gian... quay cuồng.

#### **Điệp Khúc**

Anh đã rong chơi khắp nẻo đường tình  
Anh đã theo Em đi gặp bình minh.  
Như đã rong chơi khắp nẻo đường chiều  
Như đã đưa Em tới đỉnh tình yêu

Thôi nhé, cho anh già từ trái đất  
Anh đã nghe vang tiếng gọi càn khôn  
Nhưng nếu Em yêu muốn vào cõi lớn  
Anh sẽ cho Em dắt tay lên đường  
Một đường hành tinh  
Đi thăm những Thái Dương  
Anh dắt tay Em đi vào Ngân Mai  
Anh khoác vai Em bước về Ngân Xưa  
Ta sẽ quên như có mình nơi đó  
Ta sẽ quên như có Ta nơi này  
Và lộ trình Ta... miệt mài.

#### **Điệp Khúc**

Ta rút sau ta những nẻo đường trần  
Ta rút bay theo những nẻo đường tiên  
Nhưng nếu mai sau, ai gọi Người Tình  
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh.

Nguyễn Mộng Giác gọi Phạm Duy là một nhà tiên tri. Ông thấy trước được lịch sử. Ông nhìn thấu được tương lai. Những bài Rong Ca của ông là những thông điệp gửi cho thế kỷ tới chỉ còn cách chúng ta có 12 năm. Ông vẫn nói bằng ngôn ngữ của đam mê, của say sưa. Ông vẫn dùng tình yêu để chuyên chở những sứ điệp đó. Ông vẫn dịu dàng, triu mến như những lời tình tự với mỗi tình đầu tiên. Ông như ngọn núi vẫn chỉ là núi non. Phạm Duy với tấm lòng như tơ trời, một làn gió nhẹ cũng đủ lay động mạnh mẽ, làm bật lên những lời ca xót thương như Nguyễn Mộng Giác đã viết cách đây không lâu. Những sợi tơ của một con tằm vẫn rút ruột nhả hoài nhả mãi...

Washington D.C. - 1988  
Bùi Bảo Trúc

Ngay từ khi **Mười Bài Rong Ca** vừa ra mắt quần chúng là đã có nhiều bài viết về nó, như bài của Bác sĩ Bùi Duy Tâm -- đã số rong ca được soạn ngay trong nhà anh chị Tâm ở San Francisco -- trong đó anh mở đầu bằng những câu :

... Nhạc Phạm Duy, tự nó đã có âm điệu rung động và lời ca gợi cảm đến độ như say vào

lòng người, không cần bình giải, không cần tô son điểm phấn. Nhưng tới rong ca, suối nhạc Phạm Duy đã thoát ra tới biển khơi nên đã mông lung vời vợi. Không biết Phạm Duy sáng tác rong ca với ý thức hay tiềm thức, với kiến thức suy tư hay với cảm xúc mặc khải mà rong ca đã bao hàm các mối quan hệ giữa Người với Trời (Phật, Chúa), giữa Người với cõi Không (Lão), giữa Người với Người (Khổng) trong xã hội (Chính Trị), giữa Người với Thiên Nhiên, Vạn Vật (Trang). Rong Ca đã xúc tích đến độ nếu chỉ nghe thoáng qua âm điệu và lời ca, không thể thấu triệt ngay được ý nhạc tuyệt vời của thiên tài Phạm Duy, một quốc bảo của Việt Nam, một nghệ sĩ vĩ đại của thế kỷ 20. Bài viết quê mùa này chỉ coi như một trong muôn ngàn tiếng vọng lại để diễn ý bức thông điệp thế kỷ của nhạc sĩ-triết gia Phạm Duy, hay như một chén trà khai vị cho những ai muốn thưởng thức rong ca.

Bài viết của Lê Uyên Phương thì được đăng trên báo NGƯỜI VIỆT (1988) ngay khi Rong Ca vừa ra đời :

...Người ta có thể tưởng tượng mọi điều, nhưng không một ai có thể đặt giả thiết là họ đã ngừng thở một lúc nào đó trong quá khứ. Âm nhạc của Phạm Duy cũng vậy, người ta không thể giả thiết rằng một người Việt Nam nào đã chưa từng nghe một bài hát nào của Phạm Duy trong suốt cuộc đời của họ. Một ca khúc khi được tiếp thu bởi não bộ, ngừng một lúc ở con tim của một người rồi tuôn ra từ chiếc lưỡi của người đó thì dù muốn dù không, anh ta cũng bị nhiễm bởi chính ca khúc đó rồi. Nói như thế để thấy cái chỗ thực sự của Phạm Duy trong mỗi tâm hồn Việt Nam.

Bao giờ nghe những ca khúc mới của Phạm Duy, tôi cũng vô cùng xúc động và cảm khoái. Xúc động bởi cái tình hàm chứa trong đó và cảm khoái bởi sự sáng tạo bùng lên từ đó. Lần này khi nghe tập rong ca "Người tình già trên đầu non", không những tôi đã xúc động, đã cảm khoái mà còn cảm nhận được trong sâu thẳm của tâm hồn tôi một ước muốn được chia sẻ với nhạc sĩ Phạm Duy, chia sẻ niềm mơ ước được bước ra khỏi chính bản ngã của mình để hòa nhập vào một vũ trụ chưa từng thấy, kể cả trong trí não của con người -- một thế giới chưa biết từ cái đã biết, một thế giới chưa có từ cái đã có.

Hát cho năm 2,000 hay hát cho năm 20,000 không có sự khác biệt nào từ bản chất, nó có sự cách biệt về thời gian, nhưng thời gian thực sự không bao giờ đủ, cũng không bao giờ thiếu để bước từ cái không đến cái có, từ cái đúng đến cái sai, từ cái đã biết rồi đến cái chưa từng biết.

Những bài rong ca của Phạm Duy, mở ra cho người nghe những con đường không phải ở trên mặt đất, chúng rất gần với những con đường trong trí não con người nhưng chúng còn gần hơn với những con đường bên kia của trí não đó. Phạm Duy rong ca về những con đường, ông không rong ca trên những con đường đó, và đó chính là điều tôi muốn được chia sẻ cùng ông. Sự trói buộc của thời gian và không gian trong kiếp người làm bung lên trong tác phẩm nghệ thuật những ảo giác về một thế giới không biên cương, một thiên đường, một niết bàn, một Tây Phương Cực Lạc... nhưng thế giới không biên cương đó thực sự không ở ngoài mặt đất của chúng ta, sự trói buộc của thời gian là sản phẩm của tư tưởng con người, chính cái muốn đóng khung đời sống của chúng ta lại, chính cái yêu, cái ghét, cái sai, cái đúng tạo những giới hạn cho đời sống của chúng ta. Khi một người phá vỡ được bản ngã của hần thì thế giới giới hạn không còn nữa, lúc đó hần thực sự rong ca trên mọi điều của kiếp sống, lúc đó là nghìn thu, lúc đó là nắng chiều rực rỡ, lúc đó là ngựa hồng vượt qua trôn kim, lúc đó là Phạm Duy "Người tình già trên đồi non..."

Điều làm tôi hài lòng là trong phần kết, Lê Uyên Phương đã nói hộ tôi rằng : bây giờ với RONG CA, **tôi soạn nhạc cho tôi, tôi đi tìm cái tôi** :

... Phạm Duy đang ở trong chính Phạm Duy, ông đang từng bước đi sâu vào nội tâm ông, ông đang khám phá chính ông. Không còn ai là kẻ đồng hành với ông trên đoạn đường này nữa. vì thế mà những ca khúc trong tập nhạc này hàng loạt một cái gì hết sức cô đơn.

hết sức lặng lẽ. Mỗi âm thanh đã đến với tôi như những lời mời gọi âm thầm của trời chiều, ánh sáng bừng lên ở cuối chân trời, rực rỡ như hào quang. Người nghe cảm nhận ở nơi đó một cái gì, vừa thực, vừa giả, vừa như ngán ngủ, vừa như thiên thu, vẻ đẹp thật là kỳ quái, nếu người nghe bước qua khỏi được những giới hạn của chủ quan, hẳn sẽ cảm thấy được sự kỳ diệu của một đời người sáng tạo, hẳn sẽ thấy được **cái chung trong cái riêng** của Phạm Duy, **cái riêng trong cái chung** của Phạm Duy và hôm nay **cái riêng trong cái riêng** của Phạm Duy.

Rồi cho tới khi máy vi tính được phát minh và sau một thời gian không lâu, **Mạng lưới quốc tế** (Internet) được thành lập. Nhiều diễn đàn xuất hiện và vấn đề âm nhạc thường xuyên được bàn cãi giữa đám trẻ. Tôi không ngờ rằng gần 20 năm sau khi Rong Ca ra đời, tuổi trẻ vẫn còn nói tới nó, như trong bài viết ngán ngủ của Nguyễn Phước Nguyên ở Houston TEXAS, USA mà tình cờ tôi đọc được trên WEB (mạng lưới) vào ngày 23 tháng 1, năm 1996. Trong bài của Nguyễn Phước Nguyên này, **MƯỜI BÀI RONG CA** đã được nhìn nhận : **đây là một tác phẩm Phạm-Duy nhất của Phạm Duy, là một quay lưng không bận bịu, là một trở về rất vô tư :**

... Bạn hãy cùng tôi một chuyến đi tâm tưởng. Chuyến đi đời người trên giòng nhạc tư duy. Hành lý là con tim mở ngõ, chốn đến là tự thức an nhiên. Lên non, xuống núi, vượt suối, băng rừng. Trên lộ trình, tình cờ một đồng hành tóc bạc. Đã có một đời thăng trầm cùng lịch sử non sông. Đã có thời gian với cựu mang thân phận con người. Và tâm sự. Thật nhiều tâm sự. Phạm Duy, với tôi, là người đồng hành tóc bạc đó, qua những giòng nhạc cuối một đời người. Đã ghi lại. Từ con tim mình. Cho chính mình. Như một lần sau cùng nhìn lại. Và một lần sau cùng trao đi. Người nhạc sĩ đồng hành tóc bạc đó đã tự vẽ mình khi cuối đời là một...

... *Người tình già trên đầu non,  
Tuyệt đã tan trên vai mỗi mòn...*

.....  
*Người tình vào cuộc tử sinh, sống chết lung linh...*

Là chứng nhân của lịch sử, Phạm Duy cũng đã dùng âm nhạc để ghi lại những hình ảnh hào hùng hay đau thương của chiến tranh -- **Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc, Kỳ Vật Cho Em**... Nhưng trong năm tháng gần đây ông nhìn chiến tranh qua một nụ cười ý nhị mà cay đắng, buồn bã nhưng bao dung.

*Có hai thằng mập đánh nhau thì chết,  
Cả hai thằng bèn cất vũ khí đi...*

.....  
*Người đi trong mùa đông,  
Lòng băng khuâng như làn sương,*

.....  
*Nghe bên nắm mộ có tiếng đàn trẻ nhỏ  
Lung trâu bé ngồi đang cùng nhau hát vang...*

.....  
*Đi qua nắm mộ sẽ thấy ngọn cỏ mềm  
Cho em cõi đời, cho tình nhân ngã lên...*

Tình yêu trong nhạc của Phạm Duy cũng vậy. Cũng thay đổi theo chiều nhìn của tuổi tác. Tôi trước nay vẫn thích nhạc tình yêu của Phạm Duy khi ông phổ thơ người khác - Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Thiên Thư, Phạm Văn Bình v.v... Nhưng so với những bài hát xưa do chính ông đặt lời, tình yêu trong nhạc Phạm Duy hôm nay thăng hoa và vời vợi lắm.

... *Nghìn thu anh là suối trên ngàn  
Thành sông anh đi xuống anh tuôn tràn biển mơ...*

.....  
*Nghìn thu anh là đã em rồi  
Và em, trong muôn kiếp, em đã ngồi ở anh...*

Một đời người. trong tầm tay. sống với nhau hơn ba vạn ngày. xin cố gắng nuôi sao cho

tình đầy, chẳng vì thu với đông ngần ngại -- Phạm Duy đã ghi nhận một đời người như vậy. Gom hết cả một cuộc đời đã sống vào một bản nhạc, nào phải dễ. Nhưng Phạm Duy đã làm được điều đó. Ông xem đời mình như một hành trình, ba vạn ngày tháng trăm cùng nhịp đời luân chuyển. Rong Khúc là phản ảnh trọn vẹn của chuyến đi đó. Của tháng trăm đó. Của một đời người nghệ sĩ.

*Từ cõi xa xôi muôn nghìn thế giới,  
Anh đã đi theo nắng từ trời vui...*

*Ta vút sau ta những nẻo đường trần  
Ta vút bay theo những nẻo đường tiên  
Nhưng nếu mai sau ai gọi người tình  
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh...*

Điều kiện căn bản của thưởng thức một cuốn băng là nghe nó. Trong chu vi hạn hẹp của giấy mực, tôi chỉ mong chia sẻ cùng bạn những cảm nhận khi nghe một cuốn băng.

Phạm Duy ngày xưa, với tôi, là phản ảnh của sự ghi nhận những điều chung quanh cuộc sống ông - những cảm nhận được tạo ra bởi bối cảnh bên ngoài. Phạm Duy của ngày nay, của cuối một đời người, của Người Tình Già Trên Đâu Non, là những chất chiu từ chính cuộc đời và con tim ông. Cho chính cá nhân ông. Ớn trong trời trần, là tái ngộ. Dấu sau nước mắt, là nụ cười. Có ngạo mạn. Có khiêm nhường.

Cuộc đời sáng tạo của Phạm Duy chắc chắn có nhiều tác phẩm cần phải nhắc đến. Nhưng tôi tha thiết với Người Tình Già Trên Đâu Non. Với tôi, đây là một tác phẩm Phạm-Duy nhất của Phạm Duy. Là một quay lưng không bận bịu. Là một trở về rất vô tư. Chúng ta ai cũng có những lúc ngồi "nghe tai nghe lại cuộc đời". Những lúc như thế, nếu ta ghi lại được đời mình, cho chính mình, như Phạm Duy đã -- với Người Tình Già Trên Đâu Non, hẳn chắc là hạnh phúc lắm. Đây là ý tưởng lúc nào cũng còn lưu lại trong tôi khi nghe cuốn băng này, sau khi những cảm giác khác đã phai đi.

Tôi mang ơn những vị yêu nhạc kể trên, đã thưởng thức **rong ca** một cách rất sâu sắc, và đã ban cho tôi những lời lẽ đẹp đẽ hơn cả vàng ngọc. Nhưng còn có một điểm -- tôi cho là -- cần thiết mà quý vị chưa nói ra : Đó là trên lộ trình *lên non, xuống núi, vượt suối, băng rừng, Người Tình Già* gặp gỡ đầy đủ những **người phu chôn xác chiến trường, người mẹ tương lai, đôi tình nhân bên nắm mộ, người mù, người câm, người điếc, con tuấn mã hay con ngựa kéo xe** của thế kỷ qua. Và **Người Tình** đã leo lên thế kỷ mới rồi thì người biến vào *cõi ngàn mai, cõi ngàn xưa, vang vọng tiếng gọi càn khôn ...* Nhưng **Người Tình** vẫn không quên mình là người Việt Nam, với tinh thần quốc gia dân tộc không thể nào phai nhạt.

Vì lẽ đó, câu cuối cùng của Rong Ca, là nếu...

*... mai sau, ai gọi Người Tình  
Anh sẽ quay lưng bước về nẻo xanh.*

Viết thêm : **MỘT CHÚT TÂM SỰ**

Sau khi Trịnh Công Sơn đã qua đời, tôi xin được kể ra đây một chuyện về RONG CA :

Từ trước tới nay, "người ta" thường dùng đủ mọi cách để chia rẽ tôi và Trịnh Công Sơn. Nhưng không ai nào được tình đồng nghĩa nhiều ai nữa chúng

tôi, dù có khi hai người không có chung một quan điểm. Năm 1988, ngẫu nhiên tôi gặp Trịnh Công Sơn ở Paris. Cùng Đặng Tiến, chúng tôi rong chơi trên vỉa hè hay ngồi quán café tán gẫu. Tuyệt nhiên chúng tôi không nói chuyện chính trị chính em, văn nghệ văn gừng gì cả... nhưng khi tôi nhờ "người tình trẻ" mang về Việt Nam một cassette **Mười Bài Rong Ca** tôi vừa thực hiện xong, thì Sơn OK ngay. Do đó tâm sự "người tình già" đã được phổ biến ở trong nước. Mùa Hè 2001, tôi có việc phải về Saigon, vài ngày sau đám tang Sơn, tôi rủ Trần Văn Khê tới thắp hương trước ban thờ anh, riêng tôi đã khấn ơn anh ngày nào, thay mặt tôi, đem Rong Ca về tới quê hương.

*Một ngày cho bình yên  
Một ngày lại cho điên...*  
**MỘT NGÀY MỘT ĐỜI**

## Chương Hai Mười Một

Cũng vào năm 1988 này, ngoài sự thay đổi trong cảm xúc và sáng tác vì biến thiên của lịch sử, trong đời sống riêng tư, có vài ba việc xảy ra làm cho tôi phải suy nghĩ...

Kể từ khi rời Hà Nội vào Saigon -- đầu thập niên 50 -- cho tới ngày gia đình tôi vừa di cư qua Hoa Kỳ, trong thời gian gần 30 năm, tôi không được biết nhiều về nhạc sĩ Văn Cao. Không biết tới chuyện bình thường như chuyện gia đình, con cái, hay tới chuyện thăng trầm như chuyện anh không còn được Nhà Nước ưu đãi nữa, vì có dính líu tới phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

Cho tới khi có người bạn gái Thu Trang ở Pháp về Hà Nội vào năm 1977, sau khi cô ta tới thăm nhạc sĩ Văn Cao, chụp vài bức hình của anh rồi gửi tặng tôi, và kể cho tôi nghe qua loa về đời sống của gia đình anh vào lúc bấy giờ. Khi đó, gia đình tôi hãy đang còn ngụ cư ở tiểu bang Florida.

Trong ảnh, Văn Cao trông còn khoẻ mạnh lắm. Mặc áo sơ mi ca rô, quần rộng ống, tay chống bẹn, trông hách lắm. Một bức ảnh khác còn cho thấy anh vẽ nhiều hơn là soạn nhạc. Rồi không lâu, tôi được biết, sau nhiều năm im tiếng, anh vừa soạn một bài hát mới là bài **Mùa Xuân Đầu Tiên**. Mừng cho người bạn cũ còn sống sót, đã được cầm đàn trở lại. Mừng và rất muốn viết thư cho Văn Cao.

Nhưng vào lúc đó, dường như chưa có gì thay đổi lớn ở Việt Nam cho nên tôi vẫn ngại liên lạc với chàng Văn, dù chỉ là để hỏi thăm người bạn cũ mà thôi.

Và rồi cũng có lúc, tôi rất băn khoăn vì bài **Tiến Quân Ca** của anh đang có thể không được dùng làm quốc ca nữa.

Thế rồi, có vụ cởi mở nói chung và trong chính sách văn nghệ nói riêng vào khoảng tháng 10-1987. Khi có rất nhiều người ở nước ngoài về thăm Việt Nam thì vì hâm mộ

nhạc sĩ Văn Cao từ lâu nên ai cũng tới nhà anh rồi đem về Mỹ những lá thư đầu tiên mà anh bạn già gửi cho tôi sau 50 năm xa cách.

Lúc này, sức khỏe của anh đã xuống rất thấp, rượu đã làm anh quá suy nhược, tay anh yếu và run nên chỉ đọc thư cho vợ là Thúy Bằng -- hay người khác như nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường -- viết hộ rồi ký chữ VĂN CAO ngoằn ngoèo. Tôi đã viết khá nhiều thư cho bạn cũ kèm theo chút quà nho nhỏ và hẹn ngày về gặp lại Văn Cao tại thành phố Hà Nội thân yêu. Trong một lá thư, tôi còn viết cho anh bạn già :  
-- *Tao lạy mày, đừng uống rượu nữa !*

Trong những lá thư nhận được từ Văn Cao, tôi còn được anh cho biết ở trong nước cũng có *nhiều người nhớ tới tôi* và đang *trông đợi* tôi về. Ngoài ra, còn có những bức ảnh, những photocopies của những bài báo tường thuật những buổi Văn Cao ra mắt quần chúng ở Hà Nội, Huế và Saigon v.v... mà anh gửi cho tôi coi. Thật là cảm động !

Sau một thời gian trao đổi thư từ, anh chị Văn Cao và vợ chồng tôi còn có dịp nói chuyện với nhau nữa, khi có một nữ phóng viên truyền hình tên là Nam Trân về Việt Nam làm một cuốn phim phóng sự và tới thu hình cuộc đàm đạo với tác giả quốc ca, rồi sau khi tôi được coi những thước phim này thì tôi tự làm một cuốn video ngắn gửi về cho Văn Cao, cũng qua sự giúp đỡ của cô Nam Trân. Trong cả hai đoạn phim, chúng tôi đã có dịp nói với nhau nhiều điều đẹp đẽ về thời Hà Nội xa xưa và thời kháng chiến chống Pháp, tiếc rằng tôi không thuật lại trong đoạn hồi ký này vì sợ nó quá dài dòng.

Sau đó, ban điện ảnh của Đài BBC ở Luân Đôn còn có một ý định tuyệt vời là thực hiện một cuốn phim về chuyện hai chàng Lưu Nguyễn thời nay, từ cõi tiên nay cùng bỏ Thiên Thai để về cõi trần. Các chuyên viên điện ảnh đã qua Midway City để thu hình tôi và sẽ qua Hà Nội để thu hình Văn Cao rồi ghép thành một câu chuyện tân kỳ phát xuất từ bài hát truyền kỳ Thiên Thai của Văn Cao. Lại tiếc rằng vào thời gian này, hình ảnh, tiếng nói của tôi còn bị cấm kỵ khi tôi chưa về sống tại nước nhà, cho nên Trịnh Công Sơn đã thay thế tôi cùng đóng chung với Văn Cao trong một cuốn phim, nhưng phim này không còn mang ý nghĩa đầu tiên nữa.

Cho tới năm 1995, khi Văn Cao kiệt sức và qua đời, tôi vẫn còn bị cuộc sống Mỹ Quốc ràng buộc cho nên chưa quyết định được việc trở về quê hương và ước mong gặp người bạn quý đã không thực hiện được. Thế nhưng, tối thiểu tôi cũng đã gửi được Thái Hằng về Việt Nam vào năm 1994 và vợ tôi đã thay mặt tôi tới thăm Văn Cao. Đó là một an ủi cho tôi.

Khi được tin anh mất, tôi gọi điện về Hội Nhạc Sĩ và gọi điện cho chị Thúy Bằng để chia buồn. Rồi khi tôi trở về Hà Nội vào đầu năm 2000 thì tôi cùng các con Minh, Hùng, Cường, Hiền, Đức tới thăm mộ nhạc sĩ Văn Cao, lạy bạn và tưới lên mộ bạn một chai rượu trắng :  
-- *Bây giờ thì ông tha hồ mà uống rượu nhé !*



Cũng vào những năm 87, 88 này, tờ Đoàn Kết ở Paris có đăng một bài báo nhan đề **Công và "Tội"** -- Xin chú ý : chữ **tội** nằm trong ngoặc kép -- trong đó có sự đánh giá lại những văn nhân nghệ sĩ Việt Nam tự cổ chí kim, từ Trần Ích Tắc, Lê Trắc, Phạm Thái, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Khiêm, Võ Phiến, những người trong Tự Lực Văn Đoàn cho tới tôi, Phạm Duy, những người bị kết tội là "phản bội" nhưng xét ra cũng là những người có *công* trong việc phát huy văn hóa Việt Nam. À ra đã tới lúc có sự *gạn đục khơi trong* -- chữ trong bài báo -- rồi đó ! Cũng tốt thôi ! Dù tôi tự thấy mình có bao giờ xin vào một đảng nào đâu mà được gọi là phản đảng ? Tôi có bao giờ là tay sai trung thành của một chính phủ nào mà bảo tôi là phản bội ?

Rồi lại có thêm một bài báo của thi sĩ Chế Lan Viên đăng trên tờ Sông Hương số 21 vào tháng 9 năm 1986 nhưng tới năm 1988 tôi mới có trong tay để đọc. Bài báo nhan đề **Lá Rụng Về Cội**. Trong bài viết mà ông gọi là *HỒI KÝ về đoàn nghệ thuật XÂY DỰNG ở Huế*, có đoạn nhà thơ này nói tới tôi.

Thi sĩ Chế Lan Viên đã nhắc tới những ngày sau Cách Mạng Tháng Tám, Huế là nơi tụ tập của rất nhiều văn nghệ sĩ như Phạm Đăng Trí, Nguyễn Đức Nùng, Tôn Thất Đào, Trần Hoàn, Thanh Tịnh, Trịnh Xuân An, Bửu Tiến, Trần Thanh Địch, Hoàng Trọng Miên, Lưu Trọng Lư, Khương Hữu Dụng, Tố Hữu, Lưu Quý Kỳ, Đào Duy Anh, Trần Thanh Mai, Hải Triều, Hải Thanh, Hoài Thanh v.v... và Phạm Duy. Tất cả đã hoạt động trong một đoàn thể mang tên XÂY DỰNG, với phương châm **dân tộc, dân chủ** và dưới sự lãnh đạo của ông Nguyễn Chí Thanh.

Trong bài HỒI KÝ này, Chế Lan Viên viết về những chuyến đi thực tế vào mặt trận Tây Nguyên, Bình Trị Thiên hay đi nhiều nơi khác của một số văn nghệ sĩ có tên trên đây. Và bây giờ -- 1986 -- tất cả đã già nhưng vẫn có mặt ở đây, đã như những chiếc *lá rụng về cội*... Chỉ trừ có Phạm Duy ! Đọc được bài này, tôi cũng rất là cảm động ! Nhất là khi thấy trong bài viết, anh Chế Lan Viên không che dấu chuyện *tinh ủy Thừa Thiên có gợi ý nên kết nạp tôi vào Đảng*.

Đồng thời, cũng trong năm 1988 này, bỗng nhiên có một lá thư vô danh -- dù đề tên người gửi ở Saint Paul, Minnesota, nhưng tôi điều tra ra là tên và địa chỉ giả -- gửi cho các báo tiếng Việt với đầu đề **Áo Gấm Về Làng** trong đó một người đội tên giả đã viết lời vu khống tôi là *đã đi du lịch Việt Nam, đã về hát trên quê hương tả tơi nghèo đói*... với những lời mạ lỵ rất thậm tệ. Lập tức, có báo Dân Tộc của một Mặt Trận "chính trị" ở Houston, Texas đăng lá thư này.

Những chuyện vu cáo như vậy còn tiếp tục với những tờ báo Ép Phê ở Paris, Thế Giới Ngày Nay ở Wichita, Kansas, Xây Dựng ở Houston, Texas, Làng Văn ở Toronto, Canada... với những lời vu khống tôi, bịa ra chuyện *tôi gặp ông Đại Sứ Việt Nam, nói xấu người quốc gia, khinh rẻ người nghe nhạc v.v...* Cái lối chống Cộng dối trá, bất lương của một số người mà tôi cho là mắc bệnh tâm thần, cuối cùng chỉ là trò mị dân, ảo tưởng bởi vì nó không làm hại hay đánh đổ được ai cả, nó chỉ làm cho không khí chính trị ở ngoài nước càng ngày càng thêm ô nhiễm.

Tôi không cần trả lời những người này, nhưng nhiều bạn quen hay không quen đã bất bình và lên tiếng hộ tôi, như các nhà báo Văn Thanh, Hải Triều, Trần An Bài

v.v... Nhất là ông luật sư Nguyễn Lê Hà ở Canada đã có lòng tốt muốn thay mặt tôi để, qua một lá thư công khai, cho mọi người biết rằng : đây là *một sự phỉ báng cá nhân có thể bị đưa ra chốn Pháp Đình*. Còn tôi thì không muốn mất thì giờ để đi kiện ai cả, tôi chỉ muốn đưa tất cả những chuyện này ra trước một Toà Án Dư Luận bằng một hồ sơ mà tôi đặt cho cái tên là : **TRONG CƠN GIÓ TANH MƯA MÁU**, gửi tặng một số bạn thân.

Trên đầu chương 21 này, tôi đã viết : vào năm 1988 này, có những việc khiến cho tôi phải suy nghĩ ! Những việc này, xét cho cùng, cũng chỉ là do thiện cảm hay do ác cảm mà người đời dành cho một nghệ sĩ, suốt một kiếp ca nhân đã luôn luôn phải đứng hát ở những nơi đầu sóng ngọn gió.

Tôi có lẽ cũng không phải là người nghệ sĩ duy nhất phải đương đầu với cơn bão tố mang tên Việt Nam. Văn Cao mà đã chẳng được yêu rồi ghét, bị sa thải rồi lại được phục hồi ? Đã có lúc tưởng như bài *Tiến Quân Ca* cần phải bỏ đi nhưng rồi, may thay, khi chàng Văn qua đời, đám tang của anh vẫn là một quốc táng. *Tiến Quân Ca* vẫn là một bài quốc ca.

Thì ra, chẳng có gì là tuyệt đối cả ! Tôi đã nhìn ra sự đời như thế từ lâu. Hãy nghe lại những câu hát xa xưa :

*Một ngày đi làm lính  
Một ngày đi đảo chính  
Một ngày đi cầu kinh  
Một ngày về quyên sinh.  
Hỡi, hỡi ôi !  
Thân phận làm người !*

Vậy thì, 1988 là năm chuyển động của tôi. Sự thay đổi trong cảm xúc và sáng tác của tôi chẳng có gì là lạ cả. Nó chuyển theo sự thay đổi của cuộc đời trước mặt. Nhưng tôi cần nói lên vài điều. Một mặt, đối với những người đã nhìn ra vị trí độc lập của nghệ sĩ và thấy không nên bắt chim phải *học hát trong lồng... mĩa mai*, tôi thấy cần phải cảm ơn. Mặt khác, đối với những người giận dữ, bây giờ thì tôi mới nhìn ra sự bất ơn của họ, vì họ cũng đã từng nhiều phen -- như họ đã nói -- được hưởng những bài hát hay của tôi. Bởi vậy, tôi chỉ nên sẵn sàng quên họ như họ đã quên tôi. Người Ả Rập ở miền sa mạc nóng bức, thường nói : *sói cứ sủa, đoàn người và lạc đà cứ đi*. Tôi là người Việt Nam, nên chỉ nói giản dị : *đường ta, ta cứ đi...*

*Bầy chim buồn bã  
Rủ nhau trốn quê hương.  
Vi đâu bỏ xứ  
Để lê kiếp tha phương ?  
**BẦY CHIM BỎ XỨ***

## Chương Hai Mươi Hai

1989-90. Tôi đi trình diễn ở Đức Quốc, tại một địa điểm chỉ cách xa Berlin khoảng trên 100 km. Bức tường ô nhục đang được dân chúng Berlin phá hủy, sau khi được xây lên và đứng vững trong nửa thế kỷ để làm bức tường ngăn chia thế giới ra làm hai phe. Chiến tranh lạnh đã thực sự chấm dứt với sự vỡ tan của cái mà Thủ Tướng Anh Quốc Winston Churchill đã gọi là **tấm màn sắt**.

Lòng tôi xiết bao mừng rỡ vì thấy rằng khúc quanh của lịch sử đã tới và nghĩ rằng mình đã có thể hoàn tất tổ khúc mang tên **BẦY CHIM BỎ XỨ**. Bầy chim bỏ nước ra đi đã có thể bay về quê cũ được rồi !

Hãy nói về tổ khúc này...

Tôi là một nghệ sĩ có may mắn được tham dự và nói lên nhiều biến cố của Việt Nam trong thế kỷ 20, vào những thời điểm như sau :

**1) 1945-1951**, khi xảy ra cuộc Cách Mạng và cuộc Kháng Chiến giành độc lập thì tôi tham gia với trên dưới 50 bài ca đủ loại.

**2) 1954**, khi Hội nghị Geneve chia Việt Nam ra hai miền Quốc-Cộng, tôi phản đối sự chia cắt đó bằng trường ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN.

**3) 1963-65**, khi VN trở thành nồi da nấu thịt với cuộc chiến leo thang dữ dội làm cho xã hội bị phân hoá tới cực điểm thì tôi kêu gọi lòng thương yêu và sự xoá bỏ hận thù bằng trường ca MẸ VIỆT NAM.

**4) 1975-1990**, với biến cố lớn nhất trong đời sống Việt Nam, khi hàng triệu người lũ lượt bỏ nước ra đi thì tôi soạn tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ (và vì có thêm biến cố lớn nhất của thế giới là sự ra đi của một chủ nghĩa mà bây giờ BẦY CHIM đã có cơ hội để HỒI XỨ)

Tác phẩm được thai nghén vài tuần trước biến cố 30-4-75 với vài ca khúc rồi định viết thêm tại Florida thì tôi bị bế tắc. Tổ khúc bị bỏ quên trong gần 10 năm rồi được hoàn tất vào năm 1985 tại Midway City-California nhưng chưa được phổ biến ngay. Vào năm 1990, sau khi những biến cố lớn làm thay đổi tình hình thế giới, tổ khúc được tu chỉnh và tung ra công chúng.

Nội dung diễn tả một xứ sở mà những con chim ngoan hiền, tươi đẹp, múa giỏi, hát hay phải bỏ xứ ra đi, ở lại trong nước là những bầy chim yếu bị một số chim dữ đàn áp, đoạ đầy, miệt thị. Bầy chim bỏ xứ bay đi sống đời lưu vong tại xứ người, có con buồn rầu thổ huyết chết, có con cầu cổ tự tử vì không còn được múa hát như xưa. Đại diện cho lòng yêu nước là chim Quyên, vốn đã chết một lần ở phía Bắc và bay về phía Nam tái sinh thành chim Quốc, nay phải bỏ xứ ra đi và chết trên gành đá nước ngoài. Nhưng nó lại tái sinh một lần nữa (l'oiseau renait de ses cendres) để tiếp tục nung nấu lòng yêu nước như xưa.

Rồi có một ngày, những đàn én nhận bay lên báo tin mừng : Mùa Xuân Nhân Loại đã trở về với sự dâng trào của làn sóng Dân Chủ. Bầy chim bỏ xứ đã có cơ hội để hồi xứ. Lại có thêm những con chim huyền sử như chim Hồng, chim Lạc -- vốn là tổ tiên của bầy chim Việt -- cũng bay lên từ động Đông Sơn, Ải Chi Lăng, vườn Tao Đàn, bến Bạch Đằng, đồi Yên Thế... kêu gọi bầy chim xa xứ hãy hồi xứ bởi vì lũ chim dữ đã thất bại trong việc làm đẹp nước Việt.

Bây giờ là lúc cả chim hiền và chim dữ (tức là Ông Thiện và Ông Ác mà người Việt đã tôn thờ cả hai ở các đình, chùa, miếu, đền nơi thôn ỏ) phải xúm nhau lại để tái tạo mùa Xuân dân tộc. Phần đầu của <B> Xứ Bỏ Chim> là cơn ác mộng, phần sau là giấc mơ hồng, giấc mơ hồi xứ để xây dựng lại tổ chim (tức là tổ quốc) Việt Nam.

Tổ khúc này đưa nhạc Việt lên một trình độ rất cao về nghệ thuật, qua hình thức opéra. Nó có thể được trình diễn với hàng chục diễn viên trang phục các bộ áo lông chim và với một giàn nhạc đại hoà tấu. Nó phản ánh lịch sử đương thời (histoire contemporaine) và là tiếng vang của huyền sử (mythologie). Nó cần được phổ biến để giáo dục "nhị thế" (deuxième génération) người Việt, vốn là những thanh niên thiếu nữ Âu học, không chấp nhận các loại nhạc thương mại đang được phổ biến trong các cộng đồng Việt Nam và cần được giới thiệu với người Âu Mỹ.

## Hình Thức và Nội Dung

Về **hình thức**, nếu như tính chất của CON ĐƯỜNG CÁI QUAN là **tả thực** (réaliste), của MẸ VIỆT NAM là **tượng trưng** (symbolique) thì BẦY CHIM BỎ XỨ mang tính chất **ẩn dụ** (allégorique).

Về **nội dung**, tổ khúc đưa ra một xứ sở, vì hoàn cảnh đặc biệt, một bầy chim phải cất cánh bay đi. Trong đời sống xa xứ, có con thổ huyết chết, có con cầu cổ chết, có con chết trên sông, trên biển, trên núi, trên rừng hay trên những thành phố xa lạ, trong bão mưa, trong tuyết đổ... Có con buồn tủi nên không nhảy múa, không hát ca như xưa nữa...

Nhưng trong đám chim chết, có con chim đã tái sinh trên xác tro của mình -- như người Pháp nói : "l'oiseau renaît de ses cendres" -- chẳng khác chi con chim Quyên của huyền thoại Việt Nam hay con chim phoenix của huyền thoại Ai Cập.

Thế rồi một ngày kia, đàn én, đàn nhạn bay lên báo tin mừng là mùa Xuân nhân loại đã trở về. Rồi những con chim huyền sử của Việt Nam như chim Hồng, chim Lạc, chim Hùng, chim Việt bay lên từ động Đông Sơn, từ cánh đồng Phù Đổng, từ huyện Mê Linh, từ Hoa Lư, từ Bạch Đằng Giang, từ Chi Lăng, Yên Thế... kêu gọi đàn chim xa xứ bay về làm lại mùa Xuân dân tộc trên quê hương yêu quý.

Tổ Khúc được soạn gần giống như một thứ **nhã ca** (cantate) hay một **tiểu ca vũ kịch** (mini-opera)... Nhạc nhiều hơn lời... Nhạc mô phỏng chim bay, chim hát ca hay khóc than... Lời ca hoàn toàn là *ca dao, phong dao, đồng dao, châm ngôn, sấm truyền*... Mỗi đoạn đều có những câu thơ *giáo đầu* giống như trong các vở ca kịch cổ truyền Việt Nam là TUÔNG, CHÈO.

**BẦY CHIM BỎ XỨ**, nhạc và lời của Phạm Duy, được Duy Cường hoà âm phối khí và được hai giọng ca Kim Tước và Vũ Anh hát lên.

Mở đầu là cảnh một xứ sở đang vui trong nắng Xuân thì bỗng đâu mây đen kéo tới và có một bầy chim gọi nhau bay đi :

- 1.- Bầy Chim Buồn Bã
- 2.- Chim Quyên Từ Độ Bỏ Thôn Đoài

*Trời đang rục rỡ  
Chợt đâu kéo mây đen,  
Bầy chim buồn bã  
Rủ nhau vút bay lên.  
Chim hỡi chim ơi !  
Chim hỡi chim ơi !*

Trong đoàn chim đó có con chim Quyên, vai chính của tổ khúc :  
*Cuốc kêu khắc khoải trên ngàn  
Chim quyên thăm thiết gọi đàn chim đi...*

Chim Quyên nhớ lại sự tích của mình :

*Chim Quyên từ độ ở quê nhà  
Chim là hồn Thục Đế nghìn xưa.  
Lìa cố hương nhục nhằn nơi xứ Bắc,  
Hồn tìm về đậu chót cành Nam.  
Hồn hóa sinh ra thành con chim Quốc,  
Hồn hóa thân là họ Đỗ chim Quyên.*

*Đỗ Vũ không ngừng kêu mát nước,  
Khuyên đời bằng một khúc dao ca  
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,  
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.*

Trong một mùa Xuân đang êm vui thì...

*Chim Quyên từ độ ở Thôn Đoài  
Trong mùa Xuân nước nở tình dài  
Thì nước non tới một thời biến đổi  
Bình minh mà mờ ảo ánh sao rơi.  
Toả cánh diều đưa nắng vào đêm tối  
Cánh nặng chim bằng đè xuống tim tôi !*

Chim Quyên phải ra đi rồi thổ huyết chết nơi quê người...

*Chim Quyên phải từ bỏ quê mình  
Bay về miền tuyết phủ buồn tênh.  
Thổ máu tươi, một đêm chim chết*

Nhưng chim Quyên -- như hồn Thục Đế thuở xưa -- lại tái sinh lần nữa...

*Chết khi đêm về, xác chưa tan, thì...  
...Tái sinh thành lần nữa Đỗ Quyên.  
Đỗ Quyên ! Đỗ Quyên !  
Nơi mùa Đông vắng lạnh,  
Kêu gào : Ôi Tổ Quốc linh thiêng !*

*Vẫn tái sinh thành chim khóc nước,  
Cho dù phải gục chết như xưa.  
Nhớ nước nên gào lên quốc quốc  
Khắc khoải lòng người sống lưu vong.*

*Bầy chim buồn bã*

*Rủ nhau trốn quê hương.  
Vì đâu bỏ xứ  
Để lê kiếp tha phương ?  
Chim hỡi chim ơi !  
Chim hỡi chim ơi !*

*Chim Quyên từ độ bỏ thôn Trầu,  
Quê nhà tôi ruộng trắng quạ kêu.  
Là vắng tanh lời yêu, lời thương mến,  
Là bầy diều sai khiến lũ kên kên  
Bầy ác bầy ửng nạt nộ chim hiền,  
Thành lũ thần nanh đở mỏ chuyên quyền.  
Chim Quyên từ độ bỏ đi rồi,  
Quê nhà tôi héo hắt đìu hiu,  
Nghe bình minh lợ láo vệt kêu,  
Êm sập về lời cú vọ theo.*

Hai đoạn khúc đầu tiên của tổ khúc đã đưa ra chính đề là chim hiền và phản đề là chim dữ. Đưa ra số phận của vai chính là CON CHIM QUYÊN, đại diện cho lòng ái quốc, phải chết đi, sống lại như vậy... Còn số phận của những con chim đại diện cho tuổi thơ, như chim chích choè, chim chào mào... thì ra sao?

### **3.- Bầy Chim Nhỏ Bé**

#### **4.- Con Chích Choè, Con Chào Mào**

#### **5.- Chim Bay Từ Đồng Lúa Phương Nam**

*Bầy chim nhỏ bé, nào đâu khác chim Quyên ?  
Loài ửng loài ó, nào dung lũ chim non ?  
Chim lớn hung hăng sai áp chim con  
Chim dữ gieo oan gieo oán chim ngoan.*

*Con chim sáo sậu ăn cơm nhà cậu  
Uống nước nhà cô, đánh vỡ bát ngô, cậu cô bắt đền.*

*Con chích choè mày đậu cành chanh  
Thì tao ném, tao ném hòn sành,  
Con chích choè lộn cổ xuống đây !  
Con chích choè mày ở trên cây  
Tao đứng dưới gốc,  
Đứng dưới gốc, mày bay đẳng nào ?  
Con chào mào mày đậu cành lau  
Thì tao chém, tao chém vào đầu,  
Con chào mào sút trán trụi lông !  
Chim hải hùng vùn vụt bay tung  
Xa lánh đất nước,  
Chim xáo xác giã từ quê hương !*

Số phận của con bồ câu, của giới tu hành, cũng vậy thôi :  
*Chân tu như chú bồ câu  
Mà sao nên nổi áo nâu đeo xiềng.*

Thế là bầy chim đã vượt biển bay đi, bất chấp những hiểm nguy...  
*Con chích choè vượt biển về đâu ?  
Rồi chim hót, chim hót giọng sầu,*

*Chim chúc đầu vào biển sóng nâu.  
Con chích choè chìm vào đêm sâu,  
    Vẫn cất tiếng hát,  
    Cát tiếng hát gọi tôi rầu rầu.  
Con chào mào đậu ở rừng thông  
    Học câu hát, câu hát lạ lùng,  
Con chào mào liú lười ngọng cảm!  
Chim hải hùng cuộc đời mênh mông,  
    Nhưng vẫn vỗ cánh,  
Chim nhón nhác bay về muôn phương.*

Qua lời lẽ của một câu ca dao Huế, đây là lời than vãn chung :

*Chim bay từ đồng lúa phương Nam,  
Chim vượt trùng về lũng phương Tây  
Chim xa bầy thương cây nhớ cội  
Người xa người, tội lắm chim ơi !  
    Ôi người xa người, tội lắm ai ơi !  
    Tội lắm ai ơi !  
    Tội lắm chim ơi !  
    Tội lắm tôi ơi !*

Bây giờ tới số phận của con chim Phượng, con chim Hoàng Khuyên, đại diện cho giới trí thức trong đời sống lưu vong :

#### **6.- Một Đôi Phượng Quý**

#### **7.- Trên Cành Vàng, Con Hoàng Khuyên**

*Một đôi phượng quý  
Than ôi ! Xù lông dưới mưa Đông  
    Nhìn công thềm múa  
    Ơi ơ, rồi chim xuống ven sông.  
    Mưa vẫn lâm dâm,  
    Chim đứng cãm cãm  
    Khi tuyết rơi tung  
    Chim chết trên sông.*

*Tuyết rơi lả tả là tà  
Như chim lạc tổ như ma lạc mồ.*

*Trên cành vàng trơ trụi nơi xứ tuyết,  
Con hoàng khuyên lên giọng hát nao nao.  
    Mây vẫn trôi cao, trời vẫn xanh xao,  
    Chim vẫn nâng niu giọng hát yêu kiều.  
    Mây trời này, mây trời không tím ngắt,  
Con hoàng khuyên không ngừng hát chiêm bao  
    Mây vẫn trôi mau, trời vẫn thâm sâu,  
    Ai có nghe đâu giọng hát chim đau.  
Con hoàng khuyên ngưng giọng ca tiếc nuối,  
    Trên đầu non, chim tưởng tới khi xưa  
    Khi lũ chim ri gọi nó bay đi.  
    Theo cuốc, theo gia, bỏ xứ đi xa.  
Nay hoàng khuyên không còn ai nghe hát!  
Chim khổ đau, cầu cổ chết không hay*

*Ta đứng đầu đây, đàn móc trên tay  
Nghe đất lung lay, đàn đứt tung dây.*

Bao nhiêu chết chóc, khổ đau đã được diễn tả qua đoạn đầu của tổ khúc... Nhưng trong khi bầy chim đang sống trong cảnh buồn bã thì có đàn nhạn, đàn én -- vốn là loài chim chuyên môn đưa tin vui -- bay tới để an ủi lũ chim buồn. Nhạc từ đây trở đi sẽ vui hơn trước.

**8.- Bầy Chim Hoài Xứ**  
**9.- Én Bay Thấp, Én Bay Cao**  
**10.- Bầy Chim Một Nhà**

*Bầy chim hoài xứ  
Còn u uất trong hang.  
Thì nghe bầy én  
Nhạn xanh tới hân hoan !  
Trong phút cô đơn  
Nghe én ca vang  
Chim nén đau thương  
Trong trái tim đen.*

Én nhạn báo với bầy chim bỏ xứ rằng : Chim nào còn nhớ gốc đa thì hãy bay về nước đi... Còn nếu tự thấy mình vốn là bầy chim của một góc trời nhỏ hẹp, nay được bay đi khắp muôn phương thì phải chung vui với thế giới chứ ? À, én nhạn hiểu rồi ! Bầy chim lưu vong buồn bã là vì xưa rày chim sống rất là chia rẽ. Vậy, xin nhắc lại cho bầy chim lẻ loi nghe một bài ca dao Việt Nam nói về tình gia đình của loài chim :

*Nhạn xanh chấp cánh bay chuyền  
Én xanh ríu rít đưa tin thánng ngày*

*Én bay thấp, nên mưa ngập bờ ao  
Én bay cao nên mưa rào lại tạnh  
Én hay nhạn thương cho bạn tỉnh mê.  
Bạn tình xa nếu nhớ gốc đa bộn bề  
Không cần được bay khắp cõi thế gian thì về.  
Bầy chim một góc khung trời  
Được bay về bốn phương đời  
Chim đã yêu mình, nên nhớ yêu người  
Từ kiếp đơn cô vào đám đông vui  
Thì tôi nào có lẻ loi.*

*Én bay thấp, nên không sợ điều hâu  
Én bay cao, không khi nào gặp nạn.  
Én thương bạn trong ly loạn, hoài hương  
Bạn buồn thương có lẽ vấn vương tình nhà  
Nên kể bạn nghe gốc tích lũ chim hiền hoà.  
Én kể cho nghe...  
Nhạn kể cho nghe...*

*Bồ các là bác, ý a chim ri,  
Chim ri là dì là dì sáo sậu.  
Sáo sậu là cậu, là cậu sáo đen  
Sáo đen là em ý a tu hú.  
Tu hú là chú, là chú hoàng oanh,  
Hoàng oanh lấy anh của chim bói cá.  
Bói cá là mạ, là mạ bồ nông,*



*Bồ nông là ông ý a con cò.  
Buồn cho con yểng là yểng nhát gan,  
Thấy màu đỏ chót là toan giết mình.  
Phục cho chèo béo rất ư hùng anh,  
Hể mà thấy quạ, nó rình đánh ngay*

Câu ca dao hiện đại hoá vừa rồi đưa ra tính tình của vài con chim Việt Nam: chim yểng rất sợ màu đỏ, chim chèo béo tuy bé nhỏ nhưng thích đánh nhau với quạ, lớn hơn mình... Câu ca dao mới sau đây nói tới những con chim ở trong nước không chịu ca hát nữa, qua sự kiện danh ca Thái Thanh im tiếng hát trong mười năm. Và CON CHIM THANH chỉ hát lại sau khi ra tới nước ngoài...

### **11.- Lên Rừng Ba Mươi Sáu Thứ Chim**

*Con công tổ họ trên rừng  
Chim trời cá nước vẫy vùng dọc ngang.  
Tiếng chim quý báu vô chừng  
Con công tổ họ trên rừng, mặc công.*

*Lên rừng già ba mươi sáu ơ... chim loài chim.  
Có con chim chèo béo  
Có con chim anh hùng  
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng  
Chim chèo béo đánh, đánh chim đen.  
Nơi rừng nhà ba mươi sáu ơ... chim loài chim.  
Có con chim ở lại,  
Có con chim đi rồi,  
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng  
Chim ở lại quyết, quyết không thua.  
Chim thuở nào chim đã hót ơ... tiếng chim vượt thời gian.  
Hát cho, cho cuộc sống  
Hát cho, cho cuộc tình  
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng  
Rằng chim hót tiếng chim Thanh !  
Chim ở nhà, chim không hót ơ... chim nhất định lặng thinh.  
Dấu cho chim thêm khóc  
Dấu cho chim thêm cười  
Quan họ rằng, tôi hiểu rằng  
Chim gìn giữ tiếng, tiếng chim Thanh*

Bây giờ là một tin vui nhất thế kỷ mà đàn chim én, nhận đem tới cho bầy chim Việt xa xứ : Tình hình thế giới đã đổi thay với làn sóng dân chủ đang dâng lên khắp mọi nơi. Hình ảnh ngày về đã mở ra cho bầy chim bỏ xứ :

### **12.- Bầy Chim Nghìn Xứ**

### **13.- Én Bay Dọc, Én Bay Ngang**

### **14.- Bầy Chim Một Tổ**

*Nhạn xanh và én thì đưa những tin êm  
Bầy chim nghìn xứ còn đưa những tin thêm  
Trên khắp dương gian Xuân đã vươn lên  
Nên chốn quê hương Xuân cũng mon men...*

*Nhạn kia riu rít trời xanh  
Én kia chấp cánh bay quanh địa cầu*

*Én bay thấp, nhưng bay dọc biển sâu  
Én bay cao, bay ngang nhiều lục địa.  
Én hay nhận, cho hay lạnh mùa thu,  
Lạnh mùa đông đã tới lúc phai và tàn.  
Trong trời tự do đã có lũ chim bạt ngàn.  
Bầy chim được lúc tung hoành  
Tường ô nhục đã tan tành  
Xuân tới khi màn tre nhốt chim lành...*

*...Màn sắt ô danh, đều đã rung rinh  
Tự Do là tiếng loài chim.  
Én bay thấp, nên nghe được lòng dân  
Én bay cao, nên trông vào thời vận.  
Én kêu gọi, bao chim bạn cùng nghe.  
Một trời xuân đã bát ngát trên đường về !  
Tôi hiểu loài chim đã hót tiếng Xuân chàn chề.  
Én kể cho nghe...  
Nhạn kể cho nghe...*

Tổ khúc mở đầu với một cơn ác mộng, tới đây tiếp tục với một giấc mơ hồng...

*Tình nghĩa là lừa ý a chim uyên,  
Lên tiên thì tìm, thì tìm cánh hạc.  
Tấu nhạc là phượng, là phượng xuống non,  
Nặng lên đầu non, véo von kim tước.  
Tha thướt, tha thướt là dáng thiên nga,  
Còn nuôi giấc mơ là chim gõ mõ.  
Sóng gió, sóng gió là bầy hải âu,  
Gọi nhau, gọi nhau, cháu con chim Rồng.  
Bìm bịp dựa nước, dựa nước nhoi ra  
Yến ơi ! Khạc máu chẳng qua tin người.  
Giẻ cùi tốt mã, tốt mã dài hơi  
Ăn gian, uống bần ai nuôi làm gì ?*

Thế rồi, những con chim huyền sử của Việt Nam như Chim Hồng, Chim Lạc.. bay lên từ động Đông Sơn, từ cánh đồng Phù Đổng, từ huyện Mê Linh, từ Hoa Lư, từ Bạch Đằng Giang, từ Chi Lăng, Yên Thế... kêu gọi đàn chim xa xứ bay về làm lại mùa Xuân dân tộc trên quê hương yêu quý. (Tôi cố gắng đưa vào đoạn này tiếng tù và, tiếng trống đồng làm nền nhạc cho một điệu múa trống) :

### **15.- Bầy Chim Tình Giác**

### **16.- Bầy Chim Huyền Sử**

*Bầy chim tình giác cùng nghe tiếng thiêng liêng,  
Từ nơi huyền bí, nổi lên tiếng chim Tiên.  
Chim đã vượn lên như gió thiên niên  
Tôi đã nghe vang con bão không gian.*

*Trống rồng lại nở ra rồng  
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.  
Trống rồng lại nở ra rồng  
Chim tiên lại đẻ ra dòng chim tiên.*

Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Lạc !  
 Hỡi những cánh chim huyền sử xa vời.  
 Những cánh chim là NGƯỜI cho THIÊN và ĐỊA chung vui.  
 Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Lạc !  
 Hỡi những cánh chim của Tiên với Rồng.  
 Những cánh chim ẩn ngữ Đông Sơn, hoàn mỹ âm dương.  
 Những cánh chim dẫn đường đưa lối,  
 Những cánh chim sinh tử không rời.  
 Vỗ cánh theo Cha về miền xuôi,  
 Vỗ cánh bay theo Mẹ lên núi.  
 Những cánh chim bay từ Mê linh,  
 Bát ngát trời Phù Đổng oai linh.  
 Những cánh chim khơi động Hoa Lư  
 Những cánh chim Lê, Lý, Trần xưa!  
 Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Việt!  
 Hỡi những cánh chim huyền sử mơ màng  
 Những cánh chim lịch sử oai phong, bảo vệ non sông  
 Lặng nghe đây con chim Hùng, đây con chim Việt !  
 Hỡi những cánh chim mở hội Diên Hồng  
 Những cánh chim Hồng Đức hân hoan, mở cõi giang sơn.  
 Những cánh chim trên Bạch Đằng Giang,  
 Những cánh chim vui cảnh Tao Đàn.  
 Lướt gió bay qua miền Chi Lăng,  
 Hót liú lo trên đồi Yên Thế  
 Những cánh chim nổi lòng nhân dân  
 Khiến ó, ưng và điều hung hăng  
 Muốn đắp xây uy quyền độc tôn  
 Đã thấy bơ vơ giữa loài chim.

Vào những ngày cuối của thế kỷ này, thế giới đã đổi thay, Việt Nam rồi cũng phải thay đổi. Giang sơn không thể là riêng rẽ của một lũ chim nào cả, mà phải là chốn vui chung. Đã tới lúc những con chim bỏ xứ đã có thể làm công việc hồi xứ. Để xây dựng lại Việt Nam, cần có chim hiền để xây đắp tình thương thì cũng cần có chim dữ để gìn giữ biên cương... Cũng như hai tác phẩm trước là CON ĐƯỜNG CÁI QUAN và MẸ VIỆT NAM... tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ (và HỒI XỨ) cũng xưng tụng một nước Việt Nam đoàn kết và thống nhất trong tinh thần đa nguyên và dân chủ. Tổ khúc kết thúc với hình ảnh già trẻ ôm nhau khâu vá lại nước Việt Nam.

#### 17.- BẦY CHIM HỒI XỨ

#### 18.- Chim Quyên Về Đâu Ở Thôn Đoài

Vì hung tợn quá  
 Và không biết yêu thương  
 Điều hâu bạo dữ  
 Mời đi giữ biên cương!  
 Cho cánh chim ngoan  
 Xây đắp quê hương  
 Cầu hót hân hoan  
 Cho mãi xuân sang.

Vũ đi thì Vũ lại về  
 Giặc đến Bồ Đề thì giặc lại tan  
 Đầu cha lấy làm thân con

Mười lăm năm tròn hết số thời thôi!

Chim đi rồi một buổi chim về  
Cho Tình Yêu nở khắp miền quê.  
Vì đã không làm nên mùa Xuân thắm  
Thì một ngày chim dữ cũng lui chân  
Để thấy giang sơn là không riêng rẽ  
Của lũ chim nào, là chốn vui chung.

Cát tiếng vang lừng trong gió mới  
Trong tình nồng nhiệt lũ chim ơi!  
Giữ nước, cao giọng con quốc quốc,  
Canh nhà, rền rĩ tiếng gia gia

Chim vui về hạp ở khu rừng,  
Chim hồi sinh réo bạn tung bưng  
Từ Bắc Quang, Bắc Mực về núi Tân  
Hội chim còn dài, biết mấy Thu Đông.  
Điều vũ loài công, tiếng hùng chim núi,  
Chim biển vẫy vùng, bầy én mộng lung.  
Chim Xuân về lượn rợp cánh đồng  
Bên bờ sông, cá lội chờ mong...

(Đằm thắm, đôi bờ câu bú mớm  
Khói lên mơ màng, mái tranh êm đềm)

Ngắm chim về sườn ảm nóc rơm  
Âm nóc rơm... Âm nóc rơm...  
Nơi vườn thơm, nắng rọi,  
Kết bầy, chim ủ ấp quê hương.

Vỗ cánh chim chiều vang lớp sóng  
Như lòng của một kiếp ca nhân.  
Nước hỡi, thương loài chim lắm chứ!  
Ơi nhà, diu dặt hẩn du ca.

Bầy chim hồi xứ về quê cũ yêu thương  
Dựng xong mùa mới rồi chim sẽ bay tung  
Bay khắp dương gian trong nỗi vui chung  
Ra tí không gian thăm cõi mộng lung.

Chim Quyên về đậu ở Thôn Đoài  
Trong phận mình ở cõi tử sinh  
Buồn với vui bằng tâm hồn chân chính  
Bầu trời này hay thế giới mộng mênh  
Thì cũng chỉ ca một bản Xuân Tình  
— chốn trần gian hoặc ở vô hình.  
Chim ngoan về đậu ngọn tre già  
Ta và chim khâu vá đời sau  
Chim và ta âu yếm gọi nhau,  
Ta còn nhiều phen hát tình yêu.

---

Nhạc phẩm **Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ** đã được may mắn phát hành bởi nhà xuất bản LỜI VÀNG, với những bức tranh minh họa và những bài giới thiệu tuyệt vời của các văn nghệ sĩ tên tuổi như...

**các họa sư** : Thái Tuấn, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Nguyễn Khai, Phạm Khải, Văn Hiếu, Thái Bá, Lê Chi, Phạm Cơ, Nguyễn Thị Hợp...

**các văn gia** : Đào Mộng Nam, Nguyễn Thi, Phạm Văn Kỳ Thanh, Bùi Duy Tâm, Kiều Chinh, Trần Dạ Từ, Trần Văn Ân, Nguyễn Hiền, Thi Vũ, Lê Kim Đính, Băng Tâm, Thụy Khuê, L.M. Kim Định, Đỗ Quý Toàn, L.M. Trần Cao Tường, Hàn Vĩ, Đặng Tiến, Quỳnh Giao, Phạm Anh Dũng, Xuân Vũ, Lê Mỹ Hương, Thái Văn Kiểm, Trần Văn Nam, Vi Thuấn...

Trong sách nhạc, còn có nhiều trang với chữ ký của khán thính giả ký chung quanh chữ ký của tôi... coi như một cái tổ chim tượng trưng cho sự đoàn kết.

Cùng với đĩa CD và sách nhạc **Bầy Chim Bỏ Xứ**, tôi đi lưu diễn khắp nơi trên thế giới và khi qua Âu Châu thì tôi có được sự giúp đỡ rất tận tình của một người bạn mới. Một ngàn đời sau, tôi vẫn không quên ơn người phụ nữ trong sáng, nhiệt thành và đại lượng này. Tôi mới chỉ kịp mời bà vào ngự trị trong một tập nhạc của tôi, vào lúc mà một cuốn sách mùa Xuân phải đóng lại... một cơn gió Xuân đã ngừng thổi... một giọt mưa Xuân đã ngừng rơi... và một con bướm mùa Xuân đã không còn hoa để hút nhụy, bay đi...

*Tôi là tôi, tôi cũng là em  
Em là tôi, em cũng là anh  
Là Xuân con bướm hút nhụy xuân tình  
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ  
Là ý thơ nồng trang giấy xuân thư...*

*Người đi đi không thôi  
Ngày thế giới lên nguồn vui...*  
**LỮ HÀNH**

## Chương Hai Mười Ba

Là người được hân hạnh cùng bạn đồng lứa tuổi khởi xướng và phát huy Tân Nhạc bằng **nhạc đơn điệu**, sau gần 50 năm phát triển đến tận cùng giai điệu Việt Nam với những *dân ca, trường ca, tình khúc, tâm ca, hoan ca* v.v..., bắt đầu từ 1988 trở đi, nhờ sự trợ lực của người con thứ Duy Cường, tôi đã bước qua một giai đoạn mới : giai đoạn **nhạc đa điệu** (polyphonique).

Khi rời Thanh Hóa vào Hà Nội (1950) rồi đem cả gia đình vào Saigon, tôi có một đời sống tương đối khá đầy đủ để có thể xa nhà đi du học, vì thấy rằng sau 10 năm sống bằng nghề nhạc, tất cả vốn liếng âm thanh của mình chẳng qua chỉ là kết quả của sự học mót, học lôm mà thôi. Tất cả những gì mình làm ra mới chỉ là những ca khúc ngắn ngủi, chỉ là những thử thách, chưa có thể cho rằng đó là cái đích nghệ thuật của mình. Trong giới nhạc sĩ Việt Nam, ai cũng cho rằng phải tiến lên cái đích là **nhạc hoà tấu, nhạc giao hưởng**. Hình thức *concerto, symphonie, opera* trong **nhạc classique**... là mẫu mực.

Nhưng sau hai năm 1954-55 học nhạc ở Paris, tôi thấy rằng loại nhạc soạn theo đường lối nhạc cổ điển Tây Phương không phù hợp với xã hội và con người Việt Nam. Những hình thức đại nhạc như *concerto, symphonie, opera* v.v... vốn là sản phẩm tinh thần rất lâu đời của giống da trắng "tự lạp phu" (slave), không dễ dàng mau chóng đi vào lòng người dân da vàng tiểu nhược quốc trong thời loạn. Muốn đi vào con đường âm nhạc giống như của Mozart, Chopin, Beethoven... nước Việt Nam phải có vài chục trường nhạc thành lập theo kiểu **conservatoire de musique** của Tây Phương để đào tạo vài ba thế hệ nhạc trưởng, nhạc công, rồi có ngân sách quốc gia khá lớn để tổ chức nhiều ban nhạc giao hưởng, luôn luôn trình diễn cho dân chúng quen dần với những hình thức **hoà tấu khúc, đại nhạc kịch**.

Nhìn vào thực tế, tôi thấy nước Việt Nam đang trong thời loạn, một chút yên ổn trong cuộc sống hằng ngày còn không có, nói chi tới hoà bình thịnh vượng để phát triển văn hoá, văn nghệ? Một nước nông nghiệp nghèo, bị chiến tranh đe dọa, dựa vào viện trợ để sống, mà đua đòi giống thiên hạ à? Dưới thời ông Ngô Đình Diệm, dù trong nước có ba trường Quốc Gia Âm Nhạc ở Saigon, Huế và Dalat nhưng việc đào tạo nhân tài xem ra thật là nhũn nhặn.

Là một nhạc sĩ không theo trường phái nào cả, tôi đã chủ trương phải đi từ **dân ca**, tức là **nhạc đơn điệu** đi lên. Đợi thế hệ sau rồi mới tính tới chuyện **nhạc đa điệu**. Việc du học chỉ giúp tôi hiểu biết kỹ càng về sự **thành hình và biến hình của nhạc ngũ cung** để tôi phát triển đến tột độ những giai điệu trong vài trăm tác phẩm ngắn hoặc dài. Và hiểu biết rõ ràng về lịch sử âm nhạc thế giới để mình sẽ tìm ra con đường nghệ thuật của mình.

Thế rồi hoàn cảnh lịch sử đã khiến tôi phải bỏ nước ra đi và sau 15 năm sống ở Mỹ, tôi nghĩ rằng tôi đã có thể từ từ tiến lên giai đoạn **nhạc đa điệu**. Trước hết, tôi khuyến khích con tôi học về hoà âm phối khí từ khi Duy Cường vừa mới qua Mỹ, rồi bắt đầu từ năm 1988 trở đi, hai bố con tôi thử nghiệm tìm ra một đường lối hoà âm cho nhạc đơn điệu, thuận với lỗ tai Việt Nam. Chúng tôi thử đi vào thể **đại nhạc** (grande musique) mà không nhất định phải hoàn toàn theo trường phái nhạc **classique** hay **neo-classique** Tây Phương.

Năm 1988 lại đúng vào thời kỳ mà ở trên thế giới, trong phạm vi thu thanh, hình thức **compact disc** (gọi tắt là CD) đã ra đời để thay thế cho băng tape, băng cassette, đĩa hát long player 45 tours hay 33 tours... Còn loại đĩa hát cổ lỗ sĩ chạy với tốc độ 75 tours một phút thì đã được mọi người cho vào nằm trong bảo tàng viện từ lâu rồi.

Khi chúng tôi cho phát hành một chương trình nhạc đa điệu vào **compact disc** thì đây là một thử thách đầu tiên về cả hai phương diện nội dung và hình thức. Đúng ra, đây là một sự liều lĩnh vì vào lúc đó, người Việt Nam --dù đang ở Mỹ-- chưa chịu bỏ

tiền ra để mua máy chạy CD. Điều này cũng rất dễ hiểu : chưa có đĩa CD nhạc Việt thì mua máy chạy CD làm gì ?

Lúc đó, phí tổn để làm đĩa CD hãy còn rất đắt, tôi còn nhớ giá thành của một đĩa là khoảng 3 dollars (so với bây giờ là 77 cents). Chỉ sau khi đĩa CD đầu tiên của chúng tôi -- nhan đề **Nhạc Tình** -- ra đời, băng cassette từ từ xuống giốc, các nhà sản xuất mới ùn ùn cho phát hành đĩa CD...

Nhưng chương trình âm nhạc đa điệu này chưa có thể là một cái gì hoàn toàn mới, nó phải là một số điệu ca mà người nghe đã quen thuộc nhưng chưa hề có một **hoà âm, phối khí** nào đúng nghĩa là **phối âm** cả.

Chúng tôi bèn dùng 10 bài hát rất quen và sắp xếp vào một chủ đề. Đó là chủ đề **ra sông ra biển**. CD này mang tính chất **nhạc thính phòng**, mở đầu bằng bài **Chiều Về Trên Sông**. Sau khi cho nghe đoạn "nhạc sông" mô tả cảnh một người ngồi mơ màng bên dòng Cửu Long Giang, nhạc chuyển qua "nhạc biển" đưa người nghe vào cuộc ra đi (exodus) lớn nhất của người Việt trong thế kỷ. Ra tới thế giới mịt mù rồi là một sự hoài xứ (nostalgia) mông lung, nhạc gợi lại dĩ vãng với cảnh chiến tranh/hoà bình, tình yêu/thù hận, náo nhiệt/cô đơn, hi vọng/thất vọng v.v... qua những bài như **Tình Khúc Chiến Trường, Trả Lại Em Yêu, Con Đường Tình Ta Đi, Dừng Xa Nhau, Mộ Khúc** v.v... trong bất cứ bài nào cũng đều có sự tái tạo.

Với đĩa CD đầu tiên này, chúng tôi thử thách soạn nhạc đa điệu và không lời theo trường phái ấn tượng (impressionist).

Qua năm 1991, **Con Đường Cái Quan, Nhạc Hoà Tấu** nghĩa là nhạc đa điệu và không lời, được phát hành. Ai cũng đã biết rằng vào năm 1954, Hoà Hội Genève phân đôi nước Việt khiến tôi soạn trường ca **Con Đường Cái Quan** để phản đối sự chia cắt đó. Được thu thanh vào năm 1960 bởi những giọng ca hay nhất của Saigon, trường ca được phổ biến trên các Đài Phát Thanh trong suốt những năm phân chia của Việt Nam. Rồi vì sự éo le của lịch sử, Việt Nam được thống nhất vào năm 1975, nhưng không thống nhất bằng hoà hợp hoà giải, khiến cho tới bây giờ (1994) lòng người ở trong và ngoài nước còn cực kỳ chia rẽ.

Để kêu gọi sự thống nhất lòng người, tôi mời mọi người nghe lại bản **Con Đường Cái Quan**. Lần này, nhạc phẩm được trình bày theo lối nhạc không lời, dưới hình thức giao hưởng (symphonie), hoà tấu (concert). Về nghệ thuật, khi soạn trường ca trước đây, tôi bị hạn chế bởi lời, không diễn tả được sự hối hả hay cô đơn của người lữ khách trong cuộc trường chinh, không nói lên được những hiểm nguy mà lữ khách gặp phải khi trèo đèo, lội suối, không phô bày được cảnh đập lúa giã gạo của người dân ở hai bên con đường xuyên Việt v.v...

Bây giờ là lúc chúng tôi dùng nhạc thuần túy để **diễn tả, gợi cảm và gây ấn tượng** cho người nghe về **âm sắc, màu sắc, nhan sắc và tâm sắc** của một Việt Nam trong một thời gian và không gian (dans l'espace et dans le temps) nhất định.

**Về không gian**, tuy chỉ là một nước Việt nhưng vì có ba phần đất khác nhau nên mỗi phần đều có nhạc tính riêng : nhạc miền Bắc là nhạc núi rừng hiểm trở; nhạc miền Trung là nhạc miếu đền cung điện; nhạc miền Nam là nhạc gió mưa sông nước.

**Về thời gian**, lũ khách chỉ có ba ngày ba đêm để hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước lòng người.

**Về động tác**, tuy chỉ là những bước đi nhưng nhịp đi lúc nào cũng thay đổi tùy theo hoàn cảnh và phong cảnh. Bản nhạc này đưa nhạc Việt lên một địa vị cao.

Sau khi nghe **Con Đường Cái Quan -- Nhạc Hoà Tấu**, có nhà phê bình ở Hoa Kỳ gọi tôi là Schubert của Á Đông. Ban hợp xướng NGÀN KHÔI và ban nhạc hoà tấu ở Little Saigon đã trình bày bản **Con Đường Cái Quan** trước công chúng Việt-Mỹ ở Nam-California. Người Việt ở Úc Châu, sinh viên Đại học Berkeley... muốn có phần nhạc bản để cho giàn nhạc giao hưởng ở Sydney, ở Bắc Cali.. có thể trình diễn trước công chúng.

Rồi tới mùa Thu 1994. chúng tôi phát hành **Mẹ Việt Nam, Nhạc Hoà Tấu**. Bài này hợp lỗ tai người Việt Nam hơn người ngoại quốc vì nó mang quá nhiều tính chất tượng trưng (symbolique). Phải hiểu nó qua lời ca rồi mới nên thưởng thức nó qua nhạc không lời. Nó không hoành tráng như **Con Đường Cái Quan, Nhạc Hoà Tấu**, nó là một pho tượng, tượng **Mẹ Việt Nam** của chúng ta, phần một là tươi tắn, xinh đẹp, phần hai là ưu tư, lo lắng, phần ba là chua xót, đau khổ, phần bốn là tha thứ, siêu thoát...

Tôi muốn đưa ra một tác phẩm rất giản dị, rất đậm bạc (sobre), không diêm dúa, không xa hoa lộng lẫy : *Mẹ Việt Nam không son không phấn, mẹ Việt Nam mang tấm nâu sông mà !* Người nghe toàn bộ tác phẩm mà thấy cảm động thì tác phẩm được coi như đã thành công. **Mẹ Việt Nam, Nhạc hoà tấu**, một lần nữa kêu gọi các con trở về với mẹ tổ quốc. Lời kêu gọi, vì quá quen thuộc nên đã trở thành vô ngôn.

Cũng trong chủ trương đi vào cõi **nhạc không lời**, con trai tôi là Duy Cường chọn một số lớn ca khúc quen thuộc, bỏ phần lời ca mà chỉ dùng nhạc điệu với hoà âm, phối khí mới để soạn thành những chương trình nhạc nhẹ (easy listening) như **Đêm Nguyệt Cầm, Phù Du, Mộ Khúc**... Những cassettes hay CDs này bán rất chạy.

Nhân đây, tôi cũng muốn nói qua về **nhạc hoà tấu** của các nhạc sĩ khác. Trước hết là những người soạn nhạc theo trường phái cổ điển Tây Phương, có pha trộn ít nhiều nhạc cụ dân tộc.

Ở trong nước, nhạc hoà tấu theo truyền thống này đã có từ lâu và sau 1975 thì có thêm những nhạc phẩm ca tụng một nước Việt Nam đã được thống nhất như *Hoà Tấu Khúc Ba Chương* nhan đề **Đất Nước Thống Nhất** của Nguyễn Vinh, *concerto cho đàn tranh và giàn nhạc giao hưởng* nhan đề **Quê Tôi Giải Phóng** của Quang Hải, **Quê Mẹ** với các khúc : *giáo đầu, nhạc đờ, biến tấu* cho piano, cho piano và violon...

Ở ngoài nước, trong nhiều năm người ta chỉ biết Cung Tiến có một nhạc phẩm lớn như bản *hợp tấu khúc* **Chinh Phụ Ngâm**, gồm 1 giáo đầu, 3 chuyển động là **Nước Thanh Bình, Cơn Gió Bụi, Nhớ Nhung Cơn Mộng Dữ** và **Mộng Khải Hoàn**, được ra mắt mọi người nhờ một khoản tiền viện trợ của Mặt Trận Hoàng Cơ Minh. Và hai bài khác là thơ Thanh Tâm Tuyền được Cung Tiến phổ nhạc, những bài này chưa hề được in ra, hát lên hay thu thanh.



Lê Văn Khoa có nhiều sáng tác hơn và vì có sự cộng tác với một ban hợp ca lớn mang tên NGÀN KHÔI ở Nam Cali mà mỗi năm tổ chức được hai hay ba buổi **nhạc hoà tấu, nhạc giao hưởng** dù đa số cũng chỉ là những buổi **nhạc có lời** nay được trình diễn với ca sĩ hạng nhất và với nhạc trưởng mặc áo đuôi tôm điều khiển trên dưới 100 ca viên nam nữ giỏi ca, nhạc công Mỹ, Việt giỏi nhạc.

Về nhạc trưởng thì trước đây có thêm Trần Chúc, hoạt động rất hăng say với ban NGÀN KHÔI, và trong những năm gần đây thì thấy có Thomas Ngô xuất hiện để điều khiển vài ban nhạc thính phòng. Về nội dung trình diễn thì loại nhạc không lời mà các vị này cho biểu diễn thì khá vắng bóng, đa số chỉ là chương trình ca nhạc gồm những ca khúc xưa hay ca khúc bây giờ có thêm phần hoà âm, phối khí theo trường phái neo-classique.

*Em là tôi, em cũng là anh  
Là Xuân con bướm hút nhụy xuân tình  
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ  
Là ý thơ nồng trang giấy xuân thư.*  
**XUÂN**

## Chương Hai Mười Bốn

Bây giờ là tháng 6, năm 1992. Tôi soạn **Thiên Ca**.

Nói tới thiên thì ai cũng đều biết thiên là vô ngôn. Vậy tại sao lại cần đến thiên ca nhi ? Tôi xin thưa ngay : Bởi vì bản thân tôi hãy còn đang rảo bước trên con đường trở về cõi tâm và trước khi tới đích là vô ngôn thì phải hát lên.

Nếu tôi không làm thì người ta đã dùng nhiều phương tiện (hay phương pháp) để đạt tới thiên. Nào là ngồi thiên, thờ thiên, nằm thiên, đi thiên... Trải qua bao niên kỷ, Thiên đã đi vào đời sống của nhiều dân tộc dưới nhiều dạng : Thiên của Bồ Đề Đạt Ma là Võ Thiếu Lâm, võ Thái Cực Quyền. Tổ sư Huệ Năng giã gạo, bửa củi để vào thiên. Người Nhật Bản coi việc pha trà, cắm hoa là hành thiên. Gần đây Thiên sư Nhất Hạnh còn đem thiên vào việc thức dậy, quét giếp, mở cửa sổ, vắn nước, rửa mặt, rửa tay chân, v.v. Nghĩa là con đường vào thiên có rất nhiều phương tiện. Phương tiện của tôi là hát lên **mười khúc thiên ca**.

Đó là lý do vì sao tôi soạn **thiên ca** như trước đây, 1972... tôi đã soạn **đạo ca**, phở thơ Phạm Thiên Thư.

Thế nhưng, tại sao **đạo ca** ? Là bởi vì vào lúc đó, chiến tranh, hận thù, chia rẽ và ly tán, đã làm cho đạo lý của con người suy đồi. **Đạo Ca** có thể là loại ca khúc để chúng ta cùng nhau xét lại đạo sống Việt Nam.

Niềm hạnh phúc của tôi bây giờ là vào lúc tuổi đã về chiều mà vẫn có thêm một chút hành trang mới, để làm nốt cuộc hành trình khá dài và khá nhiều gian truân. Tôi đã

được cùng đồng bào vinh quang đi trên **những nẻo đường kháng chiến**, rồi cùng nhau chua xót **đi giữa hai lần đạn** trên con đường cái quan bị cắt làm hai mảnh. Tôi đã được cùng các bạn yêu nhạc say đắm đi trên **con đường tình** chan chứa yêu thương. Tôi và các bạn cũng đã bị lôi cuốn đi trên **con đường hận thù** xiết bao buồn bã. Rồi những năm qua, trên **con đường khốn khổ lưu vong**, tôi vẫn còn được cùng đi với gần hai triệu đồng hương. Hôm nay đây, trên một con đường hoàn toàn mới mẻ, **con đường trở về cõi tâm** bằng những **thiền ca**, tôi âu yếm kính mời các bạn cùng tôi cất bước lên đường.

Trước hết, tôi xin phép được nói về những yếu tố làm nên kết quả **đạo ca, rong ca, thiền ca** của tôi.

Lúc còn nhỏ, vì mẹ tôi là một Phật tử thuần thành cho nên tôi đã được theo mẹ đi tới các nơi lễ bái nổi tiếng như Chùa Thầy, Chùa Hương, đền Sòng Phổ Cát... Tôi biết tụng kinh, chẳng hạn **Kinh Dược Sư** : *Lự hương xạ nhiệt, pháp giới môn huân, chư Phật hải hội tất diêu văn, tùy xứ kiết tường văn, thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân...* Tôi cũng thuộc ít nhiều câu **Kinh Bát Nhã** : *Xá Lợi Tử, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị...* Thuộc lâu kinh kệ nhưng tôi chẳng hiểu gì hết !

Về sau tôi mới hiểu nghĩa của câu tụng là : *Lự hương vừa đốt, cõi pháp thom bay, chư Phật bốn biển đều xa hay, thấu tâm thành này, chư Phật hiện hiện ngay...* Lời kinh Bát Nhã còn cho tôi biết *cõi đời là bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm... cõi sinh là vô sắc, vô thanh, vô hương, vô nhãn...*

Lớn lên thì thấy những gì mình không hiểu trong Đạo dần dần được giảng giải một cách minh bạch và rất nên thơ, như :

*Có thì có tự mây may  
Không thì cả thế gian này cũng không  
(Từ Đại Hạnh - Thế kỷ XII)*

Tôi hiểu được rằng : tôi với cây cỏ, côn trùng hay với núi, biển, trăng sao là một. Tôi với hòn đá cuội có liên quan với nhau trong cõi sinh. Có tôi mới có nó. Không có nó thì không có tôi. Tôi hiểu được cái tôi trong cái ta. Và cái ta trong cái tôi.

Lớn lên hơn nữa, tôi được biết những lời thơ rất thiền như sau :

*Thuyền xuôi thì nước cũng xuôi  
Lại thêm mây bạc trên trời cũng bay  
Tôi đi trên chiếc thuyền này  
Dòng mơ tư tưởng đã thay đổi rồi  
Cái bay không đợi cái trôi  
Từ tôi phút trước sang tôi phút này.*

Qua những lời thơ này, tôi hiểu được cái lẽ vô thường của tạo hóa.

Thế rồi tôi trưởng thành, phanh ngực vào đời và luôn luôn bị cơn phong ba thời đại cuốn đi, ít khi có thì giờ để suy nghĩ về đạo. Nhưng cũng có những buổi chiều quê hương, tôi đi một mình trên đường quê, lòng đang nặng trĩu những nợ đời, bỗng có tiếng chuông chùa gióng lên. Tôi cảm thấy vui đi những lo lắng, ưu tư. Hoặc có những buổi trưa, nằm trên một cái chõng tre hay trên một cái võng gai, nhìn lên trời, thấy áng mây bay và bỗng thấy mình là mây, đang bay thoát ra khỏi cõi đời đầy tục

lụy. Tôi thấy được cái gọi là **siêu thoát**. Tôi cảm thấy mình vừa ra thoát khỏi vòng vây chật hẹp của cuộc đời. Tôi thấy tôi đang đi vào cái ta...

Nền giáo dục trong gia đình và ở nhà trường còn dạy tôi rằng trong bất cứ một người Việt Nam nào cũng có ba đạo giáo Phật, Khổng, Lão thường được gọi là **tam giáo đồng nguyên**. Đạo Phật dạy ta về cõi đời, đạo Khổng dạy ra sống với đời, đạo Lão dạy ta thoát đời. Trong phạm vi văn học, tam giáo đồng nguyên hiển hiện trong Truyện Thơ Kim Vân Kiều của Nguyễn Du, Truyện Thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, trong tập thơ của Nguyễn Bình Khiêm, tập hát nói của Nguyễn Công Trứ... Và trong nghệ thuật ca diễn, tam giáo đồng nguyên đó soi sáng tất cả các loại **Tuồng, Chèo, Hát Ả Đào, Hát Cải Lương**...

Nói cho rõ hơn, vào cuối thế kỷ 19, tập thể Việt Nam sống trong gia đình và ngoài xã hội với tinh thần trung, hiếu, tiết nghĩa. Cá nhân Việt Nam là mẫu người từ bi, mẫu người quân tử, mẫu người phóng khoáng.

Nhưng sau khi văn hóa Âu Tây theo chân thực dân Pháp tới nước ta thì đạo lý theo đường tam giáo đồng nguyên bắt đầu suy vi. Văn minh vật chất, cá nhân chủ nghĩa dần dần làm mờ đi giá trị của đạo lý cũ. Rồi tới khi lịch sử nước ta đi tới khúc quanh 1945 thì một đạo lý khác tới, mới đầu là sự cần thiết để giải phóng dân tộc, rồi sau 50 năm ngự trị trong đời sống Việt Nam, đạo lý đó rõ ràng là đạo lý của sức mạnh.

Ngay từ năm 1945 đó, dù rất đồng ý với việc người Việt Nam cần phải có sức mạnh để làm cuộc kháng chiến chống xâm lăng nhưng có lẽ vì tinh thần tam giáo vẫn còn tồn tại trong tôi cho nên tôi không hề suy tôn đạo lý bạo lực đó. Đầu mùa kháng chiến, khi mọi người đang khởi sự phải sống theo đạo lý thề phan thân uống máu quân thù thì tôi soạn một bài ca nhan đề **Thu Chiến Trường**, vừa xưng tụng chiến đấu, vừa xưng tụng hòa bình :

*Thu ơi Thu ! Ta võ súng ca  
Ca cho đời, cho Thu với ta.  
Nơi biên khu, mong nhớ khúc ca  
Câu Thái Hòa cho muôn chúng ta!*  
(Kháng chiến Nam Bộ 1946)

Thế rồi ngay trong lúc đang say mê với nhạc chiến đấu, đứng bên chiếc cầu sắt ở Lào Kai, tôi bỗng nhìn thấy cái chật hẹp của biên cương. Vào lúc mới ngoài 20 tuổi, tôi soạn bài **Bên Cầu Biên Giới** :

*Bên cầu biên giới  
Tôi lặng nghe dòng đời từ từ trôi.  
Sông nước xa xôi  
Mây núi khắp nơi không tỏ một đôi lời !*

.....  
*Nhưng đường quá xa vời  
Hương trời vẫn mê mãi  
Lòng tôi sao vẫn còn biên giới  
Đời tôi sao vẫn ngừng nơi đây...*

Thì ra không phải tôi chỉ nói tới cái biên giới giữa hai nước Hoa Việt ngăn không cho tôi tới sống bên người đẹp Tô Châu hay chết bên bờ sông Danube. Đứng ở Lào Kai, tôi bỗng nhìn thấy biên giới trong cuộc đời và trong lòng mình. Đó là biên giới giữa khoảnh khắc và thiên thu, giữa chiến tranh và hòa bình, giữa tình yêu và hận thù...

Đi sâu vào kháng chiến, trong khi đa số các bài ca chỉ xưng tụng người chiến sĩ ngoài tiền tuyến thì tôi hay nhắc tới người hậu phương, ví dụ trong bài **Nhớ Người Ra Đi** :

*Ai có nghe tiếng hát hành quân xa  
Mà không nhớ thương người mẹ già...  
Ai có nghe tiếng hát hành quân xa  
Mà không nhớ thương người vợ hiền...  
Ai có nghe tiếng hát hành quân xa  
Mà không nhớ thương đàn trẻ nhỏ...  
(Thái Nguyên 1947)*

Trong những năm chiến tranh, tình người luôn luôn được tôi xưng tụng qua những hình ảnh : *cô con gái giặt yếm bên bờ sông Lô, cô nàng về để suốt tương tư ... hay cô nàng về quây gánh trên vai nơi nương chiều Việt Bắc... những cô gánh gạo, gánh lúa ở Thanh Hóa... hay những o nghèo thở dài ở Quảng Bình, Quảng Trị...* Ngoài tình thân điều hợp con người và xã hội của Khổng Giáo, trong một hoàn cảnh bi thảm nhất của cuộc chiến, tôi đưa ra một câu hát có khả năng cứu khổ của Phật Giáo trong bài **Bà Mẹ Gio Linh** (1948) :

*Mẹ già cuốc đất trồng khoai  
Nuôi con đánh giặc đêm ngày  
Cho dù áo rách sờn vai  
Cơm ăn bát vơi bát đầy...*

Người mẹ này, một hôm đang tưới nước trồng rau bống nghe tin xóm làng kêu gào :

*Quân thù đã bắt được con  
Đem ra giữa chợ cắt đầu...*

Giặc Pháp bêu đầu con giữa chợ. Không ai dám tới lấy cái đầu lâu đó. Bà mẹ đành...

*...nghe ngào không nói một câu  
Mang khăn gói đi lấy đầu  
Đường về thôn xóm buồn tèo  
Xa xa tiếng chuông chùa reo...*

Trong thực tế, tại Quận Gio Linh vào năm 1948 này, với chủ trương vườn không nhà trống, không còn một ngôi chùa nào nữa. Vậy mà tôi đã cho vào đây một tiếng chuông chùa. Tiếng chuông chùa này, về sau vẫn còn vang lên trong một bài dân ca kháng chiến khác của tôi, bản **Người Về** :

*Mẹ ơi! Mẹ ơi! Chuông chùa nào la đà ?  
Nhớ tới, nhớ tới những linh hồn vắng nhà  
Một vòng hương trắng xóa  
Tình nồng trong thương nhớ  
Gửi người chiến sĩ chết trong xa mờ.*

Hiệp định Geneve chia đôi nước ta. Với đạo lý Mác Xít, miền Bắc xây dựng một xã hội sắt máu để trị dân và để chiếu cố miền Nam. Miền Nam phải gồng mình chống đỡ. Bạo lực được cổ võ ở cả hai miền. Trong suốt 20 năm, ba bốn thế hệ thanh niên bị lừa đi làm nghĩa vụ hay đi quân dịch, bị bắt buộc phải sống cho bộ máy Nhà Nước hay cho một chủ nghĩa... ít khi được sống cho mình. Trong bài **Dạ Lai Hương** soạn trong năm 1952, tôi phải thốt lên những câu hát :

*Đời ngon như men say tình lên phơi phơi  
Đẹp duyên người sống cho người !*

Rồi với những tiếng kinh cầu, những lời yêu mến nhau, với tình thương nhân thế bao la... tôi tiếp tục xưng tụng tình người qua bài **Xuân Thì** (1953) :

*Xa xa có tiếng kinh cầu  
Chiều trên dương thế mang sầu mệnh mông*

*Người đi giữa độ Xuân nồng  
Nhìn nhau bờ ngõ rưng rưng lòng nhớ thương.  
Tình thương nhân thế bao la  
Yêu người năm trước đã khiến cho ta giận hờn  
Và thương cây súng cô đơn  
Hoa đào đã nở trên vết mòn chiến xa...*

Trong những ngày đầu tiên sống ở Saigon, hai năm trước khi đất nước chia đôi, tôi chưa bị tình hình chính trị chi phối nên ngồi soạn một bản nhạc tâm linh. Đó là bài **Lữ Hành** :

*Người đi trên dương gian  
Thở hơi gió từ ngàn năm  
Gió lung lay Hoàn Sơn  
Gió dâng cao Biển Đông...*

Người đi trong không gian, đi trong thời gian, đi trong thiên nhiên hay đi trong nhân gian, đi trong thanh xuân hay vào lúc đã bảy mươi tuổi đều lên đường với :

*Thiên thu trong lòng này  
Tương lai trong bàn tay...*

Tôi cũng cho rằng người nghệ sĩ là kẻ luôn luôn đi tìm. Do đó tôi có bài **Tìm Nhau**. Tìm nhau là tìm người yêu hay tìm mình cũng thế. Tìm mình cũng là tìm mọi sự quanh mình, tìm thiên thu, tìm thiên nhiên... cho nên :

*Tìm nhau trong hoa nở, tìm nhau trong cơn gió  
Tìm nhau trong đêm khô hay mưa lũ.  
Tìm nhau khi nắng đổ, tìm nhau khi trăng tỏ  
Tìm nhau như chim mộng tìm người mơ.*

Đối với tôi, đã quyết định đi tìm người, tìm mình, tìm thiên thu, tìm thiên nhiên thì phải gặp :

*Gặp nhau trong Nhân Tinh đầy Bắc Ái, ơi người  
Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông*

Trong 20 năm Nam Bắc phân tranh này, với đạo lý Phật, Lão, Khổng luôn luôn sáng tỏ trong lòng, tôi mong mỗi thống nhất đất nước và lòng người qua **Trường Ca Con Đường Cái Quan** trước khi vinh danh tình yêu thương qua **Trường Ca Mẹ Việt Nam**. Trong cả hai trường ca này, tiếng kinh cầu, tiếng chuông chiều vẫn tiếp tục vang lên.

Tới khi chiến tranh và hận thù đi tới chỗ khốc liệt nhất, tôi soạn **mười bài tâm ca** (1966) :

*Kẻ thù ta đâu có phải là người  
Giết người đi thì ta ở với ai ?*

.....

*Giọt mưa trên lá  
Bóng dáng Phật về  
Xoa vết thương trần thế...*

Trong **tâm ca**, ngoài tinh thần cứu khổ của Phật giáo, tôi còn đưa thêm lòng nhân ái của Kitô giáo vào đạo sống của tôi :

*Giọt mưa trên lá  
Tiếng nói tình khôi  
Lúc Chúa vào đời  
Xin đóng đanh vì người...*

Tất cả những câu hát lẻ loi hướng về tâm linh đó ẩn hiện trong những bản nhạc đời của tôi mà tôi vừa kiểm điểm để mời bạn đọc, đã sửa soạn cho tôi đi thẳng vào **nhạc**

**Đạo** khi tôi gặp một tu sĩ kiêm thi sĩ là Phạm Thiên Thư để soạn ra **mười bài đạo ca** trong năm 1972.

**Đạo Ca** ra đời sau Tết Mậu Thân và trong Mùa Hè Đỏ Lửa, nghĩa là trong thời gian chúng tôi nghe thấy tiếng rên siết trong khổ đau của dân tộc qua bài **Quán Thế Âm**, nó là sự quý gối trước Phật Đài với bài **Quy Y**. Nó là **giọt chuông Cam Lộ**, nó là chiếc gậy của thiền sư Vạn Hạnh, xuống núi cứu nguy cho đời... Đạo ca **Pháp Thân** thì nói tới cái tôi trong cái ta, cái ta trong cái tôi mà tôi đã được giác ngộ từ khi còn nhỏ. Đạo ca **Đại Nguyện** nhấn mạnh tới câu thương người như thể thương thân trong Gia Huấn Ca. Đạo Ca **Chàng Dũng Sĩ và Con Ngựa Vàng** đưa ra hình ảnh một dũng sĩ cưỡi ngựa vàng đi tìm người yêu muôn thuở. Đi hết năm tháng đi khắp mọi nơi, đi cho tới khi áo bào đã sờn rách, ngựa vàng đã đổi lông mà vẫn không tìm ra người yêu lý tưởng. Thế rồi một ngày kia, dũng sĩ dừng chân xuống ngựa trên cái cầu bắc qua con sông đang gầm sóng, ngựa vàng bỗng hóa thành người đẹp mà dũng sĩ ra công đi tìm. Thì ra, đã từ lâu, dũng sĩ ngồi lên sự thật mà không biết !

Tuy nhiên, **Đạo Ca** nói lên sự vất vả của dũng sĩ phóng ngựa đi tìm đường sự thật hay nói lên thống khổ của một bà mẹ... là vẫn còn nằm trong vòng tục lụy. Nhạc điệu, lời thơ còn đánh vào tình cảm hay lý trí con người.

**Thiên ca** thì khác ! Nó không gọi cảm, không gọi nhớ. Nó không còn làm cho người nghe vui buồn, thương hận. Nó chủ yếu làm cho cái tâm chuyên chú vào một cảnh giới hay một sự kiện nào đó. Nó nhắm vào việc đưa con người từ cõi phiền não cũ kỹ tới những cảnh sắc tươi sáng, mới mẻ. Những cái thường tình như vui khổ, giàu nghèo, mê ngộ, thiện ác được siêu việt hết, đều trở thành vô thường. **Thiên ca** giúp người nghe biểu dương sự sống làm chủ ý muốn của mình.

Tôi đã tâm sự với các bạn là ta chỉ cần một tiếng chuông chiều, một áng mây bay để giúp ta siêu thoát. Thế nhưng trong cuộc đời này, ai là người có đầy đủ thì giờ và tâm trạng để ngồi chờ tiếng chuông chiều, áng mây trưa. Chỉ có các cụ ông ngày xưa, trong thời bình và luôn luôn thất nghiệp (jobless) và được các cụ bà nuôi thì mới có thể khi chén rượu, khi cuộc cờ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên... Và lại, tiếng chuông hay áng mây, nếu có tới với ta thì cũng không ở với ta lâu. Thoáng tới, thoáng đi... **Mười bài thiên ca**, cho vào compact disc với âm thanh ngàn đời không hư, ai muốn nghe lúc nào cũng được, khỏi cần nhờ tới thiên nhiên.

Bây giờ là chuyện **Thiên Ca**.

Tháng Sáu, năm 1992, tôi đi hát ở Boston. Vì từ nơi cực Đông của Hoa Kỳ qua Pháp không xa lắm, tôi đi Paris chơi một tuần. Bỗng nhiên, tôi có một ngày chủ nhật đi lang thang một mình trong thành phố để gặm nhấm rồi hoá giải một nỗi buồn. Trong dĩ vãng, mỗi khi gặp phải chuyện buồn, tôi đều phản ứng như vậy.

Ít lâu nay, trong cuộc đời về già không dễ dàng tung hoành như trước nữa, tôi luôn luôn bị vài nỗi buồn ám ảnh : Buồn vì đang sắp sửa phải kết liễu một chuyện tình, buồn vì sức khoẻ mỗi ngày một giảm sút, buồn vì tình hình dân chúng -- tôi cảm thấy -- ở hải ngoại cũng như ở trong nước không còn thiết tha với người nghệ sĩ nữa, v.v...

Thế nhưng, trong một buổi sáng lãnh đãng đi một mình giữa Paris nắng rực và vắng vẻ này, tôi lại đánh đuổi được sự dẫn dắt trong tôi. Một lần nữa -- sau **Đạo Ca, Rong**

**Ca** -- tôi bỏ rơi con đường nhạc đời để tìm về nhạc đạo. Tôi lại tìm thấy an ủi trong siêu nhiên. Trong một đêm (16-6-1992) tôi hoàn thành 10 bài hát -- tôi muốn được gọi là -- **Thiền Ca**.

Soạn ra những bài ca thoát tục, trước hết tôi tạ từ một người tình. Sau nữa tôi thể hiện giấc mơ soạn thiền ca mà tôi nuôi nấng khi đi hát mới đây ở Nhật Bản. Chưa kể việc tôi muốn trả ơn một bạn yêu nhạc ở Saigon (Phạm Phú Lợi) gần đây (1990) có một bài viết đăng trên báo PHẬT GIÁO ấn hành ở Los Angeles, nhìn tôi là một *bồ tát* *đạo*, vì cứ sống lửng lơ giữa đạo và đời và vì nhân quả chẳng bao giờ tròn nên cứ đành phải tái sinh muôn kiếp.

Tôi trở về Boston để làm nốt công việc ca diễn và tu chỉnh **MƯỜI BÀI THIỀN CA**. Trong ba ngày đêm, tôi ở trong nhà một người ngẫu nhiên là người em vì có chút liên hệ gia đình là Thầy Giác Đức. Vốn là kẻ không bao giờ đọc kỹ một cuốn kinh hay một cuốn sách về Thiền, tôi đọc lời ca cho Thầy nghe, và đã làm Thầy mất ngủ ba đêm.

Trở về thị trấn giữa đàng, **Mười Bài Thiền Ca** được thu thanh ngay với phần phóng tác về hoà âm của Duy Cường và với giọng ca Thái Hiền. Có khá nhiều bạn bè thân thương viết về những bài Thiền Ca, được gọi thêm là Hát Trên Đường Về. Thiền Ca được phát hành vào mùa Thu 1992 là nhạc tâm linh (spiritual) với phần nhạc nhiều hơn phần lời, nhạc đi vào vô thể (atonic), không gọi nhớ, gọi cảm mà gọi hứng. Sau khi **Thiền Ca** được phát hành, bà Thụy Khuê có viết một bài nhan đề : **Phạm Duy Trên Đàng Trình Đến Vô Cực**, đăng trên nguyệt san HỢP LƯU và trong cuốn **SÓNG TỬ TRƯỜNG** (nxb Văn Nghệ, California - USA). Bài viết như sau :

"Đạo Ca và Thiền Ca, hai cái tên có tính cách song song nhưng không đồng nhất, được sáng tác trong hai bối cảnh dị biệt, cách nhau hai mươi năm. Với hai Phạm Duy khác nhau.

"Đạo Ca và Thiền Ca gần nhau vì hai tác phẩm cao về giá trị mỹ quan, khó về thẩm thức và lựa chọn thính giả. Cả hai đều đi ra ngoài hành trình âm nhạc đại chúng của Phạm Duy. Không có những yếu tố cận nhân tình như : quê hương, ca dao, dân tộc... Đạo Ca mở đường và Thiền Ca kết thúc cuộc hành trình tìm đạo của một kẻ ngoại đạo.

"Trong vòng tử sinh của kiếp người trầm luân trong bể khổ, Đạo Ca cất lên lời huyền diệu thiết tha, đưa ta vào chặng đầu của giáo lý nhà Phật. Nhạc Phạm Duy, thơ Phạm Thiên Thư, giọng hát thiên sứ Thái Thanh hướng dẫn chúng sinh -- từ cõi vô minh -- lắng nghe số kiếp trầm luân của chính mình mà vượt trùng luân hồi, tìm về bến giác như một cứu cánh :

*Xưa em là kiếp chim, chết mục trên đường nhỏ  
Anh là cội băng mai, để tang em, chờ mấy thuở...*

*.....  
Mai sau chờ nhau nhé, đầu thai vào kiếp hoa  
Chốn mây mờ phiêu bạt, chờ đợi chim hót ca...*

"Nhạc Phạm Duy trong Đạo Ca thanh thoát và siêu thoát, gần gũi tâm hồn một thiền sư tuy đã gột rửa lòng trần nhưng vẫn còn tha thiết ngoái lại dĩ vãng với luyến tiếc và u hoài. Âm hưởng gieo cho người nghe là âm hưởng tìm thấy trong những bài thánh ca -- thanh khiết và từ bi -- bên đời cũng như bên đạo. Giọng hát pha lê Thái Thanh cất lên như một nguyện cầu, vút cao, thăm thẳm và thánh thiện chỉ bảo con người cư xử với nhau trong đạo đức và nhân ái :

*Thương người như thương mình  
Thương người như thương thân.*

"Đạo Ca là hình thức giáo lý cơ bản và sơ đẳng tìm thấy trong kinh điển chính thống của đạo Phật. Là Phật pháp hiểu theo nghĩa đại chúng : hành thiện để kiếp sau khá hơn kiếp trước, vì :

*Sinh tử vẫn còn đāv*

*Đời này qua đời nọ  
Tử sinh vẫn còn kia...*

"Phạm Duy và Phạm Thiên Thư đã thơ mộng hoá kinh điển nhà Phật : đem tình yêu vào đất thánh. Nhưng hồn của Đạo Ca mới chỉ là hồn bướm mơ tiên, là tình yêu chưa bước vào vườn địa đàng đã thoáng nghe tiếng chày kinh của thiền sư Không Lộ mà giật mình tỉnh ngộ quay về với đạo lý. Tình yêu trong Đạo Ca là thứ tình nửa chừng xuân: tình yêu đã diệt dục. Đạo Ca thuộc về đạo, là ý thức muốn giác ngộ, đang tìm đường giác ngộ, nhưng mới đi được nửa đường. Bản Đạo Ca TÂM XUÂN kết thúc cuộc hành hương bên bờ nghi vấn :

*Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Tâm ?*

*Mùa Xuân có không ? Hay là cõi Không ?*

"Thiền Ca, hai mươi năm sau, Phạm Duy hoàn toàn phá giới, bước ra ngoài vòng đạo lý, an nhiên trong tự tại, không còn tìm kiếm, không cần tìm kiếm, vì đã thấy chính mình. Phạm Duy trong Thiền Ca xác định nội dung giác ngộ, qua tự giác, bằng chính sự sống. Thiền Ca thuộc về đời. Thiền Ca là Sinh ca, là Tình ca, xa và cao hơn Đạo Ca trong triết lý. Thiền Ca thể hiện bốn giác cho nên Thiền Ca gần người mà cũng rất xa người..."

**Mười Bài Thiền Ca** được bà Thụy Khuê giới thiệu rất kỹ lưỡng như sau :

" Bước vào Thiền Ca là một thính không vô tận, vang trong thang âm mà chúng tôi tạm gọi là gian âm : âm nhạc trong không gian và âm nhạc trong thời gian. Hoà âm của Duy Cường ở đây là một thử nghiệm : nghiệm âm. Âm nhạc, bình thường chỉ là nghệ thuật âm thanh dội lên trong một khoảnh khắc thời gian nhất định. Nhưng ở đây, Duy Cường đã tạo được chiều dày thứ hai : chiều dày không gian.

Rồi từ đó biến tiết, tạo thêm các chiều khác : dương gian, nhân gian... khiến cõi thính không của Phạm Duy dày thêm, sâu thêm, biệt, trở thành vô cùng vô tận...

"Cõi thính không ấy, do đó, không chỉ là một không gian thuần túy mà còn là cõi không sinh động, cõi không đầy áp sinh trùng, những vi bản của đời sống. Giữa không gian sinh động ấy, trong bài Thiền Ca mới mở đầu, giọng ca Thái Hiền, xuất thần, cất lên, mê hoặc, quyến rũ người nghe từ lúc nhập thiền :

*Thính Không  
Trống trải mệnh mỏng  
Rộng rãi vô cùng... . . . . .  
Tất cả là tôi  
Mà cũng là chung...*

"Bản chất thính lộ ra rõ hơn khi ý thức vô ngã từ xâm nhập thính không âm nhạc : tất cả là tôi mà cũng là chung. Về phần nhạc, Phạm Duy cố gắng cho người nghe một vũ trụ âm thanh mới lạ, khác xa với những tiết điệu mà chúng ta quen nghe từ trước tới giờ. Phần nghiệm âm của Duy Cường đưa thính giả vào một thế giới giàu âm sắc. Cái thính không đầy áp sinh trùng ấy là một vũ trụ hành tinh có hai dòng sữa tình yêu đồng quy ở một điểm tạo ra sự sống. Rồi cái vũ trụ hành tinh ấy cũng chỉ là hư vô, hư ảo.

"Nguyên lý của cuộc đời tiềm ẩn trong tiếng võng. Tiếng võng đưa nằm trong tiềm thức chúng ta từ thuở ấu thời. Đến tuổi hoàng hôn, người nghệ sĩ tóc trắng gấm lại, thấy cõi tử, cõi sinh, cõi tình, cõi hận, núi đọi, vực chờ, niềm vui, nỗi khổ... THỊN CA 2 nằm trong cấu trúc tiếng võng xa xưa: chao đảo giữa đôi bề tương đối. Nhưng chính cảm giác đu đưa ấy cũng chỉ là ngoại tướng. Cặp bên giác rồi thì ở đâu, tâm cũng lặng, tâm không đu đưa : Tôi nằm đó... nằm im mọi chỗ. Sự trùng hợp tiếng võng mẹ ru với nguyên lý tương đối là một thực chất hiện sinh trong cuộc sống và hiện diện trong Phạm Duy con người và tác phẩm. Nhạc sĩ linh cảm và sống điều đó từ thuở ấu thời. chìm trong tiềm thức. rồi một



chiều nao, nằm trên chiếc võng đưa, trưa hè, tại Thị Trấn Giữa Đàng, Phạm Duy thấy tất cả. Đột xuất và trực ngộ. Thế là Thiên. Không cần giải thích. Những "nhờn bàn" ở đây chỉ là một cách se sua, hoa lá cành, cho vui, vậy thôi.

*Tôi nằm võng đưa võng đưa  
Tôi nằm đó nằm im mọi chỗ...*

"Thiên Ca 3, THẾ THÔI nói về những yếu tố chính của cuộc đời như tình yêu, khổ đau và cái đẹp đều chệnh vênh. Cho nên lúc nào thấy hạnh phúc thì hưởng ngay hạnh phúc. Đừng chờ đợi, đừng đòi hỏi.

*Một cuộc đời  
Ừ, chỉ cần thế thôi.*

"Hạnh phúc là một loài hoa không tên, không sắc không hương, mà như lòng tôi lộng lẫy thơm lừng tỏa ra bốn hướng. Nhạc ở đây mời gọi dịu dàng đắm say, mê hoặc. Nhạc tỏa mùi hương và tiếng hát Thái Hiền đã đem vào thính thị cả bốn trùng dương quyến rũ trong Thiên Ca 4, KHÔNG TÊN :

*Một loài hoa không tên  
Không sắc không hương  
Mà như lòng tôi  
Lộng lẫy thơm lừng  
Tỏa ra bốn hướng...*

"Nếu tình yêu đó mở cửa cho Phạm Duy bước vào vô tận từ thuở LỮ HÀNH thì đến THIÊN CA, bản chất vô ngã của tình yêu mới được Phạm Duy trải ra tới nguồn cội. THIÊN CA 5 mang tên XUÂN. Xuân là mùa Xuân, Xuân cũng có thể là tên một người, nhưng đây Xuân là Tình yêu. Khi hát câu người người hung dữ, trừ tôi, chớ tưởng "tôi" là Phạm Duy. Không, tôi đây là Xuân, Tôi đây là : Xuân con bướm hút nhụy xuân tình, là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ, là ý thơ nồng trang giấy xuân thư... Phạm Duy giải thích về nhạc lý : nhạc ban ngày, mở đầu là những nét roi, nhát chém của cuộc đời. Rồi là những lời văn ca. Rồi nhạc trở nên mượt mà, tha thiết... Đối với người nghe thì ở đây bản chất vô ngã hay sự tan loãng của con người trong nhau -- mất đi trong nhau -- đã được cất lên dịu dàng qua giọng hát Thái Hiền bằng trình : Tôi là tôi, tôi cũng là em, em là tôi, em cũng là anh... Và không phải ai cũng thấy được những "mắt mắt" đó. Phạm Duy xưng tụng tình yêu từ hơn nửa thế kỷ nay, sáng tác những bản tình ca tha thiết nhất cho nhiều thế hệ yêu đương. Nhưng chỉ trong THIÊN CA, Phạm Duy mới thấy đến tận cùng bản chất tình yêu. Sự trực nhận ấy là thiên, là sức mạnh của sự sống.

"THIÊN CA 6, CHIỀU ĐẺ ĐƯA sức mạnh ấy vào cuộc tình mà ngôn ngữ bình thường gọi là sóng tình. Sóng tình được thể hiện trên một âm điệu trữ tình, âm hao ả rập, mang nét dục tính. Sóng tình ở đây không ảm ướt, cô đọng và mong manh. Chợt đến -- đột xuất -- và cũng chợt đi như chưa từng hiện hữu : Ta chưa ôm em thì mất em...

"THIÊN CA 7, NGƯỜI TÌNH. Phạm Duy tổng kết đời tình, quan niệm và bản chất yêu đương của chính mình : vừa chung tình, vừa đa tình.

"THIÊN CA 8 mang tên RĂN, mở rộng tình yêu sang tình đời : ăn, chơi; sống, chết; yêu, ghét; khóc, cười; nhớ, quên... những yếu tố bao trùm tất cả nỗi trôi của kiếp người. Niềm lạc quan của Phạm Duy với cuộc đời được thể hiện qua tiếng nhạc mà Phạm Duy gọi là nhạc cười. - đây mới thật là an nhiên, tự tại. Tiếng nhạc, lời ca đơn giản tối độ, tối đa : Ăn cho vừa, chơi cho thật, sống cho thẳng, chết cho ngay... không có triết lý. Không cần triết lý. Sống và hát được như vậy đã là đời rồi, là đã đời rồi. Là cõi giác đây !

"Nếu cõi đời là cõi tạm thì dại gì chúng ta không đi chơi cõi khác : Phạm Duy rong ca nơi thiên đàng và địa ngục trong THIÊN CA 9, thì mới hay thiên đường kia cũng tối om và tường địa ngục đen, ngục sáng hơn đèn. THIÊN CA 9 phá vỡ ảo tưởng : tốt-xấu. trắng-đen. thiên-đàng-địa-nauc. Vì tất cả chỉ là tương đối. Bản

chất con người đu đưa giữa hai bờ đen-trắng. Vậy phân biệt làm chi ? Hình ảnh Thượng Đế bên cạnh thiếu nữ khoả thân có thể cảm nhận thế nào cũng được nhưng nó chứng minh không có thánh thần, Thượng Đế chỉ là người với những yêu thương, khát vọng thầm kín nhất.

"THIÊN CA NHÂN QUẢ kết thúc cuộc đặng trình bằng một vòng tròn, tròn như viên đạn, tròn như trái đất, tròn vòng vũ trụ, vòng tử sinh, vòng luân hồi, vòng tay ôm ấp, vòng thai bụng mẹ... nhạc tha nhân.

*Tròn như viên đạn đồng đen  
Đã khô vết máu quên miền chiến tranh.*

"Từ viên đạn đồng, công cụ của chiến tranh, một thứ tay sai chuyên nghề sản xuất những vũng lầy xương máu, Phạm Duy đã vẽ vết máu bọc đạn, sấy khô những đau thương, cô lại thành hạt bụi. Hạt bụi tái sinh thành trái tim trên một trần gian yên lành, yêu thương, tha thứ."

Thụy Khuê, Paris - 20/6/93

Từ khi còn bé và cảm thấy cuộc đời là tù túng, rồi có lúc chợt thấy le lói ở xa xa, một con đường giải thoát cho mình... tôi vẫn cho rằng có nhiều con đường để đi tới cõi thiên. Nay thì tôi xin được trân trọng cảm ơn chị Thụy Khuê đã cho tôi biết rõ hơn về hành trình của một kẻ đi vào thiên. Tôi xin được nói thêm vài điều :

**Thiên Ca** được phát hành vào mùa Thu 1992 là nhạc tâm linh (spiritual) với phần nhạc nhiều hơn phần lời, nhạc đi vào vô thể (atonic), không gọi nhớ, gọi cảm mà gọi hứng. Sở dĩ tôi đã dám soạn **thiên ca** là vì tôi đã đi tìm đọc thơ Thiên của những người trong những thế kỷ trước và của những bạn văn cùng sống một thời đại với tôi, để thấy được những con đường đi tìm cõi vô thường bằng thi ca. Nghĩa là trước và cùng với tôi, đã có **thiên ca**, đã có những bài thơ Thiên của nhiều thi sĩ đất chúng ta đi sâu vào cõi tâm linh.

Hơn nữa, đồng thời với tôi có Hoàng Quốc Bảo mà tôi đã nói trong một chương đầu của Hồi Ký này, cũng đã đi vào cái gọi là "nhạc thiên" như tôi, với ba chương trình ca nhạc đặc sắc nhan đề **Tĩnh Tâm Khúc, Hú Dài Một Tiếng Lạnh Về Hư Không, Tĩnh Sâu Vô Lượng** với nhiều ca khúc như *Chốn Bụi, Thanh Xuân Đánh Giác Ngậm Ngùi, Tĩnh Mặc Nét Ai Cười, Thuở Theo Nhau, Hồ Như, Tháng Ngày Gió Xoá, Tango Xanh. Người Về Như Bụi, Quán Lạ, Rừng Thu Illinois Ta Nhớ Em, Lên Non Quây Mộng, Cuối Trời Mây Trắng Bay...* mà tôi chưa có thể làm cuộc phân tích kỹ càng trong sách này hay trong chương trình radio cho Đài BBC được.

Bây giờ chỉ xin được đan kể những bài thơ Thiên đã dạy tôi về... thiên.

Từ thế kỷ XI, Mãn Giác thiên sư đã có một bài thơ rất vô thường mà Ngô Tất Tố đã dịch :

*Xuân ruổi, trăm hoa rụng  
Xuân tới, trăm hoa cười  
Trước mắt, việc đi mãi  
Trên đầu, già đến rồi.*

*Đừng tưởng Xuân tàn, hoa rụng hết  
Đêm qua sân trước, một cành mai...*

Vào thế kỷ XII, thiển sư Đạo Hạnh có thêm một bài thơ về cái có, cái không, qua bản dịch của Sư Huyền Quang, thế kỷ XIII (đã nói tới trong đoạn trước và có thêm hai câu nữa) :

*Có thì có tựa mây may  
Không thì cả thế gian này cũng không  
Vàng trắng vàng vặc in sông  
Chắc chi có có không không mơ màng...*

Mạc Đĩnh Chi, vào lúc sinh thời (1284-1361) cũng có những câu thơ nói về cái không, cái có (Huệ Chi dịch) :

*Trời xanh một cụm mây  
Lò hồng một giọt tuyết  
Vườn ngự một cành hoa  
Cung Quảng một vầng nguyệt  
Ôi ! Tuyết chảy, mây bay, hoa tàn, trăng khuyết...*

Có khá nhiều những bài thơ về cõi đời hay về cuộc đời, mà tôi tin rằng, ở một quốc gia luôn luôn náo động như Việt Nam, những câu giảng đó đã đóng góp vào việc giữ vững tâm linh của dân tộc ta.

Như bài TÂM KHÔNG của Viên Chiêu chẳng hạn, qua lời dịch của Ngô Tất Tố :

*Thân như tường vách đã lung lay  
Lật đật người đời những sót thay  
Nếu được lòng không, không tướng sắc  
Sắc không ẩn hiện mặc vẫn soay...*

Trong thế kỷ này, cũng có một bài thơ thiền ngắn mà người ta cho là của Khái Hưng (đã nói tới trong đoạn trước nhưng hơi khác một chút) :

*Thuyền trôi thì nước cũng trôi  
Làn mây trắng bạc trên trời vẫn bay  
Tôi đi trên chiếc thuyền này  
Dòng mơ tư tưởng đã thay đổi rồi  
Cái bay không đợi cái trôi  
Từ tôi phút trước sang tôi phút này...*

Và những câu thơ của Nguyễn Du :

*Trước sau nào thấy bóng người  
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*

hay của Hàn Mặc Tử :

*Chàng ơi ! Chàng ơi ! sự lạ đêm qua  
Mùa Xuân đến mà không ai biết cả !*

thường làm tôi rất băng khuâng...

Trên đây là dịp tốt để tôi vinh danh các thi nhân đã ảnh hưởng đến tôi để soạn ra những bài hát tâm linh như : **Mười Bài Tâm Ca, Mười Bài Rong Ca, Mười Bài Đạo Ca, Mười Bài Thiền Ca...**

Hiện nay, tôi vẫn còn đi tìm trong cõi thơ những bài thơ thiền để nuôi dưỡng tâm linh. Tôi tìm đọc loại thơ phá chấp để thông dong đi vào cõi bình thường... như thơ của thi sĩ biệt danh Sao Trên Rừng tức Nguyễn Đức Sơn :

Ngày mai núi cũ tôi về  
Dĩ nhiên hạnh phúc tràn trề em ơi.  
Thơ bay tự cổ ngút trời  
Quanh năm bão đảm tuyết vời nước mây.  
Cớ sao đặng tử bực thầy  
Hỏi ra từ đá tới cây lắc đầu...

.....  
Đêm qua nằm mộng tới em  
Sớm mai thức giấc lại thềm sân si.

... hay thơ của Trần Mạnh Hảo :

Thành Phật phải sát Phật  
Gốc bồ đề một mình  
Người nhập cùng tạo vật  
Diệt diệt mà sinh sinh.

.....  
- ngoài vòng sinh tử  
Cộng cổ cũng Phật mà  
Ngộ rồi là chưa ngộ  
Phật Phật mà ta...

Gần đây nhất là bài thơ **Lập Nghiêm** của Ngô Đình Vận (1993), tặng tôi sau khi tôi viết **Thiên Ca** :

Em lập nghiêm coi mình là đá  
Ta chửi thề em đã ngựa gan  
Lời lỗ mắng từ căn khoan đại  
Phá chấp mê mở ngục đoan nghiêm  
Ta tặng em đôi cánh thần tiên  
Đưa chân tánh bay lên bát ngát  
Ta là đất và em yêu là cát  
Xin bình thường giữa chốn trần gian.

Tôi trộm nghĩ, kể từ 1975 cho tới năm 2000, đạo lý Việt Nam vẫn chưa được hoàn toàn khôi phục cho dù cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Cả một dân tộc bị chìm đắm vào đạo lý sức mạnh đang lúng túng đi tìm một cuộc sống chung hoà bình. Giải pháp chính trị sẽ không bao giờ đạt được nếu không dựa vào đạo lý. **Thiên Ca** với phụ đề **Hát Trên Đường Về** ra đời để hi vọng mọi người Việt Nam trở về với ba đạo gốc.

**Hát trên đường về** không hẳn chỉ là trở về với quê hương, tổ quốc, với đồng bào ruột thịt hay với đạo lý Việt Nam... mà còn là sự trở về cõi TÂM sau khi bị tha hoá đã từ lâu. **Thiên Ca** cũng còn là sự trở về với cái CHUNG nữa. Con người sống là phải cùng chia sẻ môi sinh với cỏ cây, muông thú, sông núi, trăng sao...phải sống chung cả với thiên nhiên và vũ trụ.

*Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rụng rời  
Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi...*  
Hàn Mặc Tử

## Chương Hai Mười Lăm

Tiếp tục soạn nhạc tâm linh và nhạc đa điệu, tôi tìm về thơ Hàn Mặc Tử mà tính chất tôn giáo đã ám ảnh tôi từ ngày tôi còn rất trẻ. Và khi phổ nhạc thơ Người, tôi không ngờ cuộc đời của thi sĩ lại phản chiếu nước tôi như thế...

**Trường Ca Hàn Mặc Tử** ra đời vào cuối năm 1993 là nhạc siêu thực (surréalist) rất phù hợp với hồn thơ của thi sĩ. Trường ca này mở đầu với sự an bình dưới thế và sự thanh bình trên nước Việt yêu quý của chúng ta, đồng thời cũng là niềm hạnh phúc của một nhà thơ trẻ. Từ sân nhà hay đồi quê, trong mây bay hay dòng nước, nơi bờ liễu hay cành lê, trong im lìm hay qua tiếng động, lúc nắng lên trên hàng cau hay khi trăng về nơi thuyền neo bến, dưới đáy nước hồ reo hay trên đồi thông gió thổi... và nhất là trong Tình Yêu, tất cả đều là cao cả, thiêng liêng.

Trường ca tiếp tục và nói lên sự đau thương đến tột cùng của thi sĩ khi bị bệnh hủi, ám chỉ tới sự đổ vỡ của một nước Việt Nam trong chiến tranh và hận thù. Cuối cùng, trường ca là sự siêu thăng của hành trình thơ Hàn Mặc Tử từ tập *Gái Quê* qua tập *Đau Thương* tới tập *Xuân Như Ý*. Cũng không khác gì một nước Việt Nam đang an lành bỗng lâm vào cảnh điên loạn rồi sẽ phải được siêu thăng.

Về hình thức, nhạc kháng chiến của tôi là **hiện thực và trữ tình** (Nương Chiều, Gánh Lúa). Nhạc tình của tôi là **cảm tính**, đôi khi là **nhục tính** (Cỏ Hồng). Tôi đi vào **án tượng** với Chiều Về Trên Sông, mon men tới **siêu thực** khi đã động tới cái chết trong Đường Chiều Lá Rụng... Trường Ca Con Đường Cái Quan là **tả thực**, Mẹ Việt Nam là **tượng trưng**, Tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ là **án dụ**. Mười bài rong ca với Người Tình Già Trên Đồi Non đi vào vũ trụ là nhạc **siêu nhiên**. Đạo Khúc/Thiên Ca là hành trình vào cõi **siêu linh**. Trường Ca hay Chương Khúc Hàn Mặc Tử là nhạc **siêu thực**.

Tôi rất sung sướng được dùng lá thư và bài báo của hai người Việt ở London, Anh Quốc để nói về một chuyến đi lưu diễn của tôi với TRU-NG CA HÀN MẶC TỬ tại Âu Châu.

### Sương Mù London và Âm Thanh Phạm Duy

Bầu trời vào buổi chiều thứ ba 13 tháng 12 năm 1994 như rắc những lớp bông xám xịt che phủ mặt trời, gần tối bắt đầu có mưa nhẹ, bay bay như những dòng nhạc. Tối đó là một buổi sinh hoạt của Câu Lạc Bộ Việt Nam với chủ đề **Nhạc Thoại Phạm Duy - Nói về Hàn Mặc Tử** nhân một chuyến đi giới thiệu các tác phẩm mới của nhạc sĩ ở Châu Âu.

Tổ chức buổi gặp gỡ vào một ngày không phải cuối tuần, đồng thời là ngày mưa lạnh, thế mà những bạn bè thân hữu, những người ái mộ đã đến dự buổi nói chuyện đó. Thật hoàn toàn bất ngờ và tôi nhận được giấy mời rất gấp nhưng cũng chuẩn bị sẵn một số câu hỏi để có dịp thì sẽ nói chuyện với Nhạc sĩ Phạm Duy. Vì đó là một địa chỉ lạ, muốn đến đó phải đổi xe bus hai lần cho nên tôi đã đến sớm hơn giờ qui định 20 phút.

*Mưa vẫn mưa rơi...* lời của một bài hát được soạn ra như để diễn tả thời tiết London tối hôm đó. Địa điểm là một ngôi trường cổ, phải đi qua một dãy hành lang dài rồi lên tầng trên. Trong khi chờ đợi, tôi ra chỗ canteen mua một tách cafe rồi uống. Chợt mười phút sau thì cánh cửa rộng mở. Một người đầu đội chiếc mũ dạ, khoác một chiếc mantel màu đen bước vào. Khi ngả mũ tôi mới để ý thấy mái tóc bạc như cước và khuôn mặt một người châu Á. Theo sau là mấy người nữa, trong đó có một người trung niên tay bê một cái ampli và có hỏi tôi : " Sao đến sớm thế " ?

Do mới biết lần đầu cho nên lịch sự xã giao tôi gật đầu đáp lễ. Người tóc bạc đó có đúng phải là Nhạc sĩ Phạm Duy không? Tôi nghi ngại bởi vì lần đầu tiên gặp mặt nên không dám chào. Điều này vào 5 phút sau tôi lên phòng ngõ ý xin lỗi vì cũng có lý do riêng, sợ Nhạc sĩ hiểu lầm sự thất lễ của một người trẻ tuổi. Đối với nhạc Phạm Duy trước năm 75 tôi có được xem qua một số bản nhạc viết trước 1954. Đây là sự sưu tầm của nhạc sĩ Hồ Bắc là thông gia với gia đình tôi.

Trên phòng họp, ông ngồi trên một ghế dài hàng đầu dành cho khách như đang trầm tư suy nghĩ chuẩn bị cho cuộc nói chuyện sắp tới. Lúc đó ông đã cởi chiếc áo khoác đi đường và tôi thấy ông vận bộ Âu phục rất hợp với tuổi 75 của mình. Mái tóc bạc trắng, vầng trán cao, cánh mũi rộng nở rộng với đôi tai to như tai Phật đã nói lên dáng điệu của một người kỳ tài dù chưa biết là nghề gì đối với những người lưu tâm đến diện mạo. Tôi vốn là người thích coi tướng số. Vì thời gian khai mạc chẳng còn bao lâu, tôi đưa ra vài câu hỏi đã chủ định trước khi tới đây. Cách trả lời rất phong độ của ông chứng tỏ Phạm Duy vẫn còn nhiều năng động, không như mấy người đang bước vào tuổi "thất thập cổ lai hi" (Đỗ Phủ). Điều này càng được chứng tỏ khi nhạc sĩ đứng nói chuyện và diễn tả âm nhạc của mình trong hơn hai tiếng đồng hồ.

Người nghe buổi nói chuyện đêm đó có thể so sánh Phạm Duy như những ca sĩ pop rock phương Tây trình diễn concert trước công chúng. Tuy nhạc sĩ có cái bụng hơi lớn nhưng phong thái diễn xuất của ông làm người xem cảm phục chương trình nhạc thoại từ đầu tới cuối không bị ngưng ở đoạn nào. Trước khi vào buổi nói chuyện của Phạm Duy thì anh Đoàn Xuân Kiên -- sau này anh mới tự giới thiệu tên mình -- nói đã viết thư mời tôi đến dự buổi gặp mặt. Vào tháng 6/1993, tôi có triển lãm tranh trong ngày hội văn hoá Việt Nam tại vùng Surrey, thuộc vùng ngoại thành London. Do đó, anh Kiên biết tên và địa chỉ của tôi. Là người đã từng làm việc thông tin, văn hoá cho cộng đồng sáu năm về trước đã vì tấm lòng yêu nghệ thuật và đã không quên mời tôi. Âu cũng là điều quý trọng riêng cho những người "nghệ thuật vị nghệ thuật"...

Sau đây là bài giới thiệu của Đoàn Xuân Kiên về nhạc phẩm Trường Ca Hàn Mặc Tử.

**Trường Ca Hàn Mặc Tử**  
**Hành Trình Của Người Nghệ Sĩ Về Cái Đẹp**  
(đăng trong Thế Kỷ 21, tháng 6, 1994)

Trường ca Hàn Mặc Tử (TcHMT) là tác phẩm mới của Phạm Duy vừa ra mắt quần chúng vào những ngày cuối năm 93. Về hình thức thì đây là một tổ hợp những bài thơ Hàn Mặc Tử do Phạm Duy phổ nhạc. Nhưng người nghe có thể hình dung được chủ đích của tác giả tổ khúc này không phải chỉ là phổ nhạc một số bài thơ lẻ của

một nhà thơ; TchMT có thể xem là một bản diễn giải bằng nhạc những hành trình nghệ thuật của tâm hồn Hàn Mặc Tử (HMT).

Kể từ khi nhà thơ qua đời đến nay đã hơn 50 năm, không biết bao nhiêu sách và bài báo nỗ lực phân tích tâm sự nhà thơ bằng nhiều ngả. Nhiều người đã dựa vào căn bệnh hiểm nghèo của thi sĩ mà nói nhiều về tâm trạng điên loạn bất thường của HMT để dẫn đến sự nương náu tâm hồn trong ánh sáng tôn giáo; có người đã dùng con mắt của nhà phân tâm để diễn dịch tâm hồn HMT qua những biểu hiện phức tạp của một người chịu đựng những ẩn ức tâm lý triền miên từ lúc trẻ đến khi phát bệnh nan y.

Rất nhiều ngả đường đã dựng lên để mong tiếp cận tâm hồn người thơ quá cố. Có điều là nhiều ngả đường đã đi quanh co qua những điểm tựa bên ngoài tác phẩm của HMT. Rất ít ỏi những nỗ lực nghiên cứu vẽ lên được con đường sáng tạo nghệ thuật của HMT dựa trên chính những biến thiên tâm hồn nhà thơ thể hiện qua tác phẩm của chính ông. TchMT là một nỗ lực hiếm hoi của một nghệ sĩ nhằm diễn giải hành trình nghệ thuật của nhà thơ. Lại là một công trình biểu hiện qua thế giới âm thanh. Cho nên ý nghĩa của TchMT sẽ không chỉ là đóng góp vào kho tàng nhạc phẩm vốn đã đồ sộ của Phạm Duy thêm một tác phẩm thơ phổ nhạc nữa mà còn là ở sự đồng cảm của hai tâm hồn nghệ sĩ trước phận người không thiếu gì điều linh, khổ nhục.

## **Hành Trình Nghệ Thuật Của Trường Ca Hàn Mặc Tử**

Trường ca Hàn Mặc Tử được bố cục làm ba phần mang tựa đề như sau :

### **PHẦN I .- TÌNH QUÊ PHẦN II .- TRĂNG SAO PHẦN III .- AVE MARIA**

Mỗi phần gồm có ba phân khúc nhạc được phổ từ một bài thơ HMT, hoặc phổ từ sự tập hợp của một số trích đoạn thơ, có khi lại chỉ là phổ nhạc một trích đoạn trong một bài thơ thôi.

**PHẦN I .- TÌNH QUÊ** gồm ba phân khúc nhạc phổ từ ba bài thơ HMT làm từ những ngày còn trẻ. (Bài TÌNH QUÊ đã in trong tập thơ GÁI QUÊ - 1936). **Phân Khúc 1** là nhạc mở đầu bằng những âm thanh ngân nga trong nhịp điệu êm ả nhưng rất lắng mạn. Chất nhạc đã được kỹ thuật hòa âm làm bật lên tính cách đặc trưng của nhạc chiều (sérénade) quen thuộc trong nhạc cổ điển Tây phương.

#### **TÌNH QUÊ**

*Trước sân anh thơ thẩn  
Đắm đắm trông nhận về  
Mây chiều còn phiêu bạt  
Làng thang trên đôi quê  
Gió chiều quên ngừng lại  
Dòng nước luôn trôi đi  
Ngàn lau im tiếng nói  
Lòng anh dường đê mê  
Cách nhau xa muôn dặm  
Nhớ chi tới trắng thề*

*Ai dù không lắng đợi*

*Hay ai không lắng nghe  
Dù ai không lắng đợi  
Hay dù ai không lắng nghe  
Tiếng buồn trong sương đục  
Tiếng buồn sau lũy tre  
Dù ai bên bờ liễu  
Hay dù ai dưới cành lê  
Vội ngày xanh hờ hững  
Cố quên tình phu thê*

*Trước sân anh thơ thần  
Đắm đắm trông nhận về  
Mây chiều còn phiêu bạt  
Lang thang trên đò quê  
Dưới trời Thu bàng bạc  
Lả lướt khắp thôn quê  
Rồi khi nhìn mây nước  
Lòng nào nề tình quê  
Trước sân anh thơ thần  
Đắm đắm trông nhận về  
Mây chiều còn phiêu bạt  
Lang thang trên đò quê...*

**Phân Khúc 2** là nhạc phổ toàn bài thơ ĐÂY THÔN VĨ GIÀ. Nhạc gợi tả một không gian u tịch, vắng lặng như những buổi hoàng hôn nơi đồng quê những thuở thanh bình : tiếng côn trùng kêu vắng, hoàng hôn uốn lượn xa vắng như tiếng phi lao rì rào trong gió, như tiếng gió thì thầm lúc chiều tà. Không gian âm nhạc thật không còn gì trữ tình hơn. Tiếng hát Thái Hiền duyên dáng một vẻ đẹp mộc mạc, chất phác như hình tượng cô gái quê dịu dàng trong thơ HMT. Nhạc và hòa âm trong phân khúc đã chuyển sang nét u uẩn, gợi tả những cảm giác băng khuâng man mác mà ta vẫn gặp trong những ngâm khúc của văn học cổ điển. Không gian nghệ thuật trong phân khúc này cứ gợi tả những ấn tượng về *Tỳ bà hành* hay những bài thơ Đường của trường phái biên tái, hoặc giả những phân cảnh người tình nhân tha thần đi tìm hương cũ nơi vườn xưa quạnh vắng trong Kiều.

#### **ĐÂY THÔN VĨ GIÀ**

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền  
Gió theo lối gió, mây đường mây  
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay  
Thuyền ai neo bến sông trăng đó  
Có chờ trăng về kịp tối nay*

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền  
Mơ khách đường xa, khách đường xa  
Áo em trắng quá nhìn không ra*



*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh  
Ai biết tình ai có đậm đà.*

Từ nét buồn u ẩn mệnh mang trong phân khúc hai, nhạc chuyển sang **Phân Khúc 3**. Phần nhạc dạo tạo ngay cảm tưởng về một sự thiêng liêng huyền nhiệm của không gian qua cảm nhận của nhà thơ. Tâm cảm của HMT trước vẻ Đẹp của ảnh trí Đà Lạt có lẽ cũng không khác gì tâm sự của nhân vật nghệ sĩ mà Vũ Khắc Khoan cũng có lần tìm cách diễn dịch bằng ngôn ngữ (1).

Nhạc đề của phân khúc là nỗi đắm say trong tiếng gọi ảo huyền của cái Đẹp mà nhà thơ đã cảm thán rằng phút thiêng liêng đã khởi đầu. Tiếng hát Tuấn Ngọc có tính cách say đắm mê hoặc cũng hoà theo nhạc réo rắt mà không kém phần huyền hoặc. Kỹ thuật thể hiện hoà âm gọi tả rất khéo cảm giác băng khuâng của Kiều khi thấy Đạm Tiên in dấu giày trên ngấn rêu xanh. Đã thoáng hiện những bản khoả, khắc khoải khi tiếng nhạc vút lên niềm u uẩn vang ngân rồi hiện rõ giọng rền như tiếng chuông gọi hồn vừa u uất rền rĩ như nỗi đơn côi của người nghệ sĩ. Sự cảm nhận tế vi của nhà thơ để chừng chỉ mới đến Phạm Duy mới thấy sự đồng cảm sâu sắc giữa hai tâm hồn nghệ sĩ như vậy.

#### **ĐÀ LẠT TRẮNG MỜ**

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu (3 lần)  
Trời mơ trong cảnh huyền mơ thực huyền mơ  
Trời sao đắm đuối trong sương nhạt  
Như đón từ xa một giấc mơ  
Xin hãy nín thinh chớ nói nhiều  
Xin hãy nín thinh chắng nói nhiều  
Để nghe đá nước hồ reo nước hồ reo  
Để nghe tơ liễu run trong gió  
Và để nghe trời giải nghĩa chữ YÊU  
Đây phút thiêng liêng đã khởi ý đầu  
Hàng thông lấp loáng đứng trong im lìm  
Cành lá in như đã lặng chìm  
Hư thực làm sao phân biệt được  
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm*

*Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu (2 lần)  
Trời mơ trong cảnh huyền mơ thực huyền mơ  
Trời sao đắm đuối trong sương nhạt  
Như đón từ xa một giấc mơ  
Xin hãy nín thinh chớ nói nhiều  
Xin hãy nín thinh chắng nói nhiều  
Để nghe đá nước hồ reo nước hồ reo  
Để nghe tơ liễu run trong gió  
Và để nghe trời giải nghĩa chữ YÊU.  
Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu  
Cả trời say nhuộm một màu trắng  
Cả lòng tôi chắng nói rằng  
Không một tiếng gì nghe đụng chạm  
Dẫu rằng tiếng nổ vỡ sao băng  
Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu.*

Phần Một vừa rồi đã khởi đầu từ hành âm êm ả thanh thoát đến vắng xa u uẩn, rồi chuyển sang sâu lắng ngẩn ngơ. Diễn tiến âm nhạc gợi được hình ảnh con người đi trên hành trình hồn nhiên của tuổi nhỏ đến xôn xao tình trẻ, rồi đến tiếng gọi sâu lắng của nội tâm đã biết băn khoăn thao thức trong sự tìm kiếm. Không gian âm nhạc là không gian chiều tà đi vào đêm sâu, tính cách của nhạc cũng vì thế mà êm ả lắng đọng như *sérénade* và *nocturne* của nhạc cổ điển. Diễn biến tâm tình như thế cũng khớp với cảm nhận của chính Phạm Duy khi ông cho rằng nhạc ở đây đã diễn được thân phận của đất nước chúng ta đi từ thời thanh bình sang cảnh trạng của sự bất trắc... (1)

**PHẦN II .- TRĂNG SAO**, gồm các phân khúc số 4, số 5 và số 6 :

**Phân Khúc 4** là đoạn tán thán về sự màu nhiệm của ánh trăng. Tính cách của âm nhạc là tính cách thánh ca, nhưng đối tượng của lời tán thán không là hình tượng siêu nhiên mà chỉ là ánh trăng. Nhà thơ bị trăng mê hoặc và đắm mình trong ánh trăng. Đây là khởi điểm của những xúc cảm thơ trong THƠ ĐIỂN - ĐAU THƯƠNG, tập thơ HMT làm từ khi phát bệnh phong. Hành âm của phân khúc lần lượt đi qua bốn biến điệu : **vàng trắng --> chơi với trăng --> trăng tự tử --> rượt trăng.**

Có lẽ đây là lần đầu tâm trạng khúc mắc của HMT được thể hiện một cách cụ thể qua hình tượng gợi tả của âm nhạc. Nhạc vờn múa như trong cơn say trong một kết cấu đẹp : hình tượng âm nhạc tăng cường độ xúc cảm dần qua từng biến điệu, cho đến cuối biến điệu thứ tư. Tiếng hát Tuấn Ngọc vút lên cao như cơn thẳng thốt của nhà thơ vừa tắt khi nhà thơ vừa ngất lịm trong cơn xuất thần. Nhạc đi những bước ma quái làm nổi bật xúc cảm của người nghệ sĩ trước nỗi cô đơn vì cảm nhận về Đẹp mê hồn mà nhân gian không thể hiểu được. Cường độ cảm xúc trong phân khúc này, về mặt bố cục, khá gần với đoạn Kiều tâm sự với em trước lúc từ giã gia đình lên đường về Lâm Truy. Hoà âm của Duy Cường đầy tính tượng tượng khi tận dụng khả năng gợi tả của tiếng sáo Mèo xa vắng chìm lặn như chiều sâu của thế giới nội tâm sừng sững thách đố cuộc đời chung quanh.

### **TRĂNG SAO RỘT RỤNG**

*Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi  
Ôi vàng trăng cao sáng  
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi  
Xin ban cho sáng thêm lên  
Sáng thêm lên cho không gian rất ấm  
Cho hồn thơ mát rợn tới hương nguyệt  
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi  
Lạy Chúa tôi  
Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi  
Lạy Chúa tôi.*

*Tôi đi trong ánh trăng mờ  
Tìm con trăng lạc ngoài bờ bên kia  
Ban khuya ý tứ tôi dò  
Liều thân bát ngát tôi lìa xứ yêu  
Tôi gò mây lại tôi tìm sao bay  
Gió nào, gió tràn, gió ngập nơi đây  
Không tràn nước mắt, không thấm thê buồn  
Tôi doạ không gian, tôi rửa tới cùng  
Tôi khát vô cùng, khát vô cùng*

*Khát vô cùng, khát vô cùng...*

*Tôi riết thời gian trong nắm tay  
Cát tiếng cười ròn đụng vùng mây  
Tôi nhập hồn mình trong khúc hát  
Để nhờ khúc hát đẩy lên trăng  
Lên chơi cung Quế đây lần đầu  
Để hợp tình anh của Nguyệt Cầu  
Để thoát ly ra ngoài thế giới  
Để cười để khóc để yêu nhau*

*Ha ha tôi đuổi theo trăng (2 lần)  
Trăng bay tôi tả trăng tan  
Trăng ngã trên cành, ngã trên cành vàng  
Về đây tôi sẽ gặp nàng  
Về đây tôi lại gặp nàng, nàng ơi !*

*Lòng giếng lạnh sao chẳng ai hay  
Nghe nói mùa thu ần nấu nơi này  
Cả âm dương đều tụ họp (2 lần)  
Để cả trăng mây ngừng lại nơi đây  
Để nghe, à để nghe lời nói thời loạn ly  
Giọng buồn thương gió, trăng gió đã thề  
Của bầy trai gái trong gió náo nê, tự tình bên giếng  
Lời oán hận của tuổi si mê  
Lòng giếng lạnh mở miệng bao la  
Giếng nuốt vì sao rụng với trăng ngà  
Loạn rồi loạn rồi, tôi hoảng hốt (3 lần)  
Nhảy ùm xuống giếng vớt trăng lên.*

**Phân Khúc 5** mở đầu bằng tiếng sáo Mèo rền ma quái để rồi sẽ đeo đẳng mãi suốt phân khúc. Người nghệ sĩ vừa thoát hồn để dẫn hồn mình đi suốt một đêm qua những biến điệu đầy kịch tính : Lúc thì cười như điên sặc sụa cả mùi trăng, lúc thì cùng ngả nghiêng lặn lộn giữa muôn hình, lúc thì chìm nhau xuống một vũng trăng êm, lúc thì lặng yên trăng thồn thức, lúc thì bay lên cho tới một hành tinh... (3) Hình tượng âm nhạc cũng tràn trề sức quyến rũ : hai giọng hát sóng đôi nhau gọi tả rất mạnh sự phân thân của người nghệ sĩ trong cơn say nghệ thuật. Tâm sự HMT trong tập THƠ ĐIỂN - ĐAU THƯƠNG dễ thường tới bây giờ mới được dẫn giải một cách cụ thể, sinh động. Thể hiện được kịch tính của các biến điệu âm nhạc trong hai phân khúc này là một thành công xuất sắc của Duy Cường và các giọng hát. Nỗi lòng u uẩn của người nghệ sĩ đã lần khuất đầu đó từ phân khúc cuối phân khúc I cứ tăng lên dần theo diễn tiến phát triển hình tượng âm nhạc trong phân khúc này.

#### **HỒN LÀ AI**

*Hồn là ai, là ai, hồn là ai, tôi chẳng biết (3 lần)  
Hồn theo tôi, theo tôi, hồn như muốn cợt tôi chơi  
Tôi chết giả và no nê vô vạ  
Cười như điên sặc sụa sụa cả mùi trăng  
Tôi đã cẩu đã cào nhai ngấu nghiến  
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên  
Tôi chìm hồn xuống một vũng trăng êm  
Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực*

*Hai chúng tôi lặng yên trong thôn thức  
Rồi bay lên cho tới một hành tinh...  
A a a à  
Cùng ngả nghiêng lẫn lộn giữa muôn hình (2 lần)  
Để gào thét một hơi cho rờn óc  
Cả Thiên Đàng, Địa Ngục, Trần Gian  
Hồn là ai, là ai, hồn là ai, tôi chẳng biết (3 lần)  
Dẫn hồn đi, hồn đi rờn rã một đêm nay!  
(hát lại đoạn cuối)*

**Phân Khúc 6** có thể xem như một thoái trào của đợt sóng hình tượng âm nhạc trong phần II. Ba biến điệu nối tiếp nhau nặng nề như cảnh tha ma mộ địa lẫn khuất tiếng sáo Mèo nghẹn ngào như tiếng cú đêm khuya. Hình tượng âm nhạc cũng dần trải như khoảng trống mênh mông của không gian tịch lặng. Nhạc đi êm nhẹ mà sao vương vấn nỗi thê lương. Lời thì thầm của nhà thơ là lời bộc bạch về tâm tình ông dành cho cuộc đời thân mến. Ba trích đoạn thơ ghép lại thể hiện khá rõ tâm sự HMT trong giai đoạn sáng tác THƠ ĐIÊN - ĐAU THƯƠNG.

Nghệ thuật phát triển hình tượng âm nhạc trong phần 2 này là nghệ thuật ba lan; cảm xúc dâng lên từng đợt như sóng tràn. Không gian nghệ thuật là đêm tối mênh mang. Giai điệu và hoà âm đều đắm về ma quái. Nhạc đề rất nhất quán ở điểm thể hiện tâm trạng người nghệ sĩ. Anh ta cảm nhận tiếng gọi vô hình của cái Đẹp thể hiện ở ánh trăng. Về đẹp mê hoặc của ánh trăng hay của nàng thơ hay của âm nhạc nào có khác chi những cơn say đắm xuất thần của HMT. Diễn đạt được tâm sự nghệ sĩ qua hình tượng âm nhạc là một thành công của Phạm Duy (mà cũng có phần không nhỏ của Duy Cường trong nghệ thuật hoà âm).

### **TRÚT LINH HỒN**

*Sáng như gươm lạnh như ma (2 lần)  
Ngọn bút thần khai phước lộc nhà  
Mực lùa khí vị vô hồn chữ  
Văn hút hào quang ở miệng ta  
Giấy trắng tinh khô tuôn huyết mạch  
Lời vàng nguyên vẹn trở tài hoa.*

*Thơ chưa ra khỏi bút, giọt mực đã rụng rời (2 lần)  
Lòng tôi chưa kịp nói, giấy đã toát mồ hôi (2 lần)  
Máu đã khô rồi thơ cũng khô rồi  
Tình ta cũng đã, đã chết từ lâu  
Từ nay trong gió và mây gió  
Lời thắm thương rên mọi nẻo mơ (2 lần)*

*Ta còn triu mến biết bao người  
Về đẹp xa hoa của một thời  
Đầy lệ đầy thương đầy tuyệt vọng  
Ôi giờ hấp hối sắp chia phôi  
Ta trút linh hồn giữa nơi đây  
Gió sâu vô hạn thổi trong cây  
Còn em sao chẳng hay gì cả  
Xin để tang anh đến vạn ngày  
(hát lại hai đoạn)*

**PHẦN III .- AVE MARIA** cũng gồm các phân khúc số 7, số 8 và số 9 :

**Phân Khúc 7** là một lời xưng tụng đáng tinh truyền thánh vẹn. Nhạc bắt đầu bằng đoạn hợp xướng nghiêm trang, thánh thiện. Toát ra toàn thể phân khúc là vẻ đẹp thuần khiết của hình tượng người nữ trong nghệ thuật muôn đời. Nhà thơ cũng như người nhạc sĩ đều rung động nồng nàn trước vẻ Đẹp nguyên mẫu đó. Trong thế giới nguyên vẹn tinh tuyền chỉ còn sự yêu thương, sự yên nghỉ. Không còn những dằn xóc của những hệ lụy của cuộc đời dưới thế. Kỹ thuật đồng ca của nhạc cổ điển tây phương đã góp phần tăng tính cách thánh đường của phân khúc.

**LẠY BÀ LÀ ĐÁNG TINH TUYỀN THÁNH VẸN**

*Ma ri a Ma ri a  
Ma ri a linh hồn tôi ón lạnh  
Ma ri a Ma ri a  
Run như run thân tử thấy long nhan  
Ma ri a Ma ri a  
Run như run hơi thở chạm tơ vàng  
Ma ri a Ma ri a  
Nhưng lòng nhuần ơn triu mến  
Ma ri a Ma ri a*

*Lạy Bà là Đáng tinh truyền thánh vẹn  
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi  
Cho tôi dâng lời cảm tạ dâng phò nguy  
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.  
Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ  
Dòng thao thao bất diệt của nguồn thơ  
Trí tôi hút bao nhiêu là khí vị  
Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua  
Lạy Bà, Bà rất ư nhiều phép lạ.  
Ngọc như Ý vô tri còn biết cả  
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh (2 lần)  
Tôi ư nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh  
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới  
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi  
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen.  
Lạy Bà, Bà rất ư nhiều phép lạ  
Ngọc như Ý vô tri còn biết cả  
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh (2 lần)...*

Sau phần tán tụng vẻ Đẹp tinh tuyền thánh thiện, **Phân Khúc 8** chuyển sang lời cảm thán về hình tượng thiên thần bằng một biến điệu khác : Kỹ thuật nội tỉnh như trong kinh cầu nguyện. Tiếng hát an nhiên của Thái Hiền và Thái Thảo toát ra vẻ thanh thoát cần thiết của hình tượng âm nhạc. Tiếng hát vắng nhẹ như lời thì thầm của người con khi ngỏ lời yêu thương với Mẹ, như người nghệ sĩ ngầy ngất trước vẻ đẹp mong manh như gió, như sương huyền diệu, *bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu...*

Người nghệ sĩ Phạm Duy hát về Mẹ bao lần rồi, vậy mà những âm thanh về người Mẹ trong phân khúc này vẫn quyến rũ, vẫn mới nguyên như vẻ đẹp gặp gỡ lần đầu, giai điệu láy lá lướt vẻ đẹp dân ca đã khép lại cảm xúc kì lạ về sự thanh thoát an nhiên trong vòng tay yêu thương của sứ thần thiên chúa Gabriel. Nghệ thuật diễn tả trong phân khúc hai là nghệ thuật độc thoại khá quen trong đối thoại nội tâm của kịch

: nhân vật thì thầm những lời nói với chính mình. Hành âm của nhạc ở phân khúc này cũng chìm khuất kín nhiệm như ý thơ.

### **HỒI SỨ THẦN THIÊN CHÚA GABRIEL**

*Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga bri en (2 lần)  
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ  
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời  
Người có nghe náo động cả muôn trời  
Người có nghe xôn xao nghìn tinh tú  
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng  
Bằng tràng hạt bằng Sao Mai chiếu rạng  
Một đêm Xuân là rất đổi anh linh  
Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga Bri en (2 lần)*

*Lạy Bà là Đấng ban đầy ơn phước  
Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trắng rằm  
Thơ trong trắng như một khối băng tâm  
Luôn luôn reo trong hồn trong mạch máu  
Lạy Bà là Đấng ban đầy ơn phước  
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương  
Cho vỡ lở cả muôn nghìn tinh đầu  
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương  
Chim hay tên ngọc đá biết tuổi vàng (4 lần)*

*Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga bri en (2 lần)  
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ  
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời  
Người có nghe náo động cả muôn trời  
Người có nghe xôn xao nghìn tinh tú  
Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng  
Bằng tràng hạt bằng Sao Mai chiếu rạng  
Một đêm Xuân là rất đổi anh linh  
Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga Bri en (2 lần)  
Lòng vua chúa như lòng lê thứ  
Sẽ ngắt gãy bởi thơ đầy ứ  
Nguồn thiêng liêng yêu Mẹ Sầu Bi... (2 lần)*

**Phân Khúc 9** lấy trở lại hành âm của phân khúc một để viên mãn một chu trình. Bốn câu thơ đã ngân vang âm hưởng của lời tán tụng về Đẹp thánh thiện của nàng thơ. Nghệ thuật diễn xướng ở phân khúc này đã không ngừng lại ở nghệ thuật đồng ca cổ điển mà đã kết hợp với nghệ thuật diễn xướng dân ca : hát đuổi, hát đối. Hình tượng âm nhạc toát ra tính cách trữ tình, rất người mà vẫn trong suốt như vẻ đẹp thiên thần.

### **PHƯỢNG TRÌ ÔI PHƯỢNG TRÌ**

*Ma ri a Ma ri a  
Ma ri a linh hồn tôi ớn lạnh  
Ma ri a Ma ri a  
Run như run thân tử thấy long nhan  
Ma ri a Ma ri a  
Run như run hơi thở chạm tơ vàng  
Ma ria a Ma ri a*

*Nhưng lòng nhuần ơn triu mến  
Ma ri a Ma ri a  
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì*

*(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)  
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì  
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)  
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì  
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)  
Phượng Trì ôi Phượng Trì ôi Phượng Trì  
(Lạy Bà là Đấng tinh truyền)  
Thơ tôi bay suốt một thời chưa thấu  
Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu  
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang (2 lần)  
A Men*

Trọn phần ba là bài thơ Ave Maria được phổ thành nhạc. Không gian âm nhạc vẫn là nhạc *nocturne* nhưng tính cách đã thay đổi hẳn qua màu sắc ám áp của ánh sáng. Nhạc đề là sự xưng tụng biểu tượng của vẻ Đẹp thánh thiện thuần khiết được thể hiện qua hình tượng Người Nữ nguyên mẫu : khi thì là Đức Bà tinh truyền thánh vẹn, có lúc hoá thân làm sứ thần Gabriel, rồi Phượng Trì (Âm thanh của tên gọi này sao cứ làm ta liên tưởng đến hình ảnh toàn bích của người đẹp có đầy đủ Long trì và Phượng các trong tử vi). Nghệ thuật thể hiện là nghệ thuật nhạc nhà thờ, vừa đồng ca, vừa độc thoại. Bao trùm toàn thể phần ba này là vẻ đẹp rục rờ mà tâm hồn nghệ sĩ quay về nương nấu trong sự bình yên của hạnh phúc trong thế giới nguyên tuyền thanh khiết.

Trường ca HMT đã thể hiện tài tình những diễn biến tâm tình của nhà thơ quá cố : từ chất thơ trong sáng buổi đầu, nhà thơ đã trải qua những cơn đau đớn quằn quại trước khi quay về yên nghỉ trong vẻ Đẹp màu nhiệm thanh khiết của Phượng Trì là hiện thân của vẻ Đẹp nữ tinh truyền thánh vẹn. Đây là hành trình thơ HMT, mà cũng là hành âm của trường ca HMT của Phạm Duy.

### **Hành Trình Thú Đau Thương Của Người Nghệ Sĩ**

Trong lời dẫn giải về tác phẩm TCHMT, Phạm Duy cho biết rằng ông đã từng làm quen với thơ HMT từ thuở còn đi học. Ông cảm được những nếp gấp tâm tình của nhà thơ này khi nêu ra những chủ đề chính trong thơ HMT :  **tình yêu, tình dục, sự đau khổ, sự đau thương, sự điên dại, cái chết, Đạo, Thượng Đế, Thiên Chúa...** (3) Bảng liệt kê vừa kể thật ra chưa nói đủ hết mối đồng cảm sâu sắc của ông đối với nhà thơ quá cố. Phải nghe chính tác phẩm mới có thể nhận ra được rằng TCHMT là bản vẽ sâu sắc bản đồ tâm hồn thơ HMT.

Bố cục của TCHMT thể hiện khá rõ về những biến chuyển trong tâm sự thơ HMT từ tập thơ đầu (GÁI QUÊ) đến giai đoạn THƠ ĐIỀN - ĐAU THƯƠNG, và cuối cùng là thời kỳ sáng tác XUÂN NHƯ Ý trở về sau. Ba giai đoạn chính trong hành trình sáng tạo thơ HMT với những nội dung khác nhau, phản chiếu tâm hồn người thơ một cách sinh động và độc đáo.

Có thể phác lại nét chính của con đường thơ HMT được phác họa qua trường ca của Phạm Duy như sau : 1) thời thanh xuân lãng mạn đẹp ngời (TÌNH QUÊ) --> 2) thời điên loạn, đau đớn vì thể nghiệm nỗi đau thương của thân phận (TRĂNG SAO) - -> 3) thời tìm lại được yên ổn tâm hồn trong thế giới của cái Đẹp vĩnh hằng (AVE MARIA). Cứ thế, nhạc đề phát triển từng đợt ba phân khúc như những lớp sóng xô cao thấp khác nhau. Con đường thơ của HMT thể hiện khá sinh động tâm hồn người nghệ sĩ giữa đời.

Con tim yêu thương bao la của người nghệ sĩ rung lên những nhịp điệu tình ca muôn vẻ của thơ tình. Không biết có ai phân tích hết những dáng vẻ của tình yêu trong thơ HMT hay chưa, nhưng Phạm Duy đã thể hiện khá đẹp những nét lớn của tình yêu trong thơ HMT : sự dâng hiến trọn tình, sự e ấp trộn lẫn với nỗi rạo rực, nỗi đắm say trước vẻ Đẹp hiện thân của tình yêu. Có thể nhận ra những dáng vẻ tình yêu đó trong thơ HMT khi thường thức phần một TchMT. Con tim yêu thương của người nghệ sĩ phả vào cuộc đời xã hội bằng những mối tình người tặng cho những người yêu dấu chung quanh. Tình yêu ấy đọng lại trong TchMT là tình yêu ông dành cho đất nước quê hương là nơi bóng hình những người ông thương mến, là tình yêu ông dâng tặng vẻ Đẹp nguyên trinh qua hình tượng Phương Trì/sứ thần Gabriel/Đức Bà.

Thế nhưng người nghệ sĩ có trái tim vô số mà anh ta không chỉ dành tặng cho những người yêu dấu trong đời. Trong đáy sâu thẳm của con tim, người nghệ sĩ luôn cảm thấy có một lời thì thầm vượt lên khỏi bình diện nhân gian. — đây cần nhắc lại một bài viết của HMT thường vẫn bị các nhà nghiên cứu bỏ quên khi muốn tìm hiểu về tâm sự thơ ông. Trong bài viết về Quan niệm thơ, HMT cho thơ là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thì, vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt.

Nói cách khác, thi sĩ đã sống cô độc đời mình giữa cuộc thế lao xao, và làm thơ là để tìm người tri kỷ. Làm thơ là một sự ham muốn vô biên của những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt (4) . Người nghệ sĩ thoáng nghe ra những tiếng nói màu nhiệm vượt lên khỏi chiều kích trần thế. Sự nhạy cảm tột cùng dẫn đưa con đường sáng tạo của người nghệ sĩ qua những cơn loạn lạc với thú đau thương. Đó có thể là nỗi ngậm ngùi về những hoang phế quạnh hiu của những thành quách cũ (Vũ Đình Liên, Chế Lan Viên, Vũ Hoàng Chương), đó cũng có thể là những lời độc thoại triền miên của người tình trẻ bên đời hiu quạnh (Trịnh Công Sơn), của người tình già nghe tiếng gọi nghìn thu (Phạm Duy).

Thế thì tại sao không có một HMT điên mê trong nỗi đau đớn của thân phận vui buồn của nhân gian mà ông tự cho mình là một đại biểu? (Ý nghĩa của trường thơ Loạn mà HMT và các bạn ông dựng lên dường như chưa được tìm hiểu, nhưng chúng tôi cho rằng sự nổi loạn của thế hệ nhà thơ trẻ Qui Nhơn lúc bấy giờ là dấu chỉ của một khao khát về một sự quân bình mới). Nỗi đau về phận người khổ nhục có khiến thơ ông đầm máu lệ, vang vang nỗi đau hận pha lẫn với hoan lạc trong tình yêu thánh hóa.

Thơ điên của HMT phản ánh nỗi bi phẫn về phận người khốn khó, mà sự đau khổ của đời này thì muôn hình vạn trạng, người nghệ sĩ đau nỗi đau nhân thế và mang thập giá thay cho chúng ta, có phải đâu chỉ là người ca nhân làm mồi cho những mối tình đôi lứa như người đời vẫn nghĩ. Một nhân vật của Dostoievsky đã bảo rằng : *cả trái đất, từ vỏ vào trong ruột, đều ướt đầm nước mắt con người*. Thế nên khi người nghệ sĩ hát về nỗi đau đớn của kiếp nhân sinh hoặc giả cảm nhận được tiếng hát



nghìn thu nơi đầu non thì chẳng phải là lúc người nghệ sĩ đã xa cách đại quần chúng, trừ phi đại quần chúng muốn giam hãm nghệ sĩ như giam những tên tù trong vũng lầy nghệ thuật nô dịch.

Gần đây khi nhận định về một số tác phẩm mới của Phạm Duy, có người nghĩ là ông đã dần tách khỏi vị trí của người nhạc sĩ của đại chúng, hiểu theo nghĩa là ông không còn hát về những vui buồn của nhân thế gần gũi : hát về quê hương dân tộc, về những mối tình rất riêng tư trong không gian sống của những thị dân. Nếu nghĩ rằng Phạm Duy nay đang lui dần về sáng tác những tác phẩm để riêng cho ông bởi vì không có bóng dáng những hình ảnh quen thuộc trong các ca khúc bao lâu nay thì cũng xin lưu ý là đã từ những ngày xa xưa, khi còn trẻ Phạm Duy cũng đã từng có những bài hát mang chủ đề hướng nội. Người thanh niên ấy đã từng nghe ra tiếng gọi huyền nhiệm từ sâu thẳm của nội tâm. Tiếng đời nào phải chỉ có tiếng tình yêu mà còn có tiếng gọi của thình không (*Lữ Hành*), cảm nhận về những biên giới cắt chia con người trong những không gian tâm tưởng khác nhau (*Bên Cầu Biên Giới*)...

Cho nên Phạm Duy vẫn chỉ là một thi sĩ dù là Phạm Duy của *Tình Ca*, của *Cổ Hồng*, của *Pháp Thân*, của *Ngục Ca*, của *Bài Hát Nghìn Thu*, của thiên khúc *Hát Trên Đường Về*, hay của *Trăng Sao Rớt Rụng*. Có thể mới có thể có mối đồng cảm giữa hai người nghệ sĩ với những thân phận riêng tư rất khác nhau nhưng cũng rung những cung bậc tâm hồn trước những hoan lạc cùng những khổ nhục của kiếp người. Nghệ thuật, nói cho cùng, chỉ là những tiếng kêu bất bình của người nghệ sĩ trước những hệ lụy của cuộc đời. Đôi mắt người nghệ sĩ là đôi mắt nhìn sâu thẳm vào phận người. Một thời vàng son của đào nguyên đã vĩnh viễn xa rồi ư, đời ta chỉ còn là một chuỗi những ngày nơi trần gian khổ lụy (Văn Cao), hát như chưa biết buồn phiền chi dù đường về quê nhà đã xa, nơi thành cổ rêu mốc của đời ta vẫn đi về một cõi quạnh hiu và hai vầng nhật nguyệt trối hai vai (Trịnh Công Sơn).

TcHMT là tiếng hát của người nghệ sĩ về những ràng buộc của cuộc đời, là sự thăng hoa giữa những khổ đau và hạnh phúc của phận người thành âm nhạc và thơ. Ba phần của trường ca là ba dáng vẻ của cuộc đời được phả vào nghệ thuật, trong đó có tình yêu sôi nổi mà e ấp của một thời hoa niên lãng mạn, có những khổ nhục của một đời lận đận vì những dằn xóc khác nhau.

Trước nỗi khổ mang chất bi kịch của đời người, người ta có thể phản ứng một cách khác nhau : có người an nhiên lặng lẽ đi về một cõi quạnh hiu và chấp nhận hạnh phúc trong niềm tuyệt vọng (Trịnh Công Sơn), có người không nguôi hoài tưởng một thiên thai không bao giờ trở lại (Văn Cao), có người lại dẫn mình sống rất hiện sinh với chính những vinh nhục của đời và bật lên những tiếng tâm tình trước mọi cảnh huống. HMT và Phạm Duy đồng cảm với nhau ở điểm này. TcHMT là tác phẩm nghệ thuật thăng hoa những đau thương khổ nạn của đời người.

Hành trình nghệ thuật của HMT bắt đầu từ những hoa mộng thời trẻ hồn nhiên đến những đau khổ điên loạn vì những nhục nhằn, và khép lại với tình yêu thanh khiết trong thế giới vĩnh hằng trong suốt một vẻ Đẹp tinh tuyền. Nhạc Đề phát triển nhất quán với chủ ý HMT khi nhà thơ biểu tượng Maria bằng những tiếng gọi khác nhau : Đức Bà tinh truyền thánh vẹn, sứ thần thiên chúa Gabriel, Phượng Trì. Ngôn từ ở đây chỉ là những chiếc bè giả tạm để chuyên chở một cảm nhận về một thế giới vĩnh cửu của Mỹ thể.

HMT về yên nghỉ trong tôn giáo hay nghệ thuật? Vô thức về người nghệ sĩ trong

Phạm Duy đã nghiêng về xu hướng thứ hai khi ông đã không phổ nhạc bài *Ave Maria* theo cách nhìn của ông lúc ông phổ thơ Phạm Thiên Thư trước đây : vẻ đẹp quyến rũ trong thơ Phạm Thiên Thư là sự nguyên trinh thánh thiện, là vẻ đẹp trong thế giới nghệ thuật trong đó không gian và thời gian như không còn tuổi trong cõi tuyệt đối vô cùng. Phạm Duy đã chẳng nói là những bài ông phổ thơ Phạm Thiên Thư là những bài hát thanh cao nhất của thời đại đầy ư (4) ? Hát lên tiếng hát xung tưng một thiên thần là cách thể của người nghệ sĩ xung tưng cái Đẹp. Mỹ thể là điểm đi tới và cũng là điểm quay về của Nghệ thuật.

Phạm Duy tâm sự rằng nguyên ủy của ý định sáng tác TcHMT là : ông muốn tiếp tục nói tới chuyện hóa giải nỗi oan khiên to lớn của cuộc đời Việt Nam sau nửa thế kỷ chiến tranh và hận thù bằng con đường đi vào Đạo để siêu hóa mọi sự (6). Hiểu như thế thì HMT cũng là một biểu tượng của thân phận VN, và những biến chuyển tâm tình của HMT là điển hình cho bi kịch trong đời người VN chúng ta trong một thời oan khổ dài dằng dặc. Âu cũng là một cao vọng đáng trọng của người nhạc sĩ già. Nỗi trăn trở của Phạm Duy về đất nước gần đây được tô đậm nét qua một trường ca gây nhiều xúc động (BẦY CHIM BỎ XỨ - 1990). Ta cũng bắt gặp trong một trang viết, ông cũng đã có lần trăn trở về thân phận nhục nhằn của người trí thức VN chứ chẳng phải không (7). Nhưng cứ như sự phát triển của chính nhạc đề của TcHMT thì ý nghĩa của tác phẩm đã tự nó có sức nặng của một tác phẩm nghệ thuật phản ánh rất đậm những cảm xúc về phận người biểu hiện qua thân phận một nghệ sĩ. Phạm Duy có nhớ không những lời ông viết về chính mình khi ông sáng tác TcMHT : *đối với tôi chỉ có ba điều quan trọng : tình yêu, sự đau khổ và cái chết* (8)? Tôi muốn thêm : hận thù, hạnh phúc và vĩnh cửu.

### **Một Tác Phẩm Thơ Phổ Nhạc Lớn Trong Sự Nghiệp Phạm Duy**

Trong kho tác phẩm đồ sộ của Phạm Duy, thơ phổ nhạc có một vai trò rất đáng kể. Phải nhận rằng nhạc của ông đã làm bất tử một số những bài thơ, và ngược lại thơ đã gợi hứng cho ông viết những giai điệu mượt mà quyến rũ nhiều thế hệ người nghe. TCHMT là công trình thơ phổ nhạc rất khác với những bài trước đây thường chỉ là những đoạn khúc hoàn chỉnh riêng rẽ, dù có đặt chúng vào một tập hợp như *Đạo Ca, Ngục Ca, Hoàng Cầm Ca*. Một công trình dài hơi và dài ngày, nếu cứ tính từ khi lần đầu tiên bài *Tình Quê* xuất hiện như một phụ bản trong tập san THẾ KỈ HAI MƯƠI (1960) tại Sài Gòn.

Ngoài Phạm Duy ra có Hải Linh và Viết Chung trước đây cũng phổ nhạc HMT, mỗi người một phong cách khác nhau. Nhưng cũng chỉ với Phạm Duy rất đáng chú ý vì tính cách đa dạng và thể hiện một phong cách đặc biệt. Trong TCHMT, có đủ các kỹ thuật phổ nhạc mà Phạm Duy thường vẫn sử dụng : lấp giai điệu vào lời thơ, biến thể các giai điệu để phát triển nhạc đề, và chuyển ý thơ thành điệu. Kỹ thuật lấp giai điệu và thủ pháp quen thuộc thường thấy ở thơ phổ nhạc : Bài *Chiều Đông* phổ nguyên lời bài thơ *Khoác Kín* của Cung Trầm Tưởng là một thí dụ. Phải nói ngay là Phạm Duy rất hiếm khi phổ nguyên lời thơ của toàn bài, vì đòi hỏi của cấu trúc câu nhạc cũng có mà vì sự chọn lọc lời ca của ông cũng có. Vì vậy, bài thơ phổ nhạc của Phạm Duy thường phong phú về giai điệu và nhạc đề nhờ ở nghệ thuật gây ấn tượng qua những kết hợp kỹ thuật khác nhau.

Bài thơ phổ gần như nguyên vẹn trong TCHMT là *Đây thôn Vĩ Giã* (gồm có ba khổ thơ thất ngôn) thật ra cũng phải tôn trọng cấu trúc của bài hát mà kết cấu như sau : đoạn một của bài hát gồm khổ một và khổ hai, đoạn hai gồm khổ một và khổ ba. Sự láy lại khổ thơ là một nghệ thuật gây ấn tượng bằng sự láy lại nhạc đề của phân khúc này. Kỹ thuật biến thể các giai điệu để phát triển rộng nhạc đề là thủ pháp đã được dùng trong khi phổ bài *Tình Quê*. Ông đã bố cục bài hát làm hai đoạn lớn có giai điệu không xa nhau lắm và nối chúng lại với nhau bằng bản lề rất khéo là hai câu thơ ngũ ngôn trong bài thơ nhưng đã phổ thành hai biến điệu khác nhau cho phù hợp với âm hành của câu nhạc. Sự trùng tréo các giai điệu trong hai đoạn có tác dụng nghệ thuật đặc sắc cho bài hát. Kỹ thuật mà Phạm Duy thường sử dụng là kỹ thuật chuyển ý thơ thành giai điệu.

Đây là một kỹ thuật đòi hỏi khả năng thường ngoạn văn học ngũ hầu có thể nắm bắt được ý của câu đoạn hay cả bài thơ để chuyển thành giai điệu. Phạm Duy đã sử dụng kỹ thuật này mà hoàn thành những tác phẩm bất hủ như *Tiếng Sáo Thiên Thai*, *Vần Thơ Sầu Rụng*, *Hoa Rụng Ven Sông...* trong TCHMT, phần phổ nhạc nhóm bài thơ về Trăng là phần rất công phu nhờ sự biến ảo của giai điệu theo nhịp điệu phù hợp với tâm trạng trong thơ. Phạm Duy đã tổ hợp các bài thơ khác nhau theo một thứ tự do ông thiết định để làm bật lên trạng thái tâm hồn của nhà thơ trong phân khúc này. Không có được khiếu thường ngoạn thi ca sâu sắc thì không thể có được những bản thơ phổ nhạc như thế. Cứ so sánh lối tiếp cận của Hải Linh và Phạm Duy khi phổ bài Ave Maria sẽ thấy ngay phong cách Phạm Duy : ông tước bỏ đoạn đầu của bài thơ mà Hải Linh đã dùng để phát triển nhạc đề cho bài hợp xướng Ave Maria giàu tính cách tôn giáo : *Như song lộc triều nguyên ơn phước cả...*

Phong cách phổ nhạc ở đây đã phản ánh phong cách người nhạc sĩ. Bao trùm lên các kỹ thuật vừa kể là nghệ thuật gây ấn tượng qua sự nhấn mạnh nhạc đề. Đây là điểm đặc sắc của nghệ thuật sáng tác Phạm Duy. Bài *Đà Lạt Trăng Mờ* chẳng hạn, đã láy đi láy lại nhiều lần nhạc đề bài hát. Ta tìm thấy lại nghệ thuật ấy trong tất cả các phân khúc của TCHMT. Ấn tượng về câu nhạc được tô đậm trong trí người nghe là nhờ những sự nhấn mạnh nhạc đề như thế. Điều kỳ diệu là những câu hát được tô đậm bằng sự láy lại đã không hề tạo ấn tượng nhàm chán. Làm sao nắm bắt được nhạc đề của bài thơ phổ nhạc, hoàn toàn thuộc về sự bén nhạy của tư duy nghệ thuật của Phạm Duy. Nếu những bài thơ hay là những bài thơ có thần thì những câu thơ phổ nhạc của Phạm Duy trong TCHMT cũng có thần của chúng, tạo nên khí vị nhất quán khi nghe riêng từng bài hay lúc nghe toàn thể chín phân khúc. Ma lực cuốn hút của những phân khúc thơ phổ nhạc TCHMT là ở những đợt sóng cảm xúc xô đẩy tới lui như những đợt sóng khác nhau dào dạt đuổi bắt không ngừng.

TCHMT là một dấu mốc đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy. Nếu thơ phổ nhạc nói chung đã là một gạch nối đặc biệt giữa văn học và nghệ thuật âm nhạc thì TCHMT còn có ý nghĩa một phác họa chân dung của một nhà thơ bằng âm nhạc. Giá trị của tác phẩm như vậy là đa dạng. Hãy chỉ nhìn tác phẩm trong địa hạt âm nhạc thôi, TCHMT cũng là một công trình đồ sộ : giai điệu phong phú, hòa âm tân kỳ, giọng hát nhã luyện. Tác phẩm để lại dư vị ngất ngây và những băng khuôn không dứt về thân phận người thi sĩ quá cố mà cũng là của mỗi chúng ta. Đạt được như thế không thể không có một khí lực âm nhạc dữ dội.

London, tháng 6, 1994

- 
- (1) Vũ Khắc Khoan, Thăng Cuộc Ngồi Góc Cây Đa (kịch), 1948
  - (2) Phạm Duy, Về các bài thơ phổ nhạc - Về TCHMT. Hợp Lưu 15 (2&3/94), tr. 161-170
  - (3) Phạm Duy, bài đã dẫn, Hợp Lưu 15, tr. 164-166
  - (4) Hàn Mặc Tử, Quan Niệm Thơ, CHỜ GIỮA MÙA TRẮNG. An Tiêm xb, 1972, tr. 31-40
  - (5) Phạm Duy, Hồi Ký 3. PDC xb, 1992, tr. 300
  - (6) Phạm Duy, bài đã dẫn. Hợp Lưu 15, tr. 164
  - (7) Phạm Duy, Hồi Ký 3, sđd. tr. 307.
  - (8) Phạm Duy, Hồi Ký 3, sđd. tr. 123

*Trăm năm trong cõi người ta  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau...*  
Nguyễn Du

## Chương Hai Mươi Sáu

### Nhạc Phẩm Cuối Đời

Chẳng còn bao lâu là tới năm 2000. Tôi sẽ bước vào tuổi 80 và bước tới thế kỷ mới. Lúc đó, để ăn mừng tuổi thọ và ăn mừng một thiên niên mới cũng như để kết thúc cuộc đời ca nhân khá lâu và khá dài của mình, tôi sẽ hoàn tất một nhạc phẩm lớn, mang cao vọng thăng hoa được con đường dân ca tôi đã chọn từ khi mới nhập cuộc đàn ca. Nhạc phẩm đó là **Minh Họa Truyện Kiều** mà tôi đang từ từ biên soạn.

Tôi chọn Truyện Kiều của Nguyễn Du để làm tác phẩm cuối đời vì thi phẩm này tiêu biểu cho tâm thức Việt Nam trong khi tôi đã già từ loại nhạc thế tục để đi vào loại nhạc tâm linh. Tôi còn muốn trung thành với lý tưởng điều hợp xã hội bằng âm nhạc cho nên tôi muốn dùng lời thơ vĩ đại của Tố Như và nét nhạc nhỏ nhoi của tôi để làm nơi tự tình cho những ai đã chót lia nhau, đã chót xa nhau hơn nửa thế kỷ.

Tôi không dám cả gan phổ nhạc tất cả trên 3000 câu thơ của cụ Tiên Điền mà chỉ dùng một số câu thơ trong *Đoạn Trường Tân Thanh* để đưa ra bốn cảnh ngộ của Nàng Kiều. Nhạc phẩm mang tên **Minh Họa Truyện Kiều**. Minh họa ở đây -- xin dịch là **illustration** -- có nghĩa là hiển dương, là làm tăng thêm vẻ đẹp sẵn có của thi phẩm, là làm cho thơ có thêm màu sắc, có thêm tầm vóc. Một ví dụ nhỏ là trong thơ, cụ Nguyễn Du chỉ có 6 chữ (hay 8 chữ) để tả cảnh hay tả tình như : *Cỏ non xanh ngát chân trời* hay *Buồn trông cửa bể chiều hôm...* thì bây giờ trong nhạc, tôi và con tôi là Duy Cường phải dùng giai điệu và hoà điệu để mô tả cái cánh đồng cỏ non của ngày Xuân ấy... hay tả nỗi buồn của Nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích.

**Minh Họa Truyện Kiều** của chúng tôi sẽ gồm có :

**Prologue** (Giáo Đầu) giới thiệu không gian, thời gian và nhân vật...

**Phần Một** : Kiều gặp Đạm Tiên, tức là gặp số phận mình, số phận của những người tài hoa bạc số...

**Phần Hai** : Kiều gặp Kim Trọng, nghĩa là gặp tình yêu, nhưng là tình yêu không trọn

ven...

**Phần Ba** : Kiều gặp cảnh gia biến, phải bán mình chuộc tội cho cha, rồi gặp toàn người xấu, là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hoạn Thư v.v...

**Phần Bốn** : Kiều gặp người cứu tinh là Từ Hải... nhưng Từ Hải sẽ vì nàng mà phải chết đứng...

**Epilogue (Kết)** : Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường... Trong Đoạn Trường Tân Thanh, cụ Nguyễn Du cho Giác Duyên thuê ngư phủ kéo sắn lưới để vớt sống Nàng Kiều, nhưng trong nhạc phẩm **Minh Họa Kiều** này, chúng tôi có ý đặt câu hỏi : Ai là người sẽ cứu sống Nàng đây ?

Về phần nhạc thuật, trong công việc đưa nhạc Việt Nam từ hình thức *đơn điệu* (monophonic) lên hình thức *đa điệu* (polyphonic) mà chúng tôi thử thách trong mười năm qua, bây giờ việc này mới tạm được coi như khá ổn thỏa. Đó là nhờ ở công phu của Duy Cường, trong gần hai năm, đã đi đi về về Việt Nam/USA... để lấy mẫu (sampling) hầu hết các âm thanh của nhạc cụ dân tộc rồi áp dụng vào nhạc phẩm **Minh Họa Kiều** này. Duy Cường còn thu thanh vài giọng ngâm rất cổ để cho vào tác phẩm cùng với những âm sắc của nhạc cụ dân tộc *như đàn tranh, đàn nguyệt, đàn bầu, trống phách...* hoà vào âm thanh của các nhạc cụ Tây Phương. Làm công việc giao hưởng giữa lối ngâm xưa và lối hát bây giờ, giữa nhạc cụ cổ truyền và nhạc cụ tân thời, nhất là với khả năng phi thường của computer chúng tôi mời người nghe đi ngược dĩ vãng 200 năm rồi đi tới tương lai cũng 200 năm đang tới...

---

Vì tự thấy mình đã cao tuổi, không có thời gian chờ đợi soạn đầy đủ bốn phần rồi mới cho thu thanh, tôi cho thực hiện ngay đoạn **Giáo Đầu** và **Phần Một** của **Minh Họa Kiều** để ra mắt khán thính giả. Các đoạn này đã do những giọng hát của Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, Duy Quang và Tuấn Ngọc trình bày. Phần ngâm thơ do Thanh Ngoan (Hà Nội) và Ái Vân (San Jose) phụ trách.

Đối với tôi, **Phần Một** tương đối dễ soạn vì nếu đoạn giáo đầu giới thiệu đầy đủ *thời gian, không gian và nhân vật* thì những hành động về sau của Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan như : cùng đám đông *đi tảo mộ, gặp nắm mồ vô chủ*, dừng lại để cho Thúy Kiều *cảm thương người xấu số và tiên đoán được phận mình...* là những đoạn nhạc tả cảnh, tả tình rất dễ viết. Tột đỉnh của Phần 1 là đoạn hồn ma Đạm Tiên hiện ra cũng không làm cho tôi khó nhọc, rồi "nhạc trình" xuống dần dần để kết thúc với *việc nàng Kiều gặp chàng Kim*.

Như vậy, bố cục âm nhạc trong **Phần Một** của **Minh Họa Truyện Kiều** được chia ra ba hành điệu :

\* **Hành Điệu Một** là những hành âm của cuộc du Xuân, khoan thai, trong sáng rồi cuốn nhanh như tiếng cười giòn giã, biểu hiện một thời Xuân của đời Kiều...

\* **Hành Điệu Hai** là sự hoang mang, nghẹn ngào... biểu hiện những xúc động đầu đời về thân phận mình khi Kiều gặp hồn ma Đạm Tiên.

\* **Hành Điệu Ba** là sự trở lại nhạc đề một, êm đềm tươi sáng... khi Kim Trọng xuất hiện ở cuối cuộc du Xuân.

Trong thi phẩm KIM VÂN KIỀU của Nguyễn Du do tôi phổ nhạc, đây là phần duy nhất có phong vị cuộc sống tươi vui trọn vẹn.

Vào chiều thứ Bảy ngày 19 tháng 4 năm 1997, tôi hân hạnh cho ra mắt một phần của bốn bức minh họa truyện Kiều bằng âm nhạc tại nhà tôi. Sau đó là việc tôi đi lưu diễn nhiều nơi trên thế giới với Phần I của nhạc phẩm này. Đó là tại những thị trấn như Vancouver, CANADA, London, ENGLAND, Amsterdam, NETHERLAND, tại ba nơi ở GERMANY, tại thành phố Saint Paul, MINNESOTA, USA, tại hai nơi ở Paris, FRANCE, tại Tokyo, JAPAN, San Jose, CALIFORNIA, USA, Oklohama City, OKLOHAMA, USA, Orlando, FLORIDA, USA, Santa Ana, CALIFORNIA, USA, Toronto, CANADA, Atlanta, GEORGIA và Washington D.C, USA...

---

**Phần 2** của MINH HOA KIỀU đã được tôi khởi soạn ngay trong những ngày tôi đem **Phần 1** đi phổ biến trên thế giới. Tôi còn nhớ đã ngồi trước piano để viết đoạn **Người Đâu Gặp Gỡ Làm Chi** tại nhà anh Đỗ Xuân Kiên ở London vào tháng 7 năm 1997, rồi tiếp tục soạn những đoạn sau tại nhà anh chị Lê Tất Luyện ở Paris.

Rồi trong thực tế, tôi đã hoàn tất **Phần 2** vào năm 1998, trong khi Duy Cường đang ở Việt Nam và đã thu thanh xong một số điệu hát, điệu ngâm của cô Thanh Ngoan để dùng trong nhạc phẩm này. Chúng tôi đang dự định thu thanh **Phần 2** thì vào đầu năm 1999, bỗng nhiên xảy ra vụ nhà tôi bị ung thư phổi. Trong suốt 8 tháng trời, ngày và đêm, cả gia đình tôi thay phiên nhau lo việc săn sóc cho người bệnh. Rồi vào tháng 8 năm 1999 thì nhà tôi mất. Vừa chôn vợ xong, tới phiên tôi phải vào bệnh viện Long Beach để mổ tim. Cả tâm hồn lẫn thể xác tôi bị suy sụp nặng nề. Sau đó tôi không còn tha thiết đến sự sống nữa, nói chi tới chuyện nghệ thuật.

Thế rồi việc phục hồi sức khỏe giúp tôi chống chọi được nỗi buồn. Tôi thấy rằng tôi phải hoàn tất **Phần Hai** của MINH HOA KIỀU. Tôi là người xưa nay rất coi trọng chữ TÍN. Phần này đã soạn xong thì phải thu thanh. Thu thanh xong rồi, có thể không cần phải ra mắt quần chúng. Cũng như HỒI KÝ này, tôi phải viết cho xong. Viết xong rồi chưa chắc đã cần phải phát hành.

Như đã nói, **Phần Một** là phần Kiều gặp Đạm Tiên, tức là gặp số phận mình, số phận của những người tài hoa bạc số. Phần này dễ soạn. **Phần Hai** là phần Kiều gặp Kim Trọng, nghĩa là gặp tình yêu, nhưng là tình yêu không trọn vẹn. Từ khi nhớ nhung nhau, đi tìm nhau cho tới khi gặp nhau, tỏ tình với nhau, đôi người tình này không hề nắm tay nhau, kề vai nhau, ôm hôn nhau... thì khó cho tôi quá trong việc diễn tả ra bằng âm nhạc.

Tôi đành phải soáy vào việc đánh đàn của Kiều khi Kim Trọng ngỏ ý muốn nghe nhạc. Bốn khúc nhạc mà cụ Nguyễn Du chỉ cho chúng ta 4 cái tên là : **Hán Sở Chiến Trường, Tư Mã Phụng Cầu, Kê Khang, Chiêu Quân** thì bây giờ tôi -- và nhất là Duy Cường -- phải tạo ra bốn nhạc khúc đó. **Phần Hai**, do đó không là nhạc tả cảnh, tả tình như trong **Phần 1** mà là **nhạc tỏ tình, tỏ tài**... Là **nhạc tài tình** chăng ?

Bố cục âm nhạc trong **Phần Hai** của **Minh Họa Truyện Kiều** cũng được chia ra ba hành điệu :

- \* **Hành Điệu Một** là những hành âm của cuộc đi tìm tình yêu của đôi người tình trẻ...
- \* **Hành Điệu Hai** là sự thổ lộ tài hoa của Kiều khi gặp người yêu...
- \* **Hành Điệu Ba** là sự trở lại nhạc đề một, đậm đà nhưng phần nào cay đắng khi hai người phải chia tay nhau...

Cho tới khi viết xong **HỒI KÝ 4** này rồi, tôi vẫn chưa quyết định được việc thu thanh và phổ biến **Phần Hai** của **Minh Họa Truyện Kiều**. Nhưng chắc chắn tôi sẽ không bỏ dở dang tác phẩm cuối cùng của đời mình và những nét nhạc đầu tiên của **Phần Ba** đã khởi sự trong đầu tôi rồi. Lạy Trời cho tôi còn đủ sức khoẻ để hoàn tất hai phần còn lại.

*Thằng Bờm có cái quạt mo  
Phụ ông muốn đổi ba bò chín trâu...*  
**Dân Ca Cổ Truyền**

## Chương Hai Mười Bảy

Trong khi tôi soạn **Minh Họa Kiều**, tức là đi vào địa hát ca nhạc kịch Việt Nam thì tôi nhớ ra rằng trong dĩ vãng, tôi cũng đã từng soạn nhạc cảnh rồi. Nhưng trước đây, vì tôi liên tục soạn *nhạc cho phòng trà, nhạc cho sinh viên, nhạc cho người tình, nhạc cho người lính* v.v... với những thể tài như **đoản ca, trường ca, chương khúc**, cho nên người yêu nhạc không biết rõ ràng về một loại ca có cốt truyện, có nhân vật, có dàn cảnh, có diễn xuất v.v... của tôi. Những màn nhạc cảnh nho nhỏ này là những thử thách để tôi sẽ có ngày tiến tới cái gọi là "đại ca kịch" **Minh Họa Kiều**.

Vào năm 1963, khi hãng phim Mỹ Vân tại Saigon muốn có những nhạc cảnh để cho vào những cuốn phim của họ thì họ tìm đến tôi. Hãng này muốn tôi soạn hai nhạc cảnh với "kịch bản" -- libretto -- của kịch sĩ Năm Châu. Đó là nhạc cảnh **CHỨC NỮ VỀ TRỜI** và nhạc cảnh **TẮM CÁM**. Hồi đó, trong làng Tân Nhạc Việt Nam, mới chỉ có Lưu Hữu Phước với nhạc cảnh -- hay nhạc kịch -- **CON THỎ NGỌC, TỤC LỤY** và Hoàng Thi Thơ với **CÔ GÁI ĐIÊN** v.v...

Trong hai nhạc cảnh **CHỨC NỮ VỀ TRỜI** và **TẮM CÁM**, phần hát là do các ca sĩ Hoài Trung, Thái Thanh trong ban Thăng Long thu giọng để cho các tài tử La Thoại Tân, Thẩm Thúy Hằng diễn trong phim với kỹ thuật "lipsing". Rất tiếc rằng tôi không giữ được bản thảo hay thước phim của hai nhạc cảnh này.

Tới khi tôi qua Hoa Kỳ, dù vẫn được sống bằng nghề ca nhạc nhưng trong những năm đầu, về sáng tác, tôi vẫn chỉ cần soạn ra những ca khúc ngắn hay dài để thu thanh rồi cho vào những băng cassette hay CD để phổ biến, đa số là những **tị nạn ca** mang nặng tinh thần hoài hương.

Rồi trong cộng đồng người Việt xa xứ, vào những năm 80 bỗng phát sinh ra một ngành mới là ngành sản xuất băng video do những hãng trước đây chỉ sản xuất băng audio-cassette như THÚY NGA, LÃNG VÂN hay ASIA v.v... Trước tiên chương trình trong băng video chỉ là những màn **đơn ca** với ca sĩ đứng hát như một pho tượng hoặc có kèm những hình ảnh đi đôi với ca khúc, hoặc có khi với những hình ảnh chẳng ăn nhằm gì đến nội dung bài hát cả.

Sau dần, để cạnh tranh, các hãng sản xuất bỏ thêm tiền để thực hiện những màn **vũ, nhạc cảnh, nhạc kịch**. Và khi hãng THÚY NGA sản xuất một cuốn video về tôi với nội dung **Phạm Duy, Con Người Và Tác Phẩm** (Paris By Night số 19) thì tôi đề nghị đưa bài *Chú Cuội* vào cuốn video thành một nhạc cảnh nho nhỏ do Ái Vân đóng cả hai vai Chú Cuội và Hằng Nga.

Sau đó, hãng THÚY NGA luôn luôn nhờ tôi soạn nhạc cảnh, phần nhiều để cho nghệ sĩ Ái Vân đóng vai chính. Đó là những nhạc cảnh **Người Đẹp Trong Tranh, Thăng Bờm, Thị Mầu Lên Chùa, Trên Đồi Xuân**. Rồi tới hãng THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT mời tôi cộng tác với những nhạc cảnh **Chum Vàng, Truyện Tình Sơn Nữ, Mài Dao Dạy Vợ**.

Nhạc cảnh **Người Đẹp Trong Tranh**, phóng tác theo truyện cổ BÍCH CẦU KỲ NGỘ, đưa ra trên sân khấu một chàng thư sinh ngồi uống rượu bên một bức tranh mỹ nữ thật đẹp. Sau phần nhạc dạo, thư sinh kể chuyện mình vừa đi hội chùa, gặp một người đẹp và mua được bức tranh vẽ chân dung của người thiếu nữ đó...

Thư sinh :

*Từ khi ngơ ngẩn ra về  
Sầu tương tư mãi nẻo nê lòng ta  
Rồi may gặp được ông già  
Bán cho tranh vẽ bóng người chiều xưa.*

Thư sinh sống với người đẹp trong tranh...

*Bên song thấp ánh đèn mờ  
Sớm khuya với bức hoạ đồ làm đôi  
Trông tranh mà ngỡ như ai  
Lung linh mắt ngọc, miệng cười đón Xuân.*

Thư sinh ngủ gục... Nhạc hoà tấu và nàng tiên từ trong tranh bước ra...

*Rằng ta thần nữ xuống đây  
Tiền duyên thưở trước với ai  
Kiếp nay xin đền tình tang, kiếp nay xin đền.*

Thư sinh tỉnh giấc, thấy người đẹp :

*A ha à a ha ! A ha à a ha !  
Rõ ràng mày liễu mặt hoa  
Đào nguyên lạc lối đâu mà tới đây ?*

Và như trong truyện cổ tích, *bởi vì chàng là mối duyên tiền kiếp, bởi vì tình chàng quá ư đắm thắm, nên khiến Trời rộng tâm cho, cho thiếp hầu hạ người thơ...* Nhạc cảnh kết thúc với đám cưới của Thư Sinh và Giáng Kiều :

*Bóng mây bông kéo quanh nhà  
Thảo am thoát đối, đối ra lâu đài  
Sáng một góc trời và áo mũ xiêm hài  
Lả lơi bên nói bên cười  
Bên mừng tổ nữ bên mời tân lang.*

Nhạc cảnh **Thị Mầu Lên Chùa, Trên Đồi Xuân** cũng được hãng THÚY NGA thực hiện với nhiều công phu, và hình như được khán thính giả thích thú hơn. Vì trong mỗi cuốn video, có trên 20 tiết mục thì đa số là những màn hát có múa với các vũ sinh trang phục và nhảy nhót theo kiểu Âu Mỹ, thì những màn video của tôi có nhiều dân tộc tính hơn.

Tôi rất thích nhạc cảnh **Thăng Bờm**, vì tôi đem được vào màn ca vũ đó một ý nghĩa hơi khác với quan niệm của mọi người. Đó là sự trao đổi giữa một người giàu có nhưng không an nhàn với một chú bé an nhàn nhưng không đủ ăn. Khi Thăng Bờm



và Phó Ông biết chia cho nhau cái có của mình, trao đổi cho nhau hạnh phúc thì cả hai đều sung sướng. Nhạc cảnh này được một nữ vũ sư người Mỹ dàn cảnh với những vũ sinh đóng vai trâu, bò, chim, cá và gỗ lim cùng múa hát với Thăng Bờm và Phú Ông.

Với Trung Tâm THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT, tôi có những nhạc cảnh như **Truyện Tình Sơn Nữ, Chum Vàng, Mài Dao Dạy Vợ**. Nhạc cảnh **Chum Vàng** cũng giống như nhạc cảnh **Thăng Bờm**, là một chuyện cổ tích bình dân do tôi phóng tác.

...Có một đôi vợ chồng nghèo, làm nghề nông, suốt đời vất vả, lam lũ. Một hôm, chồng ra ruộng khoai (hay ruộng lúa), đang (cày sâu hay) cuốc bẫm thì đào được một cái chum. Mở nắp chum ra, thấy chum đựng đầy vàng bạc châu báu. Người chồng bèn đập nắp chum lại rồi để chum bên bờ ruộng. Về nhà khoe vợ là mình đào được cái chum vàng. Vợ hỏi :  
-- Cửa trời cho, sao không khiêng chum vàng về ? Để đó, người ta khiêng đi còn gì ?  
Chồng đáp :  
-- Nếu thật sự là cửa trời cho, thì tự nhiên chum vàng sẽ về nhà, chẳng đũa nào lấy được !

Đang lúc vợ chồng trò chuyện thì có hai thằng kẻ trộm ngồi rình ở ngoài cửa (hay dưới gầm giường), chúng nó nghe hết cả. Hai thằng chạy ra bờ ruộng thì quả nhiên thấy cái chum nằm đó. Chúng vội vàng khiêng cái chum về nhà và khi mở nắp chum ra thì chẳng thấy vàng bạc đâu cả, chỉ thấy trong chum toàn là rấn, rết ! Chúng sợ quá đem chum giấu ở một nơi.

Sáng hôm sau, người chồng ra ruộng thì thấy mất cái chum. Khi về nhà, vợ hỏi :

-- Chum đâu ?

Chồng đáp :

-- Trời lấy lại chum vàng rồi !

Hai kẻ trộm lại đã ngồi rình và nghe nói vậy, chúng bực quá, chạy đi khiêng cái chum đặt lại chỗ cũ, cho vợ chồng này sẽ bị rấn cắn.

Hôm sau, chồng ra ruộng lại thấy cái chum, về nhà khoe vợ :

-- Trời cho lại cái chum vàng rồi.

Vợ bảo :

-- Thế sao không khiêng về ?

Chồng đáp :

-- Trời đã cho lại cái chum thì chum sẽ về nhà mình cho mà xem.

Hai thằng kẻ trộm lại cũng ngồi rình và nghe nói vậy, chúng tức quá chạy đi khiêng cái chum đặt ngay trước sân nhà, cho vợ chồng này chết vì rấn cắn. Sáng hôm sau, vừa mở cửa ra sân thấy cái chum vàng nằm chính ịch ngay đó, chồng bảo vợ :

-- Thấy chưa ? Ta nói có sai đâu ? Trời đã cho thì tự nhiên cái chum vàng sẽ bò về tận nhà mình !

Nhạc Cảnh **Mài Dao Dạy Vợ** cũng soạn cho Trung Tâm Video THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT, và cũng rút từ chuyện cổ nước ta, cũng đề cao luân lý.

Mở đầu, người chồng, dáng hiền lành, thuần hậu, ngời than :

*Người ta thường nói :*

*Mẹ chồng nàng dâu*

*Có yêu nhau bao giờ ?*

*Có yêu nhau bao giờ ?*

*Người ta còn nói :*

*Mẹ chồng hung dữ,*

*Nên mẹ mau chết*

*Nàng dâu nét na*

*Nàng dâu sống lâu...*

*Số tôi thật chẳng ra đâu,*

*Mẹ thì ác miệng,*

*Nàng dâu dữ dần...*

Có tiếng mẹ chồng và nàng dâu cãi nhau ở trong hậu trường :

Mẹ chồng nàng dâu có yêu nhau bao giờ  
Nàng dâu mẹ chồng có bao giờ yêu nhau...  
Rồi người vợ học tốc chạy ra, về giận dữ :  
Một mẹ chồng già bằng mười ba ông Thiên Lô  
Dạy khôn, dạy khéo, dạy ngồi, dạy đi...  
Một mẹ chồng già bằng mười ba bà La Sát  
Coi con dâu như rác, như một bát cơm ôi...  
□ i giờ ôi, ôi giờ ôi, ôi giờ ôi ! Giờ ôi !  
Người ta lấy chồng thì vui  
Tôi nay cái bếp những chai cùng lọ  
Người ta một vợ một chồng  
Tôi nay chưa thoát cái gông mẹ già...

Chồng tới gần, an ủi vợ :  
Từ ngày em về làm dâu  
Anh đã dẫn trước, dẫn sau mọi đường  
Mẹ già dở dở ương ương  
Thì em phải nhún  
Phải nhường... phải thua!

Vợ đáp lại :  
Việc gì phải nhịn trước sau  
Tôi là phận gái làm dâu nhà này  
Mẹ chồng ác nghiệt mà ghê  
Tôi ở chẳng được, thì tôi về nhà tôi !

Vợ vùng vằng bỏ ra đi, chồng ngồi suy nghĩ... rồi cũng ra đi.

Tiếng hát trong hậu trường (giọng nam) :

Giời ơi đất hỡi!  
Mẹ chồng nàng dâu  
Cãi nhau như mưa rào  
Có ai thua ai nào ?  
Giọng mẹ the thé  
Nàng dâu cũng thé  
Ông giời cao với  
Nàng dâu cũng coi  
Giời như cái vung...

Chồng ra sân khấu với con dao bầu thật lớn :

Sáng nay vào chợ mua dao  
Về nhà lấy đá ra, mài dao kỹ càng...

Chồng ngồi xuống mài dao... vừa mài dao, vừa hát :

Cuộc đời như thể con bài  
Đã quyết thì đánh, chẳng nài thấp cao  
Cuộc đời như đá với dao  
Năng mài thì dao sắc  
Buông dao thì dao cùn...

Vợ ra sân khấu, thấy chồng ngồi mài dao, cất tiếng hỏi :

Nhà ta thiếu gì dao mà

Dao cùn chốn chợ anh mua nó về ?

Chồng không trả lời, cứ ngồi mài dao :

Ừ ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao sắc nhọn nhiều lần  
Lên rừng, lên núi để săn thú à ?

Chồng vẫn không trả lời, cứ ngồi mài dao :

Ừ ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao giết vịt hay gà  
Hay là giết lợn đem ra bán hàng ?

Chồng vẫn không trả lời :

Ừ ừ, ừ ừ...

Vợ lại hỏi...

Mài dao sắc nhọn. để mà

*Dao này đi giết người ta lấy tiền ?*  
Người chồng bèn đứng lên, nhìn dao, ôn tồn trả lời:

*Mài dao anh giết  
Mẹ già hư nát  
Đã gây nên chuyện buồn  
Xấu chung cho họ hàng  
Tuổi già nua đến  
Thì ai cũng chết  
Không là chết trước  
Thì sau, chết sau  
Thọ lâu mãi đâu ?  
Xót em là phận con dâu  
Mẹ già ác nghiệt,  
Dùng dao giết Bà !*

Có tiếng la trong hậu trường :

*Mẹ chồng nàng dâu có thương nhau không nào !  
Nàng dâu mẹ chồng có khi nào thương nhau ?*

Vợ sợ quá, lạy chồng :

*Một lạy mình rồi, mười lạy em xin anh tha  
Đừng nên giận dữ, thật là mẹ oan  
Mẹ mình già rồi mẹ đổi tâm mẹ thay nét  
Em con dâu, em biết, em phải biết thương thôi...  
□i mẹ ôi, ối mẹ ôi, ối mẹ ôi ! Mẹ ôi !  
Là không cãi mẹ từ nay  
Em xin cố gắng đắp xây nhà này  
Từ nay chồng vợ, đời đời  
Ơn cao, nghĩa lớn cũng nơi mẹ già...*

Chồng tới gần, ôm vợ, vợ chồng hợp ca :

*Người mình đem chuyện mài dao  
Ra muốn dạy dỗ : nàng dâu mẹ chồng  
Mẹ mình đặt ở trên cao  
Đâu ai mà dám đụng vào mẹ yêu...  
Việc nhà phải nhin lẫn nhau  
Ta thờ đạo lý nàng dâu mẹ chồng  
Mẹ chồng cũng phải hiền khô  
Mẹ hiền, dâu thảo... chan hoà niềm vui !  
Chan hoà niềm vui...*

Thật là may cho tôi. Trong một thời ca nhạc Việt Nam có vẻ xuống giốc vì đa số những bài hát mới, nếu là "tình khúc" thì rất dung tục, nếu là "nhạc video" thì rất lai căng, tất cả đã biến thành nhạc thương mại... thì tôi vẫn còn có cơ hội rống lên những bài hát mà tôi cho rằng có trách nhiệm với người nghe. Tôi mong rằng ca nhạc Việt Nam có những Mạnh Thường Quân luôn luôn tìm cách giúp cho nó là tiếng nói văn hóa của một dân tộc trong mọi thăng trầm của cuộc sống hơn là món quà mua vui cho thiên hạ.

*Ta yêu cô Hằng  
Đêm xưa xuống trần...  
Chú Cuội*

## Chương Hai Mười Tám

Bước qua năm 1999. Trong niềm vui chung của cả gia đình đang chờ Xuân tới, tôi ve vuốt hạnh phúc lớn của riêng tôi khi nghĩ rằng chỉ còn một năm nữa, tức là qua Tết năm 2000 là tôi có thể thực hiện được bốn cái lễ mừng long trọng nhất đời :

\* Năm 2000, như mọi người vào tuổi này, tôi sẽ ăn mừng lễ thượng thọ 80 tuổi, trong khi sức khỏe của tôi còn khá sung mãn, vợ con tôi còn rất đầy đủ chung quanh tôi, không một ai ở xa hay vắng bóng...

\* Năm 2000, vợ chồng tôi lấy nhau và ăn ở với nhau đã đúng 50 năm, dù tôi có là người chồng không nhiều đức tính hay rất dễ tính (như mọi đấng nam nhi thôi!)... nhưng suốt cuộc đời đôi lứa, đôi "uyên ương" này chưa hề cãi nhau hay giận nhau một lần. Các con sẽ xúm nhau lại để làm cho cha mẹ một lễ cưới gọi là kim hôn (noce d'or).

\* Năm 2000, tôi sẽ cho ra mắt nếu chưa phải là toàn thể ba phần còn lại của **MINH HỮA KIU** thì là **Phản Hai** của nhạc phẩm, đã được tôi coi như tác phẩm cuối cùng -- lại là sáng tác quan trọng nhất -- của đời mình nên cứ nhả nha sáng tác, không có gì vội cả...

\* Năm 2000, có thể tôi sẽ trở về Việt Nam, sau 50 năm xa Hà Nội, 25 năm xa Saigon... đúng như đã hứa trong một ca khúc soạn ra từ năm 1988 : **Hẹn Em Năm 2000**.

Nhưng vào đúng ngày mừng một Tết 1999, một việc đã xảy ra mà không một ai trong gia đình có thể ngờ được : sau một trận ho không dứt, vợ tôi đi bệnh viện khám phổi thì bác sĩ cho biết phổi đã bị ung thư đến thời kỳ không còn chữa chạy gì được nữa ! Bác sĩ còn cho gia đình tôi biết vợ tôi chỉ còn sống trong vòng một năm nữa thôi. Nhưng chỉ tám tháng sau, vào tháng 8, 1999, vợ tôi qua đời.

Trong thời gian vợ tôi nằm chờ chết, cả gia đình tôi thay phiên nhau trông nom bà, khi thì trong bệnh viện Fountain Valley, khi thì trong căn nhà ẩm cúng ở Thị Trấn Giữa Đàng. Biết rằng có thể làm chậm thời gian về cõi chết nếu chăm làm "chemotheraphy" nhưng vợ tôi đã không chịu nổi liều trị liệu này vì mỗi lần trích thuốc thì thuốc làm tê liệt đường gân trên tay, trên ngực, làm rụng tóc v.v... Tuy nhiên hai lá phổi bị ung thư không làm cho người bệnh đau đớn, thân hình vợ tôi không bị hư hao và bà chỉ càng ngày càng khó thở và phải thường xuyên nằm với bình dưỡng khí bên mình.

Trước Tết Mậu Thân, tại Saigon, tôi đã từng chứng kiến căn bệnh và cái chết vì cancer của anh tôi, Phạm Duy Nhượng, từng đau buồn vì bất lực trước sự tàn phá ghê gớm của bạo bệnh này. Nay thì không riêng gì tôi buồn lo, bận bịu suốt đêm ngày, các con tôi cũng tất tả ngược xuôi, chật vật vì mẹ. Trên mười đứa con, cả con ruột lẫn con dâu con rể, thay phiên nhau ngủ chung phòng với mẹ để trông nom, hầu hạ việc ăn uống thuốc men. Vậy mà có những lúc phải cần đến những người đã không còn ở trong gia đình này nữa là Julie tới săn sóc. Tất cả chỉ biết chia nhau sống 24 trên 24 giờ bên cạnh mẹ để vợ tôi có được những ngày cuối cùng không lúc nào thấy cô đơn.

Ngày nhà tôi mất, sau khi chúng tôi cho đăng cáo phó, bạn bè ở khắp nơi trên thế giới gửi có tới cả trăm bức điện thư (e-mail) để chia buồn.

Các báo, từ những tờ **The Register, Người Việt, Việt Báo Kinh Tế, Thế Kỳ 21, Văn Hoá, Khởi Hành** ở Orange County, CA USA...

... cho tới những tờ **Việt Nam Tạp Chí, Toronto, CANADA, Ngày Nay, Houston, TX USA, Phố Nhỏ, Washington DC USA, Chiêu Dương Sydney, NSW Úc, Người Việt Brisbane, Queensland Úc, MeKong Tokyo Nhật...** đều có bài viết về sự ra đi của nhà tôi.

Ngày an táng, hơn 400 vòng hoa phúng viếng được gửi tới, treo chặt trên bốn bức tường nơi nhà quan của PEEK FAMILY FUNERAL. Trước khi đưa nhà tôi ra nghĩa trang để hạ huyệt, trong khi nắp quan tài chưa đóng lại, tôi gọi các con tới trước linh cữu mẹ rồi cho mở máy phát thanh để mọi người nghe vợ tôi hát bài **Bà Mẹ Quê**, bài này được thu thanh tại Saigon cách đây khoảng gần 50 năm. Thật là như chuyện trong mơ là vì làm sao mà sau một thời gian dài như thế, trải qua biết bao nhiêu biến cố ở trong hay ở ngoài nước, tôi còn giữ được cái cassette này và mới hôm qua, tìm ra được nó trong số hàng nghìn cuốn băng ?

Trước hết tôi thưa với mọi người rằng tất cả những bài hát về mẹ của tôi đều lấy hứng từ hai người đàn bà là mẹ tôi và vợ tôi. Rồi tôi mời các con và hai ba người thân quyến của gia đình (Thái Thanh, Mai Hương...) cùng các nghệ sĩ có mặt trong tang lễ (Nhật Trường, Duy Khánh...) ra đứng trước linh cữu để cùng hát cho vợ tôi nghe bài **Mẹ Trưng Dương**.

Việc tiễn đưa vợ tôi về bên kia thế giới bằng hai bài hát về **Mẹ** này đã làm cho nhiều người khóc, kể cả Thượng Tọa Pháp Châu là vị chủ lễ an táng.

Đáng lẽ cho đăng báo một lời cảm ơn với mọi người thì tôi đã gửi bức thư cảm ơn sau đây cho hầu hết những người đã chia buồn trước cái tang lớn của gia đình tôi. Đây cũng là lời tiễn biệt đối với người vợ thân yêu, vì số mệnh, phải bỏ tôi ra đi.

Midway City, ngày 16 tháng 8 1999

Cảm ơn các bạn đã có những lời phân ưu đến với gia đình tôi vào những ngày tang tóc này, như những lời an ủi huyền diệu.

Nhà tôi ra đi rất êm ái như đã êm ái đến với cuộc đời quá huyền ảo này. Êm ái lớn lên trong bóng mát của cha mẹ, êm ái đi vào cuộc chiến, đi vào hai cuộc tình rồi êm ái đi vào hôn nhân. Thành người vợ, người mẹ một triệu lần êm ái, rồi cùng chồng con và biết bao nhiêu tổ ấm khác, êm đầm ruối rong di tản trong nước rồi lưu vong trên thế giới. Êm ả và âm thầm ngay cả trong cuộc hẹn hò với bạo bệnh và tử thần từ nhiều năm qua...

Đầu năm nay, sau khi từ bệnh viện về nhà và biết rõ số phận mình, nhà tôi có đủ thời gian để ôn lại chuyện đời. chuyện nhà và trời trần với chồn con. với anh em ruột. và cùn dăm

ba người bạn vong niên...

Bà cũng biết rằng bà đã có may mắn, trong 50 năm nước nhà tan tác, dù cũng như nhiều người khác, phải ba bốn lần bỏ nhà bỏ cửa ra đi... nhưng bà chưa hề phải xa chồng một ngày, chỉ bị xa con ít lâu rồi lại đoàn tụ. Bà luôn luôn được sống chung dưới một mái nhà với chồng, với con, với cháu cho tới ngày tận số.

Là chủ gia đình nhưng chưa bao giờ bà phải lo lắng hay vất vả vì sinh kế, bà chỉ sống để làm người vợ đại lượng và hiền lành nhất vùng, người mẹ bao dung và hiền hậu nhất xóm với nhiệm vụ là bà tiên nữ của các con và trách nhiệm là vị Thần Hộ Mệnh (hay Bà Chúa Ngục) của chồng.

Bà là người mẹ không biết dùng roi với con. Bà là người vợ trong 50 năm chung sống với chồng không một lời nói nặng. Bà là sự nâng đỡ của tôi trong phen sa ngã, là sự thanh bình của tôi trong nhiều sóng gió, là sự thành công của tôi trong cơn vật vã với đời, là nụ cười của nàng Mona Lisa kín đáo, đậm đà của gia đình này. Nhà tôi ra đi với nụ cười lặng lẽ đó...

Về phần tôi, vào đúng ngày Tết Nguyên Đán năm nay, khi bác sĩ khám phá ra nhà tôi bị ung thư phổi và không thể sống quá một năm, tôi đã bị chấn động tinh thần, mất ăn, mất ngủ, sụt 13 pounds và phải đi khám tổng quát tim, phổi, gan, dạ dày... xem có bị ung thư hay không ?

Kết quả là cơ thể không hề hấn gì nhưng tinh thần thì suy sụp. Tôi đã phải đình chỉ mọi hoạt động văn nghệ dù có những "shows" đã "booking" từ lâu. Suốt tám tháng trời cùng với các con lo việc chữa bệnh cho nhà tôi, thay phiên nhau trông nom bà trong bệnh viện hay khi đưa bà về nhà điều trị, tôi cũng dần dần lấy lại được sự thăng bằng trong đời sống, dù lúc nào cũng có một tảng đá lớn đè trên ngực mình.

Bây giờ thì nhà tôi đã nhẹ nhàng ra đi, tảng đá kia đã cũng nặng nề đổ xuống, lo xong việc chôn cất cho vợ là tôi có thể thành một người tự do hơn trước, vì đã làm xong bốn phận người chồng. Các con tôi cũng đã quá khôn lớn, bây giờ tôi sắp sửa được trở về cái cõi cô đơn truyền kiếp của người nghệ sĩ muôn đời. Tôi lại được tự do thênh thang vác đàn ngao du như trong một thuở xa xưa nào, hoa cài trên phím, tiếng cười trong dây... Xin được cảm ơn mọi người bằng nụ cười cô đơn đó./.

Phạm Duy...

Hai tháng sau ngày an táng, tôi đi bác sĩ để được khám sức khoẻ nói chung thì được biết áp huyết lên rất cao, phải vào bệnh viện tim để tìm bệnh. Nếu một huyết quản bị tắc thì thông bằng cách luồn ống thông từ háng tới nơi bị tắc. Nếu nhiều huyết quản bị nghẽn thì phải mổ tim để thay thế, phương pháp trị liệu này được gọi là *bypass*. Khi vào bệnh viện chuyên về tim tại Long Beach thì được biết tất cả những ống đưa máu vào ra trong tim tôi đều bị nghẽn, bác sĩ bắt phải mổ ngay.

Vào bệnh viện khoảng 1 giờ trưa, khám bệnh xong, bác sĩ quyết định giải phẫu, tôi được đánh thuốc mê...

... khi tỉnh dậy vào khoảng 7 giờ chiều thì tim đã mổ xong, năm huyết quản đưa máu vào tim được thay thế bằng "ống tĩnh mạch" (veine) lấy từ bắp chân trái.

Trong hơn 20 ngày nằm trong bệnh viện, ngay chuyện ngồi dậy cho nữ y tá đo áp huyết hay để gắn kim vào ống nước biển cũng làm tôi mệt vô cùng. Đi tiểu tiện hay đi đại tiện là một cực hình. Nữ y tá lại còn bắt tôi phải đi bộ 20 phút mỗi ngày, khi cô ta dắt đi, khi thì đi một mình. Trong suốt đời tôi, chưa bao giờ tôi phải chống chọi với mình như bây giờ.

Rồi tôi được cho về nhà. Người già mà mổ tim thì thường hay bị những bệnh "hậu giải phẫu" (post operatoires) như yếu phổi, tiểu đường... Nhưng tôi theo đúng lời dặn của bác sĩ, tập thở nhiều, tập đi bộ nhiều, ăn uống kiêng khem. Hai vết thương ở ngực và ở chân không bị nhiễm trùng vì tôi xưa nay rất lành da. Chỉ một tháng sau ngày mổ tim là tôi đã đi lại như thường. Và điều quan trọng hơn, tôi đã có một trái tim mới. Tôi khoẻ ra và chuyện buồn vì vợ chết không làm tôi quá tiêu cực nữa. Sự phản ứng ghê gớm với thể xác đã giúp tôi phản ứng luôn với bệnh tâm thần.

Tính ra, từ ngày qua Mỹ, tôi bị giải phẫu và bị đánh thuốc mê nhiều lần : một lần để đốt cái sẹo trên phổi, một lần để cạo prostate, một lần để khám ruột, lần cuối cùng và lâu nhất để mổ tim... mỗi lần là coi như đã chết trong khoảng thời gian từ một giờ tới nửa ngày. Tôi biết thế nào là chết và không sợ chết nữa.

Hai tháng sau ngày giải phẫu, tức là đầu mùa Xuân năm 2000, tôi cùng các con đáp máy bay về Việt Nam.

*Ôi ơn đời mãi mãi  
Thoát thai theo đời, vun sỏi  
Lớn lên trong vườn ân ái muôn đời...*  
**Tạ Ơn Đời**

## **Chương Hai Mười Chín**

### **Những Lời Cuối**

Thế là xong. Trước khi tôi trở về cát bụi, HỒI KÝ 4 đã kịp hoàn tất để tôi kể nốt chuyện đời mình trong quãng cuối.

Nhưng viết gì thì viết, viết ra được lời tạ ơn đời trong khi mình còn sống mới là cần thiết. Tôi mang ơn cha mẹ, sinh tôi ra để chỉ biết hồn nhiên ca hát cho đời thêm sắc, thêm hương. Tôi mang ơn người vợ, ở với tôi trong 50 năm trời, tuy bốn lần chạy loạn nhưng lúc nào cũng có nhau, đối với tôi bao giờ cũng là một nguồn an ủi lớn. Tôi mang ơn cả lũ con, không lúc nào xa tôi cả, cho tôi sự đầm ấm cần thiết trong cuộc đời cũng có khi lạnh lẽo. Mang ơn bạn bè, những bạn lữ thú không mỗi một cùng đi trên những con đường mưa nắng dãi dầu. Mang ơn những người tình, những người yêu, nhưng chưa đủ, còn phải mang ơn cả những người thù nữa. Mang ơn từ ngọn cỏ, cội hoa tới viên sỏi, đá cuội, không có "em" thì không có "anh".

Đọc cả bốn tập **Hồi Ký** của tôi, có thể có bạn đọc nghĩ rằng vì tôi nói tới tôi nhiều quá rồi cho tôi là kẻ tự kiêu, tự mãn. Thưa không phải thế đâu ! Trong một chương trước, tôi đã có dịp tâm sự rằng : những éo le của Việt Nam đã đẩy tôi -- và hình như cả

giới nghệ sĩ -- vào con đường một chiều, một nẻo. Tôi lại là một kẻ không ngoan ngoan, cứ chỉ muốn được thăng thang đi trên lộ trình tự do của mình. Viết ra cả trăm câu nghìn chữ như thế này, chẳng qua chỉ là phản ứng tự nhiên của một nghệ sĩ phải tự sinh tự tồn từ thời trẻ đến già mà thôi.

Nhiều khi tôi tự hỏi : trên 25 năm nay được cái may -- lúc đầu một nhọc mưu sinh, về sau an cư lạc nghiệp -- tới sinh sống tại một nước giàu sang nhất thế giới là Hoa Kỳ, tại sao không sống bình thản với cái mất, cái còn, cái thua, cái được trong cuộc đời rất nhiều tiện nghi này ? Mà cứ không chịu quên mình là người Việt Nam, lúc nào cũng sốt ruột sốt gan, lúc nào cũng đứng núi này trông núi nọ để được "khóc cười theo mệnh nước", cứ mãi mãi là anh bán thịt lợn mang hồn Trương Ba ? Cứ viết Hồi Ký ?

Thế rồi tôi nhìn ra sự thật : tôi chỉ là *anh chàng chạy theo cái bóng của mình*. gần như suốt đời.

Cho tới khi tôi biết bỏ loại "nhạc ảo ảnh quê hương" để soạn **Rong Ca**, là tôi bỏ được tôi, bỏ được cái nhất thời để đi tìm cái vĩnh cửu. Rồi khi soạn xong **Thiên Ca** là tôi giác ngộ vì tìm được chữ "quên", tôi không còn "vọng động" nữa. Nhà tôi qua đời, tìm tôi mồ xong là tôi tái sinh, tôi được giải thoát. Khắc khoải cuối cùng cũng đã ra đi với sự tôi trở về đứng trong căn nhà thời thơ ấu ở 54 Phố Hàng Dầu (nay đổi tên là Phố Lò Sũ) Hà Nội để hoàn tất chu kỳ một đời lang thang. Còn mong gì hơn nữa ? Còn làm gì hơn được nữa ? Nếu còn chút ràng buộc, đó chỉ là món nợ nhỏ phải trả cho xong : **Hồi Ký 4** và **KIỀU Phần 2**.

Nay thì **KIỀU Phần 2** và **Hồi Ký 4** đã hoàn thành, lời hứa đã đúng hẹn và đây là lúc tôi xin được buông rơi tất cả. Buông bút, treo đàn, hạ màn nhung, cởi áo tuồng, chùi phấn son, tắt đèn, rời sân khấu... Tôi buông rơi hết, không có nghĩa là tôi chối từ những gì tôi đã làm ra trong dĩ vãng. Tôi vẫn chịu trách nhiệm về từng soạn phẩm của mình, nhưng tôi sẽ không còn đứng giữa chợ đời để nhận lời khen hay tiếng chê đến từ bất cứ ai, từ bất cứ đâu, cho bất cứ loại nhạc gì !

*Cầm bằng cho gió cuốn bay đi, tất cả !*

Bây giờ thì tôi mới thật sự là :

... vui một mình tôi đi !  
(Câu chót của Bình Ca số 2, **Sống Sốt Trở Về**)

---

**HẾT**

